

Châm-Vô NGUYỄN-VĂN-TẦN

Tổ-nhiếp Nhật-ngữ

Trường Quốc-Gia Sinh-ngữ — Saigon.

NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC

QUYỂN I

Từ Thượng - cổ thời - đại đến

Quý-tộc chuyên quyền thời - đại.

ĐỀ KỶ-NIỆM :

— Thời-đại ĐỘC-LẬP nên việc Học được mở tung cho mọi chí hướng.

— Khóa Tốt-Nghệp đầu tiên KỶ-HỢI —
(1959) — lớp NHẤT-NGŨ Trường
QUỐC-GIA SINH-NGŨ tại SAIGON.

ĐỀ GHI NHỚ :

Những mối hảo giao về Văn-Học với các ông :

- KUROKI YOSHINORI — (Hắc-Mộc Nghĩa-Điền)
- SUGIYAMA TSUYOSHI — (Sam-San Cương)
Giáo-sư NHẬT - NGỮ Trường QUỐC - GIA
SINH-NGỮ tại SAIGON.
- YOSHINO TAKASUKE — (Cát-Dã Long-Tái)

Một công-dân nước Việt-Nam Cộng-Hòa.

CƠ SỞ BÁO CHÍ VÀ XUẤT BẢN TỰ-DO

Đã in :

- BIỂU NHẤT LÂM VĂN HỌC CẬN ĐẠI,**
biên khảo của Thanh-Lãng, giá 40đ.
- MƯA ĐÊM CUỐI NĂM,** truyện ngắn của Võ-Phiến, giá 22đ.
- QUAN ĐIỂM VỀ MẤY VẤN ĐỀ VĂN HÓA,**
tiểu luận của Phạm-Việt-Tuyền, giá 30đ.
- HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ,**
nguyên tác của Ngô-thời-Chí, bản dịch của Ngô-tất-Tố, giá 55đ.
- DÌ MƠ,** truyện dài của Đỗ-Thức-Vĩnh, giá 40đ.
- TRƯỚC VÀNH MÓNG NGỰA,**
phóng-sự của Hoàng-Đạo, (in lần thứ hai), giá 30đ.
- LIÊU TRAI CHÍ DỊ,**
nguyên-tác của Bồ-Tùng-Linh, Nguyễn-Hoạt dịch, giá 40đ.
- LUÂN-LÝ CHỨC NGHIỆP,**
biên khảo của cụ Nguyễn-gia-Tường, giá 20đ.
- DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH,**
truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ, giá 22đ.
- NGƯỜI XƯA,** (giải thưởng văn chương 1957)
của Trần-dinh-Khai, giá 40đ.

- **MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM**, tiểu luận của Hoàng-Đạo, giá 12đ.
- **KIM TIỀN**, kịch của Vi-huyền-Đắc, giá 20đ.
- **GIẢI-NHÂN VÀ CHÂN-LÝ**,
tiểu-thuyết của La-văn-Thu, giá 40đ.
- **THƠ ANH HOA**, (giải thưởng văn-chương 1957)
của Phạm-mạnh-Viện, giá 20đ.
- **TỪ TINH VĂN ĐẾN CON NGƯỜI**,
biên khảo về khoa học của Nguyễn-Tuấn, giá 40đ.
- **NHẬP ĐỒ-THÀNH**,
kịch thơ lịch sử của Hoàng-Lý, giá 20đ.
- **BÙN LẦY NƯỚC ĐONG**,
tiểu luận của Hoàng-Đạo, giá 20đ.
- **NHẠC SĨ DANH TIẾNG HIỆN ĐẠI (Tập I)**,
phê bình về âm nhạc của Lê-hoàng-Long, giá 40đ.
- **PHƯƠNG ĐÌNH DUY ĐÌA CHÍ**,
nguyên tác của Nguyễn-Siêu,
bản dịch của Ngô-Mạnh-Nghinh, giá 55đ.
- **ÁC MỘNG**, tiểu thuyết của Ngô-xuân-Phụng, giá 25đ.
- **NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC (Quyển I)**,
của Chậm-Vũ Nguyễn-văn-Tân, tốt-nghiệp
Nhật-ngữ trường Quốc-gia Sinh-ngữ Saigon.

Sẽ lần lượt ấn hành :

- **TÔI TỰ HỌC**, biên khảo của Nguyễn-duy-Cần.
- **SAIGON XƯA VÀ NAY**,
biên khảo của Vương-Hồng-Sên.

Các tác phẩm của nhiều nhà văn-nghệ, khảo cứu hữu danh khác.

Thư từ, xin đề : **PHẠM-VIỆT-TUYỀN**
Ngân phiếu, xin đề : **KIỀU-VĂN-LÂN**

25-27-29 Võ Tánh, Saigon — Hộp thư : 653 — Giấy nói : 25.521.

Lời nhà Xuất bản

Nhật báo *TỰ DO* tục bản đến nay đã được hơn hai năm. Nhờ sự đóng góp thiết thực về mặt vật chất và cao quý về phương diện tinh thần của bạn đọc thân mến, cơ sở mỗi ngày một tương đối vững vàng hơn. Để đền đáp phần nào sự chiêu cổ ân cần của đồng bào các giới, chúng tôi quyết định từ nay sẽ hoạt động thêm về ngành xuất bản.

Ngành xuất bản này sẽ cung cấp những món ăn tinh thần mà một tờ báo hàng ngày, dù muốn, cũng không thể làm được. Những sách sẽ ấn hành có thể thuộc về đủ các loại như sáng tác (truyện ngắn, truyện dài, kịch, thơ, tùy bút), biên khảo (về văn học, triết học, xã hội, lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị), dịch thuật (cổ ngữ hoặc sinh ngữ)...

Nội dung và hình thức của các sách ấy tùy thuộc hoàn toàn ở các nhà trước tác, kể từ những văn hữu văn đã nhiều ít cộng tác với nhật báo *Tự-do* cho đến những tài năng mà xưa rày chúng tôi chưa từng có hân hạnh được nhận sự đóng góp trực tiếp.

Riêng phần nhà xuất bản, chúng tôi chỉ làm công việc lựa chọn theo chủ trương « tự do » của Cơ Sở chúng tôi và theo các nhu cầu thiết yếu nhất của mọi tầng lớp công chúng.

Kể từ đầu năm dương lịch 1959 này, ngành xuất bản của *Tự Do* sẽ ấn hành mỗi tháng ít nhất là một cuốn sách.

Chúng tôi sẽ cố gắng để làm cho sách in ra mỗi ngày một hay hơn về nội dung, mỗi ngày một đẹp hơn về hình thức và nhất là mỗi ngày một hạ hơn về giá bán.

Khẩu hiệu trên đây không phải là dễ có thể thực hiện. Nhưng chúng tôi nhất định sẽ dần dần thực hiện, vì tin tưởng ở sự gom công, góp sức của các tác giả, của các nhà sách, nhất là của những chủ nhân tinh thần của chúng tôi tức là công chúng độc giả và toàn thể đồng bào các giới. Xin mời các bạn cùng viết, cùng làm, cùng phổ biến và cùng thương thức những món ăn tinh thần mà chúng tôi có hân hạnh trình bày.

Saigon, một ngày cuối năm 1958.

Sau một năm hoạt động

Rút kinh nghiệm thêm, sau một năm trời hoạt động, chúng tôi thấy rằng : công việc xuất bản các loại sách phổ thông, như Cơ sở Tự do đang theo đuổi, hiện còn vấp phải nhiều khó khăn khá phức tạp, nhất là về mặt thương mại.

Tuy nhiên, đã nhận nại chịu đựng được một thời gian, chúng tôi sẽ tiếp tục cố gắng trong tin tưởng. Cơ sở Tự do tin tưởng tiến về tương lai, một phần cũng là vì, ngay trong năm vừa qua, chúng tôi đã dần dần được sự cộng tác đắc lực của các văn hữu và sự hưởng ứng nhiệt thành của quý vị độc giả ở trong nước cũng như ở hải ngoại.

Số tác phẩm gởi về ngày một thêm, chúng tôi sẽ xuất bản mỗi tháng hai cuốn, kể từ đầu năm 1960. Cũng kể từ nay, ngoài các loại sách như đã được in ra, Cơ sở Tự do định xúc tiến mạnh hơn về hai mặt Khoa học và Thực nghiệp. Để đáp lại thịnh tình cao quý và thiết thực của các bạn viết cũng như các bạn đọc bốn phương, chúng tôi quyết tâm càng ngày càng cố gắng thực hiện khẩu hiệu đã được đề ra : sách hay, in đẹp, giá rẻ.

Với sự gom công góp sức của các nhà trước tác và của công chúng độc giả, Cơ sở chúng tôi hi vọng tới đầu năm 1961 sẽ có thể hoạch định và thực hiện một chương trình mỗi ngày một hữu ích hơn đối với quốc gia, xã hội.

Saigon, tháng 12 năm 1959

Cơ sở Báo chí và Xuất bản Tự do

Mày lời tự-sự

Trong hơn một thế-kỷ qua, khi hầu hết các quốc-gia tại Á-Châu bị đắm chìm dưới thao túng hoặc trực-trị của Âu-Châu để gây mặc cảm khinh bạc các dân-tộc Á-châu của người da trắng thời trong giống da vàng có một quốc-gia đã dội những tiếng nổ lớn làm tan vỡ lòng khinh bạc đó và gây bàng hoàng lo ngại cho Âu-Châu : quốc-gia ấy là Nhật-Bản.

Kể cái thành-tích tự cường của người Nhật-Bản có nhiều điểm lạ. Đương là một nước đóng cửa ngủ lì với những tập tục cổ lỗ, khi trời dậy mở cửa là thoát sức, đốt cháy giai-đoạn bắc cầu để theo kịp nếp sống mới ; tranh hùng ngay với các đại cường-quốc. Đây là một điểm lạ.

Đất đai hẹp bề ngang, núi và đảo chiếm mất bảy phần mười ruộng đất, nguyên liệu rất ít, quân bình diện-tích đất ở cho nhân-khẩu thời là xứ đông dân cư nhất thế-giới nên thường thiếu ăn, gia đình hừng chực

hàng năm những thiên tai như động đất, bão lụt, hỏa hoạn cũng rùng rợn vào bậc nhất thế-giới, vậy mà vai gánh khó khăn thiếu thốn để chân bước lên đài hùng cường. Đây là hai điểm lạ.

Đương là những người chỉ quen với cái cày, cái cuốc thô sơ, khi bắt tay vào kỹ-nghệ cơ-khí là sản xuất nên những mặt hàng khéo, đẹp, và đặc-biệt của loại « hàng Nhật » khiến không một nước nào vượt nổi để cạnh tranh lại ngoài phương pháp đóng kín cửa bể không cho nhập nội. Đây là ba điểm lạ.

Tìm hiểu những điểm lạ đó, nhất là từ sau 1904, thế-giới đua nhau nghiên-cứu và mổ xẻ để trước thuật, phổ bày mọi sở trường và khả năng của người Nhật. Riêng trong ngành văn-học Pháp vốn gần gũi nhất với V.N. ta trong thời gian qua, chúng tôi thấy khó mà đọc hết các loại sách khảo-cứu của nước này về đất nước Phù-Tang.

Thế-giới ở xa thời khảo-cứu đến, viết đến, nói đến đã nhiều và đã lún rồi về dân-tộc duy nhất này, trong thế-kỷ qua đã vẫn hồi danh-dự cho Á-Đông thời V.N. chúng ta. với Nhật-Bản vốn đồng chủng lại gần nhau, cùng lấy Hán-tự làm quốc-tự, vậy mà đối với văn-học của nước này, đến bây giờ ta vẫn còn bỡ ngỡ lạ lùng. Thiển kiến thấy rằng, sự bỡ ngỡ này do hai nguyên-nhân :

— Sự độc tôn Khổng-học cùng văn-hóa Trung-Quốc của tiền thời các Vương-triều độc-lập. Sỹ-phu các triều đại ấy tự mãn với KINH, THƯ, TRUYỆN rồi đóng cửa học-vấn, ngồi tốt ngắm hoa vịnh nguyệt trong tháp ngà.

— Sự đóng cửa biên-giới để độc chiếm mọi quyền lợi, kể cả quyền lợi về văn-hóa của thời Pháp trị.

Vì bỡ ngỡ, không những đã khiến cho nền văn-học của ta thua lương kém sắc, còn đưa đến nhiều thiệt thòi khi quân-đội Nhật vào V. N. ở 1940-1945. Hai dân tộc lạ tiếp xúc nhau buổi đầu, vấn đề thông hiểu ngôn ngữ, phong-tục, tính tình của nhau để giao-dịch là tối yếu cho quyền lợi và quốc-thể, vậy mà ta đã không có người xứng đáng đảm đương nên nhiệm-vụ nặng nề này lọt đến bọn lái cá lái rau đương nhiên tri: nên những thông-dịch bất-đắc-đi khiến quân-đội Nhật đã kiểu làm nhiều về người Việt. Tình trạng ấy đã đem lại hậu quả không hay cho bao nhiêu dân lành của ta phải lường chịu.

Cũng vẫn do sự bỡ ngỡ đó mà khi ta muốn tìm hiểu người Nhật, ta không thể lần qua chính-thư của họ được, đều phải bắc cầu qua ngoại-thư Pháp và Trung-Hoa.

Ngày nay, kể từ sau đệ-nhị thế-chiến, cục diện thế-giới xoay chuyển sang giai-đoạn mới, năm Châu thấy cần sát cánh nhau hơn, không một nước nào còn có thể sống cô lập, yếu mạnh đều phải tựa lẫn nhau cho cùng có thể trường tồn nên sự thông đạt ngoại-ngữ, ngoại văn, không những chỉ thiết yếu trên phương-diện liên lạc để chấn hưng văn-học mà còn cần cho nhu cầu của giữa các Chính-Phủ, các xã-hội và cá-nhân con người. Riêng V. N. với Nhật-Bản, chúng tôi tưởng, sự giao tiếp ở tương-lai sẽ rộng mở trên nhiều phạm vi hơn nữa.

Đã từ năm 1956, nghĩa là chỉ một năm sau tranh thủ được chủ-quyền, Chính-Phủ ta đã san sóc ngay đến việc mở rộng cửa văn-học cho mọi chi hướng tự-do về ngoại-ngữ bằng tổ-chức Trường QUỐC-GIA SINH-NGŨ với sự hợp tác của Tòa Đại-Sứ các nước bạn tại Saigon. Chúng tôi nhờ được sự đào tạo của Trường này, tay trình-độ cao hơn thời trường chưa có phương tiện nhưng cũng giúp chúng tôi xem nổi một vài loại chính-thư của Nhật-Bản. Khi so sánh những chính-thư này với các sách của ta — (cả khảo-cứu lẫn giáo-khoa) — nói về nước Nhật hiện đương phát hành do tham khảo qua ngoại-thư Pháp, chúng tôi như người sực tỉnh sau giấc mơ dài ngày. Tài ra sai lầm rất nhiều. Có thể nói rằng, mỗi trang là mỗi sai lầm, nặng nề đưa đến ngổ ngập. Cả đến báo-chương cũng vậy, có bài chỉ rút một thí-dụ về Nhật-Bản để minh chứng cho bài thời thí-dụ lại trật.

Chúng tôi vẫn nhớ cách đây khoảng ngót 30 năm, thi-sỹ Thao-Thao — (tức Cao-bá-Thao, giong dõi Cao-bá-Quát) — thường ca tụng lối thơ một câu gọi là thơ Hai-kai của Nhật. Thi-sỹ đã từng phóng theo, cũng làm thơ: « một câu 10 chữ » thường đăng trên báo chương ở Hà-Nội hồi ấy.

Đến ngày nay, chúng tôi mới vỡ ra cái lầm đó. Thế thơ HAIKAI — (Bài-Hài hay Bài-Cú) — gồm 3 đoạn: 5, 7, 5, cộng 17 âm vận. Nếu theo lối viết thơ của ta thời 3 đoạn thành 3 giong, nhưng người Nhật bao giờ cũng viết cả bài HAIKAI chỉ một giong, có khi mỗi đoạn để cách nhau khoảng một chữ, có khi viết liền, khiến dễ ngộ-nhận là thế thơ một câu nếu chưa rõ qua về thi-pháp Nhật-Bản.

Nguyên-nhân của sự sai lầm do nhiều đầu mối nhưng nếu sai lầm không ảnh hưởng đến quốc-dân thời quả tình không dám nêu ra. Sách báo là của chung, sách báo chứa đựng tình-hoa của dân-tộc, vậy đứng ở phương diện này, sai lầm của sách báo là sai lầm chung, nên đại phạm hữu tâm với dân-tộc tất ai cũng đồng ý với chúng tôi phải cấp thời sửa lại, khi ta đã có hoàn cảnh.

Xét những sai lầm của ta về sự việc Nhật-Bản chỉ là lý do đương nhiên, vì trong một thế-kỷ nay ta chỉ quen với văn-học Pháp mà những sai lầm thời đã gốc từ nền văn-học này kia rồi. Chúng tôi chưa được xem những sách của Quang-quân tham khảo để viết nên cuốn : (Chính-Trị Nhật-Bản từ 1854 đến 1954), ở đây xin đơn cử một đoạn nói về Nhật-Bản trong cuốn tự-điển NOUVEAU PETIT LAROUSSE ILLUSTRÉ xuất-bản năm 1951 :

— « ... L'histoire authentique du Japon commence au VII^e siècle, quand YORITOMO obtint la dignité de Shôgoun. Cette dignité étant devenue héréditaire, la lutte s'engagea entre Mikado et Shôgoun ; finalement — (fin du VIII^e siècle) le mikado ne fut qu'un souverain spirituel et le pouvoir militaire passa tout entier aux mains de Shôgoun... »

Chúng tôi xin tạm dịch : — «... Lịch-sử xác thực của Nhật-Bản được kể từ thế-kỷ thứ VII, khi YORITOMO — (Lại-Triều) — đoạt được chức Shôgoun — (Tướng-Quân) —. Chức này rồi trở nên thế-tập và tranh chấp xảy ra giữa Thiên-Hoàng với Tướng-Quân để kết thúc ở cuối thế-kỷ thứ VIII bằng việc Thiên-Hoàng chỉ tồn tại trên danh-nghĩa tinh-thần, còn binh-quyền thời về tay Tướng-Quân nắm cả... »

Sai lầm mà đặt sự việc của Lại-Triều lộn nhào đến cách biệt nhau 5 thế-kỷ thời sai lầm đến thế là cùng. Ấy cái thiệt thòi về nghiên-cứu việc nước này là đi tham-khảo qua sách vở nước khác, đại loại là như thế. Cho nên lời cổ-nhân : — « Người làm văn-học mà sai lầm thời di hại đến muôn đời » là chí lý.

Trên đây là những sai lầm về chính cương của tài-liệu, lại còn những lộn xộn về sử dụng danh-tự riêng về người và đất đai của Nhật-Bản nữa. Sự lộn xộn này, chúng tôi nhận thấy đã từ mấy chục năm nay rồi, từ trên các báo chương cũ xưa ở Hà-Nội đến sách vở bây giờ. Về

tên người, chỗ thì có họ nhưng không tên, chỗ thì có tên nhưng không họ. Thường chỉ trong một đoạn văn cần nói đến nhiều người nhưng tên người này thì viết tên Nhật theo phiên âm ra chữ La-Mã — (Romaji) — như lối thường dùng của người Âu-Châu mà đến tên người thứ hai thì lại phiên âm chữ Hán — (Kanji) — của Nhật ra tiếng Việt. Đến tên các địa-phương cũng tương tự, tên Nhật tên Việt lẫn lộn khiến người hiểu học không biết đường nào mà tra cứu cho hiểu được sự việc, nhân-vật hoặc địa-phương nào ghi trong sách, báo. Khuyết điểm này vẫn do khảo-cứu qua ngoại-thư Pháp hoặc Trung-Quốc vậy. Khi xem tài liệu của Pháp, gặp đặt những danh-từ viết theo La-Mã tự thời không rõ Hán-văn viết như thế nào và khi xem tài-liệu của Trung-Quốc thì lại không tường thế cách phiên-âm Hán-tự ra La-Mã tự nên cứ đánh âm Việt của chữ Hán mà viết ra mới có tình trạng lẫn lộn, không chính một thể thức nào hết.

Nay chúng tôi không quân khả năng còn kém, mạnh dạn tự nguyện làm tên lính tiền phong phá đảo, dứt xiềng của ngoại-thư Pháp và Trung-Quốc bằng đi thẳng vào tài-liệu các chính-thư Nhật-Bản để trình chánh bộ « NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC » này. vừa phần để góp vào văn-đàn của ta những trang sử chính xác về nước bạn vừa phần để độc-giả có căn cứ đính chính những sai lầm cũ. Chúng tôi tham khảo và trích những tranh ảnh qua những bộ sách mới nhất của Nhật-Bản, như :

- NIHON SHI : Nhật-Bản Sử
- NIHON NO MUKASHI : Nhật-Bản Chi Tích, *đầu của WAKAMORI TARO — (Hòa-Ca Sâm-Thái-Lang) —, xuất bản năm 1953 và 1956.*
- NIHONSHI SHIRYÔ SHÛ : Nhật-Bản Sử Sử-Liệu Tập của SHIBATA MINORU — (Sài-Điền Thục) — xuất bản năm 1957.
- KOKUGO SHINJIRIN : Quốc-Ngữ Tân Từ-Lâm của NAKAMURA KOYA — (Trung-Thôn Hiếu-Dã) — xuất bản năm 1959.

— NIHON CHIRI : Nhật-Bản Địa-Lý của KA. GAWA MOTOICHT — (Hương-Xuyên Cán-Nhất) — xuất bản năm 1957.

— NIHONGO DOKUHON : Nhật-Ngữ Đọc-Bản của Hội KOKUSAI GAKUYU — (Quốc-Tế Học-Hữu) — xuất bản năm 1951.

cùng một số sách dạy về khoa Xã-Hội — (SAKAI KA) — tại các trường Nhật-Bản.

Những tài-liệu trên đây do hai ông KUROKI YOSHINORI — (Hắc-Mộc Nghĩa-Điển) — và SUGIYAMA TSUYOSHI — (Sam-Son Cường) — đều là giáo-sư tại Trường QUỐC-GIA SINH-NGŨ, vì mục-đích liên lạc văn-hóa Việt-Nhật nên rất sáng mua họ. Tuy nhiên, nếu chúng tôi không được ông bạn YOSHINO TAKASUKE — (Cát-Dã Long-Tá) — nay là Thái-Long-Tá, một công dân nước Việt-Nam Cộng-Hòa, chỉ dẫn cho những đoạn cổ văn hoặc những phong-tục, ngôn-ngữ mà tài liệu không chú thích thời dù có viết nên sách những nội dung cũng thiếu sót nhiều. Nay bộ NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC này được trình chánh, chúng tôi xin ghi cùng với những giòng chữ này lòng tri ân lên Chính-Phủ đã rộng mở đường học-vấn cho dân-tộc và những cảm tình nồng hậu về hảo giao với các ông Hắc-Mộc, Sam-Son và Long-Tá vậy.

PHẠM LỆ

Trình bày nội-dung bộ NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC

Với mục-đích giới-thiệu với quốc-dân ta lối soạn Sử của người Nhật-Bản, chúng tôi phân tách các Thời-Đại xưa và nay, đồng thời ít chú trọng đến những truyền-thuyết hoang đường theo đúng quan niệm về « quốc-gia » của những sử-gia hiện đại. Cũng như bộ NHẬT-BẢN CHI TÍCH, chúng tôi phân bộ NHẬT-BẢN SỬ LƯỢC thành 4 Quyển, trình bày từ thượng-cổ đến kim thời 1959, năm mà Hoàng-gia Nhật-Bản làm cuộc cách-mạng về nhân-quyền bằng thực hiện **Hoàng-Dân hôn-phối**. Những lời bàn của sử-gia, chúng tôi cũng triệt-đề tôn trọng để quốc-dân ta thông cảm tư tưởng của tầng lớp sỹ-phu nước Nhật từ sau đệ-nhị thế-chiến 1938-1945.

Tại Quyển I, vì có pha quá nửa thời-gian về sự việc của hai thời-đại hỗn mang ức đoan và hỗn sơ vị tướng niên-gian nên

chúng tôi dịch thuật sơ lược. Từ Quyển II xấp đi, sẽ rộng mở các vấn-đề và càng giáp đến cận đại và kim thời, thời càng đi sâu vào chi tiết hơn.

Về phần diễn-tả, chúng tôi đặt những danh-tự riêng thành hệ thống phân minh cả về thê La-Mã-tự lẫn Hán-tự. La-Mã-tự đọc theo tiếng Nhật giành riêng cho những bạn muốn khảo-cứu và liền đấy thì phiên âm Hán-tự sang tiếng Việt cho những bạn đọc truyện. Ví dụ như trên kia : ông KUROKI YOSHINORI thì phiên tiếp ngay tiếng Việt là : MẮC-MỘC NGHĨA ĐIỀN vậy. Đáng lẽ chúng tôi viết kèm cả Hán-văn, nhưng Hán-văn của Nhật-Bản thường có kèm cả thê chữ quốc-ngữ HIRAGANA — (Bình-Giả Danh) — cùng đôi khi có một vài chữ riêng tựa như thứ chữ (*nom*) của ta nên e nhà in ở đây chưa có loại chữ này mới đành chỉ viết theo hai thê : âm Việt và âm La-Mã-tự. Duy viết theo âm La-Mã-tự, chúng tôi chỉ viết lần đầu, còn từ lần thứ hai trở đi viết thuần âm Việt, ví như : SUIKO TENNO — (Suy-Cồ Thiên-Hoàng) — thì từ lần thứ hai trở đi chỉ viết thuần Suy-Cồ Thiên-Hoàng, vì thiên nghĩ rằng, tiếng Nhật đã trúc trắc lại dài giòng, nếu viết thuần La-Mã-tự sẽ phiên cho phần đông độc-giả, vừa khó đọc vừa khó nhớ. Xem truyện mà không nhớ tên nhân-vật của truyện sẽ mất hứng thú. Hơn nữa, chúng tôi ước vọng, nhờ ở phiên âm Hán-tự của Nhật sang tiếng Việt mà quốc-dân ta chóng ý niệm được các nhân-vật cổ kim, kẻ hay người giỏi hoặc những danh-đô thắng cảnh của lịch-sử Nhật-Bản, cũng như ta nhớ những tên Lưu-Bị, Tào-Tháo, Tống-Địch-Thanh hay là Hứa-Đô, Xích-Bích của Trung-Quốc vậy.

Riêng đối với những bạn muốn nghiên-cứu hoặc luyện giọng nói của người Nhật, chúng tôi xin thông cảm đôi điều về cách đọc những âm La-Mã-tự có ghi trong bộ NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC này.

Tiếng Nhật nói rất nhẹ giọng, thường chỉ đót ở đầu lưỡi, nếu phiên âm của tiếng Việt vốn nói đã nặng giọng lại đủ 5 loại dấu âm thì sai cả, tỷ như năm 1940-41, nhà sách Mai-Linh ở Hải-Phòng đã làm, nhưng rồi nói mà người Nhật nghe không ra. Vậy thiên nghĩ, tốt hơn hết cứ đề theo nguyên-âm La-Mã-tự của người Nhật, tuy mình đọc có ngậm ngừng một vài lần đầu nhưng rồi sẽ quen đi. Tỷ như những chữ :

- a và i : đọc theo A và I của âm Việt.
- e : đọc theo là Ê nhưng nhẹ giọng. Nếu thấy có dấu (◌) hoặc đi kèm với chữ i như (ei) thì vẫn là Ê nhưng nặng giọng. Nếu e đi theo chữ (n) thì lại là EN của ta.
- o : đọc là Ô. Nếu có dấu (◌) như TENNÔ — (then-nô) — thì chữ Ô phải nặng và hơi dài giọng ra một chút.
- u : vừa đọc là U như BUNKA — (bun-ca) — vừa là Ừ nhưng nhẹ giọng, như ZIMMU TENNÔ — (dim-mu then-nô) —. Lại có khi hai chữ u cùng đứng trong một chữ mà chữ thì đọc là U, chữ thì đọc là Ừ, tỷ như chữ YURUYAKA NA SHIMPÔ thì đọc là I-Ừ-RU I-A-CA NA SIM-PÔ (nghĩa là : khoan khoan chỉ tiến-bộ : bước tiến chậm chạp). Tuy trong La-Mã-tự của Nhật không hề có ghi dấu phân biệt U với Ừ như ta, nhưng lúc đọc lại có đôi chút phân biệt. Đây là cái công phu chịu tập nói và chịu nghe của người nghiên-cứu để tự tu lấy khả năng của mình mà thôi.
- ô : đọc hơi nặng giọng, nhưng lơ lơ giữa Ừ và Ừ.
- an : chỗ thì đọc là ANG của ta, như MAN.YO-SHU thì đọc là MANG-I-Ô SY-Ừ (nghĩa là : Vạn-Điện Tập — quyển sách Vạn-Tô) — ; chỗ thì đọc là ẮNG của ta, như MAM-SHU GÔ thì đọc là MẮNG.SY-Ừ GÔ (nghĩa là Măn-Châu ngữ) ; chỗ thì đọc là AN của ta như HEI-AN JIDAI thì là HÊ AN GI ĐAY (nghĩa là Bình-An thời-đại) v.v...
- ia : đọc là i-a.
- ie : đọc là i-ê.
- in : đọc là IN của ta, nhưng nếu đứng trước chữ m hay chữ p thì đọc là IM.
- iu : đọc là I-Ừ của ta, nhưng ở RIU-KIU THÔ (đảo Lưu-Cầu) hay ở KIU-SHIU (đảo Cửu-Châu) thì đọc như IỪ của ta.

- en : đọc là EN của ta, nhưng đứng trước chữ m hay p thì lại là EM, như KEN-PQ thì đọc là KEM-PÔ (nghĩa là Hiến-Pháp).
- on : đọc như ÔNG của ta.
- d : đọc như đ của ta.
- ge : đọc như GHỀ của ta.
- gi : đọc là GHI của ta.
- hi : có chỗ đọc là KHI, là KHI của ta ; có chỗ lại là SHI, như tên Hoàng-tử AKIHITO thì đọc là A-KI-SHI-TÔ.
- hu : đọc là FU.
- jô, ju : đọc là GIÔ hay GIU của ta nhưng nặng giọng hơn.
- na, ne : đọc là NA, NÊ của ta.
- ni : đọc là NHI của ta.
- nin : đọc là NHIN của ta.
- ra, ri : đọc như RA, RI của Pháp.
- sa : đọc nhẹ giọng hơn XA của ta.
- sha : đọc gần nặng như CHAT của Pháp.
- shi : đọc như SI của ta.
- shô : đọc gần nặng như CHAUD của Pháp.
- shu : đọc gần nặng như CHOUX của Pháp.
- ta : đọc là TA hay THA. Chỗ nào đáng đọc là THA chúng tôi viết thẳng TH.
- to, tô : đọc là TÔ hay THÔ. Chỗ nào đáng đọc là THÔ chúng tôi viết thẳng TH.
- tsu : đọc như CHU của ta nhưng thực nhẹ giọng, để hai hàm răng gần sát nhau và hơi dớt một chút ở đầu lưỡi thôi.
- wa : đọc như OA của ta.
- wo : đọc như Ồ của ta.
- yo : đọc là y-ô.
- byô : đọc là BIÊU của ta.

- **hyô** : đọc như KHIÊU của ta.
- **gyô** : đọc như GHIÊU của ta.
- **ryô** : đọc là ĐIÊU hay uốn lưỡi như RIÊU.
- **||ô, |yô** : đọc là JO của Pháp.

Ngoài ra, đề độc-giả rõ được vị-trí các khu, các xứ với những thủ-đồ cổ kim, cùng sự phân chia đất đai tùy theo biến chuyển của mỗi thời-đại, chúng tôi đều có trình bày nhiều bản-đồ kèm theo những hình ảnh tiêu biểu cho mỗi giai-đoạn tiến triển về văn-hóa xưa và nay.

QUAN NIỆM VỀ SỬ-HỌC GIỮA NGƯỜI VIỆT VÀ NGƯỜI NHẬT

Đề rõ quan-niệm về sử-học giữa hai dân-tộc, chúng tôi xin mượn lời TỰA cuốn VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC của cụ TRẦN-TRỌNG-KIM đã nói lên đúng như lời TỰA của ông HÒA-CA SÂM THÁI-LANG trong bộ NHẬT-BẢN CHI TÍCH. Cụ TRẦN nói :

« Sử là sách không những chỉ để ghi chép những công việc đã qua mà thôi, nhưng lại phải suy xét đến gốc ngọn, tìm tòi cái căn nguyên những công việc của người ta đã làm để hiểu cho rõ những vận hội trị hay loạn của một nước, những trình-độ tiến hóa của một dân-tộc. Chủ đích là để làm cái gương chung cho người cả nước được đời đời soi vào đấy mà biết cái sự sinh-hoạt của người trước đã phải lao tâm lao lực những thế nào mới chiếm giữ được cái địa-vị ở dưới bóng mặt trời này.

« Người trong nước có thông hiểu những sự tích nước mình thì mới có lòng yêu nước yêu nhà, mới biết cố gắng học hành, hết sức làm lụng để vun đắp thêm vào cái nền xã-hội của tiên-tô đã xây nên mà để lại cho mình ...

Phần ông HÒA-CA SÂM THÁI-LANG thì nói : « Học lịch-sử không phải chỉ học để biết những việc đã trôi qua ở trong đời mình

« nhưng còn học để biết những việc của tiền thời, của những thế
 « hệ từng bao nhiêu lớp người kế tiếp nhau dĩ vãng đi rồi, học để
 « thông suốt hết, đi vào thực sâu để tìm hiểu mọi hoạt động của
 « từng thế hệ đó, từ thượng cổ đến hiện tại. Về phần người Nhật-
 « Bản chúng ta, kể từ tổ-tiên khởi thủy mới có ở trên mảnh giang
 « sơn này, lớp khởi thủy đó tịch đi lại sinh ra lớp sau kế tiếp, cứ
 « sinh sinh hóa hóa truyền nối mãi cho đến ngày nay ; nếu chúng
 « ta chịu học lịch-sử của từng thế hệ truyền tiếp ấy thì có khác nào
 « chúng ta như người sống được mấy ngàn tuổi, lặng ngồi mà tìm
 « trong ký ức để nhớ lại những sự việc đã xảy ra trong khoảng
 « thời gian dài giằng dặc đó. Nào lực lượng của dân-tộc Nhật-Bản
 « như thế nào, đã phạm phải những lỗi lầm nào, tình tình ra sao,
 « có phải ta rõ được hết cả không ?

« Thấu hiểu được lịch-sử của đất nước là đề từ đây, mọi
 « người Nhật-Bản đều ghi nhớ điểm quan yếu là làm thế nào nâng
 « cao đời sống ngày nay hơn đời sống ngày trước. Nếu không nhằm
 « vào trọng tâm ấy, thì ra tiền thời của dân-tộc có điểm nào hay,
 « có điều nào kém, những lỗi lầm nào đã bừa bãi phạm vào, ta
 « đều ù lì chẳng biết tí gì. Như vậy, thì cái sở-trường không biết
 « đường nuôi dưỡng, cái kiêng kị xéo vào những vết đổ trước mình
 « cũng không có. Tuy rằng có nỗ lực ở đời thực tại, nhưng là cái
 « nỗ lực của kẻ thiếu kinh-nghiệm, vụng về vô hiệu, thì rồi bất
 « thường chúng ta lại phạm vào những lỗi lầm nghiêm trọng nữa
 « không chừng ? ».

Vậy quan niệm về sử-học giữa người Việt và người Nhật là
 tương đồng. Đến trọng tâm xây dựng nội dung quyển Sử thì ở
 hiện tại, cả hai bên đều không nhằm vào những truyền thuyết
 hoang đường nữa mà chỉ chuyên mô tả thực trạng xã hội của
 mỗi thời đại, của mỗi giai-đoạn tiến hóa, tương hợp với lời ông
 PHẠM-VĂN-SƠN : — « Điều cốt yếu của một cuốn Sử là đời sống
 « của dân-tộc về các phương-diện kinh-tế, văn-hóa, xã-hội đã do
 « những động lực nào chi phối, những định luật nào và những
 « nguyên cơ nào về chính-trị đã đem lại các cuộc thịnh suy cho
 « các triều đại » — đã nói trong cuốn I bộ VIỆT-SỬ TÂN BIÊN.
 Giờ xuống những trang dưới đây, độc-giả sẽ thấy các sử-gia Nhật-
 Bản áp dụng triệt để đường lối này của Phạm-quân.

NHỮNG THIẾU SÓT CÓ THỂ CÓ ĐƯỢC TRONG BỘ « NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC »

Chúng tôi đã trình bày ở những trang trên, bộ NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC này được diễn tả theo chính-thư, nhằm một phần hướng lại những sai lầm về sử-liệu của ta nói về Nhật-Bản nhưng tham khảo qua ngoại-thư Pháp hoặc Trung-Hoa. Tuy nhiên, vao sự khởi đầu nan, tuy rằng được xác thực về phần tài-liệu nhưng lòng riêng vẫn chưa mãn nguyện vì còn e chưa thông bác được hết ý nghĩa của cồ-nhân còn lưu lại trong chính-sử của nước bạn.

Có điều giúp chúng tôi mạnh dạn trong công việc, là tiền thời ta đã gọi là thẩm nhuần Hán-học từ hàng ngàn năm mà sinh thời các cụ TRẦN-TRỌNG-KIM và PHAN-KHÔI vẫn còn phải khô tâm về thảo luận nghĩa Sách, thì kẻ hèn này, du-học đã không có hoàn cảnh, tại chính quốc thì Trường QUỐC-GIA SINH-NGŨ mới trong buổi sơ khai nên riêng lòng đã đâu dám nghĩ tới « *Thong* » và « *Đot* ». Hãy gác bỏ chúng tôi ra ngoài vấn đề, chỉ kể đến những bực tốt-nghiệp đại-học Nhật-Bản, mang sứ mệnh đi phổ biến văn-học mà có đôi chỗ, nhất là trong quyển NHẬT-BẢN SỬ SỬ-LIỆU TẬP đầy rẫy những cồ-văn của thế-kỷ thứ VIII xa xôi, còn phải loay hoay hợp ý thảo luận đến tận ẩm nước mới vỡ nghĩa. Là vì văn-học cồ kim nó móng mệnh không bền không bờ mà sức con người chỉ có hạn, sở trường ở mặt này thì sở đoản ở chỗ khác, hướng chỉ công việc ngõ ngàng ở buổi đầu thì tất nhiên phải có thiếu sót, lỗi lầm. Trong cái đạo tu thân tự tiến, cồ-nhân thường nói rằng : — « *Muốn giết đan, đem nan ra đường* ». Là vì đem nan ra ngoài đường ngồi đan thì bao nhiêu sở đoản của mình nó trật ra đấy để nhờ cái sở trường của khách vãng lai chỉ dẫn, uốn nắn lại cho những mắt đan lồi, những đường lát lằm.

Thì trình chánh bộ NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC này là chúng tôi thành khẩn đem nan ra đường đề cầu giáo vạy.

Không quản sức hèn, mạnh bạo lặn lội vào đường xa là do lòng tha thiết của chúng tôi đã có từ lâu. Nhật-Bản là cường quốc

ở Á-Châu, đến người ở tận phương trời Tây xa tít còn tìm hiểu nổi cái tinh hoa của cường quốc này, mà ta ngay chân tường kẻ vách vờ nhau, đến bây giờ, trong cái rừng văn-học muôn màu của họ vẫn chưa ai phá lối tìm vào hái lấy một vài bông đem về cắm ở bình nhà. Nên tự nguyện làm con đom-đóm tiên phong trong rừng hoa còn tối tăm đó để chờ các bậc tiền bối, những bạn đương thời hoặc những trang hậu tiến rồi sẽ phá quang hơn thành lối ra vào kang trang, sáng sủa để hai dân-tộc Việt-Nhật cùng thênh thang đi lại mà trao đổi cho nhau những bó TINH-HOA đầy hương sắc, ngõ hầu bồi tập cho văn-học của cả bên này lẫn bên kia được thêm Thắm thêm Tươi.

SAIGON

*Ngày Rằm, quý Đông Kỳ-Hợi
13 tháng Giêng 1960*

Châm-vũ NGUYỄN-VĂN-TẦN

Cần bút.

MỤC-LỤC ĐẠI-CƯƠNG :

- **THƯỢNG - CỔ THỜI-ĐẠI** hay là **THẠCH - KHÍ THỜI-ĐẠI**, khởi từ khoảng trên 3.000 năm trước kỷ-nguyên d. l.— (nhà Tây Chu bên Trung-Quốc) — đến cuối thế-kỷ thứ III sau kỷ-nguyên d. l.— (nhà Tây Tấn) —. Tính cách tiến triển trong **THẠCH-KHÍ THỜI-ĐẠI** chia thành 4 tiểu thời-đại :
 - Thăng-Vốn Thức Văn-Hóa Thời-Đại.
 - Di-Sinh Thức Văn-Hóa Thời-Đại.
 - Kim-Thạch Tĩnh-Dụng Thời-Đại.
 - Cồ-Phồn Thời-Đại.
- **CỔ THỜI-ĐẠI**, từ thế-kỷ thứ IV sau kỷ-nguyên đến cuối thế-kỷ thứ XII. Tính cách tiến triển và biến chuyển trong **CỔ THỜI-ĐẠI** chia ra thành 4 tiểu thời-đại :
 - Lịch-Sử Thời-Đại, đến cuối thế-kỷ thứ VI.
 - Phi-Điều Thời-Đại, đến đầu thế-kỷ thứ VIII.
 - Nại-Lương Thời-Đại, từ 724 đến 800 d. l.
 - Bình-An Kinh Thời-Đại tức **QUỶ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN THỜI-ĐẠI**, đến cuối thế-kỷ thứ XII, khoảng mạt-kỷ của thời-đại này.

CHƯƠNG MỘT

LƯỢC KIỂM VỀ ĐỊA-TRÍ VÀ NHÂN-VĂN HIỆN TẠI

Địa-trí

Nhật-Bản là một quần-đảo, gồm cả lớn lẫn nhỏ có 3.288 hòn, ở ven Thái-Bình-Dương về Cực-Đông Á-Châu. Bắc giáp đảo SAKHALINE — (1) — của Nga, Đông giáp Thái-Bình-Dương, Nam giáp Đông Trung-Hoa Hải và Tây giáp Nhật-Bản Hải. Tất cả 3.284 hòn đảo nhỏ, chia ra để phụ-thuộc vào 4 hòn đảo lớn, là :

- đảo HONSHŪ — (Bản-Châu, còn tên nữa là HONDO : Bản-Đảo) lớn nhất ở giữa.
- đảo HOKKAIDO — (Bắc-Hải-Đạo, còn tên nữa là EZOSHIMA : Hà-Di đảo) —, ở Bắc, giáp với Sakhaline.

(1) Sakhaline, còn có tên là KARAFUTHŌ — (Hoa-Thái đảo) — dưới thời Nga-Hoàng, vốn của Nga. Từ 1905, Nga phải cắt cho Nhật một nửa về phía Nam, nhưng từ sau tháng 8-1945, Nhật lại phải trả nửa này về cho Nga.

— đảo SHIKOKU — (Tứ-Quốc) — ở Đông-Nam.

— đảo KIUSHIU — (Cửu-Châu) — ở chính Nam.

Diện-tích toàn bộ vào khoảng 370.000 km², chia ra như sau :

— đảo Bản-Châu cùng các đảo nhỏ phụ-thuộc : 230.000 km², chiếm 62% diện-tích.

— đảo Bắc-Hải-Đạo cùng các đảo nhỏ phụ-thuộc : 79.000 km² chiếm 22% diện-tích.

— đảo Cửu-Châu cùng các đảo nhỏ phụ-thuộc : 42.000 km² chiếm 11% diện-tích.

— đảo Tứ-Quốc cùng các đảo nhỏ phụ-thuộc : 19.000 km² chiếm 5% diện-tích.

Theo chế-độ hiện tại, toàn quốc-thổ chia thành từng CHI-HÔ — (địa-phương) —. Trong Địa-Phương có THÔ — (đô, tức thủ-đô) — rồi đến FU — (phủ) — và KEN — (huyện).

Kể về địa-phương thì riêng 3 hòn đảo : Bắc-Hải-Đạo, Tứ-Quốc và Cửu-Châu, mỗi đảo là một địa-phương, gọi là HOKKAIDO CHIHÔ — (Bắc-Hải-Đạo địa-phương) — ; SHIKOKU CHIHÔ — (Tứ-Quốc địa-phương) — và KIUSHIU CHIHÔ (Cửu-Châu địa-phương) —. Chỉ đảo Bản-Châu rộng lớn hơn cả nên chia thành 8 Địa-Phương, kể lần lượt từ Bắc xuống Nam là :

— THÔHOKKU CHIHÔ — (Đông-Bắc địa-phương, còn có tên nữa là Ô-U CHIHÔ : Áo-Vũ địa-phương).

— KANTHÔ CHIHÔ — (Quan-Đông địa-phương, thủ-đô Đông-Kinh ở trong địa-phương này).

— CHUBÛ CHIHÔ — (Trung-Bộ địa-phương).

— HÔKKU-RIKU CHIHÔ — (Bắc-Lục địa-phương).

— KINKI CHIHÔ — (Cận-Kỳ địa-phương), Huyện Nại-Lương, nơi các Thiên-Hoàng đóng đô trong thời-đại thượng-cổ và cận-kim, ở trong địa-phương này).

— SANYO CHIHÔ — (Sơn-Dương địa-phương).

— SANIN CHIHÔ — (Sơn-Âm địa-phương).

— CHUKOKU CHIHÔ — (Trung-Quốc địa-phương)

— Đô : tức thủ-phủ TOKIO — (Đông-Kinh) — hiện tại.

— Phủ : có hai Phủ, tức OSAKA FU — (Đại-Bản Phủ) —
và KYOTHÔ FU — (Kinh-Đô Phủ — (1) —).
Hai Phủ này đều trong địa-phương Cận-Kỳ.

— Huyện : Các Huyện từ Bắc đảo Bân-Châu đến Tứ-Quốc,
Cửu-Châu là :

— AU-MORI	KEN	Thanh - Sâm	Huyện.
— IWATE	—	: Nham-Thủ	—
— MIAGI	—	: Cung-Thành	—
— AKITA	—	: Thu-Điền	—
— YAMA-GATA	—	: Sơn-Hình	—
— FUKU-SHIMA	—	: Phúc-Đảo	—
— IBARAGI	—	: Tỳ-Thành	—
— TOCHIGI	—	: Phương-Mộc	—
— GUMMA	—	: Quần-Mã	—
— SAITAMA	—	: Kỳ-Ngọc	—
— CHIBA	—	: Thiên-Điệp	—
— KANAGAWA	—	: Thần-Nại Xuyên	—
— NIGATA	—	: Tân-Tích	—
— THÔ-YAMA	—	: Phú-Sơn	—
— ISHLKAWA	—	: Thạch-Xuyên	—
— FUKU-Y	—	: Phúc-Tĩnh	—
— YAMA NASHI	—	: Sơn-Lê	—
— NAGA NO	—	: Trường-Dã	—

(1) — Kinh-Đô là tên một thành-phố, chứ không có nghĩa là thủ đô như ta thường dùng.

— GIFU	KEN	:	Kỳ-Phụ	Huyện
— SHIZU-OKA	—	:	Tĩnh-Cương	—
— AICHI	—	:	Ái-Tri	—
— MI-EI	—	:	Tam-Trùng	—
— SHIGA	—	:	Tư-Hạ	—
— HYÔ-GÔ	—	:	Bành-Khố	—
— NARA	—	:	Nại-Lương	—
— WAKA-YAMA	—	:	Hòa-Ca Sơn	—
— THÔ-TORI	—	:	Điểu-Thủ	—
— SHIMA-NE	—	:	Đảo-Cán	—
— OKA-YAMA	—	:	Cương-Sơn	—
— HIRÔ-SHIMA	—	:	Quảng-Đảo	—
— YAMA-GUCHI	—	:	Sơn-Khẩu	—
— TOKU-SHIMA	—	:	Đức-Đào	—
— KAGAWA	—	:	Hương-Xuyên	—
— E-HIME	—	:	Ái-Viên	—
— KÔCHI	—	:	Cao-Tri	—
— FUKU-OKA	—	:	Phúc-Cương	—
— SAGA	—	:	Tả-Hạ	—
— NAGA-ZAKI	—	:	Trường-Kỳ	—
— KUMA-MOTO	—	:	Hùng-Bảo	—
— OO-ITA	—	:	Đại-Phận	—
— MIYA-ZAKI	—	:	Cung-Kỳ	—
— KAGO-SHIMA	—	:	Lộc-Nhi Đảo	—

gồm tất cả 42 Huyện.

Riêng có đảo Bắc-Hải-Đạo không chia thành Huyện, vì ở đây không theo Huyện-chế — (ken-sei) — mà theo Đạo-chế — (DO-sei) — nghĩa là toàn Đảo là một ĐẠO.

Thời - tiết

Cũng như Bắc Việt-Nam, thời-tiết tại Nhật-Bản phân rõ 4 mùa. Trước kia theo âm-lịch thì thời hạn 4 mùa cũng tính như Trung-Quốc và Việt-Nam, nhưng từ Minh-Trị duy-tân nhất thiết theo dương-lịch nên sự phân hạn thời-tiết, so với V.N. chênh lệch mất hai tháng. Nay thì từ tháng Ba đến tháng Năm là mùa Xuân để rồi cứ 3 tháng một mà lần đi, đến tháng Chạp mới là khỏi Đông để mùa này chấm dứt vào tháng Hai năm sau.

Việc dùng dương-lịch tại Nhật-Bản có phần bất tiện vì cương thời-tiết. Khi Chính-Phủ cho toàn quốc nghỉ ăn Tết Nguyên-Đán thì mới vào thượng-tuần tháng Một âm-lịch, nhà nông đương bận gặt hái nên không thể nghỉ để ăn Tết được. Cho nên, hiện nay Nhật-Bản phải ăn cả hai Tết dương và âm-lịch. Chính-quyền cùng 45% dân thành-thị và ngư-phủ thì ăn Tết dương-lịch còn 55% nông-dân thì dù muốn dù không, nhưng thời-tiết canh tác vẫn buộc phải ăn Tết theo âm-lịch.

Tính nhiệt-độ của thời-tiết tại Nhật-Bản, người ta lấy Đông-Kinh làm trung-tâm khí tượng. Tại đây, nhiệt-độ trung bình về mùa rét từ 3 đến 10 độ và từ 22 đến 27 độ về mùa nóng. Xuống đến dưới không độ hoặc lên đến trên 30 độ là trong những trường hợp hi hữu, bất thường. Từ Đông-Kinh xuống lần miền Nam thì nhiệt-độ tăng dần, như ở Cửu-Châu từ 7 độ về mùa Đông lên đến 34 độ về mùa Hạ. Riêng ở đảo Bắc-Hải-Đạo thì thường là 5 độ dưới không độ về mùa rét.

Nhân-số

Theo cuộc kiểm-tra hồi tháng Chạp năm 1957 — (niên hiệu Chiêu-Hòa thứ 31), — dân-số Nhật-Bản là 90.300.000 người, chia ra :

— đảo Bản-Châu	: 75%
— đảo Cửu-Châu	: 15%
— đảo Tứ-Quốc	: 5%
— đảo Bắc-Hải-Đạo	5%

Xem qua bảng trên, như đảo Bắc-Hải-Đạo chiếm 22% diện-tích mà dân-số có 5%, ta thấy càng xuống phía Nam áp thì dân-số càng đông đúc. Cùng thời gian kiểm-tra trên đây, thủ-phủ Đông-Kinh có 8.573.000 người, được xếp vào hàng kinh-đô đông dân nhất thế-giới. Sau Đông-Kinh là Đại-Bảo Phủ với 4.696.000 người và Kinh-Đô Phủ với 2.000.000 người đều là những khu trù mật bậc nhất ở Nhật-Bản.

Về thành-phần dân thiểu-số, có trên 1.000.000 người AINO hay AINU — (tiếng bản-xứ là Aino, còn người Nhật gọi là EZO : Hà-Di) — với ngôn-ngữ và phong-tục riêng, sống lui mãi về miền Bắc lạnh lẽo và cằn cỗi trong miền núi đảo Bắc-Hải-Đạo, kỳ dư thuần là người Nhật-Bản, hoặc đã đồng hóa, tạo nên một dân-tộc thống-nhất và ngôn ngữ và phong-tục.

Ngôn - Ngữ

Trên kia đã trình bày, trong khoảng 91 triệu dân Nhật hiện tại, chỉ có độ 1.500.000 thiểu-số AINO là nói tiếng riêng, còn trên 89 triệu người nữa thời cùng chung ngôn ngữ. Tiếng Nhật là thứ tiếng « *đinh* » của nhiều âm, truy nguyên thì do ba thứ tiếng Mông-Cổ, Mãn-Châu và Nam-Dương tạo thành.

Đặc thái của tiếng Nhật là hoàn toàn giọng bằng nên rất nhẹ, kém hẳn tiếng Việt về sự phong phú của 4 loại giọng trắc. Giọng đã nhẹ lại nói thào thào, dứt chút ở ngoài đầu lưỡi nên hóa rút âm đi, người ngoài nghe như một làn, vừa nhanh vừa khó phân biệt. Đã vậy, mỗi trình-độ học lại nói khác nhau. Ở tiểu-học thì thuần thổ-âm gốc của Nhật, ở trung-học thì bán âm bán tự, nghĩa là nửa giọng độc-vận của chữ Hán và nửa thổ-âm; ở đại-học thì đa tự thiểu âm khiến ngay chính người Nhật muốn hiểu hết sách vở của nước mình cũng là cả một công phu học tập chuyên cần. Cho nên người ngoại-quốc học tiếng Nhật không dễ dàng như tiếng Trung-Hoa vì ngôn và tự liên nhau.

Tiếng rằng cả nước Nhật là đồng ngữ, nhưng đến cách phát âm lại tùy địa-phương mà có khác nhau, tỷ dụ như V. N. ta có giọng Bắc, giọng Trung và giọng Nam vậy. Đại loại về phát âm khác nhau đó, chia ra 4 thứ :

- TOKIO BEN — (Đông-Kinh biện) — giọng nói xứ Đông-Kinh.
- OSAKA BEN — (Đại-Bản biện) — giọng nói xứ Đại-Bản.
- KAGOSHIMA BEN — (Lộc-Nhi Đảo biện) — giọng nói xứ Cửu-Châu.
- THÔ-HOKKU BEN — (Đông-Bắc biện) — giọng nói xứ Đông-Bắc đảo Bản-Châu.

Đông-Kinh biện là giọng nói của toàn khu Quan-Đông, được coi là đúng nhất nên giọng này vẫn thường gọi là NIHON NO HYÔJUN GÔ — (Nhật-Bản chỉ phiêu chuẩn ngữ : tiếng nói tiêu chuẩn cho cả nước Nhật-Bản). — Đại-Bản biện là giọng nói của toàn khu Cận-Kỳ. Giọng này nhẹ hơn nữa, ít uốn lượn âm « r » hơn Đông-Kinh biện. Lộc-Nhi Đảo biện là giọng nói có pha « thổ động » của toàn khu Cửu-Châu và Đông-Bắc biện là giọng nói bụng ở trong môi tựa như xén bớt âm đi của toàn khu Đông-Bắc đảo Bản-Châu.

Phong-tục

Nếu kể về tính tình của người Việt và người Nhật thời vì hoàn cảnh sinh-hoạt của từng địa-phương nên có khác nhau, nhưng đến lễ nghi và phong-tục, bởi cùng ảnh hưởng của Trung-Quốc nên đại-cương thì cũng cùng một thể thức.

Khi sinh con, được đầy tháng cũng cúng đầy tháng, gọi MAN GETSU SHIKI — (mãn nguyệt thức), — cả hai bên thông-gia cùng họp ăn uống vui vầy. Ngày trước còn có tục mời pháp-sư cùng các cụ túc Nho trong họ đến tính Can. Chỉ để làm lễ đặt tên cho con gọi là NA ZUKE — (danh phó), — tổ-chức độ một tuần sau khi sinh, nhưng nay vì kiệm ước và tính giảm phiền toái nên không mấy người theo nữa. Từ đầy tuổi « tới » trở đi, mỗi năm ăn sinh-nhật gọi là TANJOBI — (đản sinh-nhật) — cho đến mãn phần thì con cháu lại mỗi năm cũng giỗ, gọi là MEINICHI — (mệnh nhật).

Việc hôn-nhân tại thôn dã, quan trọng nơi ông bà mối, gọi là NAKA-JIN — (trung-nhân). — Khi nhà gái đã nhận lời, nhà trai phải nạp lễ vấn-danh, gọi là lễ YU-I-NO — (kết nạp thức) — rồi chờ

ngày cưới, gọi là KEKKON SHIKI — (kết-hôn thức) — Trong ngày cưới thì ông, bà mới được danh-dự chủ-hôn đưa rể đón dâu. Còn chủ-lễ để rồi đủ tín nhiệm ký vào bản hôn-thú thì là song thân chú rể, nếu không còn thì bậc cao niên trong nội-quyền đảm nhiệm. Nếu chú rể ở xa nơi chính quán, không thân tộc, tất phải mời bằng được một cụ già trong lối xóm làm O-YA GAWARI — (thân đại) — để thay quyền huynh-trưởng chủ-lễ mới được.

Tục hôn-nhân của Nhật-Bản có điểm khác Việt-Nam là không có sự thách cưới của nhà gái, nên không có ý nghĩa « gả bán » như ta. Họ quan niệm rằng, dựng vợ gả chồng là bổn phận chung của cả hai bên cha mẹ, nên phần nhà gái, ngoài việc lo tiệc cưới bên nhà mình, còn tùy gia phong kiệm mà trang-sức và cấp hồi-môn cho con gái về nhà chồng. Và cũng đã từ mấy thế-kỷ nay rồi, người Nhật không có tục đa-thê. Thực là điểm đặc-biệt của một dân-tộc chịu ảnh hưởng của Trung-Quốc nhưng vẫn giữ được bản sắc của mình.

Mỗi khi trong nhà có người mệnh một, đem hỏa-táng thi hài rồi nhật lấy một vài mẫu xương cháy giờ để vào hộp gỗ đem về thờ ở nhà.

Những ngày lễ chính - thức

Người Nhật gọi những ngày Lễ Chính-Thức là KOKKU-MIN NO SHIUKU ZITSU — (quốc-dân chi chúc nhật).— Hiện nay, những ngày Lễ được chính-quyền công nhận cho toàn quốc được nghỉ là :

- | | |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| — GANTAN | : Nguyên-đán d.l. |
| — SEININ NO HI | : Thành-nhân chi Nhật — (15 tháng Giêng d.l. ngày ăn mừng của những người lớn, từ 20 tuổi trở lên). |
| — SHUN-BUN NO HI | : Xuân-phân chi nhật — (20 tháng Ba d.l. ngày ăn mừng đầu mùa Xuân). |
| — TENNÔ TANJÔBI | : Thiên-Hoàng dân-sinh-nhật — (ngày 29 tháng 4 d.l. kỷ-niệm sinh-nhật của đương kim Chiêu-Hòa Thiên-Hoàng). |

- KEMPÔ KINEN-BI : Hiến - Pháp kỷ-niệm nhật :
mùng 3 tháng 5 d.l. ăn mừng
ngày ban bố Hiến-Pháp mới :
3-5-1947.
- KODOMO NO HI : Tử cung chi nhật : mùng 5
tháng 5 d.l. Tết riêng cho
trẻ con.
- SHU-BUN NO HI : Thu phân chi nhật : 23 tháng
Chín d.l. ngày cúng Cơm
Mới, ăn mừng đầu mùa gặt.
- BUN-KA NO HI : Văn-hóa chi nhật : mùng 5
tháng Một d.l., ngày kiểm
điểm về tiến bộ và thưởng thức
mọi ngành về văn-hóa.
- RÔDÔ KANSHA NO HI : Lao-Động cảm tạ chi nhật :
23 tháng Một d.l. kỷ-niệm sự
sinh-hoạt trong một năm của
giới công-nhân cần-lao — (dù
lao-động trí óc hay chân tay
đều được đền bù bằng thưởng
thêm một tháng lương).

Ngoài những ngày Lễ chính-thức được chính-quyền công nhận như trên đây, dân gian vì tôn trọng cổ tục nên còn ăn nhiều Tết khác nữa. Riêng về tục mở Tết riêng cho trẻ con, người Nhật tổ-chức mỗi năm hai lần : mùng 3 tháng Ba cho trẻ con gái và mùng 5 tháng Năm cho trẻ con trai. Nay chính-quyền chỉ công nhận ngày 5-5, nhưng dân gian vẫn tổ-chức riêng biệt thành hai Tết cho mỗi hạng trẻ. Ngày 3-3, thì trong nhà cúng Thần Nữ-Công, Nữ-Hạnh, trẻ con gái được mặc hồ thỏa thích với những « *búp bê* » mới do cha mẹ và thân quyến mua cho. Tết này còn được gọi là MOMO NO SEKKU — (đào chi tiết cú) — vì là mùa của thi-nhân mặc-khách đi ngắm các rừng hoa đào đua nhau cười với ánh dương-xuân. Mùng 5 tháng 5 d.l. thì trong nhà cúng Nam-Thần Vũ-Dũng để phù-hộ cho trẻ trai ; ngoài sân thì giồng nêu cao ngất, trên ngọn có treo những hình cá chép bằng giấy gọi là KOI

NOBORI — (lý thượng). — Trung-Quốc và Việt-Nam tin rằng cá chép có thể hóa thành Rồng, nhưng người Nhật thì thấy giống cá này vừa mạo hiểm vừa có sức khoẻ lợi ngược được cả thác ngàn mới dùng làm tượng-trưng cho Chí và Dũng. Việc treo hình cá chép ở sân trong ngày Tết của trẻ trai là dụng ý mong cho đứa trẻ khi lớn lên cũng ưa mạo hiểm và có sức khoẻ như loại cá này vậy.

Ngoài ra, ngày mùng 7 tháng 7 cũng cúng TANABATA — (Thất-tịch). — Trong ngày này, ngoài sân thì buộc lên ngọn tre những mảnh giấy dài đuôi nheo đủ màu sắc có viết tên các sao Ngưu-Lang, Chức-Nữ, Sông Ngân và vẽ hình con chim xòe cánh bắc cầu qua sông Ngân theo sự-tích Ngưu-Lang, Chức-Nữ cho trẻ con vui chơi. Đến ngày trăng tròn trong tháng Chín, tức ngày Rằm tháng Tám âm-lịch, cũng mở tiệc O-TSUKIMI — (nguyệt kiến, tức Lễ Trông Giăng) — cho cả người lớn lẫn trẻ con cùng vui đùa dưới ánh trăng Thu. Cũng như Trung-Quốc và Việt-Nam, trăng Thu là đầu đề đầy cảm hứng cho Thi Ca Nhật-Bản.

Tính tình người Nhật-Bản

Thế-giới đã nói nhiều về những đức tính : Nhân-nại, Dũng-Cảm và Hy-sinh của người Nhật. Hãy gạt bỏ những chiến-công mà trước kia, hoặc người chính-quốc hay ngoại-quốc đã thần-thánh-hóa khi quá dễ chỉ kể đến những hoạt-động thường xuyên của đời sống hàng ngày, thì đại phàm ai đã tiếp xúc với dân-tộc này, tất cũng công nhận rằng, nói đến ba đức tính trên đây của người Nhật, không phải dễ xưng tụng theo xã-giao, nhưng đây là những thực trạng.

Nếu người phụ-nữ nông-dân V. N., kể từ năm hỉ mũi chưa sạch đã phải tập thu vén cho gia-đình để rồi lớn lên an phận với nàu sòng, nghèo nàn bần đống bần vữa, nhưng vẫn rắn giời phấn đấu với nắng, rét, bão, lụt để bồi đắp cho gia-đình ; chi li tần tảo từng tí để có miếng ngon và danh-vị cho chồng, cho con và khi trở về già, tuy lưng đã còng, mắt đã mờ mà vẫn : — « *một mẹ già bằng ba con ở* » thì người đàn-bà Nhật cũng vậy : bé phải uốn mình theo nếp nhà, lớn phải học trước đạo làm vợ, làm mẹ cùng thuật tề-gia để khi bước chân về nhà chồng thì đã hoàn toàn là cái « *máy* » nhân

nhục của kẻ « *đáo giàng tùy khúc* », lúc nào cũng quên bản ngã để tu tạo hạnh-phúc gia-đình. Tuy nhiên, nếu đồng cân đồng lượng về đức Hy-Sinh, thì người phụ-nữ Nhật hơn hẳn đàn-bà Việt về khoa tế nhị trong đường xử thế và tính nhẫn nại ôn hòa, dù ngược cảnh đến đâu vẫn cần răng chịu đựng nổi chứ không khóc lóc ỷ eo hoặc buông lời suồng sã, ầm cửa ầm nhà hay là cãi chửi nhau um xùm với lối xóm. Cho nên : « *ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật* » là như thế.

Về phần người đàn ông Nhật thì biểu lộ dũng cảm bằng ham hoạt động, thích việc nặng nhọc và coi thường nguy nan. Hồi quân đội của họ đóng ở V. N., sỹ-quan cùng binh lính cùng khuân vác đồ vật nặng là truyện trước mắt hàng ngày. Người thư-ký văn-phòng, hề buồng bút là đi cọ rửa xe với đồng-đội hoặc xuống kho thu xếp lại vật liệu. Trên nhật-báo CÔNG-NHÂN xuất bản năm 1957 ở Sài-gòn có kể truyện 3 quân-nhân Nhật bị Đồng-Minh xử tử hồi cuối 1945. Khi dẫn ra pháp-trường không cần trời, về mặt vẫn thản nhiên như lúc đi chơi, khoan tay đứng đường hoàng chờ chết, mắt không cần bịt, nhìn thẳng vào họng súng chĩa về phía mình. Khoảng tháng Hai năm 1945, hồi 5 giờ chiều, trước cửa ga thị-xã Bắc-Giang, một trung-ủy cùng 8 binh-sỹ đứng trông nom đầu máy dòn toa chứa quân dụng thì còi báo động. Tài-xế vừa dứt được đầu máy để đưa vào ga-ra trú ẩn thì hai máy bay phóng-pháo của Mỹ đến nã trúng vào toa-quân dụng đằng sau cùng, chứa dầu bốc cháy. Xin nhắc lại, từ có còi báo động, cả tiểu-đội vẫn không dời khỏi toa, chỉ đứng ẩn vào giữa khe nối và khi máy bay lượn bắn thì tùy cơ tránh về bên kia hay bên này thành toa cho đạn khỏi tin vào mình. Lúc thấy toa bốc cháy là cả 9 người cùng xúm vào cắt ra trong lúc hai máy bay đối-phương vẫn lượn nã vào đoàn toa. Toa cuối cứ bốc cháy ; đối-phương cứ bắn, 9 người vừa quan vừa lính cứ dùng hết sức mình đẩy toa cháy này lùi về phía sau cho khỏi lan sang toa trên. Kể ra thì hai máy bay Mỹ cũng lượn thấp, tài nào mà chẳng trông thấy màu sắc quân-phục của những người đẩy toa dầu đương bốc cháy mà không nỡ hạ sát, có lẽ vì : « *dùng cảm cùng mến dùng cảm* » chăng ?.

Giới bình-dân Nhật-Bản sinh-trưởng ở chính-quốc thì dũng cảm như vậy, nhưng người nào sinh để hoặc lập nghiệp lâu ngày ở

thuộc-địa — (Mãn-Hàn-Đài) — thì cũng quan-liêu, lười lảm, hổng hách và hoang-phí theo đúng tác-phong của loại thực-dân chính cống. Cũng cùng thì người Nhật nhưng sinh sống ở khác địa-phương nên tính tình khác nhau, cho nên câu : — « *hoàn thổ tạo nhân tính* » — là đúng.

Xét nước Nhật-Bản, đất đã hẹp, người đã đông thì núi lại chiếm mất bảy phần mười diện-tích canh-tác nên tự khỏi lập quốc đến giờ, lúc nào cũng thiếu gạo ăn. Xưa kia, người ít hơn nhưng canh-pháp cổ sơ, nay đã cải-tiến để tăng sản lượng thì nhân khẩu lại hơn gấp bội. Rồi đây, khi đi sâu vào lịch-sử nước này, độc-giả sẽ nhận thấy bao nhiêu chuỗi năm là bấy nhiêu lần đói, không đời nào là dứt được tiếng kêu than của đám bần nông khổ cực. Đã thế nhưng thiên tai như bão, đổ cây nước, động đất, hỏa tai, không những đã thường xuyên lại dữ dội vào bậc nhất ở thế-giới. Độc giả vẫn thấy báo chí thường đăng những trận bão ở Nhật làm chết hàng ngàn người, phá đổ và đánh chìm hàng vạn chiếc vừa nhà ở vừa thuyền bè. Trận động đất kinh khủng trong ngày 1 tháng 9 năm 1923 mà lịch-sử Nhật gọi là KANTHÔ ĐAI SHIN SAI — (Quan-Đông đại chấn tai) — đã làm sứt một phần tư thành-phố YOKOHAMA — (Hoành-Tân) — xuống bể lại tàn phá khắp địa-phương Quan-Đông làm đổ nát và cháy hàng vạn cơ-nghiệp cùng 200.000 nhân-mệnh bị chết theo, không kể hàng hà người bị thương tích nhưng chạy chữa được.

Như vậy, sống trên đất ấy, người dân Nhật phải tranh đấu đủ mọi cách để chống đói, như giáng tận lực làm việc, tìm mọi cách tận tiện và cạnh tranh ráo riết đến mức khất khê, tàn bạo ngay với người đồng-bào nội bộ. Đồng thời với sự nỗ tận lực để dành lấy đời sống thì bão cứ tàn phá, lụt cứ cuốn trôi, động đất cứ vật đổ cửa đổ nhà nên người nào chết thì thôi, hễ còn sống là phải có tinh-thần cương-nghib, coi thường hết mọi nguy nan gian khổ. Thiếu gạo ăn ư ? Nhấn nạy và cố gắng mà làm cho bằng có. Thiếu tiêu, thiếu mặc ư ? Cố gắng hơn cho bằng có và tận tiện cho bằng đủ. Nhà bị cuốn trôi, bị cháy, bị lác đổ ư ? Cố gắng hơn bực nữa để làm cái khác. Người bên cạnh bị chết vì thiên tai, vì đói ư ? Mặc kệ, không được ngồi đấy mà than vãn sót thương, nhưng phải lấy đấy làm gương để lo cho chính thân mình.

Hoàn cảnh ấy chỉ phối con người trong hàng chục thế-kỷ tạo nên dân-tộc Nhật-Bản đầy nhẫn nại, càn cù, tần tiện, chịu đựng gian khổ và cương nghị đến mức khô khan, tàn bạo. Người nông-dân và công-nhân Nhật-Bản, trọn kiếp ăn cơm với tương — (O MISÔ) — hoặc chan nước chè với dưa muối — (O-CHA ZUKE) — đến nỗi thành quen tính ăn chay hóa nên ghê thịt. Ăn xong lột vỏ ốc chèn vào bát đựng cơm để tráng bát, dưa tráng vào bát nước chè, nước chè ấy lại tráng vào bát đựng tương rồi là uống sạch. Đây tiết kiệm đến như vậy.

Thời giờ đối với ta là vàng bạc. Nhưng với người Nhật thì thời giờ là sinh-mệnh, vì mỗi phút là mỗi thời gian để cố gắng tranh thủ lấy đời sống. Do đấy mà để mất một phút của họ là họ lo sợ, tâm hồn họ đau khổ đến phát khùng lên được. Để chứng minh điểm này, chúng tôi xin nhường lời cho người chính-quốc, bà NAKANE CHIÊ — (Trung Căn Thiên Chi) — phê-bình về tính tình lúc nào cũng vội vã tất bật, chậm một chút là phát khùng của dân-tộc đồng-bào mình. Bà này là giáo-sư đại-học, sau khi đi khảo-sát ở Ấn-Độ và Âu-Châu về, đã viết như sau :

— «... Phần tôi, sau 4 năm ở nước ngoài về, lần đầu tiên ngồi trên chuyến ô-tô-buýt ở Đông-Kinh là tôi đã phải bật cười. Thì nào có gì đâu ? Chỉ vì có hiệu đèn cho xe đỗ để nhường đoàn xe khác đi trước mà cô bán vé — (1) — cứ phải luôn miệng xin lỗi hành khách : — « Cảm phiền... Cảm phiền các ông các bà chờ cho tí xíu. Đây là có hiệu phải đỗ đấy ạ... ». — Đáng lý thì hà tăng gì một vài phút đợi chờ, nhưng người Nhật mình lại sốt ruột vì một vài phút đó. Ở nước người ta, đứng đợi 5 phút xe chậm ở bến là chuyện rất thường, chẳng ai buồn quan tâm đến đâu, nhưng ở đây thì hành khách đã nhốn nháo và dễ dẫn trước thói cục tính khỏi nổi dóa, bao giờ nhân-viên công-quản cũng phải xoa tay, tươi cười xin lỗi, tìm lời thật khéo để an ủi và khuyến miễn sự đợi chờ... Ở ga tàu những phố SHIBU-YA — (Sáp-Cốc) — hay YURAKU — (Hữu-Lạc) — ở Đông-Kinh này cũng như ở tất cả những ga khác, cứ mỗi lượt tàu đỗ là đã vò số người đi

(1) Bên Nhật, bán vé trên ô-tô-buýt thuần là phụ-nữ. Có lẽ vì hành khách cục tính nên cần đàn bà cho được thủy mì, nói năng khéo léo chăng ? Hay vì tập quán nhường loại việc nhẹ cho phụ-nữ ?

đón thân quyến bạn bè đứng án ngữ trước cửa khách ra, người nào cũng nghển cổ, chố mắt điểm từng mặt khách như để nhận cho mau lấy người mà mình đi đón. Nếu không phải đã cầu nhau : — « Bây giờ vẫn chưa thấy... Bây giờ vẫn chưa thấy... ». Đi đón người với vẻ nóng ruột, mặt sưng mày vác ấy, quả thực chỉ người Nhật chúng ta.

« Tôi qua các ga ở La-Mã cũng như ở Ba-Lê hoặc Luân-Đôn, khi đã ra ngoài cửa ga thì thực khó mà phân biệt được ai là khách đi tàu, ai là người đi đón vì vẻ mặt người nào cũng ưu nhã, thản nhiên như nhau. Được như vậy, vì họ đã chia thời giờ, định dùng thời giờ ấy vào việc gì thì cứ mặc cho nó trôi qua trong khuôn khổ của công việc đó.

« Người Âu-Châu, dù trong lúc vội việc, vẫn bình tĩnh phân định thời khắc xem lúc nào lợi hay bất lợi cho công việc. Trái lại, người Nhật chúng ta, dù chẳng vội gì nhưng cũng lảng xãng, hấp tấp, vội vàng như muốn cho kỳ chóng xong hết thấy mọi việc. Đối với chúng ta thì quan niệm : « *con người làm chủ thời-gian* » của người Ấn-Độ (1) quả là thang thuốc hay để ta trị bệnh : « *nó lệ thời-gian* ». Hay ít ra, ta cũng theo kịp phong thái người Âu-Châu, chia thời giờ ra lúc « *cần* » và khi « *không cần* » để cũng có những phút nhàn tản, chắp tay ra sau lưng, dịp một đi dạo phố hoặc la cà qua các dãy kính tủ hàng mà ngắm nghía kỹ càng những vật trưng bày.

« Trong đời sinh-hoạt, ta nên coi những lúc nhàn tản đó cũng quan trọng, cũng cần phải có như những lúc làm việc thì làm gì mà cái bề mặt của xã-hội ta chẳng dứt được cảnh lúc nào cũng rối rít tít mù, khẩn trương vô nghĩa lý không ? »

Đây cái tính tình nóng nảy vì công việc đến nỗi ham tiếc từng phút một của người Nhật, nói chung là như vậy. Tác-giả mong cho đồng-bào mình bớt tính hăm hở vội vã, nhưng chúng tôi nhận thấy trên mảnh đất đầy thiếu thốn và đặt những thiên tai mà con người phải lấy dũng cảm và cương nghị ra hoạt-động để duy trì đời sống, thì khó mà giãi nổi vì dù lòng có muốn nhưng hoàn cảnh cũng không cho

(1) Đoạn trên bài này có nói đến tính bất chấp thời-gian không biết thế nào là nóng ruột của người Ấn-Độ, nên chuyến tàu hỏa nào cũng dềnh dàng, kèn còi, tới ga là 7 như chậm mất độ... 10 tiếng đồng hồ sau thời-khắc-biểu.

nào. Có chăng, rồi cái bề mặt xã-hội Nhật-Bản lại càng tíu tít khẩn trương hơn nữa, vì trước kia chỉ thiếu ăn mà con người còn hăm hở tham công tiếc việc đến như vậy, huống hồ ngày nay, dân-tộc này đương không thể dằn lòng trước văn-minh khoáng lạc thì vừa thiếu gạo ăn lại vừa cần nhiều tiền tiêu, liệu bảo nhàn tản sao nổi ?

Dẫu sao, luận đến hoàn cảnh phát sinh nên tính tình người Nhật, chúng tôi thấy dân-tộc này vì thiếu thốn và chịu đựng nhiều thiên tai mà con người trở nên cương-ngạnh và dưng cảm, lại vì cương-ngạnh và dưng cảm mà quốc-gia trở nên hùng cường. Vậy thiếu thốn lại là lợi khí ? Và xin viết thêm, trong khối da vàng chỉ có người Nhật là không có nạn nghiện a-phích và đồ-bác, đồng thời lại là dân-tộc hiếu học chiếm kỷ-lục thế-giới về 98% người biết chữ.

Điểm đáng chú ý nữa là tính ưa sạch sẽ của người Nhật biểu lộ bằng coi sự tắm hàng ngày cũng quan hệ như ăn uống. Nhà giàu cũng như nhà nghèo, gia-buồng tắm cũng cần thiết như buồng ngủ. Buổi chiều, người nội-trợ phải đun nước tắm trước cho gia-đình rồi mới sắp thổi cơm. Việc tắm táp được xếp đặt thành lễ nghi, trật tự. Khách ở xa đến, không gì lịch-sự bằng mời khách đi tắm khi nời nước nóng còn « *trinh vụn* » — (nghĩa là mới đun, chưa có ai vơi ra gạo nào, hay nếu là bể đun thì chưa có ai vào tắm) —. Nếu khách tự nhận là phận dưới hay tuổi còn kén chủ nhà, tất không bao giờ dám nhận hân hạnh vào tắm trước ấy. Trong gia-đình, nếu bố mẹ có nhà mà con vào tắm trước hay người làm tắm trước chủ nhà là những vô lễ không thể tha thứ. Bao giờ cũng phải nhường nời nước nóng còn « *trinh* » ấy cho bố rồi mẹ mới đến phần các con và người làm. Người nội-trợ nào cũng phải sắp quần áo tắm cho chồng và cho con về tắm sau buổi làm chiều. Chồng bước chân vào nhà là vợ đã tháo ra cởi áo ngoài cho chồng rồi mời: — « *DOZŌ, O FURO NI O HAIRI* » — (mời ông đi tắm) —. Đây là bốn phận của người vợ Nhật và chờ lần lượt cả nhà tắm xong rồi mới ăn cơm chiều.

Thực là cả một khoa tế nhị trong đời sống của người Nhật-Bản.

Tôn-Giáo

Kể từ truyền vào đất nước đến nay đã 14 thế-kỷ rồi, Phật-giáo vẫn được coi là quốc-giáo của Nhật-Bản. Từ Quyển I này sắp đi, độc-giả sẽ nhận thấy các sử-gia Nhật-Bản đều đặt Phật-giáo vào một trong những hàng đầu của sử-liệu, mô tả thực tế từ khởi du-nhập đến tiến triển của mỗi thời-đại rồi thứ đến Gia-Tô giáo, thời ở đây, đáng lẽ chúng tôi chẳng nên nhắc đến vấn-đề tôn-giáo nữa. Nhưng nhắc đến để đính chính điểm ngộ nhận về Thần-Đạo — (SHINTHÔ) — và Võ-sỹ Đạo — (BUSHIDÔ).

Đã từ lâu, qua những tài-liệu của Pháp và nước nhà, chúng tôi yên trí tin rằng Thần-Đạo là tôn-giáo chính của Nhật-Bản. Tên những cuốn sách Pháp, nay tuy không nhớ nhưng lời văn vẫn còn khắc trong tâm khảm chúng tôi, rằng : — « *Le Shintô, religion propre du Japon : Thần-Đạo là tôn-giáo chính — (hay là riêng) — của Nhật-Bản* » ; hay là : — « ... la religion dominante est restée le Shintô : tôn-giáo bao quát trên hết vẫn là về phần Thần-Đạo » và sách giáo-khoa của ta cũng dạy : — « *Tôn-giáo chính của người Nhật là Thần-Đạo và Võ-sỹ Đạo* ».

Nhưng nay xem đến chính mấy bộ sử-liệu của Nhật-Bản đều chỉ thấy chép đến quốc-giáo là Phật-giáo chứ tịnh không có nổi lấy một giòng chữ kể đến Thần-Đạo. Bèn đi hỏi cho ra nguyên-nhân thời được biết rằng, Thần-Đạo không phải là tôn-giáo chính thức. Đây chỉ là đường lối, cũng như ở Trung-Quốc và Việt-Nam, từ vua chí dân, ở trong nhà thờ thờ cúng tổ-tiên, làm nghề gì thờ cúng tổ-sư nghề ấy, làm ruộng thờ cúng Thần-Nông ; ra đến ngoài làng, ngoài huyện thờ thờ Thiên, Đế, Thánh, Thần theo các sự-tích cổ-diễn hoặc những anh-hùng có công với quốc-gia hay những trung-thần liệt-sỹ của đất nước...v.v...

Ở Trung-Quốc và Việt-Nam có Đình để thờ Thần-Hoàng, có Đền thờ Vua, thờ Thánh ; có Chùa thờ Phật thời ở Nhật-Bản cũng vậy, có Đình gọi là ZINZA — (Thần-Xã) —, có Đền gọi là MIYA — (Cung) — và Chùa gọi là O TERA — (Tự) —. Duy tại những ngôi Đền của Hoàng-gia thờ tổ-tiên, từ Nữ Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần — (tức nữ-thần Mặt-Trời, AMATERASU

OOMI KAMI, tương truyền là tổ giòng Thiên-Hoàng. Xin xem Chương Ba, mục « *Thần-thoại về khởi nguyên nước Nhật-Bản* » — trở xuống các vị Thiên-Hoàng di-vãng thời gọi là ZINGU — (Thần-Cung). — Đền thờ Thiên-Chiêu Đại-Thần nay ở đất YAMA-DA — (Sơn-Điền) — trên bán-đảo YSE — (Y-Thế) — thuộc Huyện Tam-Trùng. Việc trông nom đèn hương sớm tối ở các Thần-Cung thời tùy cất đặt của Hoàng-gia, còn ở các Đình Thần-Xã cũng không cần đến pháp-sư hoặc Tăng, Ni mà do nơi làng hoặc địa-phương ủy cho người thường dân nào cũng được, miễn là có đức hạnh và thông hiểu chữ nghĩa để cùng khẩn giúp dân gian đến dâng hương lễ bái trong những ngày Tết, Sóc, Vọng, tuần tiết hoặc khi vợ chồng mới lấy nhau hay sinh con được đầy trăm ngày... v.v... Người giữ việc đèn hương này gọi là KANNUSHI — (Quan-Chủ) — tức như ông Đám, ông Từ ở V.N. ta vậy.

Tóm lại, cũng như Trung-Quốc và Việt-Nam, việc thờ cúng Tổ-Tiên, Tiên-Sư, Tiên Hiên, Thần, Thánh, Đế, Thiên... v.v., tại Nhật-Bản gọi là Thần-Đạo. Thần-Đạo không phải là tôn-giáo vì tự nơi nó không cấu tạo nổi một triết-lý, không có Kinh, Kệ, giáo-diệu của màu sắc cá-tính Thần-Đạo. Nhược cố gán ghép cho Thần-Đạo cũng có triết-lý, giáo-diệu thời chỉ là thông thường như : làm bầy tôi phải tận trung, làm con phải chí hiếu, với Thần Thánh phải hết lòng tôn kính và thờ phụng, nghĩa là những giáo-diệu rút ở Phật, Lão, Khổng-giáo. Bởi Thần-Đạo không phải là tôn-giáo chính thức nên các sử-gia mới không chép đến. Vậy, tôn-giáo chính đã không phải, nếu lại bảo Thần-Đạo là thứ tôn-giáo riêng của người Nhật cũng sai nốt vì thờ cúng Tổ-Tiên, Thần, Thánh, Vua, Chúa, Trời, Đất là đường lối chung ở cả Trung-Quốc lẫn Việt-Nam chứ không riêng ở Nhật. Và lại, người, chính-quốc đã không công nhận Thần-Đạo là tôn-giáo chính thời sao khách bàng quan lại cứ cố gán ghép cho người ? Nay về phương diện ý thức, ta nói : — « *Tôn-giáo chính của người Nhật-Bản là Phật-Giáo, ngoài ra, người Nhật cũng như người Trung-Hoa và Việt-Nam, còn thờ cúng cả tổ-tiên, thần, thánh nữa. Lối thờ cúng này, người Nhật gọi là Thần-đạo* ».

Còn sách giáo-khoa của ta dạy rằng : — « *Tôn-giáo chính của người Nhật là võ-sỹ đạo* » — thời là điểm sai lầm nặng nề vì tiếng rằng có chữ « đạo » kèm vào thực đấy nhưng chỉ là danh-từ gói ghém

cái kỷ-luật, cái bổn-phận đề ra cho những người ở trong hàng ngũ quân-đội dưới các thời Mạc-Phủ phải tuân hành. « Đạo » ấy là : *Trung, Chính, Hàng*. Vậy « võ-sĩ đạo » không ngoài nghĩa là bổn-phận, là cái đạo của con nhà võ, của một số ít người trong hàng ngũ chiến-đấu. Vấn tất chỉ có vậy, không nên rườm rà cho lạc mất chính - nghĩa.

Lược luận về Hoàng-Gia và ngôi Thiên-Hoàng

Từ bộ-lạc tiến lên thành quốc-gia vào khoảng thế-kỷ thứ VII trước kỷ-nguyên d.l. đến đương kim Chiêu-Hòa Thiên-Hoàng, nước Nhật đã trải 124 đời vua, chỉ thuộc nguyên một giòng họ.

Có vua, tức chế-độ chính-trị là quân-chủ rồi, nhưng chỉ từ Minh-Trị Thiên-Hoàng trở lại đây mới rõ là Lập-Hiến, còn từ KOMEI TENNÔ — (Hiếu-Minh Thiên-Hoàng, 1846-1866) — ngược lên đến thủy-tổ là Thần-Vũ Thiên-Hoàng, cả thấy 121 đời vua, phần riêng chúng tôi thấy khó mà định danh cho đây là nền quân-chủ gì ? Độc-tài ư ? Tuyệt-nhiên không. Chuyên-chế ư ? Cũng không phải nốt. Rồi đây, đi sâu vào lịch-sử Nhật-Bản, độc-giả sẽ thấy đa số các đời vua là vô-quyền-hành trên phương diện chính-trị nhưng đều có uy tín lớn về Thần-quyền vì toàn dân nhiệt tín vào thuyết nói rằng Hoàng-gia là giòng dõi Nữ Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần — (người ta vẫn thường gọi là nữ-thần Thái-Dương) — và ngôi Thiên-Hoàng chỉ là hiện thân của Thần ở trên ngai vàng để bảo vệ và ban phúc cho quốc-gia. Cho nên, mặc dầu cứ bị các giòng họ khác, nào Hào-tộc, Quý-tộc, Tướng-Quân liên tiếp đoạt mất quyền hành cai-trị nhưng ngôi Thần-Vị chí-tôn vẫn không hề bị suy chuyển. Nhờ ở hoàn cảnh đặc-biệt ấy nên gặp lúc hữu cơ thời Thiên-Hoàng ra lãnh đạo việc nước, nhưng gặp phải thời-dại mà những cường thần lũng đoạn mất quyền hành-chính và chính-trị thời lại lui về Thần-vị của giòng họ mình.

Vậy có thể gọi nền quân-chủ Nhật-Bản là Quân-Chủ Thần-Chế được chăng ?

Nay đang ở kỷ bàng quan mà khái luận về sự-nghiệp và nhiệm-vụ

từ thượng-cổ tới nay của Hoàng-gia đối với đất nước Nhật-Bản thời chỉ thấy có công nhiều hơn là có lỗi. Từ lãnh-tụ một bộ-lạc có thể là mạnh nhất ở phía Nam đảo Cửu-Châu tiến lên mở mang bờ cõi ở trung-nguyên đảo Bản-Châu thời đấy là công gây dựng nên quốc-gia Nhật-Bản của vị khởi tổ, sáng lập nên Hoàng-gia là Thần-Vũ Thiên-Hoàng. Đến thời KOTOKU THAISHI — (Thánh-Đức Thái-Tử) — cầm quyền nhiếp-chính từ cuối đệ Lục sang đầu đệ Thất thế-kỷ sau kỷ-nguyên D. l. thời chấn-hưng Hán-học và Phật-học, phái người sang học kỹ-thuật bên Trung-Quốc cùng hoạch định hẳn một đường lối canh tân chính-trị khả dĩ thành khuôn mẫu tiến bộ cho mấy thế-kỷ về sau, thời đấy là công của Hoàng-gia đắp cốt cho nền văn-hóa riêng biệt của nước Nhật-Bản. Về cận kim thời Minh-Trị Thiên-Hoàng duy tân đất nước, tạo nên kỳ công bất hủ của Hoàng-gia đưa nước Nhật-Bản lên hàng cường quốc ở thế-giới.

Luận về khuyết - điểm thời trên 25 thế-kỷ đế - nghiệp tài nào chẳng có một vài đời lầm lỗi nhưng nhìn vào tư cách của đa số Thiên - Hoàng đều đáng sánh với bậc hiền - giả, lúc nên thời ra làm lợi cho nước, chẳng nên thời lui về ẩn cư không chịu để Hoàng-gia bị ô danh. Rồi đây, độc-giã sẽ nhận thấy có những vị Thiên-Hoàng, tuy lâm vào thời nội loạn do những Tướng-Quân gây nên quá đáng đến nỗi Hoàng-gia không cả ai chịu cấp dưỡng, cung điện đến thành tiêu tụy nát nhur vẫn giữ được chu toàn đạo-đức. Tương truyền rằng, Minh-Trị Thiên-Hoàng khi về tuổi già, hy sinh tất cả bổng lộc cho quốc-gia đương độ cần tiền nên tư phận không còn gì, chịu sống đạm bạc, thỉnh thoảng có muốn ân tứ cho người trong Hoàng-phái bị yếu một thời chỉ biểu được liễn cháo hoa là cùng.

Sở dĩ được như vậy là do nơi Hoàng-gia có nền giáo-dục khe khắt lắm, uốn nắn các Hoàng-thân từ thuở thơ ngây trở đi. Tiếc rằng, việc giáo-dục trong Hoàng-gia tổ chức như thế nào, đường lối uốn nắn các Hoàng-thân ra sao thời hiện những bộ sử-liệu mà chúng tôi có đều không thấy ghi chép đến những chi tiết ấy. Chỉ biết rằng, đã từ cổ thời kia rồi, Hoàng-gia vẫn coi việc giáo-dục để đào tạo nhân-phẩm là chính yếu trong vấn đề bảo vệ thanh-danh nên tuyển những bậc bác học và đạo đức xung vào chức Hữu Đại-Thần — (xin xem mục Đại-Bảo Luật-Linh nơi Chương Bốn) — để rèn cặp các Hoàng-thân. Hoàng-gia còn tự coi như có nhiệm vụ đứng ở hậu trường để giám-đốc ngôi Thiên-

Hoàng, không để có những hành động quá chớn, tỷ như việc buộc Xưng-Đức Thiên-Hoàng phải thoái vị khi bà này đắm mê nhà sư Đạo-Kính. Lại tế nhị đến cả những khía cạnh nhỏ, như cách đặt tên cho những vị Hoàng-thân cũng chủ ý dẫn dắt và khuyến khích, ví như đương kim Thiên-Hoàng là HIROHITO — (Dụ-Nhân) — và Hoàng-tử thời là AKIHITO — (Minh-Nhân) — có nghĩa là rộng tích, lũy để đủ tư cách đạt tới bậc Nhân và một đằng là minh sáng để đạt tới bậc Nhân.

Ngắm lịch-sử các tiền triều của Trung-Quốc và Việt-Nam, mỗi giòng họ làm vua chỉ trong một vài thế-kỷ nhưng thời thường giòng nào cũng có anh-quân lẫn hèn-quân. Ngược lại, Hoàng-gia Nhật-Bản ở ngôi vua đã trên 25 thế-kỷ mà chỉ lưu ân nhiều chứ ít tác oán thời kế cũng đã khéo giữ gìn lắm. Điểm này, dù những người Nhật có ý thức, không tin thuyết nữ-thần Thiên-Chiếu sinh ra giòng dõi Thiên-Hoàng nhưng luận đến hành vi tổng quát của Hoàng-gia cũng phải nhận là có nhiều công trạng với đất nước.

Điểm dị biệt nữa là Hoàng-gia Nhật-Bản chỉ có tên và chức tước chứ không có họ. Người nào có họ là đã bị gạt xuống làm thứ dân rồi — (xin xem tiểu-sử của Tha-Nga Thiên-Hoàng) —. Tất cả Hoàng-thân, vô luận nam hay nữ, đều được phong tước Vương. Tước này không bao giờ đem phong cho triều-thần hay ngoại tộc. Tỷ như, Chiêu-Hòa Thiên-Hoàng, khi chưa lên ngôi thời là HIROHITO SHINNÔ — (Dụ-Nhân Thân-Vương) — và Hoàng-tử hiện tại cũng vậy, là AKIHITO SHINNÔ — (Minh-Nhân Thân-Vương) —. Nhà vua sinh hạ bao nhiêu con là bấy nhiêu Thân-Vương, nếu ai lên ngôi thời có hiệu danh, nhưng không cứ tước Vương mà gọi mãi.

Đến cách chọn người kế ngôi vua cũng khác Trung-Quốc với Việt-Nam bao giờ cũng là con nối ngôi cha trừ trường hợp vô tự hoặc biến cố mới chuyển sang ngành khác trong họ. Trong Hoàng-gia Nhật-Bản thời cha truyền ngôi cho con cũng có, anh truyền cho em, em chỉ định anh làm kế vị cũng nhiều, mặc dầu đã cùng có hoàng-nam. Lại có nhiều trường hợp mà hoàng-nam hoặc hoàng-thân có đầy nhưng lại để công-chúa hoặc hoàng-hậu lên ngôi, như chỉ từ năm 593 sau kỷ-nguyên d. l. đến 759 mà có tới 8 vị Thiên-Hoàng là nữ-phái.

Trung-Quốc và Việt-Nam, vì chỉ có một thông lệ hoàng-nam nối ngôi vua cha nên danh-từ chỉ-định vị Hoàng-tử nào được tuyển trạch kế vị cũng chỉ có một, là Hoàng-Thái-Tử. Ở Nhật-Bản thời vì cách tuyển chọn bất thường nên danh-từ có nhiều, Hoàng-tử được chọn thời cũng là KÔTHAISHI — (Hoàng-Thái Tử) —, em được chọn thời là KÔTHAITE — (Hoàng Thái Đệ) —, còn những Hoàng-thân khác được chọn thời gọi là TSUGU NO MIYA — (Kế Cung). — Do đấy, ở trong Bộ này, để dễ nhớ và thống-nhất danh-từ, chúng tôi tạm dùng chữ « *Thái-Tập* » để chỉ những người được chọn thừa kế ngôi Thiên-Hoàng.

Việc đặt thụy-danh và niên-hiệu

Giòng Thiên-Hoàng làm vua, kể từ Thần-Vũ đến Quang-Nhân Thiên-Hoàng — (770-81 sau k. g.) — trải 1.441 năm của 49 đời, vốn chỉ có húy-danh, dù tại vị hay băng hà rồi cũng cứ tên tục mà gọi hoặc ghi chép. Mãi đến đời Hoàn-Vũ T. H. — (781-806 sau k. ng.) — nói chung từ khởi thời-đại Bình-An mới theo lễ giáo Trung-Quốc mà đặt thụy-hiệu. Vậy những tên như Thần-Vũ lần lượt đến Quang-Nhân T. H. là do thời Hoàn-Vũ T. H. mệnh-hiệu cho cả 49 đời tiền-đế ấy để rồi tục lệ này truyền tiếp cho đến bây giờ.

Cả việc đặt niên-hiệu cũng vậy. Đến thời Hiếu-Đức T. H. — (645-54 sau k., g.) — mới khởi đặt niên-hiệu là Đại-Hóa, nhưng đến hai đời vua kế tiếp là Tể-Minh và Thiên-Trí T. H. lại bỏ đi không đặt niên-hiệu nữa. Sang đến thời Thiên-Vũ T. H. — (672-86 sau k. ng.) — mới lại dùng niên-hiệu và cứ tục lệ ấy bảo tồn cho đến hiện tại.

CHƯƠNG HAI

NHẬT-BẢN VỀ THỜI THƯỢNG-CỔ

I

« Nguồn gốc người Nhật-Bản »

SAU bao nhiêu công phu khảo cứu trong nhiều thế-kỷ của nhiều nhà học-giả Nhật-Bản và sưu tầm của nhiều nhà nhân-chủng-học nước ngoài, cho đến bây giờ vẫn chưa xác định được nguồn gốc người Nhật-Bản.

Theo ước-đoán của những nhà khảo-cứu Nhật-Bản thì từ khoảng 10 vạn năm trước kỷ-nguyên dương-lịch, trên những đảo của nước Nhật ngày nay đã có người ở rồi. Sau đó có những giống người khác, có thể do 3 ngã đến lập-nghiệp trên quần đảo này.

Một ngã từ phương Bắc qua đảo Hoa-Thái và đảo Bắc-Hải-Đạo

mà đến ; một ngã từ phương Tây qua Đại-Hàn và đảo Cửu-Châu mà đến và ngã thứ ba thì từ phương Nam qua Đài-Loan, Lưu-Cầu, Xung-Thăng mà đến.

Có thể có được ưc-đoán trên đây vì các nhà học-giả Nhật-Bản cho rằng, khoảng 10 triệu năm trước kỷ-nguyên, đất Nhật vốn liền với lục-địa. Khi ấy, khí hậu tại Nhật-Bản thuộc về nhiệt-đới, quanh năm chỉ có một màu nóng bức, không thay đổi. Dù ban ngày, trời đất cũng mờ mờ tối, toàn lĩnh thổ như ẩn dưới bóng của rừng sâu rậm rạp. Nhiều loại dã-thú của nhiệt-đới như voi và tê-giác đã có ở đây.

Luận đoán cho rằng đất Nhật vốn liền với lục-địa lại nhờ ở sự có những giống dã-thú này mà vững phần nào. Vì những con vật cổ lỗ nặng nề như voi và tê-giác thì làm thế nào bơi qua được bể rộng để tới đất Nhật ? Thế tất phải liền-lục để chúng lần bộ qua núi rừng mà đến, và đất Nhật thời ấy phải là xứ nóng mới hợp cho sinh hoạt của những loài vật của nhiệt-đới. Rồi sau, bởi biến chuyển lớn lao mà khoảng đất nối liền Nhật-Bản với lục-địa bị sụt thành Nhật-Bản Hải và Đông Trung-Hoa Hải khiến nước Nhật bị tách rời ra để trở nên quần-đảo. Liền đấy, khí-hậu tại Nhật cũng biến chuyển theo, đương là một mùa nóng nực liền miền nay phân ra 4 mùa, nhất là mùa Đông vừa rét dữ vừa dài ngày hơn các mùa khác. Thế là những loài vật của nhiệt-đới bị kẹt trên đất Nhật, không thể vượt qua bể để về xứ nóng nên đành chịu tiêu ma lần lần vì bất phục thủy thổ. Vào khoảng thời gian nào, những loài vật này bị tiêu diệt hẳn, cũng không thể biết được, duy chỉ biết rằng, từ sáu, bảy chục thế-kỷ về sau này, không hề thấy còn voi và tê-giác ở trên bờ cõi Nhật-Bản nữa.

Còn tổ-tiên của dân-tộc Nhật-Bản, từ lục-địa đến đất Nhật là trước hay sau biến chuyển của Nhật-Bản Hải ? Người ta biết rằng, trên đất Trung-Hoa đã có người ở từ khoảng 10 triệu năm trước kỷ-nguyên d.l. thì liệu cũng ngang thời gian ấy, người Nhật đã đến ở trên đất Nhật chưa, điều này chưa tìm được bằng chứng nào hết. Tuy nhiên theo những khám phá của học-giả Nhật-Bản ngày nay thì có thể tin được rằng, từ khoảng 7.000 năm trở lại đây, người Nhật-Bản khởi sơ đã có lập nghiệp trên đất Nhật.

Nhưng là giống người nào thì ngay giữa những học-giả Nhật-

Bản hiện vẫn còn chia rẽ lập-trường, chưa nhất định. Có phái cho rằng, muốn biết gốc tích người Nhật phải tìm đến hải cốt và đồ dùng của cổ-nhân trên đất nước để xem giống với hải cốt và đồ dùng của dân-tộc nào ở trên thế-giới, nhiên hậu mới định đoán được. Nay xem thấy hải cốt của tổ-tiên người Nhật đều giống như hải cốt của người AINO, là một bộ-lạc thổ-dân hiện còn một số ít trên đảo Bắc-Hải-Đạo. Vậy thời giống người đến ở trước hết trên đất Nhật phải là người AINO ?

Có phái lại cho rằng, giống người ở trên đất Nhật từ khởi thời-đại thạch-khí — (khi chỉ mới biết lấy đá làm đồ dùng thô sơ) — trở về trước đều không phải là người AINO hay người Nhật ngày nay. Người Nhật-Bản nguyên-thủy là những dân tộc từ đại-lục tràn qua và từ phương Nam tiến lên rồi pha giống nhau mà tạo nên người Nhật và người AINO hiện tại.

Lại có phái cho rằng, đặc thái — (cái sắc thái riêng biệt) — của tiếng nói Nhật-Bản thuộc vào loại tiếng nói của những dân-tộc Mãn-Châu, Mông-Cổ, Đại-Hàn có pha thêm tiếng nói của những bộ-lạc trên đảo Nam Thái-Bình-Dương. Vậy muốn rõ nguồn gốc người Nhật phải tìm đến những dân-tộc cùng loại ngôn-ngữ ấy ?

Rồi đến phái cho rằng, phải so sánh những tập-quán, lễ-nghi từ cổ xưa truyền lại tại Trung-Quốc, Mông-Cổ và của những bộ-lạc trên quần-đảo ở phía Nam Thái-Bình-Dương với những tập-quán lễ-nghi của Nhật để biết nguồn gốc người Nhật ?

Tổng luận những lý-thuyết trên đây, người Nhật-Bản ngày nay cho rằng, thoát đầu vào khoảng biến chuyển của Nhật-Bản Hải mà nước Nhật bị tách khỏi lục-địa thì đã có những bộ-lạc từ Đông-Nam Á-Châu di cư đến. Thế nhưng những bộ-lạc này có phải là đích tổ của người Nhật hay không thì vẫn-đề vẫn chưa được minh quyết. Duy chỉ chắc rằng, một phần người của những bộ-lạc ấy pha trộn với những người Mãn-Châu, Mông-Cổ, Đại-Hàn và tại các đảo Nam Thái-Bình-Dương kéo đến sau, rồi theo với thời-gian và hoàn cảnh sinh-hoạt của địa-phương mà sắc thể con người có biến đổi để tạo nên một *Tân Dân-Tộc Nhật-Bản vào khoảng chừng 6 hay 7.000 năm trở lại đây.*

II

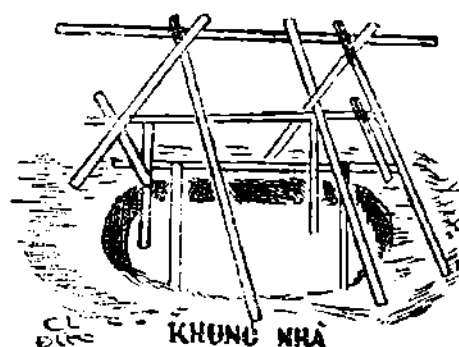
Sinh-hoạt của người Nhật-Bản trong thời-đại « Thạch-Khí »

Nhập đề này, tác-giả bộ NHẬT-BẢN CHI TÍCH có viết :

« Người cổ xưa làm nhà như thế nào để ở, ăn uống ra sao, « may mặc như thế nào, sử dụng những đồ vật gì để bảo tồn « đời sống ?

« Ta cần biết những vấn-đề đó để xét xem trong sinh-hoạt thực « tại của ta có những hình thức nào của cổ-nhân truyền lại và cũng « để so sánh cái mức tiến hóa từ bấy đến nay cách biệt nhau như thế « nào ? Lại cũng để tự lượng mà biết được những nỗi lao khổ của « cổ-nhân đến mức độ nào, đã phải chế biến ra sao, chung lưng đấu « cật góp sức như thế nào để cùng kiến tạo nỗi đời no ấm chung ? »

Theo quan niệm các sử-gia Nhật-Bản, khi con người đã biết làm nhà để ở, đeo đá làm đồ dùng tức là đã tiến bộ, mà đã tiến bộ là con người đã có văn-hóa rồi vậy. Cho nên từ đây sắp xuống, mỗi một tiến triển là lại dùng danh-từ « văn hóa » để chỉ rõ sự tiến triển đó.



Tài-liệu rút trong
cuốn QUỐC-NGŨ TÁN TỪ LÂM



Tài-liệu rút trong
cuốn NHẬT-BẢN CHI TÍCH

Vậy theo hai hình vẽ trên đây, ta quan niệm được kiểu nhà ở của người Nhật-Bản trong thời thạch-khí. Họ tìm những khoảnh đất

cao, thoát nước, để làm nhà ở ngay trên nền đất. Đứng lên đắp nền cao thì ngược lại, trong lòng nhà lại khoét trũng xuống, tùy thành hình bầu dục hay hình tròn là theo kiểu nhà dựng úp chụm lên trên. Cũng có họa hoàn những nền nhà khoét xuống thành bình vuông. Diện tích trung bình của nội tâm chiếc nhà vào khoảng trải được từ trên hay dưới 10 chiếc chiếu Nhật (1).

Cách dựng khung nhà rất sơ sài. Người ta chôn 4 cột cao khoảng trên đầu người xuống bốn góc của trung tâm nền khoét trũng rồi buộc vào mỗi mặt 1 đòn tay để ràng 4 cột lại với nhau. Hai vì kèo thì cắm từ đất lên rồi buộc níu ngang thân kèo vào hai đầu của đòn tay cột cái và đầu kèo cho nhỏ vượt lên để đỡ lấy nóc. Bên ngoài tứ vì của khung nhà, cắm que đều dựng đứng, khi que gần đến nóc thì vít vào cho thành bình thất cổ bằng, đoạn lấy lá hay cỏ lợp ngoài bùng kín từ đất lên đến nóc. Lợp ngoài, vừa là mái nhà vừa là phen vách. Chỉ trừ hai đầu hồi nhà, từ nóc đến chỗ thất cổ bằng là để trống, vừa lấy ánh sáng vào nhà vừa để thông hơi. Nhà nào cũng như nhà nào, trông hình chum chụm như cái tổ ong thực lớn bám chặt xuống đất, chỉ trở mỗi một cửa ra vào về hướng Nam là dụng ý đón gió lẫn ánh sáng. Bếp đun ngay giữa nhà, chụm củi trên nền đất. Ban đêm lấy bếp làm đèn và mùa đông thì bếp là chỗ sưởi ấm.

Những kiểu nhà này, người Nhật gọi là THATTE ANA NO IE — (lập huyết chi gia) —, nghĩa là nhà làm trên cái hang đào thẳng xuống đất.

Thế theo tiến hóa tuần tự chung của nhân-loại, dân-tộc nào cũng vậy, đều qua thời-đại ở hang rồi mới tiến lên thời-đại làm nhà. Nhưng tại Nhật-Bản không tìm được vết tích ở hang. Điểm này có thể lấy làm dẫn chứng cho việc cấu tạo nên dân-tộc Nhật-Bản chỉ từ sau khi nhân-loại đã thoát cảnh ăn hang ở lỗ. Tại Huyện Kỳ-Ngọc ngày nay, có nhiều hang núi đá gọi là dãy YOSHIMI NO HAKKETSU — (Cát-Kiến Bách Huyết) — trong đó có dấu vết của

(1) — Mỗi chiếc chiếu — (THATAMI) — Nhật rộng khoảng 2ms. Ngày nay, người Nhật vẫn còn lấy « chiếu » làm đơn-vị cho bề mặt của nhà cửa. Tỷ dụ : — « SONO HEYA WA, ROKU JÔ NO THATAMI DE ARU : cái buồng ấy trải được 6 chiếu ».

người cổ xưa, nhưng chỉ là những hang mà thổ-dân dùng làm nơi « táng ngữ » thân người chết — (tức là vứt bỏ mà không chôn) — vào đấy.

Những kiểu nền nhà đào trùng như trên đây, nay đào tìm thấy rải rác trên khắp đất Nhật. Ta phải kể đến những nền đào thấy trước tiên ở thị-xã Huyện Tĩnh-Cương, rồi lần lần đến những nền kế tiếp làm lui về cuối thế-hệ thach-khí. Nhận xét về những kiểu nhà này, người ta điểm số cột, diện-tích cùng sự đào sâu hay nông của nội tâm, nghiệm từ khuôn khổ nền nhà đến đồ dùng còn lưu lại thời thấy rằng luôn luôn có sự cải-tiến.

III

Tập hợp thành xóm mạc

(Mẫu-hệ và phụ-hệ)

Trong mỗi chiếc nhà kiểu tổ ong đào nền chũng này thường quây quần từ 3 đến 10 người của mỗi gia-tộc. Vậy mỗi gia-tộc này do ai làm chủ điều khiển ?

Theo sử-liệu thời từ khởi tạo nên gia-đình đến gia-tộc rồi sinh hóa nên nhiều ngành, nhiều chi để kết hợp thành bộ-tộc — (nhiều ngành trong một giòng họ hợp thành một bộ-lạc nhỏ) — đến khoảng Thần-Vũ Thiên-Hoàng xuất quân chinh-phục đảo Bản-Châu, nói chung vào mạt kỳ của thời-đại thach-khí. xã-hội Nhật-Bản thượng cổ ấy theo về mẫu-hệ. Bởi nữ-giới làm chủ gia-đình và gia-tộc nên ảnh hưởng sang cả phần tín-ngưỡng. Xuống những trang dưới đây, độc-giả sẽ nhận thấy tất cả thần-thoại của thời này đều nói về nữ-thần cả, dĩ chỉ những tượng đất nung thuộc thời-đại Thằng-Văn — (xin xem mục « Thach-khí và Thổ-khí » dưới đây) — cũng chỉ tìm thấy đặt tượng đàn-bà.

Chỉ từ sau triều-đình Đại-Hòa được thiết lập, manh nha nên nền chính-trị trung-ương thời xã-hội mới đổi sang phụ-hệ. Tuy nhiên chế-

độ mẫu-bệ chưa phải một sớm một chiều đã dứt đi được nên sách Ngụy-Chí — (xin xem mục « *Da-Mã Đài Quốc* » ở Chương Ba) — của Trung-Quốc mới chép đến mấy đời Nữ-Vương tại Nhật-Bản ở khoảng đầu kỷ-nguyên d.l., cùng triều-dại Đại-Hòa đến mãi đầu thế-kỷ thứ VIII sau kỷ-nguyên vẫn còn quan-niệm coi gái cũng như trai nên mới có đến 8 đời là nữ Thiên-Hoàng.

Trở lại vấn-đề mỗi gia-tộc quy tụ vào một chiếc nhà, họ không ở nhất định mãi một chỗ, thường thường di-chuyển đến những khu đất mới, có thể vì lẽ lối du-canh hoặc du-nghiệp (1). Lập-nghiệp ở chỗ đất mới nào thời tất cả những gia-tộc thuộc ngành họ cùng quây quần, phần vì tình huyết mạch lân lý, phần để cùng chung lưng đấu sức trong những cuộc săn bắn, chài lưới, hay chống lại mãnh thú cùng thiên tai. Xóm mạc được lập thành từ đấy để chuyển sang thế hệ BUZOKU (Bộ-tộc).

Những xóm này thường được chọn và cắm trên những khoảng đất cao ráo về hướng Nam của đồi núi là để tránh gió Bắc quá rét lạnh, được nhiều ánh mặt trời và cũng để tiện nước nổi, chài lưới, săn bắn. Nhà của mỗi xóm thường dựng tản xung quanh một khu đất rộng. Tại chính giữa khu đất này, có một chiếc nhà lớn hơn nhà thường ở. Đây là nơi của xóm hội họp để tế lễ, hội hè, giải trí hoặc có cần đến việc gì phải đấu sức làm chung ?

Dần dần, nhân dân bỏ lối khoét trũng nền nhà để ở trên nền bình địa để tránh ẩm thấp, tối tăm của lối làm nền khoét hoắm xuống. Lại còn có nhà lấy đá xếp phẳng lên nền để tỏ cái ý thức của những con người « mới » của thời thạch-khí. Vậy, bỏ nền thấp để ở nền cao là một tiến bộ về khoa kiến-trúc của cổ thời, chứng tỏ con người dù ở thời-dại nào cũng luôn luôn cầu tiến.

(1) *du-canh* : thay đổi chỗ cây cối trồng trọt vì lý do đất kiệt màu. *du-nghiệp* : thay đổi chỗ ở vì lý do hết trái cây, ít ruộng thú hay cá tép. Ngày nay, đồng-bào Thượng tại Bắc cũng như Nam V.N. vẫn áp dụng lối du-canh, du-nghiệp này.

IV

Thạch-Khí và Thổ-Khí

(đồ dùng bằng đá đập, đá mài và bằng đất nung)

Những cuộc khảo sát về sinh-hoạt về cổ thời-đại tại Nhật-Bản cho thấy rằng, chỉ từ sau khi cải-tiến từ nền nhà khoét trùng sang nền nhà bình-địa có rải đá, người Nhật thời ấy mới biết tạo nên đồ dùng. Trông vào hình thù những loại đồ dùng đó, người ta cũng luận được đại-cương cuộc sinh-hoạt của thời ấy.

Thoạt tiên là đồ dùng bằng đá, rồi đến bằng đất nung, tiếp theo là những loại bằng gỗ — (mộc-khí). — Ngày nay, những nhà khảo-cổ tìm thấy nhiều đồ dùng bằng đá hay bằng đất nung trên đây vứt bỏ lẫn với những đồng vỏ trai, vỏ sò hến bị chôn vùi ở dưới đất. Rất có thể, ở thời ấy, cả xóm có thói quen đem vỏ sò hến cùng những vật thừa sau bữa ăn vào một chỗ, rồi nhân tiện lấy chỗ ấy làm nơi vứt bỏ những đồ dùng hoặc thừa hoặc xấu nên ngày nay mới tìm thấy lẫn lộn nhiều thứ. Lại còn có cả những loại đồ dùng chế tạo bằng xương các giống dã thú.

Đem xếp những đồ dùng bằng đá theo thứ tự, từ những thứ cực kỳ thô sơ, như lấy đá lớn đập vỡ nhỏ ra rồi chọn những miếng thuận tiện mà dùng cho đến những loại mài dũa tỉ mỉ tùy theo sự tiện dụng của mỗi loại công việc mà chế biến hình thù thời thấy rằng, người Nhật-Bản thời thạch-khí, tiến từ « đá đập » sang « đá mài » cũng mất nhiều thời-gian lắm.

Khi loại đồ dùng bằng đá mài ra đời thì người Nhật cũng đã bắt đầu chế được đồ bằng đất nung song hành với một vài thứ đồ bằng gỗ. Tuy đã có pha tạp đồ đất nung và đồ gỗ, nhưng vì đồ dùng bằng đá vẫn nhiều hơn cả, chứng tỏ người lúc bấy giờ lấy đồ dùng bằng đá làm thứ thông dụng, nên sử-gia Nhật-Bản ngày nay gọi chung cả là THỜI-ĐẠI THẠCH-KHÍ.

Vậy thời đại thạch-khí tại Nhật-Bản kéo dài mãi đến bao giờ ? Về điểm này, các nhà khảo-cổ Nhật-Bản cũng chưa trả lời được dứt khoát, vì, tuy cùng trên đất Nhật, nhưng thời-gian chế tạo nên đồ dùng

và thói quen xử dụng lại tùy từng địa-phương mà có nhanh có chậm, chênh lệch nhau nhiều thời gian lắm. Tuy nhiên, các sử-gia cũng trả lời khái quát rằng, THỜI-ĐẠI THẠCH KHÍ kéo dài mãi đến khoảng thế-kỷ thứ III sau kỷ-nguyên d.l. Như vậy, cổ-nhân Nhật-Bản dùng đồ đá đập và đá mài suốt trong khoảng trên 40 thế-kỷ để kế tiếp bằng thời-đại làm đồ dùng bằng kim-khí truyền đến bây giờ.

Trong khoảng trên 40 thế-kỷ của thời-đại thạch khí nói chung ấy, dân-tộc Nhật-Bản cũng tạo được nhiều giai-đoạn tiến bộ điển hình bằng làm ra và cải-tiến nghề nung đồ dùng bằng đất sét. Các sử gia chia từ khởi chế sang cải-tiến nghề nung đồ đất này thành hai thời-đại tượng-trưng cho sự phôi thai và tiến bộ của nền văn-hóa trong thượng-cổ thời-đại là :

— JÔMON SHIKI BUNKA KI — (Thăng-Văn Thức Văn-Hóa Kỳ).

— YAYŌI SHIKI BUNKA KI -- (Di-Sinh Thức (1) Văn-Hóa Kỳ).

V

Đặc thái của đồ đất nung trong thời-đại thạch-khí

Trong thời-đại thạch-khí, tuy đồ đất nung có ít hơn đồ dùng bằng đá, nhưng song hành với sự cải-tiến từ đá đập sang đá mài, đồ đất nung cũng chứng tỏ có nhiều dụng công tiến triển.

Nhưng loại đồ dùng này, khi mới khởi tạo được cũng có nhiều thứ nhưng rất thô sơ, miễn là có để ứng dụng cho nhu cầu. Ngày nay, căn cứ vào hình dáng, vào cách thức và thời-gian chế tạo trước hay sau, các nhà làm sử Nhật-Bản chia đồ đất nung trong thời-đại thạch-khí ra làm hai loại :

(1) Thức : là lối, kiểu dáng, có nghĩa như style của Pháp.

— Thăng-văn thức thổ-khí.

và — Di-sinh thức thổ-khí.

để đánh dấu cho hai giai-đoạn tiến bộ về văn-hóa của thượng-cổ thời-đại.

Loại Thăng-văn thô sơ lắm. Tỷ như muốn nặn một cái hũ, thoát thủy người ta lấy đất sét khoan tròn làm đáy rồi lấy miếng đất khác khoan tròn lại làm thân, đoạn chắp dính vào đáy. Xong mới chắp đến vai, cổ rồi sửa sang bên ngoài nên khi nung được thành cứng thì thân hình cái hũ xù xì những vấu cùng mắt của sự chắp nối.

Loại Di-sinh thì da trơn, có loáng thoáng một vài đường hoa gạch chìm xuống, nông nông và nhỏ nhỏ. Tuy nhiên, nếu so bề cân đối về hình dáng và khéo léo về cách nặn thì loại này có phần khả quan hơn, khả dĩ gọi được là mỹ phẩm của thời-đại thạch-khí vậy.

Loại Thăng-văn được chế tạo trước và đặc dụng trong khắp miền Đông nước Nhật. Loại Di-sinh thì ra đời sau và phổ thông ở khắp hai miền Quan-Tây và Cửu-Châu.



Loại đồ Thăng-văn



Loại đồ Di-sinh

VI

Tổng luận về hoạt-động sinh nhai của người Nhật-Bản trong Thời-đại Thạch-khí

Những nhà khảo-cổ và sử-gia Nhật-Bản ngày nay, sở dĩ tìm hiểu được cách hoạt-động để sinh nhai của người Nhật trong thượng-cổ-thời, phần lớn nhờ nơi bới tìm được những tài-liệu trong các đồng vò sò hến của thời-đại ấy còn lưu lại. Ngoài những đồ dùng trong nhà bằng đá đập, đá mài, bằng đất nung hoặc bằng xương đã thú, người ta còn tìm được những mũi tên bằng đá rất thịnh dùng ở đầu thời-đại thạch-khí trong những cuộc săn bắn. Căn cứ vào những mẫu xương còn lại lẫn với vỏ sò hến thì biết rằng những cầm thú săn bắn được nhiều nhất trong thời-đại ấy là : gấu đen, gấu xám, chó sói, hươu nai, lợn rừng, thỏ rừng và diều-hâu, cá, gà rừng v.v...

Trông vào bức họa dưới đây, vẽ theo bản khắc vào chiếc chuông đồng của đệ bát thế-kỷ sau kỷ-nguyên, ta thấy năm, sáu con chó săn quay một con lợn rừng cho chủ dương cung tên ra bắn thì rõ ràng, từ những thời-đại xa xôi ấy, người ta đã vực



Người thượng-cổ đi săn.
Tài-liệu rút trong N.B.S.S.L.T.

được chó để giúp vào những cuộc săn bắn. Săn bắn ở thời-đại thạch-khí, không phải là cuộc thể-thao giải-trí như ngày nay, nhưng là chủ yếu cho vấn-đề sinh sống vì dân gian chưa biết canh-tác. Họ còn đào những hố sâu và lớn để đánh bẫy những thú lớn đi kiếm ăn ở những lông ven rừng. Nhận xét những hố to lớn này và căn cứ vào xương ăn rồi đem đổ đồng vào cùng một chỗ thì thấy rằng, trong những cuộc săn bắn hoặc đào hố đánh bẫy, người Nhật-Bản trong thời thạch-khí cùng đấu sức nhau làm và cùng chia nhau hưởng (1).

Đến việc đánh cá, có những lối thông thường như nhặt đá ra ngồi rình ở bờ bể, bờ sông, chờ cho cá đi qua rồi ném cho bị tử thương đi mà nhào xuống bắt. Lại vót xương thú làm lưới để câu cá nhỏ, làm những mũi lao bằng đá để phóng bắt cá lớn. Người ta còn tìm được những hòn cặp chân lưới bằng đất nung thì biết rằng việc chài lưới cũng đã khởi đầu. Và cũng đã biết đục những thân cây lớn làm kiểu thuyền độc mộc để đánh cá ở ven bể hoặc trên khoảng những khúc sông sâu và rộng.

Bởi tìm trong những đồng cỏ sò, hến, thấy ngoài những loài sò hến sinh sản ở những nơi nước nông, còn có cả vỏ những loài hà sống mãi dưới bể sâu để chứng rằng, ở thời-đại ấy đã có nhiều người chuyên-môn lặn bể để kiếm lương thực. Ngoài những thức ăn bằng thịt, cá, họ còn vào rừng hoặc ra các bãi để kiếm trái cây, măng, nấm, rau cỏ của thiên nhiên hay lặn xuống bể vớt những loại rong ăn được.

Kiểm được thức ăn về, họ dùng rìu hay dao bằng đá thái ra để nướng hoặc cho vào nồi đất nấu lên, đun đổ ra đĩa bằng đá, ra lá cây rồi cả gia-tộc cùng quây quần, ngồi xếp xuống đất, ăn ngay ở cạnh bếp.

Tổng luận, người Nhật-Bản trong thời-đại thạch-khí sống nhờ nơi các món ăn thiên nhiên, như săn thú trong rừng, bắt cá dưới sông, hái rau ngoài nội. Đời sống ấy là đời sống lần hồi qua ngày chứ không thể có thừa. Về sau lần lần dân có phần tăng, sản vật thiên nhiên thì kiếm mãi cũng phải hết dần đi, nên trước vấn-đề sống còn, họ phải tự

(1) Ngày nay, đồng-bào Thượng khắp các miền thượng-du Bắc Phần vẫn còn tục lệ, bề đi săn thì con trai cả thân xóm cùng đi. Nếu được con thú nhỏ thì dù ít nhưng bọn đi săn cùng uống rượu vui với nhau một bữa. Nếu được con thú lớn thì đếm đầu người của mỗi gia-đình, vô luận trẻ già trai gái mà chia thịt ra phân phát đồng đều.

tạo lấy phương tiện bổ túc bằng trồng hoa màu ở trên những bãi đất cao và rồi tiến tới kỹ-thuật cấy lúa nước, lấy hạt gạo làm lương thực chính.

Nhờ có lúa gạo, kèm với hoa màu, thịt cá, rau cỏ, trái cây nên đời con người đã được thư thái, nhưng sự thư thái đây chưa bảo đảm được cho những bất trắc của ngày mai. Là vì, đất ở khu này đã kiệt hết màu mỡ, thú rừng và cá mú đã bị bắt thưa vơi đi rồi thời lại phải di chuyển đến nơi khác. Mỗi khi đổi chỗ ở như vậy, chưa phải bỗng chốc đã gây dựng ngay được cơ sở no ấm. Lại còn những ngày mưa, ngày bão, những ngày rét với băng tuyết ngập trời làm bế tắc cả mọi việc đi kiếm ăn ở bên ngoài thì sự thiếu thốn là cầm chắc, nên những con người cổ xưa ấy đành nhẫn nại mà cam chịu thiếu thốn vậy.

Sự thiếu thốn này là chung của cả mọi người, không phân biệt một ai. Vì sao bản chung, chài lưới gộp, được ít được nhiều cùng chia đều cho thôn xóm nên có cùng ăn, không cùng nhịn, cảnh giàu nghèo cách biệt chưa phát sinh trong thời-đại thạch-khí vậy.

VII

Quần áo

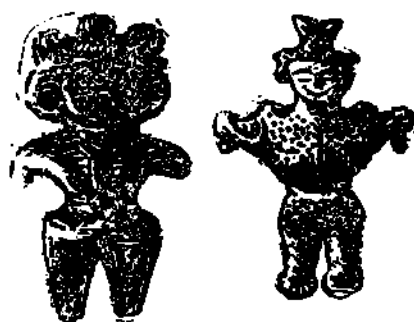
Ở đâu cũng vậy, thời đại nào cũng thế, nhu yếu tối thiết cho con người là cơm ăn, áo mặc và nhà ở. Cơm ăn và nhà ở của người Nhật trong thời-đại thạch-khí đã được trình bày rồi, giờ xin lược đến áo mặc của họ.

Cách may mặc của người Nhật trong thời-đại ấy như thế nào ? Căn cứ vào đầu mà biết được ? Các nhà khảo-cổ cùng sử-gia căn cứ vào những bức tượng bằng đất nung của thời-đại thạch-khí còn lưu lại mà luận ra kiểu may mặc của người thời ấy.

Thoạt tiên chỉ có mảnh vải thô sơ, quấn quanh bụng dưới để che phần hạ thể, tựa như thổ-dân một số đảo nhỏ tại Nam Thái-

Bình-Dương còn mặc ngày nay vậy. Lối mặc này gọi là KOSHI MAKI I — (yêu quyền y) — Đoạn rồi cải sang lối dùng cả tấm vải rộng quảng từ vai trở xuống hết như áo cà-sa của nhà sư nên gọi là KESA I — (cà-sa y) — Mãi sau, khi đã có ý thức về may cắt rồi mới biết lấy mảnh vải dài, khâu gập hai bên mép rồi khoét cổ, trở hai sống tay và mặc buông mãi xuống quá gối, làm thành kiểu cả áo lẫn quần. Khi mặc thì trùm cả áo lên đầu rồi luồn cổ, luồn tay mà buông xuống nên kiểu áo này gọi là KANTHÔ Y (quần đầu y).

Cả ba giai-đoạn cải-tiến thành ba kiểu Yêu-quyền, Cà-sa và Quán-đầu như trên đây là của những người ở phía Nam nước Nhật, mặc theo khí hậu nóng nực. Còn những người ở phương Bắc rét lạnh thì họ lấy vải dày may bó chặt lấy mình, còn phần hạ



Tượng bằng đất nung trong thời-đại thạch-khí

Tài-liệu rút trong cuốn Nhật-Bản Chí Tích.

thể cũng cắt may thành thứ quần dài, chèo ống như người Nhật-Bản hiện tại vẫn mặc vậy.

Chúng tôi xin nói thêm rằng, lúc sơ khởi, khi mới biết lấy tấm « vải » che phần hạ thể để thành chiếc Yêu-quyền y, thì tấm « vải » đó hoặc bằng da thú hay bện bằng một thứ dây leo nhỏ và mãi về sau mới biết tước đay để dệt thành vải thô dệt.

VIII

Lòng tin vào thần-quyền, vào ngoạ-pháp

Không kể riêng gì dân-tộc Nhật-Bản mà nói chung về nhân-loại cổ-thời, khi mà chưa được ánh sáng khoa-học soi tới, khi còn phải đem sức mỏng manh của con người ra phấn đấu với sức mạnh cao cả của thiên-nhiên thì dân-tộc nào cũng khiếp sợ thiên-nhiên. Từ khiếp sợ phát sinh ra lòng tin vào một thế lực huyền bí tức là thần-quyền vạn pháp vạn năng mà không bao giờ dám có hành-động nào, cho rằng làm như thế là nghịch lại với thế lực huyền-bí thiên-nhiên ấy. Do đấy, cổ thời chỉ một niềm khiếp sợ thiên-nhiên chứ không có ý tưởng lợi dụng thiên-nhiên để phục-vụ cho đời sống con người. Ngược lại, con người trong thời-đại ấy chỉ một niềm cầu khẩn thiên-nhiên ban phước, tránh họa cho.

Người Nhật-Bản của cổ đại thạch-khí cũng mạnh tin vào thần-quyền, cho rằng thần-quyền chi phối tất cả mọi vật hữu hình và vô hình. Tỷ dụ như khí hậu thay đổi, mưa tuôn, gió cuốn, hoặc là đánh được ít cá, săn không được thú thì không biết tìm cách bổ túc cái tiến cho nghề kiếm thêm được nhiều cá, săn thêm được thú mà chỉ cho rằng đấy là Thần đã làm ra như thế. Cho nên họ thờ cúng Thiên-Thần, Hải-Thần, Sơn-Thần và tin rằng Thần có khả năng siêu phàm ướng nghiệm cho người trần biết ý kiến của Thần bằng bùa chú, bằng phù phép. Tình trạng này, cho đến ngày nay, kể ra vẫn còn thịnh hành ở cả thế giới, tại những địa-phương mà văn-hóa kém mở mang. Thôi thì pháp thuật bùa bèn, tiên-tri, bói toán, những trò lạc hậu ấy vẫn chưa thể dứt đi được.

Người Nhật thời xưa còn sợ cả lửa vì tin rằng lửa cũng do Thần làm ra. Vì trước sức phun lửa ghê gớm của Hỏa-diêm-sơn, trước sức tàn phá vũ bão của lửa khi thiêu đốt núi rừng, ngược lại, khi lửa cháy một cách dịu hiền ở trong bếp thì lại làm chín được các món ăn, làm cho ấm cúng cửa nhà nên họ ngạc nhiên rồi đâm ra sợ cái huyền bí vừa HUNG lại vừa THIỆN của lửa ấy. Thế là họ lại thờ cả vị Hỏa-Thần nữa.

Tục thờ cúng Hỏa-Thần vẫn được duy trì cho đến ngày nay. Hiện tại, trên khắp nước Nhật, hầu hết các nhà đều có bàn thờ KAMADO KAMI — (Táo Thần) — hay là KÔJU — (Hoang Thần) tức như Táo-Quân hay Ông Vua Bếp ở V.N. Việc thờ cúng này do đàn bà phải chủ-trương hàng ngày vì các bà là phận sự bếp núc. Ngày nay còn như thế, chắc hẳn về cổ thời, giới phụ-nữ cũng phải đảm nhiệm như vậy.

Còn một nguyên nhân nữa, tại sao giới phụ-nữ Nhật lại đảm nhiệm việc thờ cúng ở trong gia-đình ? Là vì, trong thời-đại thạch-khí, giới phụ-nữ được trọng vọng hơn nam-giới, nhất là những bà mẹ thường làm chủ gia-đình. Bởi thế, những tượng đất của thời-đại ấy còn lưu truyền đến ngày nay, hầu hết mới là tượng những bà nạ giòng.

Về phía nam-giới, mọi người đều theo tục trở chàm khắp người — (vẽ mình). — Từ 14 hoặc 15 tuổi sắp lên là bắt đầu trở, trước hết là để tỏ ra cái điều ta đây đã trưởng thành và sau vì tin rằng, có trở người mới tránh được mọi sự không may, mọi điều nguy hiểm. Ngày nay thì tục trở chàm vì mê tín không còn nữa, thỉnh thoảng tuy còn có đôi người trở chút ít là do tính thích chơi kiểu ấy.

IX

Ghét uế khí, sợ tà ma

Phong thói « *phi phi* » để tẩy trừ uế khí khỏi bám vào mình bằng cách tránh sui sẻo rất thịnh hành trong thời-đại thạch-khí và cũng còn một vài lẽ lối « *phi phi* » như vậy lưu truyền đến ngày nay. Tỷ như, các đồ vật hiện tại, trước khi bắt tay sử dụng với đối phương, vẫn có lệ lấy muối rắc trước khắp thân vật và trai giới bằng súc miệng cọ răng cho thật sạch. Đến cả dân gian, trước khi vào lễ

Chùa hoặc lễ tại Đình — (Thần-Xã) — cũng đều trai giới bằng rửa miệng cọ răng ngay từ cửa ngoài Chùa hay Đình kia rồi (1).

Làm như vậy, tức là tẩy trừ ứ khí để cho Tâm và Thân mình được trong sạch trước khi bắt tay vào một việc trọng đại quan hệ đến nhân phẩm thanh danh, tựa như ti thí hay lễ trước Thần-Minh. Ngoài ra, sử-gia Nhật-Bản còn cho rằng, việc tẩy trừ ứ khí là lý-tưởng để sống xứng đáng với nhiệm vụ. Trước khi bắt tay vào việc gì mà tự nhận thấy bốn phận nam-nhi phải đảm nhiệm là đều trai giới, tẩy ứ rồi đến lễ trước Thần-Minh để tỏ rằng, đem tấm lòng mình chính dâng trước đấng Chí-Tôn chứng giám cho sự nhất quyết khắc phục gian khổ kỳ đến thành công. Điểm này có thể gọi là *Ý Chí Mạnh* của người Nhật vốn đã có từ cổ xưa kia vậy.

Trở lại điểm ghét ứ khí, sợ tà ma của người Nhật ở cổ thời, họ cho người chết là ứ vật bậc nhất, để cái thầy ở đâu thì ứ khí vương vãi ra đấy, nên khi có người chết là họ mang thầy đi vút thật xa, nơi không ai qua lại, như ngoài bờ bể hay trong núi sâu, cốt để tránh cho người sống khỏi nhìn phải. Tuy đã vút bỏ thầy đi xa rồi, nhưng lòng vẫn sợ hồn người chết đó còn lẩn quẩn quanh nhà để gây trở ngại cho người sống.

Thoạt thủy ở đầu thời đại thạch-khí thì vút xác người chết ra lộ thiên như trên đây, sau rồi lại cải đổi sang việc chôn cất. Ngày nay, đào các đồng vó sò bển, thường khi có gặp những bộ xương người của thời đại ấy, chân tay bị bó gập lại, đầu gù xuống phía gối và đôi một cái nôi đất to tướng còn hai tay thời ôm khư khư một hòn đá thật nặng. Chôn người chết như vậy, có lẽ là một cách khoán để

(1) Năm 1943, chúng tôi cũng dự kiến một cuộc lễ tẩy trừ ứ-khí trong ngày khánh thành xưởng làm tương của Sở Bình-Lương Nhật-Bản đóng tại Hà-Nội. Lễ cử hành có vẻ trọng thể lắm. Viên kỹ-sư quản-lý đi đầu, tiếp lần lượt đến mấy sỹ-quan và khách được mời cùng đại-diện công-nhân mỗi ngành của Xưởng, mỗi người đều cầm một bát đầy đồ tương pha với muối. Khởi tự vào-phòng, đến Xưởng, đến kho, cả đoàn cùng len lỏi vào hết các góc nhà, đến đâu cũng dùm một dùm đồ với muối trong bát ở tay mình mà ném mạnh, hoặc lên trần nhà, hoặc vào các góc tường. Mỗi lần cùng ném, miệng cùng hô to : — « *FUKU WA NAKA* = Phúc-Thần, xin chào trong nhà », tiếp ném lần sau thì lại cùng hô : — « *AKUMA WO SOTO* : Đê Tà ma ác quỷ thì cút đi ». Cứ lần lượt ném và cứ lần lượt hô cho kỳ đến hết đồ tương và muối trong bát thì lễ tắt. Và ngày hôm sau, Xưởng mới bắt tay vào công cuộc sản-xuất.

khỏi thành quỹ nhập-tràng và cũng để vong hồn không về được nhà mà quấy nhiễu hay reo rắc những sự chẳng lành cho người sống.

X

Lòng sùng bái cảnh vật thiên nhiên

Đối những cảnh vật thiên nhiên, như mặt trời lặn, mọc tạo nên sớm tối, mưa bão tàn phá, núi rừng hùng vĩ, sông rộng nước bằng, động đất rung chuyển, người Nhật-Bản trong thời-đại thạch-khí tin rằng sức người nào có thể tạo nổi những hiện tượng ấy, mà nếu sức người đã không tạo nổi thì đây phải là Thần rồi. Ngay đến cả những viên đá nho nhỏ, nhưng thấy nó dị sắc kỳ hình. cũng đều cho là vật của chư Thần nên đều nhặt về làm đồ nghề trong việc cúng vái, thờ phù pháp-thuật.

Nói tóm lại, đối với mọi vật quanh mình nhưng chưa biết là gì hoặc thấy là dị sắc kỳ hình hay tưởng rằng vật ấy có thể đem lại họa, phúc cho mình thời họ đều sùng bái mà tôn là Thần, Thánh cả (1).

1) Quan niệm tín-ngưỡng có khác V.N. ta. Ta thì cho rằng, sông núi là một thể vật có vị Thần cai quản, nhưng người Nhật lại tin rằng chính những thể vật như Sông, Núi, Mặt Trăng... v.v... là Thần nên thường gọi núi Phú-Sỹ là O FUSHI SAMA — (Thần Phú-Sỹ) hay mặt trăng là O TSUKI SAMA — (Thần Mặt Trăng).

CHƯƠNG BA

THỜI KỲ KIẾN TẠO QUỐC-GIA

I

Nền văn-hóa tiến chậm chạp khi mới phôi thai

THEO sự phân tích của những nhà học-giả cùng sử-gia Nhật-Bản thì người Nhật về đầu thời-đại thạch-khí phải qua thời kỳ nhất loạt sống lẫn với hoang dã, săn thú, bắt cá, mò trai, hái trái cây trong rừng, vật hoa cỏ ngoài nội để sinh sống mất ngót 3.000 năm.

Ở đây có thể đặt thành nghi vấn ? Dù là con người cổ xưa đi nữa, nhưng khi đã biết lấy lửa, chế biến đá và xương thú thành đồ dùng, kiếm cây que cắt nhà để ở thì đã thông minh rồi. Sao không

nhân điểm thông-minh ấy mà dụng công cải-tiến để nâng cao đời sống củ chịu giam hãm mãi trong hoàn cảnh bán khai dài ngày đến như thế ? Suy luận ra thì vấn-đề cũng dễ hiểu.

Tạo-hóa sinh ra con người ở buổi đầu, vốn chỉ số ít, lại với hai bàn tay không, trơ vơ giữa đồng hoang cổ đại, núi rậm trập trùng, mỗi bước chân đi là mỗi gặp trở lực thiên nhiên cần phải phấn đấu thu dẹp. Đã thế, hàng ngày lại bị bao tử nó thúc dục, muốn gì hãy mặc bỏ đấy, cốt yếu phải chạy cho có ba bữa ăn đã. Mà chạy được ba bữa ăn nào có dễ dàng gì ? Bao nhiêu thì giờ lên lỏi trong rừng hoặc lang thang ngoài bãi cho được mấy trái cây hoang, mấy nắm rau dại, bao nhiêu sức lực nguy nan mới săn được con thú, bao nhiêu công phu lặn lội mới bắt được con cá ? Cho nên con người của thời-đại ấy đều bị bữa ăn nó chi phối và thiên nhiên cản trở nên đầu tắt mặt tối suốt ngày, sống được đã là may, còn thì giờ đâu mà nhàn nhả nghĩ ngợi cho có sự cải-tiến. Dân hoặc đôi khi có rảnh tay thì trong nhà lại không có cái này, thiếu thốn cái kia, mà từ không có đến có, phải trải bao nhiêu công phu và ngày giờ để chế biến từ hòn đá sang đồ dùng, từ vỏ cây sang chiếc lưới hoặc manh vải che thân, nhất nhất không thể trông chờ vào ai bán, ai cho mà đều phải giáng thân tận lực ra tự làm lấy. Nhưng nào có thể mà thôi. Còn khi con người bị lâm vào yếu mệt hay trước sức tàn phá bạo tàn của thiên nhiên tưởng đến sắt đá cũng phải nản lòng trong vấn đề gây dựng lại túp lều, tìm kiếm lại vật dụng: Lại những đàn con măng sữa ra đòi, chúng làm tăng thêm miệng ăn, tăng thêm sức bù tri chăm ẵm thì thế tất nhiên, con người của thời-đại ấy là bị chậm tiến rồi.

Nhưng chậm tiến chứ không phải không tiến, nên lần lần thoát khỏi cảnh sống hoang dại kéo dài trong gần 3.000 năm ấy để chuyển sang thời-kỳ có :

Kỹ-thuật canh-tác

Từ thời-đại hoang vu cổ sơ, cây lúa tự nhiên mọc lên ở những ven bãi sinh lầy, ẩm ướt tại những xứ phía Nam Á-Châu và dân Trung-Hoa biết cấy lúa sớm hơn hết, vào khoảng cách đây 5.000 năm.

Trong khi dân-tộc Nhật-Bản còn sống đời hoang du như vừa kể

qua thì nông-nghiệp ở Trung-Quốc đã hưng khởi lên rồi sau mới lan rộng ra mà truyền đến Nhật-Bản. Nhưng truyền sang bởi nào thì không biết đích xác được, và truyền bằng đường nào thì các sử-gia cũng chỉ có thể ước-đoán thôi. Có lẽ từ Đại-Hàn qua Cửu-Châu hay từ phương Nam qua Đài-Loan và Xung-Thăng — (tức quần đảo OKI-NAWA ở cực Nam nước Nhật, đông-bắc Đài-Loan) — rồi tới Bản-Châu chăng ? Duy có điểm chắc chắn rằng, cách đây trên 2.000 năm thì khắp miền Đông nước Nhật đã cấy nhiều lúa rồi.

Thực tế của lịch trình tiến-hóa từ ly khai đời sống hoang dã để chuyển sang đời sống văn-minh của canh-tác của dân-tộc Nhật-Bản là như vậy, nhưng theo truyền-thuyết ghi chép trong bộ Sử cổ nhất của họ là NIHON SHŌKI — (Nhật-Bản Thư-Kỷ) — thì sở dĩ dân Nhật biết cấy cấy và có mọi thứ hạt giống là do một vị Thần. Vị này là UKEMOCHI NO KAMI — (Bảo-Thực Thần) — được Thượng-Đế ủy cho tạo sinh ra ngũ-cốc cho con người có lương ăn. Khi Thần thoát xác để về Trời thì ở thi thể của Thần biến sinh ra đủ mọi thứ cỏ và súc-vật đủ cho nhân-loại xây dựng đời vật-chất được phong-phú. Đầu và tóc của Thần hóa ra đồng cỏ xanh có bò, có ngựa để cày bừa ; trán và mắt của Thần mọc ra đủ mọi loại kê vàng, kê đỏ ; lòng mày của Thần hóa ra tầm nhả tơ ; bụng của Thần mọc ra lúa và chung quanh âm-nang — (đây là nữ-thần) — thì lúa mì, đỗ tương, đỗ xanh v.v... nảy ra. Nội thi thể của Thần duy có bụng là chứa nhiều nước, do đấy, chỉ có các loại lúa gạo là phải cấy xuống nước, còn những loại như lúa mì, kê, đỗ thì đều trồng ở những cánh đồng cao.

Truyền-thuyết của cổ-thời Nhật-Bản về canh-tác là như vậy, nhưng trở lại thực-tế của sự việc thì cách cấy lúa của thời-dại thạch-khí rất giản-dị thô sơ, khác xa với hiện tại. Ngày nay thì ngả đám mạ, gieo mạ, bón mạ đồng thời với việc ngả ruộng cấy, chờ cho mạ tới thời mới nhổ lên đem tới ruộng xé thành từng rãnh một ra mà cấy. Nhưng thời xưa, chỉ biết chọn chỗ xình lầy, sắn bùn vừa là gieo thóc xuống để lúa tự mọc lên. Ruộng thì chỉ biết chọn nơi sắn bùn vừa như vậy, chứ chưa biết khẩn hoang, phá điền, đắp bờ giữ nước. Đến mùa cấy cũng chờ thời giời, hễ đến tháng Năm hay tháng Sáu, khi bắt đầu sa mưa là khởi đi dọn cỏ rồi ném thóc giống. Đến tháng Chín hoặc tháng Mười thì làm lễ cầu Trời cho mưa thuận, gió hòa rồi chờ sang hết tháng Một, khi hạt thóc ngả màu vàng là đem những

con dao bằng đá đi gặt lúa lấy dẻ còn rơm thì bỏ. Dem những dẻ thóc về nhà, dùng đôi que cặp mà tuốt lấy thóc, phơi khô rồi cho vào chum, vào vò, cất kỹ để dành làm lương thực và thóc giống cho mùa năm tới.



Nhờ biết canh tác mà đời người chuyển sang giai-đoạn quan trọng. Từ đây, không phải lấy trái cây đắng, chua, ngọt, chát thất thường làm món ăn hàng ngày nữa mà đã có những hạt gạo trắng, những bát cơm thơm và bổ. Lại tránh được cảnh ngày ăn ngày nhịn thất thường vì đã có những hồ thóc đầy bảo đảm cho no đủ của toàn gia, mặc dầu mưa bão ngút ngàn hay rét đông tuyết phủ.

Những sử-gia Nhật-Bản lấy từ thời-kỳ biết cấy lúa làm cái « mốc » giới hạn ngăn cách thời bán khai với thời văn-minh, thời đói rét với thời ấm no của lịch-sử dân-tộc.

II

Bước tiến quan trọng về kỹ-thuật tạo đồ đất nung « Di-sinh thức thổ-khí »

Ở trên đã trình bày qua về sản xuất đồ đất nung trong thời-đại thạch-khí của người Nhật-Bản, chia ra hai loại : — THĂNG-VĂN THỨC THỔ-KHÍ và DI-SINH THỨC THỔ-KHÍ.

Thăng-Văn ra đời trước, Di-Sinh tạo nên sau. Trong thời-đại mà chữ nghĩa văn-chương chưa có, sách vở không lưu truyền được tí gì, nên ngày nay các sử-gia Nhật-Bản chỉ còn cách căn cứ vào sự khởi chế hoặc sự cải-tiến nghề nung đồ đất mà đánh dấu thời gian để biết một cách phỏng chừng những bước tiến của tổ-tiên tiền thời đất nước họ. Ngày nay, người ta vẫn gọi Thăng-Văn Văn-Hóa Kỳ để chỉ khoảng thời-gian mà người Nhật-Bản trong thời-đại thạch-khí đã chuyển mình

từ đồ đá sang khởi chế đồ đất nung, nhưng là thứ đồ nung có da dẻ sù sì, thô kệch, vụng về cả từ hình dáng đến cách nung còn non lửa.

Còn DI-SINH Văn-Hóa Kỳ để chỉ thời-gian đạt tới bước tiến quan trọng thứ hai, vừa biết cấy lúa, vừa cải tạo nghề nung đồ đất tới mức khéo léo trong việc nặn hình và cải hóa tinh xảo trong việc nung chín. Loại Di-Sinh này, bất cứ nặn để dùng vào việc gì, tuy lớn nhỏ có khác nhau nhưng đều cân đối về hình dáng, ý thức trong việc cải hoa thành tam giác hoặc chạy hình thoi rất lóng lánh đều hàng. Da lại trơn mịn và nhất là được nung chín đến cao độ lửa nên nổi được màu da cam đậm, cứng rắn, đánh mình. Nói tóm lại, Di-Sinh mới là đồ sành, còn Thằng-Văn chỉ là đất nung mới đến độ chín dở dang như loại gạch non da vải của V. N. ta thôi vậy.

Người Nhật-Bản ngày nay học lịch-sử của đất nước rất chú trọng đến thời-kỳ có loại đồ sành Di-Sinh này xuất hiện vì nó biểu lộ một đặc-điểm của tổ-tiên họ đã sớm chú trọng đến mỹ-thuật trong việc chế-tạo và kỹ-thuật trong việc nung chín. Tổ-tiên đã sớm có đặc-điểm ấy nên ngày nay con cháu họ chế được đồ sứ tinh vi nổi tiếng ở hoàn cầu là đúng vậy.

Về điểm sao biết được loại đồ sành Di-Sinh ra đời ngang với thời-kỳ biết cấy lúa, vì chỉ có loại này mới thấy có vỏ trấu dính ở bên trong. Còn gọi là đồ sành Di-Sinh vì do một nhóm học-sinh và sinh-viên đại-học khởi tiên đào thấy ở phố HONGÔ YAYOI — (Bản-Hương Di-Sinh) — tại Đông-Kinh nên các nhà khảo-cổ lấy tên phố ấy để mệnh danh loại đồ sành này.

III

Thời-kỳ biết chế-tạo đồ dùng bằng kim khí

(KINZOKU NO DOGU : Kim-thuộc chi đạo-cụ)

Qua khoảng dài hàng mấy chục thế-kỷ dùng đồ đá, đồ đất nung, đồ sành, người Nhật-Bản về cuối thời-đại thạch-khí mới rèn được đồ dùng bằng kim khí, trước bằng đồng thau, sau bằng sắt.

Khi biết chế đồ dùng bằng kim khí, chưa phải nhất đán đã phổ cập đến đại-chúng nông-dân, vì khảo-nghiệm thấy rằng, tuy loại này có đã trong một thời-gian khá dài rồi mà trong dân gian vẫn dùng thuần diu, búa, liềm bằng đá. Nay ta so sánh đồ đá với đồ dùng bằng kim loại thì kim loại, dễ dát mỏng, mài nhọn được, sắc bén hơn, nói chung rất tiện lợi và bền bỉ mà sao chưa được thịnh dụng ngay ở dân gian, khi đã biết tìm ra quặng và nung chảy ra để làm thành đồ dùng? Nếu ở dân gian có dùng đồ kim loại, có chăng chỉ một số rất ít những người chuyên môn chế dụng cụ như cuốc, cào, cối xay, chày...v...v... bằng gỗ là những đồ dùng tối yếu của nông-gia?

Nghiệm sau đây thì vấn-đề cũng dễ giải-đáp. Đồ đồng chế tạo trước, nhưng tìm thấy chỉ thuần những vũ-khí như kích, kiếm v.v... Đồ sắt chế-tạo sau, nhưng vẫn chưa thấy nông-cụ mà cũng chỉ những đồ chiến-trận như đoản-kiếm, đoản-đao. Vậy có thể quyết rằng, tuy đã sang thời-đại biết chế ra đồ dùng bằng kim-khí rồi đấy, nhưng ở những thế-kỷ ban đầu chỉ những nhà có thế-lực hoặc quyền quý là độc-quyền dùng để biểu dương cái địa-vị cao sang riêng biệt của mình mà thôi.

Vật dụng bằng kim-khí vừa bền vừa tiện lợi nhưng đại chúng không được dùng mà chỉ như độc-quyền của giới quyền quý, điều này sẽ trình bày ở những trang dưới đây, chỉ biết rằng tính cách tiến bộ của khoảng thời-gian ấy là đồ đá, đồ kim-khí cùng có lẫn lộn với nhau, cả hai đẳng cùng được trọng dụng tùy theo hoàn cảnh riêng của mỗi lớp người, nên sử-gia Nhật-Bản gọi thời-đại ấy là KINSEKI HEYŌ JIDAI — (Kim-Thạch Tịnh Dụng Thời-Đại).

IV

Nguyên nhân sự phân biệt thành đẳng cấp trong xã-hội

Ở trên đã trình bày, từ khởi thời-đại thạch-khí đến khi chế được đồ đất nung, mọi người đều làm lấy mà ăn, từ vào rừng săn

thú, hái rau đến lặn sông mò trai đánh cá, nhất tề ai cũng tự túc lấy sinh-nhai của mình. Việc nào nhọc thì làm lấy, vừa vừa thì cả gia-tộc cùng làm và nặng nhọc hơn thì cả xóm đầu sức chung lưng, được nhiều được ít, ai cũng có phần. Cho nên, trong xã-hội ai cũng như ai, nhất tề đồng loạt, không giàu không nghèo, thực là bình-dẳng. Vậy mà đến thời-kỳ chế được đồ dùng bằng kim loại thì nền nếp ấy bị đảo lộn, biến thành phân chia đẳng cấp sang hèn, kẻ quyền quý, người bình-dân, kẻ độc-quyền đeo thiết-khí, người không được dùng là có sao vậy ?

Là do 3 nguyên-nhân chính :

1 — Sự phát-triển nông-nghiệp chuyển thành kinh-tế căn-bản của xã-hội và gia-đình.

2 — Nền văn-hóa mới từ Trung-Quốc tràn tới.

3 — Sự tiến bộ từ bộ-lạc trở thành quốc-gia.

Dưới đây sẽ phân tách lần lần những nguyên-nhân này.

HỆ-THỐNG XÃ-HỘI MỚI:

Người cai-trị và kẻ bị trị

Nông-nghiệp thay đổi đời sống con người

Hệ thống xã-hội mới bắt đầu từ buổi nông-nghiệp trở nên phát-đạt.

Khi còn sống đời hoang-dã, sinh-hoạt của nhà nào cũng giống nhau, chỉ cần buổi sáng đi vào rừng hoặc xuống sông, ra bể, là đến trưa đã có lương thực mang về. Hơn nữa, số lương thực ấy như : thịt thú, cá, rau, trái cây, đều là những thứ không thể để dành được nên chỉ cần kiếm bữa một. Nếu được con thú lớn chẳng hạn là gọi nhau đến, chia ra cùng ăn trong một vài ngày cho kỳ hết. Vì thế, dù người thì săn được kẻ lại về không, nhưng không có ai ghen tị với ai bao giờ, chỉ một mực chăm chăm vén ống tay để giúp đỡ lẫn nhau, việc nặng cùng làm chung nhau, cùng chia nhau cho nhà nào cũng có lương thực qua ngày.

Về sau này, nhờ ở nông-nghiệp mà con người dứt được đời sống

hoang-dã ấy, thế nhưng cũng vì nông-nghiệp mà nền nếp xã-hội bị biến đổi hoàn toàn.

Hạt gạo trong trắng, bát cơm thơm ngon, đồng lúa ngấn cách trở rừng về với loài thú và đưa người lên vảo-minh nên chẳng mấy chốc mà nông-nghiệp đã chiếm địa-vị độc tôn « *nông gia, thiên-hạ chi đại bản dã* » (1) thực đấy; nhưng làm thế nào để có được bịch thóc đầy ở trong nhà, không phải là truyện dễ dàng một chốc một lát như đương cung bắn con thú hay quăng mề lưới vét đàn cá. Muốn cấy lúa, hay nói đúng ra là kỹ-thuật nông-nghiệp đòi hỏi nhiều nhân-công chuyên-môn và nhiều thời-gian thích ứng cho cây lúa. Phải chuẩn bị ruộng đất từ đầu năm để chọt sa mưa thì bắt đầu cấy cấy cho « *canh giá cấp thời* » (2). Đồng ruộng chờ hết nửa năm trời, nhưng trong thời-gian này còn phải bao nhiêu công phu chăm bón, nhổ cỏ, tát nước nữa mới được hột thóc gặt. Từ gánh được gánh lúa về đến nhà cho đến khi thành bát cơm ăn, còn mất nhiều ngày giờ đập đập, phơi phóng, xay đã nữa.

Tóm lại, kỹ-thuật nông-nghiệp uốn nắn con người thành chuyên-môn và chiếm đoạt tất cả thời-gian của đời người nông dân phải cần-lao nhần nại suốt cả năm trường mới duy-trì được sinh kế cho bản thân và gia-đình. Hạt thóc còn thúc đẩy lòng tham của con người, bẽ càng xúc tích được bao nhiêu thóc càng có lợi bấy nhiêu vì hạt thóc để được năm này qua năm khác và chỉ có hạt thóc mới bảo-đảm nổi no đủ cho con người trước mọi thiên-tai hoặc giông mùa đông tuyết dài ngày.

Vậy phải chuyên nghiệp cả về thân thể lẫn thời gian của mình và phải có nhiều nhân công mới được hạt thóc. Thế nhưng, ác một nỗi khác là đời con người chỉ có hạt thóc không cũng không đủ, lại còn đồ dùng, lại còn áo mặc, lại còn cần phải có thịt rau cá mú để đổi bữa. Thế tất nhiên khi một phía người này đã thành nông-gia chuyên-môn rồi thì phải có những phía người khác cũng trở nên ngư-phù, công-ngệ chuyên nghiệp để cung ứng vật-liệu cho nhu cầu nhà nông và đổi lấy thóc của nhà nông về nuôi thân mình và gia-đình mình.

Do đấy, ta nhận thấy sự phát đạt của nông-nghiệp đã thay đổi hoàn toàn nếp sống của xã-hội thời hoang-dã và khởi sự phân chia xã-

1) Nghề làm ruộng là gốc lớn nuôi sống thiên-hạ.

(2) Cấy cấy phải kịp thời của trời đất. Cấy trưà, cấy muộn thì người được gặt mà ta không, người no mà ta đói.

hội ra thành đẳng-cấp. Tuy nhiên, đây mới là đẳng-cấp trên lĩnh vực kinh-tế, còn đẳng-cấp về chính-trị khiến kẻ trèo lên cao sang, người xuống thấp hèn, kẻ nắm uy-vũ người chịu phận bình-dân, sẽ trình bày sau.

Đẳng-cấp trên lĩnh-vực kinh-tế

Sự đổi chác sản-vật bằng :

· CHIMMOKU KÔEKI : *Thăm Mặc Giao-Dịch* ·

Hạt gạo càng trở nên thiết-yếu thì người ta càng cố công cùng sức cấy cấy để nông-nghiệp càng phát đạt. Nông-nghiệp càng phát đạt càng chiếm giữ mất nhiều người chuyên-môn để lại nảy ra nhiều giới chuyên-môn khác trong các ngành sinh-hoạt trong xã-hội, cái lẽ đương nhiên ấy đã trình bày ở trên đây. Kể ra, nhu cầu của con người đòi hỏi nhiều loại cần dùng, mà mỗi giới người khi trở nên chuyên-nghiệp lại chỉ sản-xuất có mỗi một thứ, như vậy, nhịp sống của giới nào cũng mất thăng bằng, nghĩa là thừa một thứ nhưng lại thiếu nhiều thứ. Nay để quân bình sự mất thăng bằng ấy, người ta phải tổ-chức thành đổi chác món sản-xuất hữu dư của mình lấy món sản-xuất hữu dư của người khác.

Lẽ lối đổi chác này khởi nguyên cho chế-độ mậu-dịch quy mô của những thế-hệ về sau. Tuy nhiên ở bước đầu của sự đổi chác ấy, nó đơn sơ mộc mạc, đầy sự thành thực. Ngày nay, sử-gia gọi lẽ lối đổi chác ấy là CHIMMOKU KÔEKI : — (Thăm mặc giao-dịch).

Ví dụ, người nông-dân muốn ăn cá thì mang gạo của mình đến treo cao ở đầu xóm ngư-phủ, hay ngược lại, ngư-dân muốn có gạo ăn thì đem cá đến treo cao ở một cành cây nào đó ở xóm nông-gia rồi mặc đấy, cùng đi làm việc khác. Ai cần gạo thì đem đùm cá đến treo thế vào đấy mà lấy gạo về, hoặc trái lại, ai muốn ăn cá thì đem gạo đến treo vào đấy mà lấy cá về, không cần phải biết người có vật muốn đổi đó là người nào.

Sở dĩ thực hiện nổi thăm-mặc giao-dịch — (đổi chác âm thầm) — là do ở tâm hồn chất phác thành thực của người cổ xưa, ai nấy đều ghét lừa dối, tránh việc ăn không và nhất là tự nơi mình dân lấy

lòng mình, khi cần đến của người thì phải đền bù bằng vật khác tương xứng, làm một bốn-phận cần phải trọn vẹn.

Sau này, tuy sự đổi chác tuy có thịnh hành hơn lên nhưng lễ lố; âm thầm đổi chác vẫn còn được duy trì thành một thông lệ, cứ mỗi ngày, bên cạnh những xóm chuyên-nghiep, trên một nền đá rộng hoặc dưới gốc cổ-thụ nào đó, nhiều người cùng mang sản vật của mình đến để đổi lấy sau trở lại mang phần đổi của mình về, không ngại ngừng gì về việc bị mất mát. Phần đổi cũng được tương xứng, đại để một suất gạo thì đổi lấy cho người ta một con cá đủ ăn, hay ngược lại.

Tập hợp thành chợ Một hàng chủ chốt của chợ

Theo với thời-gian, nhân-số đông hơn lên và nhu-cầu của con người cũng có phần phức tạp, nhiều khi cần dùng đến hai hay ba thứ một lúc nên lối Thăm-Mặc Giao-Dịch trở nên lạc hậu, không thể áp dụng được nữa. Từ đây trở đi, mỗi khi cần đến những món gì, thường thường người ta gặp nhau để cùng hẹn trước rồi cùng mang sản-vật đến một chỗ nào đó xét ra phương tiện cho cả đôi bên để trao đổi lẫn cho nhau. Trước ít người hẹn, sau nhiều người theo nhau cùng hẹn đến một chỗ nhưng không cần phải hứa trước thứ hàng mình muốn mà cứ đến rồi tùy tình chọn lựa mà trao đổi ý kiến về sự đổi chác. Nơi họp đó gọi là CHỢ.

Theo các cổ-thư truyền lại thì tại địa-phận Huyện Nại-Lương ngày nay, dân chúng họp chợ sớm hơn cả và cũng nhiều chợ hơn cả. Thường thường chợ họp chỗ nào thì lấy tên địa-điểm ấy mà đặt tên cho chợ. Tỷ dụ như chợ họp dưới gốc cây sơn-trà thì gọi là TSUBAKI NO ICHI — (Sơn-Trà chi thị) —. Chợ không có lầu quán gì hết, phần lớn là nương vào các bóng rợp của cây cối mà hẹn nhau đến, ào nhào một lúc, đổi chác xong là tan. Chợ họp cũng không thành phiên và cũng không thường xuyên hàng ngày, chỉ đôi khi cần đến thứ gì mới hẹn nhau mang đến. Chợ họp thưa thớt vì sinh-hoạt của người thời-đại thạch-khí vốn kiệm ước và giản dị, đồ dùng lại tự tay làm lấy được nên cũng lắm mới phải đem sản-vật đi

đổi lấy những thứ yếu thiết, không có không được mà thôi. Đại cương, món được trao đổi mạnh nhất vẫn là gạo, vì ngoài nông-dân ra thì nhà nào cũng đều không có thứ thực-phẩm chính yếu này. Cho nên ai thừa một chút sản phẩm nào cũng chỉ lăm lăm đem đổi lấy gạo, vì gạo cần cho ngày hôm nay, gạo lại vẫn dễ được lâu và hễ càng có nhiều gạo trong nhà là cả nhà đều được an tâm, không lo ngại gì về mưa bão hoặc ốm đau bất trắc.

Thế là gạo chiếm ngôi chúa tể trên thị-trường đổi chác sản-vật. Ngày nay chúng ta lấy đồng tiền làm bản-vị để đánh giá hàng hóa, nhưng ở thời-dại ấy người ta lấy hạt gạo ra so sánh để định giá mọi loại sản-vật.

V

Chiến-đấu để mở rộng đất đai canh-tác

Nông-nghiệp đã tạo nên nhiều giới chuyên-nghiệp thành phần đẳng nhau trên lĩnh vực kinh-tế rồi, nay cũng vì nông-nghiệp mà phân đẳng còn người trên lĩnh vực chính-trị.

Khi mà hạt gạo đã thành chủ yếu của lẽ sống con người thì ai cũng muốn có nhiều gạo, cũng muốn tích trữ gạo. Hàng năm cứ đoạn vụ gặt là nhà nọ dòm ngó nhà kia, thấy người ta có nhiều thóc hơn là nấy lòng thêm muốn sao cho cũng được bằng hay hơn thế nữa; hoặc là xóm này so sánh với xóm khác, thấy người ta được chân phì-diễn nên thu hoạch trội hơn xóm mình bị ở vào khu bạc-địa thì lòng ghen tị sôi sục, chỉ lăm le làm thế nào có được cánh đồng phì-nhiều ấy.

Muốn có nhiều thóc thì phải có nhiều ruộng cấy hoặc chiếm lấy cánh đồng tốt, lẽ ấy, ai cũng nghĩ như thế. Nhưng khi có nhiều ruộng cấy mà chỉ vẫn số người trong gia-tộc hay chỉ vẫn số nhân-công trong xóm thì lại làm không xuê ruộng. Thế là diện-tích ruộng tăng thì nhân công cũng phải tăng theo mới được. Vậy trước hai vấn-đề cốt yếu : có nhiều ruộng cấy và có nhiều người làm « cho mình được hưởng nhiều

thóc » thì phải tính thế nào để giải-quyết ? Muốn có nhiều ruộng cấy mà muốn tránh việc xâm chiếm đất đai của người khác thì còn một đường lối khác là mở đất khẩn hoang. Nhưng ác nổi, muốn khẩn được đất hoang để thành ruộng cấy thì vẫn-đề nhân-công lại càng cấp bách, cần phải có nhiều người dưới quyền mình hơn nữa vì phá rừng dọn cỏ hoang không phải dễ dàng như cày cấy những chân thuộc điền.

Đến đây, vấn-đề giải-quyết lại hóa ra ngược chiều. Muốn có nhiều thóc chưa cần phải có nhiều ruộng mà trước hết phải có nhiều nhân-công thuộc-hạ đã, rồi tự những bàn tay thuộc-hạ ấy sẽ nảy ra ruộng. Vậy phải làm thế nào để có được nhiều nhân-công thuộc-hạ ? Phải đi chinh-phục thì mới có chứ còn cách nào hơn được nữa ? Thế là sự phát-triển của nông-nghiệp lại đưa nước Nhật vào chiến-tranh nội bộ, xóm này thôn tính xóm khác, làng này chiến đấu với làng kia. Cảnh chiến-tranh nội-bộ này cứ mở rộng thêm mãi phạm-vi đến quận, huyện rồi địa-phương, chia thành nhiều nước nhỏ trong nước Nhật-Bản vốn cũng đã nhỏ bé, khiến nhân-dân bị đồ thán trong gần 2.000 năm, mãi đến khi MINH-TRỊ THIÊN-HOÀNG tức vị mới chấm dứt.

Đã nói đến chiến-đấu là phải có kết đoàn và phải có thắng bại. Đoàn nào bại, không những phải dâng hiến ruộng nương cho đoàn thắng mà đến cả xóm thôn mình cũng theo thành bầy thuộc-hạ của người. Thân phận kẻ bại như vậy, thì ngược lại, kẻ thắng tự bước lên địa-vị chủ-nhân ông có quyền lực cao sang, toàn quyền sai khiến, chỉ-huy cả về cai-trị lẫn khai thác ruộng đất.

Việc chiến-đấu để dành lấy quyền ưu-thắng về nông-nghiệp và địa-vị cao sang trong xã-hội lại thay đổi tình trạng sinh-hoạt của nhân-dân Nhật-Bản thời ấy một lần nữa. Trông thấy người ta thua thời mình phải đề-phòng, thấy người ta được thời mình thêm muốn địa-vị nên Thôn, Xóm nào cũng phải hội bả đoàn-kết lại, hoặc để tự-vệ lấy đất đai, hoặc đi chinh-phục đất đai và nhân công nên những lực lượng vũ-trang phát xuất rất nhiều và cảnh làng này đánh làng khác thường xảy ra luôn.

Muốn tổ-chức nên đoàn-thể cơ-sở chiến-đấu, trước hết phải có người cầm đầu để chỉ-huy. Những người chỉ-huy trong thời ấy thường là những nhà phù-thủy giỏi bùa phép, hoặc những ông, bà, « *đồng* »

năng được « *thành* » ứng khẩu, nói lên có nhiều người nghe hay là những người cao niên có nhiều kinh-nghiệm về kỹ-thuật canh-tác. Lại có thể là những người có nhiều thóc cho dân xóm nhờ vả nên trong nhà có sẵn gia nhân hoặc là những người đức-hạnh được nhiều người kính trọng.

VI

Cơ sở mới của những QUỐC-GIA riêng biệt

Tiếng gọi là một « *quốc-gia* », một « *nước* » nhưng thực tế chỉ là những khu vực tự-trị nhỏ nhỏ trong một quốc-gia chính thức. Mỗi khu vực là một căn-cứ-địa của một lãnh-tự nào đó, nên nói cho đúng, chỉ là tình trạng sứ-quân, anh-hùng độc nhất khoảnh. Nhưng ở đây, chúng tôi dùng danh-từ « *quốc-gia* » hoặc « *nước* » để chỉ những khu vực của sứ-quân đó là thể theo nguyên trạng của văn-sử Nhật-Bản. Việc dùng danh-từ « *quốc gia* » này tác-giả bộ NHẬT-BẢN CHI TÍCH cũng phân tách, xin đừng lầm chữ « *quốc-gia* » ở tiền thời Nhật-Bản với mỗi quốc-gia là một dân-tộc của Hợp-Chủng-Quốc Hoa-Kỳ hoặc mỗi quốc-gia là một lĩnh vực cương thổ gồm nhiều sắc dân ở rải rác trên thế-giới của khối Liên-Hiệp Anh.

Xem cổ-sử Nhật-Bản, thấy nói đến, ví dụ như MUSASHI NO KOKU — (Vũ-Tàng chi quốc) — hoặc YAMATO NO KOKU — (Đại-Hòa chi quốc) — thì đây chỉ là khu vực diện-tích đại-cương bằng một Tỉnh hay một Quận ở V.N. thuộc phạm vi cai-trị và thu thuế của một thủ-lãnh.

Vậy cơ sở của những quốc-gia này được kết cấu từ hồi nào và như thế nào ?

Thoạt thủy thì xóm thôn tính hoặc liên kết với xóm để thành làng

tự-trị rồi làng này thôn tính làng khác để thành từng bộ-lạc tự-trị. Và đến khi loại đồ sành Di-Sinh ra đời cũng đồng thời cuộc chiến-đấu được mở rộng phạm vi giữa bộ-lạc với bộ-lạc để kẻ bại thì trở nên quân-đội hoặc thuộc-hạ của kẻ thắng và kẻ thắng thì nghiêm nhiệm thành chúa tể một vùng rộng lớn, có nhiều đất đai để thu hoạch thuế má và có nhiều dân để cai-trị. Thế là từ đây, xã-hội Nhật-Bản phân chia ra thứ đẳng giàu nghèo về tài sản và giai-cấp về chính-trị, kẻ đi trị, người và người bị trị rõ rệt. Kẻ thắng thì cùng với vây cánh trở nên những nhà cai-trị quyền-thế cao sang, lại chiếm được đất đai của kẻ bại nên giàu có cự vạn. Còn kẻ bại thì bị mất hết ruộng đất nên hóa nghèo nàn, thân phận lại là kẻ thuộc-hạ nên thấp hèn tí ti.

Cảnh giàu nghèo dị biệt và cao thấp xa cách cũng theo đà trên mà phát sinh ở trong làng, trong xóm. Ở trong làng thì những gia-tộc đông người hoặc có căn-bản giàu có thì mạnh, những gia-tộc ít người hoặc nghèo nàn từ trước thì tụt xuống địa-vị kẻ yếu. Hoàn cảnh này, tạo nên ý tưởng tranh-đấu ngầm ngấm từ trong làng mà đi. Gia-tộc nào đã mạnh thì cần tranh-đấu để được mạnh hơn hay ít ra cũng duy trì được sức mạnh, những gia-tộc nào yếu thì kèn cựa để cố thoát cảnh yếu cho trở nên mạnh hay ít ra cũng không để kẻ khác đè nén mình. Cho nên dù ở cương vị nhỏ bé của xóm làng, các mưu kế thủ thắng được luôn luôn thiết bị, hoặc là thôn tính nhau bằng vũ lực để một phía thêm mạnh, hoặc bằng giảng giải giao thiệp để kẻ yếu kết hợp với kẻ mạnh cho đôi bên cùng mạnh.

Nói tóm lại, các quốc-gia tự-trị ra đời cùng với loại đồ sành Di-Sinh, được xây dựng cơ sở trên sự kết hợp, thôn tính nhiều bộ-lạc làm một. Cho nên các sử-gia Nhật-Bản gọi những nước đó là BURAKU KOKKA — (Bộ-Lạc quốc-gia).

VII

Yamato (1): Bộ-lục Quốc-gia trung-tâm của nước Nhật-Bản

Cứ theo Thiên ĐÔNG-DI (2) TRUYỆN trong các bộ HÁN-THƯ ĐỊA-LÝ CHỈ và HẬU-HÁN THƯ của Trung-Quốc thì vào khoảng cách đây độ 17 hay 18 thế-kỷ, trên khắp các đảo của Nhật-Bảo, cứ theo cái đà bộ-lục thôn tính lẫn nhau mà chia ra thành trên 100 nước nhỏ khác. Tuy nhiên, trong số những nước đó chỉ có 3 nước có đất đai tương đối rộng hơn và có lực lượng mạnh hơn khiến những nước nhỏ khác phải kiêng nể, là :

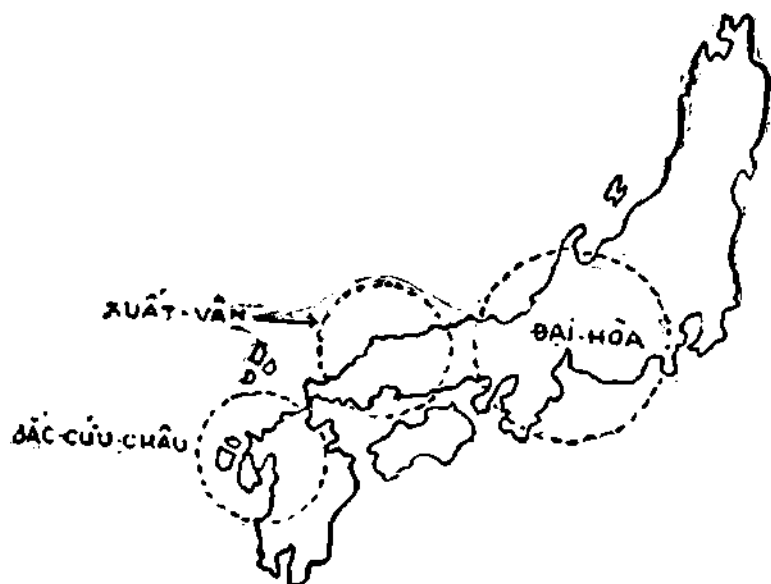
- nước YAMATO — (Đại-Hòa) — tại miền Cận-Kỳ, trung-bộ nước Nhật.
- nước HOKU KIUSHIU — (Bắc Cửu-Châu) — tại miền Bắc đảo Cửu-Châu.
- nước YZUMO — (Xuất-Vân — tại miền Sơn-Âm.

Trong 3 nước này, mạnh hơn cả và về sau tiến lên tóm thâu được cả toàn thể nước Nhật-Bảo là nước Đại-Hòa. Hơn nữa, tổ-tiên của giòng Thiên-Hoàng ngày nay vốn khởi nghiệp từ nước này mà mở mang bờ cõi ra, nên Đại-Hòa được nhân-dân tôn sùng và kính mộ ngay từ buổi đầu. Được nhân-dân tôn sùng cũng là một trong những nguyên-nhân khiến Đại-Hòa chóng trở nên mạnh.

(1) — Yamato : Đại-Hòa. Tên tự cổ thời để chỉ những đất đai và giòng người Nhật-Bản chính thống chiếm đóng. Ngày nay, người ta vẫn gọi YAMATO JIN là người Nhật-Bản và YAMATO NO KOKU để chỉ nước Nhật-Bản.

(2) — Người Trung-Hoa ngày xưa tự tôn chủng-tộc và tự-thị văn-bóa mình nên gọi người Mãn-Châu là Bắc-Di, người Nhật là Đông-Di và người Việt-Nam là Nam-Di.

Vị-trí của 3 nước : Đại-Hàn, Bắc Cửu-Châu và Xuất-Vân.



Rút trong NHẬT-BẢN CHI TỊCH

VIII

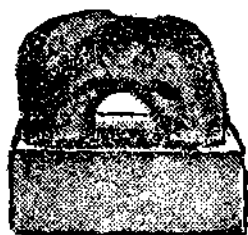
NỮ-Vương Himiko (Tì-Dì-Hô) với nước Yamatai (Da-Mã-Đài Quốc)

Thời-kỳ khởi sự giao-dịch với Trung-Quốc

Trên kia đã trình bày, vào khoảng đầu kỷ-nguyên d.l. các nước nhỏ mọc lên như nấm trên khắp quần-đảo Nhật-Bản. Thế tất nhiên với quyền tự-trị của một nước thì tiện đâu kết liên đấy nên trong những nước lẻ tẻ ấy đã có nước khởi sự giao-dịch với Trung-Quốc.

Nước Bắc Cửu-Châu ở về Tây-Nam, giáp với Đại-Hàn nên vì vị-trí tự nhiên mà bắt đầu giao hảo với nước này để rồi tiến dần việc giao-dịch với nội-địa Trung-Hoa.

Ở đất HAKATHA — (Bắc-Đa) — thuộc thị-trấn Huyện Phúc-Cương ngày nay có một nước gọi là NOKOKU — (Nô-Quốc) — đã chịu trước phong của Trung-Quốc sớm hơn cả. Cách đây trên 170 năm, tại đảo SHIKA NO SHIMA — (Chí-Hạ Đảo) — trong vịnh Bắc-Đa thuộc Cửu-Châu, có một nông dân, khi đào mương dẫn nước có bắt được chiếc ấn bằng vàng bị chôn vùi dưới đất. Trên ấn có khắc 5 chữ : MÃN OÁ NÔ QUỐC-VƯƠNG đọc ra Nhật-ngữ là KAN NO WA NO NAKOKU Ô.



Chiếc ấn phang cho Mãn Oá Nô Quốc-Vương.

(Rút trong NHẬT-BẢN CHI TÍCH)

Xét lịch-sử Trung-Quốc, nhà HÁN khởi nghiệp từ hai thế-kỷ trước kỷ-nguyên, lưu truyền được 500 năm, và theo Thiên ĐÔNG-DI TRUYỆN trong bộ HẬU HÁN-THƯ có ghi những việc như : « Năm Kiến-Vũ trung-nguyên thứ Hai đời Quang-Vũ Đế nhà Hậu Hán — (57 sau k.ng. d.l.) — Nô-Quốc ở cực Nam nước Nhật-Bản có phái quan Đại-Phu sang triều cống, được Hán-đế đúc ấn vàng phong tước cho. Đến niên-hiệu Vĩnh-Sơ nguyên-niên — (107 sau k. ng.) — đời An-Đế lại phái một đoàn gồm 160 người sang triều hạ lần nữa ».

Đến nay, nhờ đào được chiếc ấn vàng trên đây mà những bang giao giữa Nhật-Bản với Trung-Quốc trong thời nhà Hán, ghi chép trong bộ HẬU-HÁN THƯ lại càng được minh xác rõ rệt vậy.

Sau khi nhà Hán bị đổ, nội-địa Trung-Hoa chia thành 3 nước :

NGUY, THỤC, NGŨ thì sứ nhà NGUY cũng đã thường qua lại trên đảo Cửu-Châu. Những sứ-gia này, khi trở về có ghi những điều mắt thấy tai nghe tại Nhật-Bản thành một Thiên OA-NHÂN TRUYỆN trong bộ NGUY-CHÍ.

Nước Da-Mã-Đài (YAMATAI KOKU)

Đối với việc ghi chép tổng-quát rằng : — « khoảng mấy thế-kỷ đầu kỷ-nguyên d.l., nước Nhật-Bản chia ra thành trên 100 nước nhỏ » — trong những bộ HÁN-THƯ ĐỊA-LÝ CHÍ và HẬU-HÁN THƯ thì các sử-gia Nhật-Bản hiện tại vẫn còn đặt ở hàng nghi vấn. Tuy nhiên theo Thiên OA-NHÂN TRUYỆN trong bộ NGUY-CHÍ thì trên các đảo Nhật-Bản ở thời ấy, nhân-dân quy tụ thành những khu vực nhỏ, có địa-giới, có chế-độ, có tên riêng được là 30 nước mà nước lớn mạnh hơn cả là DA-MÃ-ĐÀI QUỐC.

Nước này do nữ-vương là TI-DI-HỒ trị vì, lần lần chinh-phục được cả 29 nước kia và dựng nên nghiệp thống nhất. Dưới đây là những nhận xét về phong-tục, lễ-ngiht, tính tình của người Nhật-Bản về dưới thời nữ-vương TI-DI-HỒ chép trong Thiên OA-NHÂN TRUYỆN :

— « Người nước này theo chế-độ đa thê. Hạng phú-bộ hoặc « quan sang lấy đến bốn, năm vợ. Bình-dân cũng hai phòng. Con trai « đều vẽ trâm vào mình. Lối vẽ phải tùy quý, tiện mà khác nhau theo « như tập tục đã quy định. Kẻ thường dân, khi gặp người quan sang ở « ngoài đường đều phải tránh núp đi, nếu không kịp, phải quỳ dập « xuống đường, hai tay chống xuống cỏ, khấu đầu vái lạy.

« Khi trong nhà có tang chế, toàn gia kiêng ăn thịt và nghỉ việc « đến ngoài 10 ngày. Tang chủ khóc lóc thảm thiết. Khi chôn cất « xong, mọi người đều lội ra giữa giòng suối, tắm tấp để tẩy uế.

« Mỗi gia-tộc sống chung nhau dưới một nóc nhà lớn, trong có « ngăn riêng từng phòng cho ông bà, cha mẹ, vợ chồng, anh em. Dân « gian ít khi thưa kiện nhau và luật nước xử tru lục toàn gia những kẻ « phạm tội nặng.

« Khí hậu nóng bức. Dân gian chuyên về cấy lúa, trồng đay, chăn
 « tằm để dệt lấy vải mặc. Chưa biết nuôi nông súc. Đến bữa cơm, mọi
 « người để những món ăn về phần mình vào một cái bát to cao chân
 « tựa như cái đế đèn, rồi ngồi bốc mà ăn. Cũng đã giống nhiều thứ rau,
 « nhưng đều ăn sống.

« Chưa biết dùng lịch. Cứ mùa Xuân là bắt đầu làm ruộng để
 « cấy, đến qua Thu, khi gặt hái xong thì cho đấy là một năm. Mọi
 « người đều đi đất. Đàn-bà mặc kiểu áo liền với quần — (Quần đầu
 « y). — Đàn ông thì dùng mảnh vải lớn quấn kín người — (cà-sa y).

« Nữ-vương là TI-DI-HỒ cao tay bùa phép, hàng ngày
 « ở trong cung cấm rộng lớn để cúng vái, ngồi đồng rồi bằng lời
 « Thánh ứng mà truyền phán ra ngoài. Nữ-vương dùng đến trên
 « 1.000 nữ-tỳ để hầu hạ quanh mình. Chỉ có một hầu cận là đàn ông
 « được hân hạnh bưng cơm nước. Quân-đội của nữ-vương, luôn luôn
 « gác ở ngoài cung với đủ loại binh-khí.

« Khi nữ-vương mất, có chọn trong số nữ-tỳ lấy 140 người
 « đem đi tuấn-táng — (chôn sống) — theo. Ngồi mà đắp to lớn,
 « đường kính đến trên 100 bước chân.

« Một vị nam-vương lên kế vị, nhưng dân tình bất phục sinh
 « ra nội loạn, chung quanh thành có hàng ngàn người bị giết. Nam-
 « vương phải thoái vị. Con gái lớn của nữ-vương tên là THÔIÔ
 « — (Nhất-Dữ) — mới 13 tuổi lên trị vì mới bình định được nội
 « loạn ».

Sách NGUY-CHÍ chép như trên đây, kể đã là khá rõ rệt về
 người Nhật thời đầu kỷ-nguyên d.l., nhưng hiềm nỗi không kể rõ vị-
 trí của nước DA-MÃ-ĐÀI nên các sử-gia Nhật-Bản ngày nay chưa
 thể nghiên-cứu được đích xác, xem nước này ở vào địa-phương nào
 trên quần-đảo. Có hai thuyết đối-lập giữa những học-giả này, phái thì
 cho rằng nước DA-MÃ-ĐÀI ở phía Bắc-đảo Cửu-Châu, phái lại cho
 rằng ở vào phạm-vi nước Đại-Hòa trong đảo Bản-Châu, trong khu
 vực Huyện Nại-Lương ngày nay. Một điểm nữa gây thêm khó khăn
 cho việc nghiên-cứu là trong những cổ-thư viết từ đầu thế-kỷ thứ
 VIII d. l. của Nhật-Bản, không có quyển nào nói đến nước nào là
 DA-MÃ-ĐÀI và cũng không có vị nữ-vương nào là TI-DI-HỒ cả.

Tuy nhiên, không thể vì cổ-thư Nhật-Bản không ghi chép vấn đề này mà phủ nhận được tài liệu của bộ NGUY-CHÍ vì ở thời Tam-Quốc thì văn-học Trung-Hoa đã thịnh lắm mà người Nhật-Bản thời chưa có sách vở.

Sự bành trướng thế-lực của nước Đại-Hòa

Ở trên kia đã trình bày, khoảng đầu kỷ-nguyên d. l., các bộ-lạc quốc-gia nẩy ra rất nhiều ở Nhật-Bản, tựu trung có 3 nước mạnh hơn cả là : ĐẠI-HÒA, BẮC CỬU-CHÂU và XUẤT-VÂN. Sau này, riêng có nước Đại-Hòa nhờ được địa-lợi của trung-nguyên Bản-Châu và giòng dõi Thiên-Hoàng ngự-trị tại đây nên lòng người đều quy hướng, các GŌ-ZOKU — (Hào-tộc : nhưng họ mạnh, thống-trị các nước lẻ tẻ) — theo về rất nhiều nên triều đình mỗi ngày mỗi hưng khởi hơn mãi. Nhờ đấy, nước ĐẠI-HÒA khắc phục được cả hai nước BẮC CỬU-CHÂU và XUẤT-VÂN để mở rộng bờ cõi ra khắp các quần-đảo Nhật-Bản.

Tuy rằng triều-đình ĐẠI-HÒA thống nhất được đất đai, nhưng cái mầm sức-quân hào-tộc vẫn không thể nào triệt được. Tại ngay nơi triều miếu thì Văn, Vũ, Tả, Hữu là những Hào-trưởng được triệu ở các đại-phương về. Ở địa-phương thì cũng vẫn là hào-tộc nắm quyền cai-trị, miễn là hàng năm có đủ đồ cống, phụ dịch cho triều - đình mỗi khi cần đến là được. Vậy hệ thống chính-trị của thời ấy là triều-đình ĐẠI - HÒA chỉ phối các hào-tộc bằng tước vị và các hào-tộc thì cai-trị lê dân bằng sức mạnh, hay là phân tách cho rõ nghĩa ra thì những sức-quân hào-trưởng lãnh-tụ các nước nhỏ vẫn còn, địa-vị chính-trị của họ vẫn vững, chỉ khác trước là họ chịu tồn quân và nộp thuế cho nhà vua mà thôi.

Thế là đương ở cảnh phân tán ra thành nhiều nước nhỏ tự-trị thì nay, trên danh-nghĩa đều hướng về một mối. Kể từ khởi nên lịch-sử Nhật-Bản đến đây mới có triều-đình chính thức, gồm văn, vũ bách-quan, cho nên, nơi trung-tâm chính-trị thì gọi là YAMATŌ CHŌTE — (Đại-Hòa triều-đình) — và toàn bộ đất đai thì gọi là YAMATO KOKKA — (Đại-Hòa quốc-gia).

IX

Xây đắp lăng tẩm

Kể từ đồ đất nung Thăng-Văn ra đời đến khi cải-tiến sang đồ sành kiểu Di-Sinh thì trong khoảng thời-gian ấy, việc tổng táng kẻ thường dân rất sơ sài. Trước thì vứt bỏ xác chết ra lộ thiên ở những nơi xa vắng, sau thì chỉ vùi đất qua loa như trên kia đã trình bày. Nhưng từ nông-nghiệp thịnh-lên và đồ sành Di-Sinh được cải-tiến hơn nữa thì riêng với nhà vua, quan lại chốn triều-đình hoặc sứ-quân, hào-trưởng các địa-phương khi mệnh chung thời lễ tổng táng lại rất trọng thể và việc chôn cất lại đắp thành lăng tẩm quy mô. Xác chết được đặt vào quan tài bằng đá, huyết đào sâu và rộng, có nhiều cấp để dần đồ bài trí, trên đắp đất thực cao tựa như ngững gò đồng lớn. Những lăng tẩm ấy gọi là KOFUN — (cổ-phần).

Ngày nay, rải rác trên khắp đất Nhật thường thấy còn những cổ-phần này, nhưng nhiều nhất là ở địa-phương Cận-Kỳ, trong Huyện Nại-Lương, trong Huyện Cung-Kỳ trên đảo Cửu-Châu, tại phía Nam Huyện Phúc-Cương, trong Huyện Đào-Căn, địa-phương Sơn-Âm và địa-phương Quan-Đông v.v. . .

Tục xây cất lăng tẩm để an táng những bậc đế vương quyền quý, thì riêng tại Á-Đông, phát sinh tự Trung-Hoa rồi lan sang các nước láng giềng. Nhật-Bảo là một trong những nước chịu ảnh hưởng của văn-hóa Trung-Quốc nên tục xây đắp lăng tẩm cũng theo đó mà có, nhưng đến quy mô nội tâm chiếc huyết lại khác những huyết các lăng tẩm ở Trung-quốc hay Đại-Hàn.

Huyết các lăng tẩm tại hai nước trên đây thường là hình chữ nhật, vuông thành sắc cạnh, nhưng ở Nhật, rập theo khuôn mẫu chữ nhật chỉ họa hoàn một vài cái, còn phần lớn là kiểu *« tiền phương hậu viên »*, đằng trước thì huyết vuông thành và đằng sau thì xây tròn rồi đến thứ huyết *« viên phần »* nghĩa là xây tròn. Có mấy lăng tẩm đắp thực to lớn tựa như trái đồi, những khoảng đất đào lên ở chung quanh để vật thành mộ, nay trông như những hồ rộng.

Những tượng đất nung để bài trí cho lăng tẩm

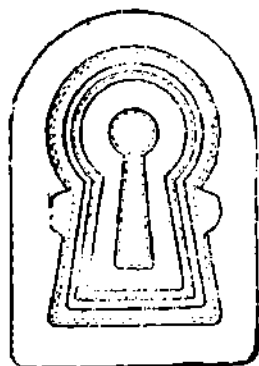
Những tượng đất nung này, ngày nay thấy bày bên ngoài cổ-phần hay là ở trong huyệt. Có một số đem về bày ở các bảo-tàng viện. Tượng đắp thành hình các chiến-sỹ của đương thời, các nữ-tỳ, trẻ sơ sinh hoặc thành hình lâu đài, thuyền bè, ngựa chiến cùng các giống thủy-diều. Lại còn thứ lăng-tẩm không có tượng đất để bài trí, khắp chung quanh đều có chôn đứng nửa chừng những ống cống bằng đất nung. Đây có thể, cổ-nhân không dùng những ống cống này làm vật trang trí mà chỉ để giữ khu mộ cao của lăng tẩm khỏi bị trôi sụt.

Về nguyên-nhân dùng nhiều thứ tượng đất để bài trí lăng tẩm, sách NIHON SHŌKI — (Nhật-Bản Thư-Kỷ, viết vào đầu thế-kỷ thứ VIII) — có ghi như sau.

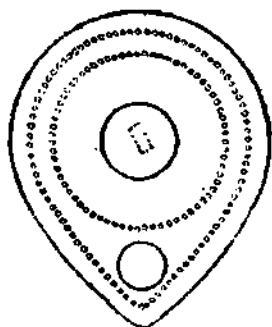
— « Từ trước đến đời SUININ TENNŌ — (Thùy-Nhân Thiên-Hoàng : ước đoán vào khoảng thế-kỷ thứ 1 sau k. ng. d.l.) — vẫn có tục, khi những bậc đế vương hay quyền-quý chết đi thì nội những tôi tớ trong nhà đều bắt phải tuần-táng theo chủ cả. Một lúc đem chôn vùi hàng bao nhiêu người sống nên nhiều khi tiếng khóc còn từ dưới mồ vọng lên (?) hàng mấy ngày mới hết. Thùy-Nhân Thiên-Hoàng rất buồn lòng về tục vô nhân-đạo ấy nên hạ lệnh đi toàn quốc phải bãi bỏ. Lệnh vừa ban ra thì Hoàng-Hậu băng hà, triều-đình còn đương phân vân về nỗi tống chung bậc mẫu-nghi mà không có kẻ hầu chôn theo thì có người là NOMI NO SUKUNE — (Dã-Kiến Túc Di) — đem rất nhiều các thứ tượng nặn thành hình quân lính, gia-nhân, ngựa, chim v.v... bằng đất nung đến tâu với vua, xin cho dùng những tượng này thay cho người sống để chôn theo Hoàng-Hậu. Nhà vua rất hài lòng về sáng kiến của người này, ban thưởng cho rất hậu và tục lấy tượng đất bài trí ở cổ-phần để thay cho người sống khỏi bị tuần táng được bắt đầu từ đây. Sau này, họ Dã-Kiến trở nên chuyên-môn, kẻ thế chế tạo các thứ tượng bằng đất nung để bài trí ở cổ-phần trên khắp nước Nhật ».

☞ Sách Nhật-Bản Thư-Kỷ chép như vậy, nhưng theo nhận xét của giới học-giả Nhật-Bản ngày nay thời việc bài trí tượng đất ở cổ-phần vị tất đã phải để thay cho gia-nhân khỏi bị tuần táng.

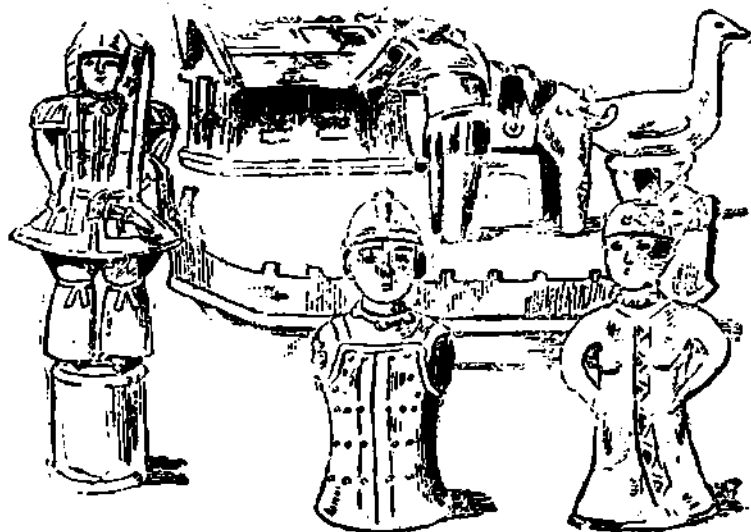
Tính theo độ của thời-gian thì loại lăng-tăm có ống cống chôn đứng nửa vòm ở chung quanh có trước rồi mới đến loại bài trí bằng tượng. Vậy có thể, từ ống cống chôn đứng mà sau này do lòng thiết tha với người quá cố mới nảy ra ý kiến xem lúc sinh thời



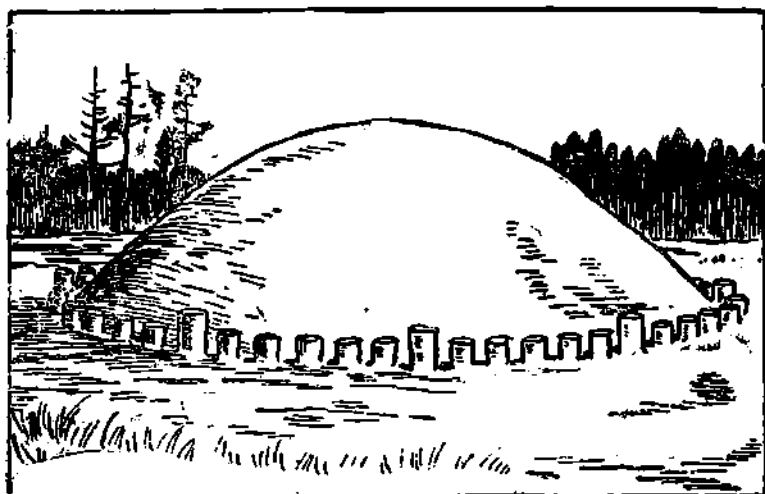
Loại huyệt « tiền viên
hậu phương »



Loại « viên phần »
(huyệt tròn)



Những tượng đất bài trí ở trong huyệt hoặc
ngoài lăng-tăm.



Ngôi mộ có ống cống chân đứng nửa vòm.
(Rất trong Nhật-Bản Chí Tích).

ưa thích những cái gì mà thuê nặn thành tượng như gia-nhân, nữ-tỳ, chim chóc, thuyền bè để thờ vọng tại phần mộ. Lại cũng do ý muốn biểu dương địa-vị cùng uy quyền lúc sinh thời của người mệnh một nên đặt những tượng thành hình tướng tá, quân lính thuộc hạ cùng ngựa chiến ở quanh lăng tẩm để mọi người cùng rõ.

Đối với sử-liệu thì nhờ những tượng đất trên đây mà rõ được sinh-hoạt của người đương thời. Tỷ như y phục đã tiến từ mảnh vải che thân sang quan niệm về mỹ-thuật trong cách phục sức hay nói chung là cách trang điểm con người. Như nam-giới đã có áo riêng và quần dài đến gót, có dải ngoài thắt ống quần ở ngang ống chân. Phụ-nữ đều mặc xiêm dài tha thướt. Áo của đàn ông lẫn đàn bà đều có ống tay dài, duy có vật trước là khác ngày nay vì cài về bên trái và buộc bằng dải chứ không bằng khuyết. Tóc đều để dài, đàn ông có đường ngôi ở giữa buồng xuống dưới tai rồi buộc thành bím. Đàn bà thì búi ngược lên đỉnh đầu thành kiểu SHIMA DA — (đảo-diễn) — nghĩa là búi bằng lên thành hai tầng, tầng dưới nổi tròn như cái đảo, tầng trên dẹt phẳng như mặt ruộng. Ngoài ra, nhà cửa đã cắt thành kiểu lâu đài, có đao góc, lại biết dùng ván ghép thành thuyền to làm phương tiện vận tải trên đại giang và đã nuôi được bò cày, ngựa chiến.

X

Văn-hóa trong « cổ-phần thời-đại »*(Kofun jidai no bunka)*

Chung quanh và trong các cổ-phần, ngoài những tượng, thuyền, nhà kiểu lâu đài cùng gia-súc bằng đất nung như trên đây, người ta còn tìm thấy nhiều dị vật khác nữa.

Kể về niên độ, người Nhật-Bản bắt đầu xây đắp cổ-phần từ thế-kỷ thứ IV sau d.l., nhưng chỉ trong những cổ-phần từ thế-kỷ thứ VI trở về sau, người ta mới tìm thấy nhiều loại đồ dùng bằng kim-khí chôn ở dưới huyết như mũ miện, bông tai bằng vàng hoặc bằng đồng, kiếm và đồ giáp trụ, gương soi bằng đồng hoặc bằng sắt, xuyến và bông tai bằng ngọc... v.v... Chắc đây là những đồ nhậ dụng lúc sinh thời người quá cố, nên khi tịch đi, thân quyến mới đem chôn một thể với người. Lại còn những bộ đồ thờ như bát hương thuộc loại đồ sành Di-Sinh, nung tới độ chín dần đánh khiêu màu quá nâu thành ra đen xám xám.

Trong có mấy thế-kỷ, nền văn-hóa Nhật-Bản được tiến-bộ mau chóng như thế là nhờ ở sự hưng vượng của triều-đại ĐẠI-HÒA đã tạo nên nhiều liên lạc mật thiết với Trung-Quốc để có cơ hội du-nhập nhiều phương-diện văn-hóa của nước này, như học tập được cả nghệ-thuật của người Bắc Trung-Hoa lẫn của người ở hạ-lưu sông Dương-Tử.

Tục xây đắp cổ-phần nhằm vào giai đoạn hưng khởi và thống-nhất đất đai cùng mở mang văn-hóa của triều-đình ĐẠI-HÒA, nên để tóm tắt cái biệt-sắc của thời-đại ấy, người Nhật-Bản gọi là những bước tiến hóa của CỎ-PHẦN THỜI-ĐẠI.

Cổ-Phần thời-đại còn đánh dấu sự tiến triển mạnh về chế-tạo cùng sự phổ biến rộng rãi trong quảng đại dân gian những đồ dùng bằng kim-loại. Từ trước kỷ-nguyên d. l., khi đồ sành Di-Sinh được cải chế thì người Nhật-Bản cũng đã biết đúc đồ dùng bằng kim khí mà phần lớn là đồng thau và chỉ những nhà quyền quý mới có quyền

dùng. Đến đây, vẫn nhờ vào sự giao-thông rộng rãi với Trung-Quốc mà đồ dùng bằng sắt được nhập cảng nhiều để thay thế cho những thứ bằng đồng, hơn nữa, người Nhật cũng tự tìm được mỏ sắt ở trong nước để chế tạo lấy những thứ phù hợp với tiêu nghị của xứ sở.

Ngày nay, trong những làng xóm, người ta tìm thấy nỏ kiếm, kích, mác, mũ trụ bằng đồng, áo giáp sắt, mũi tên và cày cuốc bằng sắt. Khi mà đã đến đại chúng nông-dân có cày cuốc bằng sắt để thay thế cho những thứ bằng gỗ thì ta thấy sự tiện dụng của loại nông-cụ bằng sắt tất đã được toàn dân công nhận và việc sử dụng những đồ thiết-khí không phải là độc-quyền của một giới nào nữa rồi. Sự tiện dụng của những đồ dùng bằng sắt không phải chỉ riêng trong phạm vi nông-nghiệp mà ở trong bất thấy mọi ngành sinh-hoạt xã-hội, cho nên, từ đồ sành Di-Sinh đến chuyển sang trồng hoa màu và cấy lúa, từ đồ gỗ chuyển sang đồ sắt thì cứ mỗi giai-đoạn chuyển-nghiệp ấy là lại một lần nền văn-hóa của người Nhật-Bản nhích lên một bậc, hay nói ngược lại thì nhờ vào tiến triển của văn-hóa mà đời sống vật-chất của con người mới được cao lên, nhất là sản-lượng của nông-nghiệp tăng hơn trước nhiều lắm.

Truyện kể về Nhân-Đức Thiên-Hoàng

(*Nintoku Tennô*)

Trong tất cả những cổ-phần rải rác trên khắp nước Nhật-Bảo, tuy đã trải qua mỗi mòn của gần hai chục thế-kỷ nhưng vẫn còn to lớn đồ sộ là hai ngôi lăng tẩm của ỨNG-THẦN THIÊN-HOÀNG — (ONIN TENNÔ) — và NHÂN-ĐỨC THIÊN-HOÀNG của triều đại Đại-Hòa, xây đắp vào đầu thế-kỷ thứ 5 sau kỷ-nguyên.

NHÂN-ĐỨC THIÊN-HOÀNG kể vị Ứng-Thần Thiên-Hoàng nhưng công đức thương dân còn cao cả hơn tiên-đế nên được toàn quốc ái mộ mà suy tôn lên bậc đại nhân, đại đức. Sử chép rằng, một ngày kia, NHÂN-ĐỨC Thiên-Hoàng vi-hành vòng ngoài ở châu thành giữa buổi nhân dân thổi nấu ăn nhưng Người nhận thấy phần lớn các mái bếp đều lạnh ngắt, không có khói tỏa. Người

biết rằng thần-dân đều nghèo túng đến nỗi thiếu cả bữa ăn nên hạ lệnh xá hết thuế mọi khoản thuế trong 3 năm. Vì sự xá thuế này mà cả Hoàng-gia bị chật vật co hẹp, nhưng Người không hề bận tâm về sự thiếu thốn của bản thân và của gia-đình.

Mãn lệ 3 năm xá thuế, NHÂN-ĐỨC Thiên-Hoàng lại vi-hành vào buổi nhân-dân nấu ăn, thấy bếp nhà nào cũng có khói bốc. Người vui vẻ ngắm cảnh ấy rồi phán với tả hữu rằng : — « Bây giờ Trẫm được phú túc như thế này, còn lo gì nữa ».

Ngày nay, bình luận việc phần lớn nhân-dân bị nghèo đói đến nỗi không có bữa cơm ăn trong một quốc-gia đương mạnh và nông-nghiệp đương được cải-tiến với nông-cụ bằng sắt, hơn nữa ở cách đây 16 thế kỷ, đất rộng người thưa tất sẵn ruộng cấy mà lại có đói kém ấy, sử-gia ngày nay thấy ở điểm này có điều thắc mắc. Hoặc giả nguyên-nhân gây nên nghèo đói cho dân là ở tầng lớp nào chăng ? Nhưng sử không thấy chép đến.

Còn căn cứ vào đâu mà sử-gia lại tin rằng đức độ của NHÂN-ĐỨC Thiên-Hoàng cao cả hơn các vua khác ? Là do sự đồ sộ vào bậc nhất của lăng tẩm vị vua này rồi thứ mới đến lăng của ỨNG-THẦN Thiên-Hoàng, là hai ngôi kế hàng đầu về quy mô to lớn trong khắp các cổ-phần hiện tại còn lưu lại.

Lăng của NHÂN-ĐỨC Thiên-Hoàng, nay gọi Đại-Tiên-Lăng vẫn còn là trái đồi lớn trắn cả một phương ngoại-ô châu thành Đại-Bản với 489m bề dài, 33m bề cao, chiếm hết 460.000m² diện-tích, tính cả 3 lần hào bao bọc chung quanh.

Người Nhật-Bản thường lấy làm điểm vinh-hạnh cho dân-tộc với sự kiến tạo nên Đại-Tiên-Lăng, vì nếu kém Kim-Tự-Tháp về bề cao thì lại hơn về bề rộng. Việc xây đắp nên trái lăng vĩ-dại này, không phải là công của một số người mà phải do sự gom góp tài lực của toàn quốc. Và lại sử cũng truyền rằng, khi NHÂN-ĐỨC Thiên-Hoàng băng hà, khắp các tầng lớp nhân-dân đều cảm nhớ thịnh đức của Người mà ứa nhau đến, ra sức đắp cho Đại-Tiên-Lăng kỳ đến to lớn vào bậc nhất để kỷ-niệm đức nhân ái của một bậc hiền đế. Còn lăng của ỨNG-THẦN Thiên-Hoàng ở nội thành Đại-Bản, đứng hàng nhì về quy mô, như đã trình bày.



*Y phục của sam, nữ-giới và quân-nhân dưới Cỗ-Phần thời-đại
(Rút trong Nhật-Bản Chí Tích)*

XI

Tấn công Đại-Hàn

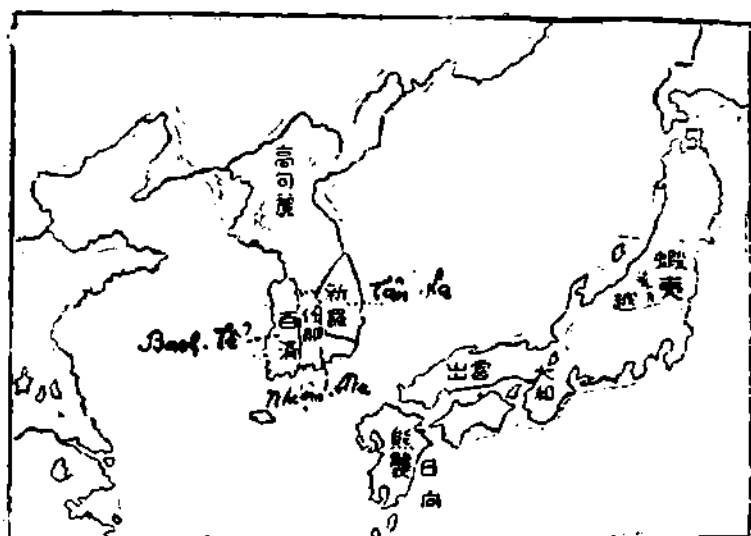
Triều-đại Đại-Hòa từ đất Cận-Kỳ tiến ra mở mang bờ cõi, khắc phục được hết các nước nhỏ trên quần-đảo Nhật-Bản để thống nhất quốc-gia. Đến cuối thế-kỷ thứ IV sau kỷ-nguyên, bên nhân sức mạnh của mình mà xuất quân vượt bể sang khởi đánh phá miền nam Đại-Hàn, bắt cả miền này phải quy thuận. Lại lấy đây làm căn cứ tiến đánh mãi lên bờ sông Áp-Lục.

Hiện nay tại vùng trung-lưu sông Áp-Lục vẫn còn tấm bia đá do quốc-vương xứ Cao-Cú-Lê là Hiếu-Thái Vương cho dựng lên để ghi việc quân-đội của triều-đại Đại-Hòa Nhật-Bản tấn công tới đây. Bia có đoạn, nguyên văn như sau :

— « Năm Tân-Mão — (391 sau kỷ-nguyên) — người Lùn (N. B.) từ nước họ tấn công sang, khắc phục được các nước Bắc-Tề, Tân-

La và Nhiệm-Na ở phía Nam. » —. Đoạn chót của bia còn ghi, đại cương rằng : — « Vì có căn cứ ở phía Nam nên suốt trong mấy chục năm, người Lùn thường tiến lên mạn Bắc giao tranh với quân ta ».

Bia này, đến nay vẫn gọi là Hiếu-Thái Vương Bi. Thời ấy, Hiếu-Thái Vương chiếm cứ cả mạn Bắc Đại-Hàn, là vị vua có uy vũ nên quân Nhật đánh không thắng nổi.



Địa điểm tấn công và chiếm cứ các xứ thuộc Đại-Hàn (rút trong Nhật-Bản C.T.)

Đánh chiếm được 3 nước Bắc-Tề, Tân-La và Nhiệm-Na rồi, quân Nhật đóng bản-doanh trên đất Nhiệm-Na, gọi là MIMA NO NI-HON FU — (Nhiệm-Na Chi Nhật-Bản Phủ) —, trường tồn mãi đến trung thời của đệ-lục thế-kỷ sau kỷ-nguyên. Xét như vậy, Nhật-Bản Phủ của triều-đại này được gần hai thế-kỷ ở phía Nam Đại-Hàn. ☉

Trong thời gian gần hai thế-kỷ đó, nhờ tiếp xúc mật thiết với Đại-Hàn và cũng nhờ có căn-cứ tại đây, người Nhật giao-thiệp với khắp miền duyên-bãi và hạ-tư sông Dương-Tử vào thời nhà NGŨ đời Tam-Quốc để học hỏi văn-hóa cùng kỹ-thuật canh tác của những xứ này mà du-nhập về nước. Không những tự mình học lấy, người Nhật còn đón mời rất nhiều người Trung-Hoa và Đại-Hàn có khả năng về văn-tự và công-nghệ về ở hẳn bên Nhật làm môn-sư, rộng truyền bá nhiều phương-diện về văn-hóa như văn-tự, nuôi

tầm, dệt lụa, may cắt... v.v... Đoàn môn-sư ngoại chủng này, người Nhật gọi là KIKANIN — (Quy-hóa nhân) — nghĩa là những người đem văn-hóa đến. Cứ kể tiếp đón lớp Quy-Hóa Nhân này đến lớp khác, triều-đại Đại-Hòa gây nước Nhật-Bản được mạnh cả về dân-sinh lẫn văn-hóa ngay từ thế-kỷ thứ V d.l. trở đi. Nhờ đấy, nước Nhật-Bản có căn-bản tự túc, tự cường để không một ngoại bang nào uy hiếp nổi và sau này đủ sức ngoi lên tranh hùng với quốc-tế. Nền văn-học cũng khởi nguyên từ thời tấn công sang Đại-Hàn mà ra và Hán-tự được lấy làm quốc-tự. Cho đến bây giờ, người Nhật-Bản còn giữ được những tấm gương bằng đồng làm ra khoảng đệ-ngũ thế-kỷ d.l., ngoài vành gương có khắc những thơ văn bằng Hán-tự.

XII

Thần - thoại về khởi nguyên nước Nhật - Bản

Các sách về lịch-sử Nhật-Bản do chính các sử-gia Nhật viết ra cũng vậy, đối với những việc ghi chép từ khởi tạo đất nước, qua thời đại thạch-khí đến đầu thời-đại văn-hóa nông-nghiệp đều do tham-khảo ở các sách vở của Trung-Quốc và Đại-Hàn cùng xét nghiệm những di-tích của tiền thời mà suy luận soạn thảo nên, bởi lẽ trong khoảng 4 hay 5.000 năm ấy, người Nhật-Bản chưa có văn-tự nên không có sách lưu lại. Kể từ thời-đại Tam-Quốc bên Trung-Hoa. Hán-tự được lần lần truyền bá sang, người Nhật mới có văn-tự để tự soạn thảo lấy sách. Hiện nay, những sách cổ nhất của Nhật còn lưu lại là hai bộ sử-ký :

— KÓJIKI : CỔ SỰ-KÝ.

— NIHON SHÒKI : NHẬT-BẢN THU-KÝ.

viết vào đầu thế-kỷ thứ Tám sau kỷ-nguyên d. l. Kể về thực truyền, nhất là bộ CỔ SỰ-KÝ, chỉ chép được những việc từ sau

Đại-Hòa thống-thất đất nước, còn từ đây trở về trước đều là những truyền-thuyết hoang đường.

Vậy theo bộ CỔ SỰ-KÝ thì nguồn gốc người Nhật từ đâu mà có ?

Trước hết, theo Quyển Thượng của bộ CỔ SỰ-KÝ thì có truyện :
— « NISHIN NO KUNI UMI : Nhị-Thần Chi Quốc Sinh » (1).
Truyện rằng :

« Thừa mới khai-thiên lập địa, chỉ mới có Thần chứ chưa có người. Chư Thần ở cả trên cõi TAKAMAGAHARA — (Cao Thiên Nguyên, tức như ta gọi Thiên-Đình) — do nữ Thượng-Đế là AMATERASU ÔMI KAMI — (Thiên-Chiếu Đại-Thần) — trị vì. Quanh mình nữ Thượng-Đế, lúc nào cũng phát hào-quang sáng tựa như mặt trời. Nếu không có hào-quang này, cả vũ-trụ sẽ chìm trong tăm tối mù mịt.

« Để kiến thiết hạ-giới, một hôm nữ Thượng-Đế triệu một nam-thần tuần tú là IZANAGI NO MIKOTO — (Y-Da-Na Kỳ-Mệnh) — và một nữ-thần kiều diễm là IMO IZANAMI NO MIKOTO — (Muội Y-Da-Na Mỹ-Mệnh) — cho phép hai Thần kết hôn rồi phái xuống trần gian để cùng tạo lập nên một quốc-gia mới.

« Cặp vợ chồng Thần nhà Trời này ở trên một trái hoang đảo tại Đông-Hải, sinh hạ được 8 người con, đều là Thần cả. Mỗi vị Thần này, sau hóa ra một hòn đảo, cộng thành 8 hòn đảo lớn nhất của nước Nhật hiện tại.

« 1 — Con lớn là hòn AWAJI NO HONO SAWAKE NO SHIMA — (Đạm Đạo Chi Tuệ Chi Hiệp-Biệt Đảo).

« 2 — Con thứ hai là hòn YIO NO FUTANA NO SHIMA — (Y-Dự Chi Nhị Danh Đảo) —. Thần Y-Dự này có 4 mặt, mỗi mặt được Phụ-Thần đặt cho một tên riêng :

— YIO NO KUNI : Y-Dự Quốc.

— SANUKI NO KUNI : Tán-Kỳ Quốc.

(1) — Theo Việt-văn thì phải là — « Tạo quốc chi nhị Thần » nhưng văn Nhật ngược lại, đồng-từ để về cuối câu.

— AWA NO KUNI : Túc-Quốc.

— THÔSHA NO KUNI : Thổ-Tá Quốc.

3 — Con thứ ba là hòn OKINO MITSUGO NO SHIMA —
« (Ấn-Kỳ Chi Tam-Tử Đảo).

4 — Con thứ tư là hòn TSUKUSHI NO SHIMA —
« (Trúc-Tử Đảo) Thần này cũng có 4 mặt, mỗi mặt có tên riêng :

— TSUKUSHI NO KUNI : Trúc-Tử Quốc.

— THÔYÔ KUNI : Phong-Quốc.

— HI NO KUNI : Phi-Quốc.

— KUMASO NO KUNI : Hùng-Tăng Quốc.

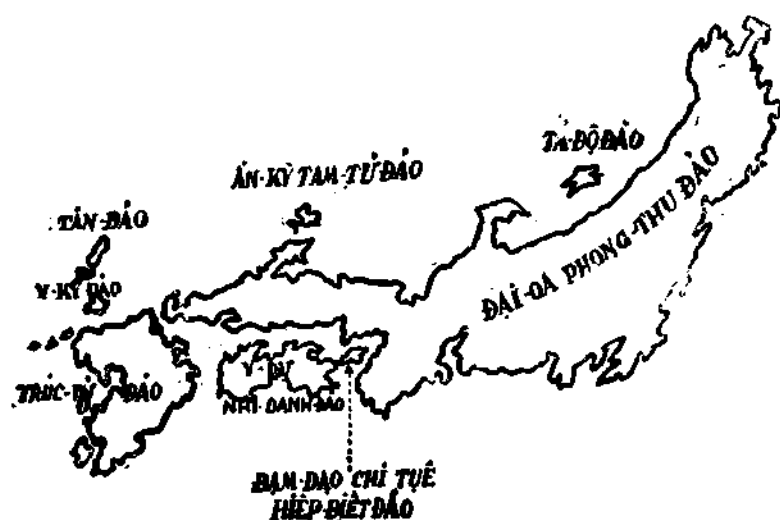
5 — Con thứ năm là hòn IKI NO SHIMA : — (Y-Kỳ Đảo).

6 — Con thứ sáu là hòn TSUSHIMA — (Tân-Đảo).

7 — Con thứ bảy là hòn SHADÔ SHIMA — (Tá-Độ Đảo).

8 — Con thứ tám là hòn ÔÔYAMATO THÔYÔ AKI SHI.
« MA — (Đại Oa Phong-Thu Đảo).

Bản-đồ Đại-Bát-Đảo theo Thần-Thuyết



- | | |
|------------------------------------------------------------|------------------|
| 1 — Đạm-Đạo Chi Tuệ Hiệp-Biệt Đảo tức đảo Đạm-Lộ ngày nay. | |
| 2 — Y-Dự Nhị Danh Đảo | — — Tír-Quốc — — |
| 3 — Ẩn-Kỳ Chi Tam Túc Đảo | — — Ẩn-Kỳ — — |
| 4 — Trúc-Tử Đảo | — — Cửu-Châu — — |
| 5 — Y-Kỳ Đảo | — — Nhất-Kỳ — — |
| 6 — Tân-Đảo | — — Đới-Mã — — |
| 7 — Tá-Độ Đảo vẫn giữ nguyên danh | |
| 8 — Đại-Oa Phong-Thu Đảo | — — Bàn-Châu — — |

Vì có sự-tích này mà từ khởi thủy cho mãi đến bây giờ, nước Nhật-Bản còn có tên là ÔÔYASHIMA KUNI — (Đại Bát-Đảo Quốc). — Ngày nay, trong giới nông-dân hoặc công-nhân vẫn quen gọi tên ÔÔYASHIMA KUNI, hơn là NIHON KOKU — (Nhật-Bản quốc).

Khi tám con đã hóa thành 8 hòn đảo trên đây rồi, vợ chồng Thần Y-Da-Na Kỳ-Mệnh bèn làm phép cho cả 8 đảo đều có phong cảnh kỳ tú, rừng rậm hoa tươi, suối reo cá nhón, đồng ruộng phì nhiêu, người vật đầy đủ rồi cùng về chốn Cao-Thiên Nguyên để phúc mệnh nữ Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần.



Trên đây là tóm lược thần-thoại về khởi tạo nên tám hòn đảo lớn nhất hợp thành nước Nhật-Bản theo quyển Thượng của bộ CỔ SỰ-KÝ; đến những sự việc tiếp theo thì Thiên SHINDAI — (Thần Đại) — trong bộ NHẬT-BẢN THƯ-KÝ chép thành câu truyện THENSON KORIN — (Thiên-Tôn Giáng Lâm) — như sau :

— « Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần nghe lời phúc tâu của « hai vợ chồng Thần Y-Da-Na Kỳ-Mệnh, Người rất đẹp lòng và phán « rằng : — « Được nơi đất nước kỳ tú ấy mới đáng để Trẫm ủy « Hoàng-Tử giáng lâm trị vì ». — Nhưng Thượng-Đế vừa phán xong « thì Hoàng-Tử sinh được Hoàng-Tôn đặt tên là AMAZU HIKO- « HIKOHO NO NINIGI NO MIKOTO — (Thiên-Tân Ngạo-

« Ngạn Hòa Quỳnh Quỳnh Sứ Tôn) — thường vẫn gọi tắt là NINIGI
 « NO MIKOTO — (Quỳnh-Quỳnh Sứ Tôn). — Thế là Hoàng-Tôn
 « này được nữ Thượng-Đế ủy xuống cai-trị xứ Đại Bát-Đảo thay cha.

« Trước khi lĩnh mệnh, Hoàng-Tôn được nội-tổ-mẫu trao cho 3
 « vật quý để làm b o-vật truyền-quốc, là :

— Hòn ngọc YASAKA NINOMAGA TAMA — (Bát-Bân
 « Quỳnh Khúc Ngọc).

— Chiếc gương YATA NO KAGAMI — (Bát Chi Kính).

— Thanh kiếm KUSANAGI NO TSURUGI — (Thảo-Thế
 « Kiếm) — và ban phép cho hưởng phúc muôn đời rằng : — « Ở
 « nước ASHIHARA NO CHI I HO AGINOMIZU HO NO
 « KUNI — (Thuần Nguyên Thiên Ngũ-Bách Thu (1) Chi Đoan-
 « Tuệ Quốc : tức tên Thánh của nước Nhật) — là địa-phương của
 « con cháu Trẫm sẽ vĩnh viễn cai-trị đến vô cùng tận. Vậy Hoàng-Tôn
 « khá giáng lâm mà khởi sự bình-trị. Trẫm sẽ ban cho xứ đó đủ mọi
 « thứ lúa gạo, bạc vàng và vật-liệu, phong phú đến muôn đời ».

« Thần Quỳnh-Quỳnh Sứ Tôn lĩnh báu vật và lời phán, bèn vén
 « mây thành một con đường đi xuống phía Nam Trúc-Tử Đảo — (tức
 « Cửu-Châu — và ở luôn đấy.

Đến đời cháu đích-tôn của Thần Quỳnh-Quỳnh Sứ-Tôn là Thần
 KAMUYAMATO IWAREHIKO HOHODE MIKOTO — (Thần
 Nhật-Bản Bào-Dự-Ngan Hỏa-Hỏa Xuất-Kiến Thiên-Hoàng) — đem
 quân tiến dần lên phía Bắc đảo Cửu-Châu rồi vượt theo dọc bể
 SETO NAIKAI — (Lại-Hộ Nội-Hải) — là eo bể giữa phía Nam
 đảo Bân-Châu với đảo Tứ-Quốc sang chinh-phục địa-phương Cận-
 Kỳ. Chúa nước này là NAKASUNE HIKO — (Trường Tùy-
 Ngạn) — vẫn là anh-hùng nhất khoảng, không chịu quy thuận nên
 xuất quân nghênh địch. Đồi bên cầm cự nhau nhiều năm trời, có những
 trận dữ dội khiến anh ruột Thần Bào-Dự-Ngan bị thương nặng,
 phải đưa về điều trị tại hậu phương nhưng không lâu thì chết vì
 thương tích đó. Thần Bào-Dự-Ngan rồi phải kêu cầu đến nội-tổ mẫu

(1) « Thiên ngũ bách thu » cũng như người Việt ta nói « muôn thu », tức
 là trường cửu mãi mãi.

là nữ Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần, được nữ Thượng-Đế làm phép cho ben trận địa của Trường Túy-Ngạn tối mịt như bưng và phái con KIN NO THÔBI — (Kim-Ưng, con cát bằng vàng) — xuống đậu trên cánh cung của Thần Bàn-Dự-Ngạn nhìn sang phía đối phương. Tự mắt con Kim-Ưng phát ra muôn hào-quang sáng ngời làm lóa mắt quân của Trường Túy-Ngạn không thể nhìn thấy gì nên phải xin hàng, khi thấy quân của Thần Bàn-Dự-Ngạn sang tấn công.

Thế là Thần Bàn-Dự-Ngạn tóm thâu được cả Cửu-Châu, Tứ-Quốc lẫn Cận-Kỳ, lập nên một nước lớn, đóng đô tại KASHIWARA SHINGU — (Cương-Nguyên Thần-Cung) — trong Huyện Nại-Lương thuộc địa-phương Cận-Kỳ. Thần này là hiện thân của vị Thiên-Hoàng thứ nhất của triều-đại Đại-Hòa, lấy hiệu là ZIMU TENNŌ — (Thần-Vũ Thiên-Hoàng) —, để rồi giòng dõi nối truyền đến Chiêu-Hòa Thiên-Hoàng ngày nay vậy.



Do ở truyền-thuyết trên đây mà trải bao nhiêu thể-hệ qua, người Nhật-Bản đều lấy điểm Thiên-Hoàng là giòng dõi của Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần làm điều vinh hạnh để tự tôn. Nhất là từ Minh-Trị Thiên-Hoàng trở lại, họ còn đặt vấn-đề tín ngưỡng Thiên-Hoàng, tôn sùng Hoàng-gia thành môn giáo-dục phổ-thông tại khắp các trường, thành những bài kinh nhật tụng cho quân-nhân lẫn công-nhân. Trong khoảng thời-gian ấy mặc dầu tư-ởng khoáng đạt của Dân-Chủ đã tràn ngập đất nước Nhật-Bảo, nhưng những nhà cầm quyền còn cố nghiên-cứu hẳn một khoa-học thần-thánh-hóa Thiên-Hoàng để dễ tạo áp lực cho việc cai-trị. Người dân dù muốn dù không, khi nói đến nhà vua vẫn phải cao tôn là THEN-NÔ HEKA — (Thiên Hoàng Bệ-Hạ) — hay là KAMI GÔ ICHI NIN — (Thần Ngự Nhất Nhân) — để tỏ rằng Thiên Hoàng là tự trên Trời xuống làm vua, hay là chỉ có Thiên-Hoàng là duy nhất hiện thân của Thần.

Trong đệ-nhị thế chiến qua, khi xua quân đánh Trung-Hoa để rồi tràn xuống khắp Đông Nam-Á, qua Nam-Dương, đến Úc-Châu, điểm chính của quân-phiệt đưa ra tuyên-truyền để quân đội vững lòng lao mình vào bước phiêu-lưu vẫn là : — « hoàn thành sứ mệnh cao cả

của con cháu *Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần*, tôn *Thiên-Hoàng* lên cai-trị *Á-Châu* rồi *thế-giới* ». Gia-đình nào có người chết vì *Thiên-Hoàng* là một vinh-dự. Trái lại, tội « *xúc phạm đến Thiên-Hoàng* » là một tội nặng nhất, cũng như ta kết tội những kẻ phản quốc vậy.

Nhưng từ 1945, sau hậu quả của đệ-nhi thế-chiến, những nhà tước-giả Nhật-Bản thấy cần phải chỉnh lại tư-tưởng của quốc-dân cho hợp với trào-lưu nhân-vị đương tràn ngập thế-giới nên vẫn-đề gò ép bắt buộc con người phải đặt tín-ngưỡng vào truyền-thuyết *Thiên-Chiếu Đại-Thần*, lòng mặc cảm vì dân-tộc có *Thiên-Hoàng* là « *giòng dõi Thiên Thần chiếu sáng ngời thế-gian* » đã bị bãi bỏ. Môn học về sự-tích Thần Thánh của Hoàng-Gia tại các trường cũng bị phế chỉ. Chúng ta hãy nghe tác-giả bộ *NHẬT-BẢN CHI TÍCH* gỡ những nỗi lăm cổ cựa của dân-tộc mình về *Thiên-Hoàng* như sau :

— « Những truyền-thuyết về *Thiên-Thần* giáng trần để gây dựng « nên nước Nhật-Bản, không thể nào tin được. Một quốc-gia gồm « những người bằng xương bằng thịt hiển nhiên đây mà lại bảo do « các ông *Thần* bà *Thánh* ở trên trời xuống sinh ra thì chẳng hóa ra « ngớ ngẩn lắm ru ? Đất nước này là do tổ-tiên chúng ta đã cố « gắng vượt gian lao trong bao nhiêu đời mới gây dựng nổi, đây là « tất cả sự thực. Còn những truyền-thuyết hoang đường cổ lỗ từ mấy « ngàn năm trước, tuy sách vở có để lại thực đấy, nhưng quyết nhiên « là sai cả. Có chẳng đối với những cổ-thư đó, chúng ta chỉ dùng « làm tài liệu để biết tư-tưởng của tổ-tiên chúng ta từ những thế-kỷ « xa xôi trở lại đến thế-kỷ VIII sau kỷ-nguyên đã nghi như thế nào « về sự cấu tạo nên vũ-trụ, nên quốc-gia mà thôi. Nếu chúng ta nghĩ « như vậy thì những cổ-thư đó mới có giá-trị xứng đáng : *giá-trị* « của những tài-liệu dùng để nghiên-cứu.

« Và lại tổ-tiên của Hoàng-gia ngày nay là triều-đại *Đại-Hòa* « thực đấy, triều đại này tuy có công trong việc thống-nhất đất đai, « tập trung lực lượng để trở nên hùng cường, nhưng là sức hùng « cường của một quốc-gia còn trẻ, thiếu căn-bản về mọi phương-diện. « Nếu cứ chịu sự thiếu căn-bản ấy thì sao đứng vững được bên cạnh « Trung-Quốc đại-lực có nhiều giai-đoạn mà văn-hóa tiến-triển mạnh « mẽ như hoa nở về mọi mặt nông, công, thương-nghiệp. Vậy, bên

« này Nhật-Bản cũng phải cố gắng để theo kịp đà ấy ngò hầu nâng
 « cao văn-hóa và dân-sinh của quốc-dân lên. Thực hiện được công
 « cuộc to tát này, không thể là sức một người, không phải là việc
 « của một thời-gian. Thế tất tổ-tiên chúng ta phải kế tiếp chung lưng
 « đấu cật, lao nhọc trong nhiều thế-hệ về sau nữa chứ ? Chúng ta cần
 « mở rộng cửa lịch-sử mà bước chân vào xem cho tường tận ».

Như vậy, giới thức-giả Nhật-Bản từ sau đệ-nhi thế-chiến trở lại
 đã công khai đứng lên bác bỏ thuyết nói rằng, giòng dõi nữ Thượng-
 Đế Thiên-Chiêu Đại-Thần tạo nên nước Nhật mà chỉ công nhận điều
 kiện gây dựng nên một quốc-gia là do công lao chung của mọi người
 dân thuộc mọi thời-đại. Và cả Hoàng-gia cũng công nhận lý-luận trên
 đây của giới thức-giả là đúng nên vua Chiêu-Hòa mới tự khước từ
 « *bổn-phận cai-trị thần-dân* » mà chỉ nhận quyền tượng-trưng cho sự
 thống-nhất quốc-gia cùng quyết tâm rửa sạch vết quan niệm cũ bằng
 để Hoàng-Tử AKIHITO kết duyên với con gái nhà thường dân.

CHƯƠNG BỐN

THỜI - ĐẠI QUYỀN CHÍNH - TRỊ VÀ HÀNH-CHÍNH TỐI CAO THUỘC VỀ THIÊN-HOÀNG

I

Lược truyện các Hào-tộc phù-tá

TIẾNG rằng từ khởi quốc đến ngày nay, chỉ có một giòng vua trị vì, nhưng Hoàng-gia Nhật-Bản cũng trải nhiều độ thăng trầm trong những khoảng thời-gian mất hết quyền hành, dầu có còn nhưng chỉ trên danh-vị nên lịch-sử mới phân ra những thời đại mà quyền hành thuộc về nhà vua, những thời đại mà quyền-hành thuộc về Hào-Tộc, Quý-Tộc, Tướng-Quân v.v. . . Vậy ở đây là thời-đại nhà vua nắm trọn quyền điều khiển cả chính-trị lẫn hành-chính.

Ở trên đã trình bày đến đoạn triều-đình Đại Hòa đầu gồm cả các địa-phương Cận-Kỳ, Xuất-Vân và Cửu-Châu, mở kỹ-nguyên thống-nhất đất nước và tập trung quyền hành về triều-đình để trở nên cường-mạnh. Giúp triều đình khởi nên đế-nghiệp là do cộng-tác của mấy họ HẢO-TỘC như TAKA TOMI shi — (Trung-Thần thị) —, IMBE shi — (Kỵ-Bộ thị) — ÔTOMO shi — (Đại-Bạn thị) —, MONONOBE shi — (Vật-Bộ thị) — và SOGA shi — (Tô-Ngã thị).

Năm nhà hảo-tộc này là đồng-liêu, cùng chia nhau quyền hành chốn triều-đình mà chi phối thiên-hạ. Hai nhà Trung-Thần và Kỵ-Bộ đảm nhiệm việc lễ-ngghi, tể-tự ; hai nhà Đại-Bạn và Vật-Bộ đảm nhiệm việc quân nhung và kiểm soát an ninh. Họ nào ở chức-vị nào thì đời đời con cháu được thế-tập. Trong 5 nhà, mạnh hơn cả là hai nhà Tô-Ngã và Vật-Bộ, nhưng dù mạnh dù yếu, nhà nào cũng có đất đai riêng để thu thuế, tổ-chức gia-nhân thuộc hạ riêng và trong khi làm quan tại triều vẫn không ngớt tìm mọi cách để mở rộng đất đai của mình.

Nói riêng về hai nhà Tô-Ngã và Vật-Bộ, mỗi ngày mỗi tìm cách tìm tòi thêm quyền hành và củng cố thêm thế lực nên rồi lộng quyền ra mặt, lấn át cả Thiên-Hoàng. Để tỏ ra mình cũng ngang với Hoàng-gia, họ Tô-Ngã lấy tước vị của Thái-Tử đem phong cho con mình, bắt thiên-hạ phải gọi con mình bằng tước chứ không được gọi tên. Lại tự tu tạo lấy lâu đài cũng to lớn nguy nga như cung điện của Thiên-Hoàng. Thế là xảy ra ghen tị và tranh chấp quyền hành giữa những hảo-tộc triều-quan, rồi mạnh ai nấy làm, đều cùng tự chuyên tự quyết khiến việc chính-trị nơi triều miếu không còn thể thống gì cả. Sau này, làm mất cả đất đai ở Nam Đại-Hàn khiến quân-đội phải bỏ Nhật-Bản Phủ ở đất Nhiêm-Na mà rút về là do sự độc-đoán và kiêu bạc, lại vụng về của nhà Đại-Bạn vậy.

Thấy tình trạng rối nát do bọn hảo-tộc triều-quan gây nên khiến có những kết quả không hay ấy, trong Hoàng-phái có người cương-quyết đứng ra cứu vãn tình thế đó. Người ấy là SHOTOKU THAISHI — (Thánh-Đức Thái-Tử). — Ông chủ-trương tước quyền của hảo-tộc, đem quyền chính-trị và hành-chính tập trung vào một vị tối cao là Thiên-Hoàng.

II

Thánh-Đức Thái-Tử

Thánh-Đức Thái-Tử là thứ-nam của YÔMEI TENNÔ — (Dụng-Minh Thiên-Hoàng), — sinh vào khoảng hậu bán thế-kỷ thứ VI sau kỷ-nguyên và mất năm 622. Tương truyền rằng, khi Thái-Tử còn đương độ thanh-niên đã tỏ ra người có độ lượng và khôn khéo về chính-trị. Ông được thiên-hạ tôn là Thánh-Đức cũng vì độ lượng và sự-nghiệp của ông trình bày dưới đây.

Một hôm có trên 10 người thường dân kéo nhau (1) đến trước dinh Thái-Tử để khiếu oan. Thái-Tử không thấy thế làm giận truyền gọi tất cả vào, ôn tồn nghe họ lần lượt khai trình rồi phán quyết ngay khiến tất cả cùng vui vẻ thỏa mãn ra về. Do đấy mà dân gian vẫn khen Thánh-Đức Thái-Tử có đức độ khôn ngoan của bậc hiền giả. Năm Thái-Tử mới 20 tuổi đã được cử nhiếp-chính — (2) — khi bà cô — (em bố) — lên ngôi cửu ngũ, lấy hiệu là SUIKO TENNÔ — (Suy-Cổ Thiên-Hoàng) —. Thái-Tử bèn sửa đổi chính-trị, thiết lập lại ngoại-giao với Trung-Quốc, rộng mở cửa cho Phật-giáo và kỹ-thuật tạo tác được phổ biến trong dân-gian, nói chung là mở con đường tiến bộ mới cho nước Nhật-Bản. Việc sửa đổi chính-trị trọng đại nhất là Thái-Tử chủ trương tước quyền hành của bọn hào-tộc lộng thần để tập trung cả chính-trị lẫn hành-chính về một mình Thiên-Hoàng đảm nhiệm.

Những sự việc đó sẽ trình bày dưới đây.

(1) Tục ở Nhật, nhất về thời xưa, kẻ thường dân dù gặp người Hào-Tộc lãnh-đạo địa-phương cũng phải lánh đi hay quỳ rạp xuống đường, hai tay chắp xuống đất để lấy chào, không được ngẩng mặt nhìn, còn nói chi đến việc tự tiện kéo nhau lại cửa một vị Thái-Tử đương triêu. Vậy thấy kẻ thường dân kéo đến cửa mình mà không giận là tỏ đức thân dân của Thái-Tử Thánh-Đức cao đến vượt tục lệ của thời phong-kiến cực thịnh và hình động của đám lê dân ấy được coi như phi thường; bất chấp mạng sống nên sự việc mới ghi vào lịch-sử.

(2) Nhiếp-chính, tức thay Thiên-Hoàng giải quyết chính sự trong và ngoài nước.

III

Phật-Giáo truyền vào nước Nhật

Đương thời nhiếp-chính của Thánh-Đức Thái-Tử thì Phật-giáo từ Trung-Quốc truyền sang Nhật-Bản.

Phật-giáo do đức SHAKA SAMA — (Thích-Ca Phật) — sáng lập tại Ấn-Độ cách đây khoảng trên 2.400 năm. Thoạt thủy được truyền bá ở miền Đông nước Ấn-Độ, đến đệ-thất và đệ-nhi thế-kỷ sau kỷ-nguyên thì truyền qua Trung-Quốc rồi Đại-Hàn và đến thế-kỷ thứ VI thời từ Đại-Hàn truyền tới Nhật-Bản.

Khi triều-dinh Đại-Hòa phái quân sang tấn công, chiếm đóng 3 nước Bắc-Tề, Tân-La và Nhiệm-Na ở phía Nam Đại-Hàn thời vì người Nhật tiếp xúc nhiều với giới tăng lữ nước Bắc-Tề rồi đón mời những vị đó về thuyết giáo tại nước mình : Về điểm này, Chương thứ 19 trong bộ Nhật-Bản Thư-ký có chép, đại lược : « Mùa Đông, tháng Mười năm thứ 13 đời Thánh-Minh-Vương nước Bắc-Tề có gởi một pho tượng Thích-Ca đức bằng vàng pha đồng cùng Kinh Sách và tăng lữ sang. Phật-giáo bắt đầu truyền bá ở Nhật-Bản từ đây ».

Về phần sưu tầm của các sử-gia Nhật-Bản hiện đại cũng cùng nhận rằng, khi nước được tượng có cốt Phật và các bộ Phật-Kinh về thì phong-trào tín ngưỡng Phật-giáo lan tràn lần lần trong khắp dân gian. Tuy nhiên, trong việc truyền-bá ở buổi khởi thủy cũng đã xảy ra một vài độ lồi thối.

Vào khoảng 552 d.l., những tăng lữ từ Bắc-Tề sang truyền giáo, vào bộ kiến Khâm-Minh Thiên-Hoàng là lần thứ nhất trong lịch-sử. Thiên-Hoàng hậu đãi những tăng lữ này và để tùy tình truyền giáo. Nhưng vấn-đề trở ngại là do hai nhà Hào-tộc đương thời. Họ Vật-Bộ thù với Thiên-Hoàng nên cấm chỉ, vịn lẽ nếu để Phật-giáo được truyền-bá thời việc tôn-thờ chư Thần cao-tăng-tổ của Hoàng-gia sẽ bị kém uy thế. Trái lại, họ Tô Ngã thời thuận để truyền bá, vịn lẽ Phật-giáo là đạo gốc của các dân-tộc tại Đông-Nam Châu-Á. Khâm-Minh Thiên-Hoàng đành để mặc đôi bên, ai theo, ai không cũng

tùy. Họ Tô-Ngã bèn lập chùa tại tư dinh, rước tượng Phật về thờ và đón tăng lữ về tụng niệm. Bất ngờ, năm sau, thiên tai giáng xuống khắp nước Nhật, người lên đầu chết như ngã dạ, hạn hán thiêu đốt mùa màng. Họ Vật-Bộ bèn túm lấy cơ hội ấy, tâu với Thiên-Hoàng vì việc thờ Phật mà chư Thần hành hạ nước Nhật bằng giáng họa đó. Khâm-Minh Thiên-Hoàng nghe theo, liền hạ lệnh đốt chùa tại tư dinh họ Tô-Ngã cùng đem tượng Phật vứt xuống sông.

Khâm-Minh Thiên-Hoàng băng hà vào năm 571, Thái-Tử nối ngôi là Mẫn-Đạt Thiên-Hoàng. Nhân dịp Khâm-Minh Thiên-Hoàng giá băng này, họ Tô-Ngã lại xây chùa và rước tượng Phật về thờ, bất chấp lời dèm pha súi bầy của đối phương. Tự thử sinh ra hiềm khích nặng nề giữa hai họ Tô-Ngã và Vật-Bộ, phần vì bất đồng ý kiến với « thờ Phật » và « không thờ Phật », phần vì tranh chấp nhau quyền hành vốn vẫn ngấm ngấm từ trước. Năm 585, đương thời Mẫn-Đạt Thiên-Hoàng, bệnh dịch đầu mùa lại hoành hành lần nữa hầu khắp nước Nhật, họ Vật-Bộ lại tâu vua, chỉ chiết tại họ Tô-Ngã thờ Phật nên tai thứ reo sự không may cho dân cho nước. Không những vậy, họ Vật-Bộ còn cho người đi tuyên-truyền khắp cõi, một mực đổ riệt cho họ Tô-Ngã là thủ-phạm trong việc thiên-tai chết chóc này. Thế là lần thứ hai, các chùa chiền bị thiêu hủy, tượng Phật bị ôm bỏ vứt đi, phần ra đồng áng, phần xuống sông xuống lạch. Lần này thì các tăng lữ còn bị tổng giam và tín đồ Phật-giáo bị giết hại mất nhiều.

Nhưng thiên-tai không thuyên giảm mà cứ lại nhai tăng lên theo với đà giam cầm tăng lữ và sát hại tín-đồ, kết cuộc, Mẫn-Đạt Thiên-Hoàng phải hạ lệnh cho họ Tô-Ngã tái thiết lập chùa thờ Phật, phóng thích các tăng lữ, khuyến khích tín-đồ cùng hạ lệnh an ủi những gia nhân kẻ bị sát hại. Hành động này của Mẫn-Đạt Thiên-Hoàng không khỏi vấp phải sự phản đối của họ Vật-Bộ vì họ này coi như một thất bại của phe cánh mình. Thế là từ đây, Phật-giáo mỗi ngày mỗi vững mạnh, tăng lữ từ Đại-Hàn sang tuyền giáo đông hơn nữa, chùa chiền được thiết lập rất nhiều, tín-đồ không ngớt quy y lễ bái, khiến họ Vật-Bộ coi như lúc nào cũng có kim hay gai chọc vào mắt. Hậu quả của việc bành trướng Phật-giáo đưa đến cuộc chiến-tranh để giải-quyết thắng hay bại giữa hai nhà hào-tộc kinh địch, bên Tô-Ngã thắng tức đạo Phật được theo đà bành trướng hơn nữa và ngược lại.

Trận chiến-tranh kết thúc bằng đại thắng của phe Tô-Ngã, họ Vật-Bộ bị diệt trừ tạo cơ hội nhất thống cho Phật-giáo cũng như cho họ Tô-Ngã được rộng thêm đất đai và thế lực. Họ này vốn đã lộng quyền từ trước khiến nhiếp-chính Thánh-Đức cũng như toàn Hoàng-gia không được hài lòng. Nay cả thắng trận này, tiêu diệt được kẻ đối lập mạnh nhất ở triều-đình nên lại càng rộng rãi, ngang nhiên phong chức Thái-Tử cho con mình cũng ngang con vua và xây dựng lâu đài cũng to lớn như cung điện nhà vua như trên kia đã trình bày. Lại chuyên quyền, nhiều việc cứ tự quyết không cả bẩm mệnh xin chỉ-dụ của Thiên-Hoàng.



Những truyện trên xin trình bày sau, ở đây hãy tiếp tục về sự bành trướng của Phật-giáo trên đất Nhật-Bản.

Về phần Thánh-Đức Thái-Tử, ông nhận thấy giáo-lý đạo Phật thực quan hệ đối với nhân tâm người Nhật trong thời đại ấy, nên chú trọng đến việc gây cơ sở cho đạo này được truyền bá rộng hơn nữa. Phật đối với chúng-sinh, nhất thiết coi là bình-dẳng, không phân phú, quý, sang, hèn hoặc màu sắc chủng tộc. Sự tế-độ của Phật cũng bác ái vô cực, không phân không gian và thời gian. Phật còn dạy mọi người đều phải cắt đứt nghiệp-căn, hễ có thân là phải tu điều lành ngay ở đời thực tại cho sạch chướng quả để được Phật độ tới cõi Niết-Bàn. Cho nên, làm người, ai cũng phải nghĩ đến kiếp chúng-sinh của mình mà rộng nhìn ra bốn cõi đồng sinh, cùng từ bỏ hỷ xả bằng hành động để tạo nên cuộc đời tươi đẹp chung.

Giáo-lý ấy thực là mới mẻ đối với nước Nhật ở đệ-lục thế-kỷ vì cho đến bấy giờ, chưa có tôn-giáo nào dạy dỗ con người được đến như thế, nên Thánh-Đức Thái-Tử quyết tựa vào giáo-lý cao siêu ấy để giáo-hóa nhân-dân, đồng thời cảnh-giác bọn hào-tộc toàn quốc, buộc họ phải thành thực cải hoán lối sống vị kỷ, bỏ thói tranh giành nhau trên sự lầm than của quần chúng. Ở hạ tầng nhân-dân, Phật-giáo như gáo nước mát dội vào lòng mọi người khiến ai cũng tìm thấy một niềm tin cho đời sống có thể bớt là đau khổ vì bị đè nén từ thôn xóm trở đi. Bởi những lẽ ấy, từ triều-đình đến khối quần đại quần chúng, Phật-giáo được sùng kính thiết thực để mỗi ngày mỗi tiến triển từ kinh-đô cho tới những nơi xa xôi hẻo lánh.

IV

CHẾ ĐỘ MỚI

Định lại quan-vị

(Kan Y No Satame)

Từ khởi nên nền chính-trị đến Thánh-Đức Thái-Tử, chế độ « tập tước » rất thịnh hành. Ở triều-đình, bố làm quan chức gì thì con cháu nối quan chức ấy. Ở địa-phương, những Hào-Tộc thế-gia cùng viên-chức công-môn cùng kế thế lưu-truyền trong một họ. Như vậy, địa-vị cao quý trong xã-hội cùng miếng đỉnh chung là của riêng của một giới, của một giòng, dù ngu dù hèn cũng vẫn được thế-tập để cai-trị người khác. Còn phần nhân-dân mà tổ-tiên là công, là nông, là binh ...v...v... thì dầu tài ba lỗi lạc đến mấy mặc lòng nhưng phận là dân vẫn kế tiếp là phận là dân, không thể nào ngóc đầu lên được để đảm đương những nhiệm-vụ xã-hội tương xứng.

Về chế-độ tập-tước này, tác-giả bộ Nhật-Bản Chi Tích đưa ví dụ như sau : — « Anh Điền-Trung thuộc giòng dõi cao quý hơn anh Sơn-Điền thời cả anh Sơn-Điền và người nhà anh ta, không nói gì khi gặp chính anh Điền-Trung mà dầu gặp người nhà anh này cũng phải giữ phận dưới mà cúi đầu vái lạy trước. Nếu không vái lạy thì không được. Anh Điền-Trung cùng người nhà anh ta dù ngu dốt, phần anh Sơn-Điền hoặc người nhà anh này dù thông minh, mẫn cán hay công trạng đến thế nào thời địa-vị thấp kém hơn nhà anh Điền-Trung vẫn dờ dờ không thay đổi. Thật là tức cười và bất công hết sức ».

Thánh-Đức Thái-Tử nhất quyết bãi bỏ lối tập tước đó bằng thiết lập chế-độ mới để kẻ ngu hèn thời bị sa thải ra khỏi nhiệm-vụ mà người có tài thời có đất dựng nghiệp. Từ đây không kể giòng họ nữa mà chỉ kể về tài năng, người lỗi lạc thời bất cứ thuộc giòng họ nào, ở giai-cấp nào cũng được nhắc lên địa-vị cao cả, chỉ buy xã-hội.

Tuy nhiên, trong đám tài năng cũng có kẻ hơn điểm này, người

kém mặt khác, nên để có chỗ tuyển dụng tất cả mọi khả năng và hiền đức trong nhân-dân, Thái-Tử đặt ra chế-độ quan trường mới, chia ra thành 12 cấp bậc, lấy mẫu của mũ đội để phân biệt gọi là KAN Y JU NI KAI — (Quan-vị Thập Nhị Giai : 12 cấp mũ) —, lấy danh-từ trong Ngũ-Thường của Khổng-Giáo đặt cho các thứ bậc.

Theo Chương 22 trong bộ NHẬT-BẢN THU-KY, 12 cấp quan-chức mới là :

- 1 — Đại-Đức
- 2 — Tiểu-Đức
- 3 — Đại-nhân
- 4 — Tiểu-Nhân
- 5 — Đại-Lễ
- 6 — Tiểu-Lễ
- 7 — Đại-Tín
- 8 — Tiểu-Tín
- 9 — Đại-Nghĩa
- 10 — Tiểu-Nghĩa
- 11 — Đại-Trí
- 12 — Tiểu-Trí

Xem việc cất đặt như vậy, Thánh-Đức Thái-Tử lấy Đức và Hạnh làm cao quý hơn trí-thức. Người được vời xung vào Mười Hai Cấp Quan-Vị trên đây đều được ban phát mũ áo bằng lụa với màu sắc khác nhau như sau :

- Bạc Đức đội mũ màu Tía.
- Bạc Nhân — — — Xanh.
- Bạc Lễ — — — Đỏ.
- Bạc Tín — — — Vàng.
- Bạc Nghĩa — — — Trắng.
- Bạc Trí — — — Đen.

V

KHỞI THIẾT LẬP HIẾN-PHÁP

Bản Hiến-Pháp gồm mười bảy Điều*(Ju Shichi Jo No Kempô)*

Văn-hóa được màu bác-ái của đạo Phật truyền-bá vào Nhật-Bản phù hợp với tâm-hồn đầy khoáng đạt của vị nhiếp-chính trẻ tuổi là Thánh-Đức Thái-Tử nên nảy ra những cải-cách quan trọng như tước bớt quyền của Hào-Tộc tại triều-đình và địa-phương, phế bỏ lễ thói tập tước đầy bất công, mở rộng cửa chính-quyền cho người đức-hạnh thuộc mọi giai-cấp và tiếp theo là ban hành bản Hiến-Pháp gồm 17 Điều, gọi là JU SHICHI JO NO KEMPÔ — (Thập-thất Điều Chi Hiến-Pháp).

Không rõ hai chữ « *Hiến-Pháp* » này do hậu đại dùng để đặt tên cho bản gồm 17 Điều, bảy xin tạm gọi là cải-cách về chánh-trị của Thánh-Đức Thái-Tử, hay là đã có trong nguyên-bản từ đương thời, nhưng theo nội-dung của Thập-Thất Điều lược dịch dưới đây thời nghĩa chữ « *Hiến-Pháp* » của thời ấy khác với « *Hiến-Pháp* » theo quan-niệm hiện tại.

Ngày nay, hiến-pháp phải do toàn dân tham gia soạn thảo. Những điểm như : — « chủ-quyền thuộc về Dân, Dân chọn chế-độ, chế-độ phải tôn trọng nhân-quyền, bảo-đảm nhân-vị trên nguyên-tắc tự-do » — được kể là thiết-yếu bậc nhất cho căn-bản của hiến-pháp dân-chủ rồi thứ mới đến phần-nhiệm giữa Dân và Chính cùng phân-quyền giữa Hành, Lập và Tư-Pháp. Nhưng bản « *hiến-pháp* » của Thánh-Đức Thái-Tử ban bố chỉ là ý kiến riêng của một nhà lãnh-đạo tựa vào giáo-lý của Khổng và Phật-giáo mà soạn thảo ra để cảnh-giác bực Hào-Tộc, đề cao quyền-lực của Thiên-Hoàng, khuyến cáo nhân-dân nên dốc tâm theo đạo Phật và đoàn-kết để chỉ phục-vụ cho một vị tối cao và tối trọng là Thiên-Hoàng.

Chương thứ 22 trong bộ NHẬT-BẢN THƯ-KÝ, chép về 17 Điều của bản « *Hiến-Pháp* » này, đại-lược như sau :

— « Năm thứ 12 — (đời Suy-Cổ Thiên-Hoàng, 604 d.l., tức sau việc ban hành Quan-Vị Thập-Nhị Giai một năm) — tháng Tư Bính-Dào, ngày Sóc Mậu-Thìn — (tức mừng Một đầu tháng á.l.) — Thánh-Đức Thái-Tử đích thân khởi soạn 17 Điều Hiến-Pháp :

Điều I — Trong nước lấy chữ HÒA làm nền tảng trong đạo cư xử để tạo nên sức mạnh chung. Phàm tính ngang ngược phải cải bỏ. Ra đến ngoài nước phải tuân lệnh đấng QUÂN.VUÔNG — (tức Thiên-Hoàng) — ở trong nhà phải thuận mệnh PHỤ, MẪU. Không trái ý xóm mạc, mọi việc phải giải-quyết bằng thảo luận tương thỏa.

Điều II — Dóc lòng tín-ngưỡng nơi TAM-BẢO, dốc lòng quy y theo TAM-PHÁP, PHẬT, PHÁP, TĂNG mới là chính hướng để tứ-giới — (sỹ, nông, công, thương) — noi theo. Dứt hết tà tâm, tuyệt-đối tuân theo giáo-lý của nhà PHẬT.

Điều III — Thần-dân phải triệt để kính tín, tuân theo mọi Chỉ-Dụ của Thiên-Hoàng. Phân ngôi của đạo QUÂN và THẦN thời cao như TRỜI, thấp như ĐẤT. Thần-dân sống theo lẽ tự-nhiên, đều là phải đội TRỜI, chân tất đạp lên ĐẤT. Vậy phải thuận theo lẽ của TRỜI như bốn mùa có tuần hoàn thời khí-vận mới hanh-thông và đạo TRỊ mới đạt được.

Điều IV — Khởi tự chư KHANH, bách QUAN đều phải lấy LỄ trị dân. Tự nơi triều-tể, kẻ sỹ-phu lấy LỄ làm nghiêm-minh là tất được mầm loạn. Nơi thôn-dã, kẻ bách-tính lấy LỄ mà cư xử thời tự khắc Quốc-Gia được thịnh-trị.

- Điều V** — Tuyệt-đối dứt bỏ lòng tham, diệt-trừ bối-lộ. Rất mực thanh-liêm trong việc cai-trị, rất mực công-bình trong việc xét sử án tù. Đây là Đạo giường cột của sỹ-phu cho bản dân có nơi trông cậy, tựa nương.
- Điều VI** — Gần điều THIÊN, khuyến người cùng làm điều THIÊN. Dứt lòng ÁC, cùng không làm điều ÁC. ÁC là gốc của đổ nát. THIÊN là mầm tuyệt tiếng đao kiếm trong bốn cõi. ÁC thần — (kẻ bày tôi làm việc ác) — là bất-trung-quân. ÁC dân là vô nhân. Trong triều-đường có bày tôi làm điều ÁC, nơi thôn-dã thì bách-tính kém điều NHÂN, ấy là thiên-bạ đại loạn.
- Điều VII** — Kẻ chấp chương quyền hành phải luôn luôn xét lại hành-động, đem so sánh với nhiệm-vụ mình. Quan phải yêu dân. Cho nên các đấng Thái-Vương ngày xưa dạy rằng, lúc bình thường quan giúp đỡ dân thời khi bất thường dân mới giúp quan.
- Điều VIII** — Chư Khanh, bách Quan đều phải cần mẫn chăm chỉ. Vào chầu sớm, tan chầu muộn, công-vụ giải-quyết nội trong ngày, tránh sự bẽ trễ bữa bãi.
- Điều IX** — Tự triều-đình trở xuống đến thần-dân đều phải lấy đức TÍN làm trọng. Một lời nói, một việc làm đều chủ nơi chữ TÍN. Đây là bí-quyết chủ được Thành hay Bại vậy.
- Điều X** — Kẻ chấp chương quyền hành đều phải tránh điều phản nộ, nóng nảy. Làm người không phải ai ai cũng là Thánh, quyết nhiên phải có lỗi lầm. Thấy người có lỗi phải điềm-tĩnh xét đến nguyên-nhân của điều lỗi, chớ nóng nảy trách cật nộng lời. Đây là nguyên-nhân diệt được mầm oán.

Đem thân mình đặt vào địa-vị người có lỗi mà xét đoán ; sử cho dân yêu chứ đừng bắt dân sợ. Đây là mở đường cho dân chúng theo mình.

Điều XI — Thương phải luận đúng công trạng. Phạt phải xét đúng tội lỗi. THƯỜNG, PHẠT CÔNG MINH, đây là bốn-phận và trách-nhiệm chính của người chấp quyền CHÍNH và PHÁP.

Điều XII — Trong nước không thể nào có hai Vua, thì người dân không lẽ nào phải thờ hai Chủ. Trăm họ chỉ là thần-dân của Thiên-Hoàng. THUẾ là phải nộp cho nhà Vua để lo việc nước. PHU DỊCH chỉ là để kiến tạo Quốc-Gia. Mọi điều ức chế nhân-dân để thu thuế cho riêng bản thân, để bắt phu-dịch cho riêng giòng họ, nhất thiết cấm chỉ.

Điều XIII — Những kẻ đương nhiệm công-vụ, nhất thiết phải lo tròn bốn-phận. Ngoại lệ vì ốm đau, vì công xuất, cấm chỉ không được vắng mặt ở nơi dịch-sở khiến công-vụ bị phóng khoáng.

Điều XIV — Đại phạm quần Thần ở nơi triều khuyết, Quan liêu ở nơi phiên-trấn đều phải bỏ thói đồ tặc, ganh tị lẫn nhau. Mình ganh tị người, người ghét lại mình ấy là gây họa kèn cựa, chực hại lẫn nhau khó thể cắt đứt được.

Điều XV — Dù xa nơi cửa khuyết, bao giờ cũng trọng việc công hơn việc riêng. Phải tài bồi cho công quỹ, không được thu vén cho lợi riêng.

Điều XVI — Mùa Đông là lúc dân nghỉ ngơi, có thể gọi đi phu dịch. Cấm chỉ không được quấy nhiễu dân trong mùa Xuân là vụ sửa soạn cho cấy cấy, trong mùa Thu là mùa gặt hái. Nòng tang vị bản, cần bảo-vệ nông-nghiệp cho dân có đủ lương ăn.

Điều XVII — Phàm đại-sự quốc-chính hoặc giải-quyết việc liên quan đến nhân-dân, không được tự chuyên tự quyết mà phải chúng chí hội đàm thảo luận. Ý kiến một người không bao giờ sáng suốt bằng nhận xét của nhiều người.

Phân tích 17 Điều trên đây, ta thấy, tuy mệnh danh là « *hiến-pháp* » nhưng nặng về tính chất giáo-dục của thời Khổng và Phật-giáo đương thịnh phát ở Nhật-Bản. Các nhà bình-luận về lịch-sử Nhật-Bản thường căn cứ vào bản Thập-Thất Điều Hiến-Pháp này để rõ được đại-cương những tề đoan về hành-chính cũng như những khổ cực về tình dân Nhật trong đệ-lục thế-kỷ sau kỷ-nguyên.

Tại triều thì hào-tộc lung đoạn quyền nhà vua, nơi thôn-dã cũng vẫn hòa-tộc tung hoành, bóc lột dân bằng đủ mọi thứ thuế, sưu, phu-dịch để rồi lại làm hại quốc-gia một lần nữa bằng tranh giành nhau địa-vị, tài-sản, đất đai của nhau mà sũa dân đi đổ máu ở chiến-trường. Những cuộc chiến này, to tát và ghi chép được là cuộc xung đột giữa hai phe cánh Tô-Ngã và Vật-Bộ. Tính từ khi khởi chiến đến khi kết thúc được thua thời không biết bao nhiêu tài-sản và sinh-mệnh bị chôn vùi theo vào đấy ; ngoài ra còn những vụ xung đột lẻ tẻ giữa những lực lượng tương đối ở khắp các địa-phương, nay chiến mai hòa, hoặc những vụ cướp bóc, giết hại dân thôn của bọn cường khấu. Còn có hoàn cảnh nào nào nề hơn tình dân thời ấy nó là nguyên-nhân gây nên nhiều thế-hệ đói rét cơ cực, sẽ trình bày ở những Chương dưới. Vậy chủ-động những việc trên thì khuyh loát Thiên-Hoàng, dưới thời làm rối phép nước, giết hại, bóc lột nhân-dân là giai-cấp hào-tộc.

Thánh-Đức Thái-Tử là người minh đoán, lại rộng lòng thương dân, nên phần lớn các Điều trong bản « *hiến-pháp* » của ông ban bố đều nhằm vào những Điều HÒA, LỄ, ÁI TÍN, tòng THIỆN, tị ÁC và TÔN THIÊN-HOÀNG làm trọng tâm cảnh-giác Hào-Tộc và lấy đấy làm cái thế cho « *nguyên-tắc* » tước quyền của giới hào-tộc. Ngoài ra, bọn viên-chức quan-lại của triều-đình, tuy không có đất đai binh-quyền trong tay như hào-tộc nhưng cũng nắm được ưu thế cai-trị nhân-dân thời thiên-vị, tham những hối lộ, lười biếng, nặng phần tư lợi, nhẹ bề công-vụ nên trong Thập-Thất Điều Hiến-Pháp mới đề cập

đến CÔNG, LIÊM, CẦN, MÃN, THUẦN và không được bắt phu dịch trong mùa cấy cấy, gặt hái, làm khuôn mẫu cho việc trị dân của « *chư Khanh bách Quan* » cùng những người « *chấp chương quyền hành* ».

Vậy thời, lấy Đạo của Khổng, Mạnh để « *Tôn-Quán* » và « *Thanh-Chính* » lấy « *Giáo* » của nhà Phật để hướng dân vào đường « *Thiện* » là lý-tưởng chánh-trị của Thánh-Đức Thái-Tử. Tuy nhiên, « *hiển-pháp* » có ban bố nhưng « *Đạo* » và « *Giáo* » chưa bắt đầu thực hiện ngay được do sự bất tuân của phe Tò-Ngã. Phải chờ một thời-gian sau, đến lúc « *quả chín tất phải rụng* » nghĩa là khi lòng dân đều oán ghét Hào-Tộc mà họ Tò-Ngã bị lật đổ đi rồi thời Thập-Thất Điều Hiển-Pháp mới có hiệu lực. Những việc ấy sẽ kể đến sau này.

VI

GIAO-THIỆP VỚI TRUNG-QUỐC

Phái sứ-giả đi giao-hiệp với nhà Tùy

(*Ken Sui Shi : Kịến Tùy Sử*)

Một sự nghiệp đáng kể nữa của Thánh-Đức Thái-Tử là thông sứ với nhà Tùy bên Trung-Quốc để chấn-hưng văn-hóa của Nhật-Bản ở đầu đệ-thất thế-kỷ.

Về việc này, theo sử-liệu Nhật-Bản thời Thái-Tử thấy văn-bộc, giáo-lý cùng kỹ-thuật của nước mình thua kém Trung-Quốc nên quyết theo cho kịp, bèn mở rộng giao-tế, phái viên Sứ là ONO NO IMOKO — (Tiểu-Dã Muội-Tử) — mang quốc-thư sang kinh-dô nhà Tùy để cầu thông hiếu. (607 d.l.). Về việc này theo sử-liệu của Trung-Quốc, Thiên-Oa-Nhân Truyện trong bộ Tùy-Thư có ghi như sau :

— « Niên-hiệu Đại-Nghiệp thứ 3 — (607 d.l.) — đời Dương Hloàng-Đế (Tùy Dương-Đế), vua Oa-Quốc — (người Lùn) — là Da-

Lợi Tư Tỷ - Cô — (TARISHIHIKO, tên tục Thánh-Đức Thái-Tử) — sai Sứ sang triều cống. Khi sứ-giã dâng quốc-thư, Hoàng-Đế ngự duyệt, thấy có câu : — « Thái-Tử nước Mặt Trời Mọc ở phương Đông kính dâng thư lên Hoàng-Đế nước Mặt Trời Lặn ở phương Tây. Trộm nghe, Phật-giáo tại quý quốc đương thời hưng khởi, tề quốc ủy đại-diện sang triều bái cùng đưa theo mấy chục sa-môn — (nhà sư) — để xin dạy thêm cho cao lý của nhà Phật ».

« Hoàng-Đế ngự duyệt xong, có ý giận, bèn sai viên Hồng-Lô ra trách sứ-giã : — « Nước các người là man di bé nhỏ, sao dám dâng thư nói điều vô lễ. Các người ở mặt trời mọc chẳng hóa ra các người khoe, còn Trung-Quốc chỉ có mặt trời lặn thì là suy yếu rồi hay sao ? »

« Việc này rồi cũng được bỏ qua. Đầu năm sau, triều-dinh ủy chức Văn Lâm-Lang — (bác-học trong Hàn-Lâm) — là Phi-Thanh sang Oa-Quốc để đáp lại ».

Người Nhật-Bản về những thế-hệ sau, đọc đến truyện Thánh-Đức Thái-Tử tự nhận nước mình là « nước mặt trời mọc » và gọi Trung-Quốc là « nước mặt trời lặn » vẫn lấy làm xướng ý, vì Thái-Tử tuy khuất thân đi học người nhưng vẫn giữ được quốc-thể bằng lời lẽ hiên ngang. Còn những nhà phê-bình sử thời cho rằng Thánh-Đức Thái-Tử muốn Trung-Quốc dài là ngang hàng chứ không muốn phải coi thư thuộc-hạ.

Tương truyền rằng, khi Tiểu-Dã Muội-Tử trở về có mang theo phúc-thư của Tùy Dương-Đế, nhưng nội-dung thư có lời lẽ sao đó nên Tiểu-Dã không dám dâng trình lên Thánh-Đức Thái-Tử cùng Suy-Cổ Thiên-Hoàng, mới thác tâu rằng, khi qua miền Nam Đại-Hàn bị sơn-khẩu đón đánh cướp mất. Thấy việc thông-sứ có kết quả tốt đẹp, vả lại cũng muốn dấu không để Tùy Dương-Đế hay biết nên Thái-Tử cũng dẹp luôn việc đánh mất bởi thư mà không trách cứ gì Tiểu-Dã nữa. Từ 608 d. l. về sau còn mấy lần phái Sứ sang nhà Tùy nữa, nhưng triều-dinh Đại-Hòa vẫn ủy nhiệm nơi Tiểu-Dã mà cử ông làm trưởng-sứ như thường lệ.

VII

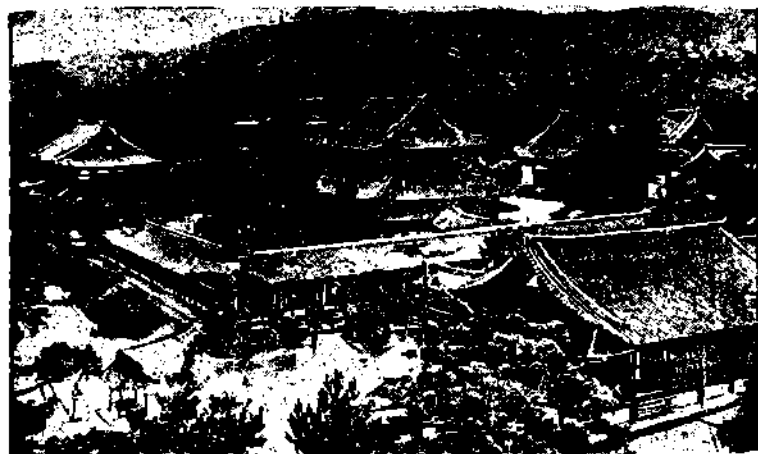
Xây cất Pháp-Long-Tự*(Hô-Ryô ji wo Tsukuru)*

Văn-hóa Trung-Quốc dưới đời nhà Tùy có ảnh hưởng mạnh nhất ở Nhật-Bản là khoa kiến-trúc về đền, chùa mà điển hình là ngôi Pháp-Long Tự — (Hô-Ryô Ji).

Pháp-Long Tự, ngày nay ở Huyện Nại-Lương, vẫn còn giữ được nguyên hình từ thời khởi tạo. Chùa có giá-trị đặc-biệt về mỹ-thuật, kỹ-thuật và tín-ngưỡng, Người Nhật Phật-tử nào cũng vậy dù ở Bắc, dù ở Nam, nếu không được đi lễ bái ở chùa, chiêm ngưỡng cảnh chùa Pháp-Long, đều cho rằng đời mình còn thiếu thốn, dầu dư tiền thừa bạc vẫn chưa được mãn nguyện. Do đấy, trong đời người dân Nhật, dù có phải tốn kém cũng cố dành dụm để ít nhất được đi lễ ở Pháp-Long Tự lấy một vài lần. Có những nhà hiếm hoi, ở xa chùa hàng ngàn cây số cũng mang con đến để « bái » vào chùa. Có những cụ già, biết mình chẳng còn sống được bao năm nữa, thời điểm mãn nguyện nhất là được con cháu đưa đi lễ lấy lần cuối cùng. Nói chung, hễ nói đến Pháp-Long Tự thời mọi người dân Nhật đều thuộc lòng và quen như áo mặc ở người.

Theo bản Minh nhơn đề : — « *Pháp-Long Tự Kim-Đường Dược-Sư Như-Lai Tượng Quang Bối-Minh* » hiện còn lưu ở Pháp-Long Tự thì nguyên do kiến tạo nên chùa là như sau :

— « Năm Bính-Ngọ — (586 d.l.) — Dụng Minh Thiên-Hoàng lâm trọng bệnh. Người bèn vời Hoàng-Muội — (sau này lên ngôi lấy hiệu là Suy-Cổ Thiên-Hoàng) — cùng Hoàng-Tử — (đến năm 593 d. l. lên nhiếp-chính, lấy hiệu là Thánh-Đức Thái-Tử) — đến, sắc tứ cất ngôi chùa mới và tạc tượng Dược-Sư lên thờ để bệnh của Người mau thuyên giảm. Hoàng-tử tuân mệnh, liền trừ liệu vật-liệu, nhưng năm sau Thiên-Hoàng giá băng. Tuy nhiên, vật-liệu vẫn cứ được chuẩn bị mãi đến năm Đinh-Mão (607 d.l.) — chùa mới được khởi công ».



PHÁP-LONG TỰ

(Ảnh trích trong quyển : *Tiểu-Học Xã-Hội Lục-Niên của Đại-Bản Thư-Tịch*)

Trên đây đã nói đến Pháp-Long Tự có giá-trị đặc-biệt về mỹ-thuật và kỹ-thuật mà người Nhật vẫn thường lấy làm điểm tự hào với thế-giới. Dưới đây, chúng tôi xin nhường lời cho sử-gia Nhật-Bản nói về chùa này :

— « Văn-hóa Trung-Quốc ở đệ-lục thế-kỷ quả thực huy hoàng hơn ta nhiều, buộc ta phải sang học để cầu lấy con đường tiến thủ. Nhưng ta đi học người không phải để nhấm mất theo người mà chỉ học lấy những điều nào là ưu-điểm rồi đem về gọt rửa lại cho hợp với khuôn khổ của ta. Đây mới là mục-dích chính của sự đi học người, và có được như thế, sự học ấy mới bổ ích cho thăng tiến văn-hóa và dân-sinh. Tổ-tiên chúng ta đã từng gọt rửa như thế, xem như việc kiến tạo nên Pháp-Long Tự thời rõ.

« Thánh-Đức Thái-Tử phải tập trung nhiều khả năng về nhân-lực và vật-lực mới cất xong ngôi chùa này. Tính từ ngày các tăng-lữ Trung-Quốc cùng Đại-Hàn du-nhập Đạo và Kinh-Phật có kèm cả những thợ mộc lành nghề vào Nhật-Bản thời chùa chiến cất lên đã nhiều, nhưng chưa có ngôi nào được quy mô, đồ xộ lại chứng tỏ một nghệ-thuật siêu-dãng về khoa kiến-trúc kiểu nhà bằng gỗ bằng chùa Pháp-Long. Kể đến ngày nay, ở nội địa — (trong nước Nhật-Bản) — ở

Trung-Quốc, ở thế-giới chưa có ngôi chùa thứ hai nào khả dĩ sánh kịp về cổ kính, to lớn và bền chắc. Quả xứng danh vô tiền khoáng hậu.

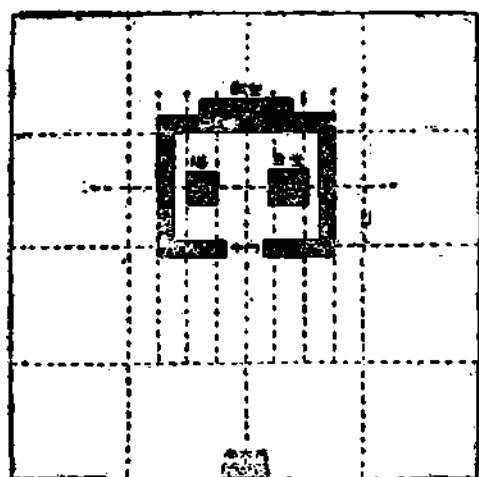
« Thoạt mới trông thấy 5 tầng tháp ở cổng ngoài, ai cũng đã phải trầm trồ khen ngợi về cách toan tính của cổ thời, sao chỉ có gỗ với gỗ mà cất nên đã to tát, bền vững lại như kèm cái bề thế lăm lăm của kẻ cả, đứng bình tĩnh trơ trơ giữa trời mà thách đố tất cả phong ba, giông tố của thời-gian — (nước Nhật thường bị động đất vật đổ của nhà) — kể ra đã một ngàn ba trăm năm. To đẹp, chắc chắn, nhưng không phải cái chắc chắn cứng nhắc của cây que mà là thứ to đẹp, chắc chắn đầy vẻ mềm mại bởi những đường cong lượn nhịp nhàng của các đao góc hoặc của những vì kèo. Đến hình dáng toàn thể thì thực cân đối, mộng mọng khăng khít, không hề chênh lệch dù chỉ chút ít.

« Đi vào hết cảnh mênh mông của chùa, thì lại nao nức về quy mô đồ sộ cùng vẻ uy nghi của chính điện, cảnh đều đặn cùng ngăn nắp của các giầy giải-vũ, các nhà giảng-đường, chỗ nào cũng lộ vẻ toan tính rất kỹ-lưỡng, tỉ mỉ và khôn khéo của những tay thợ cả được trau chuốt bằng nghệ-thuật già dặn.

« Ngày nay, không những chúng ta mà cả đến người nước ngoài, xem ngắm xong cảnh Pháp-Long Tự, ai cũng công nhận sự hoàn thành ngôi chùa này là cả một cố gắng phi thường.

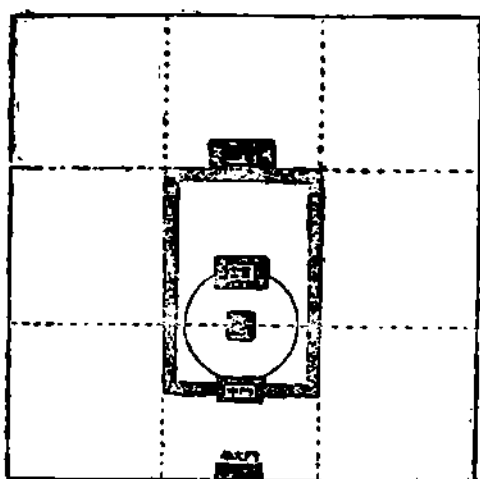
« Kể đã từ mười mấy thế-kỷ trước của tiền thời, mới bắt tay vào học văn-bóa của người mà tổ-tiên chúng ta đã tạo được ngôi chùa đến nay chưa có ngôi thứ hai nào tương xứng và thời-gian càng trôi qua thì cái giá-trị về danh thắng, kỳ tạo của chùa lại càng cao lên ở thế-giới, như vậy, quả là một điểm hãnh-diện cho nền văn-hóa Nhật-Bản.

« Đến bỏ cảnh, chùa của chúng ta cũng khác chùa Trung-Quốc. Chùa Trung-Quốc thì tự tam-quan chạy thẳng vào là Tháp rồi đến Chính-Điện và sau cùng là Nhà Tổ với Giảng-đường. Đặt chạy dọc chữ nhất như thế nên cái nọ án ngữ cái kia, lù lù trước mặt nhau, mất cả vẻ phong quang. Chùa của ta thì từ tam-quan chạy thẳng vào là sân, bên phải sân giáp giầy giải-vũ là Chính-Điện, bên trái sân là Tháp. Giảng-đường mới ở chính giữa nhưng mãi trong cùng. Đặt theo hàng ngang, chạy chữ Thập như vậy nên chùa của ta phong quang hơn và dù có làm to đến mấy cũng không ngại cái nọ che lấp cái kia.



Bố cảnh của Pháp-Long Tự.

Đây là phác tả Pháp-Long Tự cùng cổ vũ tinh-thần linh động dung hòa những cái hay của người để tạo nên cái ưu thái riêng của mình của người Nhật-Bản. Riêng phần người V.N. chúng ta, về phương-diện khách quan nhận xét thời học người để tiến ngang hoặc hơn người là điểm tất yếu để gạt khỏi của người Nhật vậy.



Bố cảnh của chùa Trung-Quốc (Rút trong N.B.C.T.).



Về Pháp-Long Tự, còn vấn-đề nữa đã và đang khiến những nhà khảo cổ và sử-gia Nhật-Bản tốn khá nhiều giấy mực trong hơn một thế-kỷ nay, tranh luận về chùa này, biện tại có phải là ngôi thứ ba

« Đây là đặc điểm về bố trí ngoại-vi, nếu xem đến bên trong, để ý đến từng căn một mới thấy khung chùa của ta cũng khác hẳn khung chùa của Trung-Quốc, từ cách đặt xà đến gối kèo và kèo hình cột. Suy như vậy, « *chén nước văn-hóa* » của người tuy có thơm ngon, nhưng ông cha chúng ta dầu có khát cũng không vội bung ngay lấy rồi uống một hơi cạn hết mà gạn lọc còn chần ». »

đã làm lại hay không ? Nguyên do. Chương thứ 27 trong bộ NHẬT BẢN THU-KỶ có ghi : — « Năm thứ Chín đời Thiên-Trí Thiên-Hoàng — (670 d.l.) — hồi quá nửa đêm ngày Sóc Nhâm-Thân, mùa Hạ, tháng Tư Quý-Mão, Pháp-Long Tự bị hỏa thất lớn lao, người không chữa nổi. Khi trời nổi trận lôi vũ mới dội tắt được ngọn lửa thời chùa chỉ còn sót được một căn ».

Tranh luận về vấn-đề này, hiện chia ra ba phái :

1 — *Phái không làm lại* — Phái này nghiên-cứu, so sánh tất cả các kiến-trúc các căn trong chùa để bác Chương 27 trong bộ NHẬT-BẢN THU-KỶ.

2 — *Phái có làm lại* — Dẫn chứng những tài liệu xác thực trong bộ NHẬT-BẢN THU-KỶ để công nhận có làm lại.

3 — *Phái nhận có hỏa hoạn nhưng không phải ở Pháp-Long Tự hiện tại* — Phái này cho rằng, Pháp-Long Tự có hai ngôi khác nhau. Một ngôi do Dụng-Minh Thiên-Hoàng cất lên thừa đương thời và một ngôi do Thánh-Đức Thái-Tử cất lên sau này. Ngôi Pháp-Long cháy mất là ngôi thứ nhất do Dụng-Minh Thiên-Hoàng làm nên, nay không còn nữa. Còn hiện Pháp-Long Tự do Thánh-Đức Thái-Tử lưu lại vẫn nguyên thể, không hề làm lại.

Tựu trung thì ba thuyết trên đây vẫn giằng nhau, chưa ngã ngũ ra sao cả.

VIII

Phi-điều văn-hóa

(*Asuka Bunka*)

ASUKA BUNKA — (Phi-Điều Văn-Hóa) — là tên do hậu thế đặt, để đánh dấu cái sắc thái riêng biệt cùng sự tiến triển mau lẹ của nền văn-hóa Nhật-Bản dưới thời Nhiếp-chính của Thánh-Đức Thái-Tử. Nguyên Thái-Tử cũng hào-tộc Tô-Ngã cùng làm việc và ở tại khu

Asuka. — (Phi-Điểu) — trong Huyện Nại-Lương vì Suy-Cổ Thiên-Hoàng đóng đô tại đây — (xin xem chính-sách di-đô và định-đô ở Chương sau) — Do đây, khu Phi-Điểu trở nên địa-điểm trung-tâm về chính-trị và văn-hóa của nước Đại-Hòa ở đầu thế-kỷ thứ 7. Hậu thế bèn lấy tên của địa-điểm trung-tâm này để mệnh danh cho nền văn-hóa của đương thời.

Phi-Điểu văn-hóa được hình dung như bộ mặt mới của nước Nhật-Bản, bao gồm sự tiến triển như nước triều dâng của Phật-giáo đã ảnh hưởng nhiều đến chính-trị cùng tính tình và phong-tục của toàn dân, gồm sự cải tiến về văn-học, về kỹ-thuật trên mọi lĩnh vực tạo-tác, nhờ là may mắn, lớn đến kiến trúc. Về môn điêu-khắc cũng để lại những công-trình mà những thế-hệ về sau chưa thể nào vượt nổi. Những công-trình điêu-khắc đó là những tượng Phật còn lưu truyền đến ngày nay vậy.

Tác-giả bộ NHẬT-BẢN CHI TÍCH bình luận về nghệ-thuật đục tượng của thời-đại Phi-Điểu như sau : — « Xem như pho danh « tượng KUDARA KAMNON — (Bách-Tể Quan-Âm) — tại Pháp-Long Tự ta thấy nghệ-thuật đục tượng của thời đại này đặc sắc ngay « từ bộ xiêm y, bộ nào cũng xòe rộng xuống phía dưới một cách vừa « phải. Ngắm toàn thể pho tượng ta có cảm tưởng như trông thấy một « người đã có thân hình nở nang cân đối lại được thợ may khéo, cắt « cho bộ quần áo tương xứng. Mặt của tượng được vẽ từ bi riêng « của Phật, nhưng khéo léo nhất là đôi môi hé nở, khiến đã gần một « ngàn ba trăm năm nay, lúc nào Phật Quan-Âm cũng mỉm cười với « chúng sinh đến chiêm ngưỡng.

« Tuy nhiên, từ bi và mỉm cười là riêng của vẻ mặt, đến về « *sống* » của toàn thể pho tượng thì lại như có cái khí uy nghiêm thần « bí tỏa ra, khiến muôn người đến lễ là ai cũng như ai, đều cảm thấy « rộn rợn trước linh tú của Phật mà an tâm dốc cả tâm hồn vào sự « cầu nguyện chân thành.

« Về sau này, từ thời Nại-Lương — (NARA JIDAI, sẽ nói đến « ở Chương sau) — trở đi, nghệ-thuật đục tượng cho có vẻ thần bí, uy « nghi của Phật không còn nữa vì chỉ chăm chú vào đục sao cho giống « với khuôn mặt và khổ của người thường, khiến trông vào bức tượng « Phật, người ta có cảm tưởng như xem một hình người nào đó thuê « thợ lấy gỗ ra tạc nên. Đây là điểm dị-biệt làm nổi cái đặc sắc của nghệ « thuật điêu-khắc trong văn-hóa của thời Phi-Điểu vậy.

« Kể ra những tài hoa còn nẩy nở nhiều hơn nữa trong nghề
 « điêu-khắc của thời đại này. Hiện nay, trong CHUGUJI — (Trung-
 « Cung Tự) — là ngôi chùa cất liền sau Pháp-Long Tự, còn có những
 « pho tượng mà khuôn mặt, thân hình và cánh tay, nhất là những
 « cánh tay, thực đẹp đẽ, uyển chuyển và mềm mại với vẻ riêng của
 « những bậc Thần, Thánh siêu phàm khiến không dứt được những
 « lời tán thưởng của 13 thế-kỷ nay ».



Tượng Phật Di-Lặc Bồ-Tát — (MIROKU BOSATSU) tại Trung-Quốc Tự.

IX

CÔNG CUỘC CẢI-TÒ CHÍNH-TRỊ CỦA
THỜI ĐẠI-HÓA*(THAI-K. NO KAISHIN : Đại-Hóa Chi Cải-Tán)***Nguyên-nhân phát khởi nên thời Đại-Hóa**

Thánh-Đức Thái-Tử hoài bão chí lớn lại có lòng thương dân nên đối với vận mệnh chung của quốc-gia, ông không thể nhịn được cảnh thua kém Trung-Quốc mới phái người đi học hỏi về mọi mặt : văn-học, đạo-lý, kỹ-thuật để kiến tạo đất nước. Ở trên đã trình bày những công-trình kiến-trúc đặc sắc nhất để diễn hình cho sự-nghiệp thu vén cho kỹ-thuật quốc-gia của ông, nhờ đấy mà nông-nghiệp, tầm tang, nghề dệt, chế tạo đồ sắt, đồ sành cũng tăng tiến lên nhiều.

Riêng phần tu chỉnh chính-trị, để tránh cho dân khỏi cảnh một cổ mấy tròng và thủ tiêu cảnh rối loạn, mục nát trong việc cai-trị, ông chủ-trương triệt-hạ thế-lực và binh-quyền của giới Hào-Tộc ngũ hầu thống nhất chính-quyền về một tay Thiên-Hoàng bằng ban bố bản Hiến-Pháp Thập-Thất Điều.

Triệt-hạ thế lực của Hào-Tộc là việc khó khăn và tế nhị nhất vì Hào-Tộc là những thế-lực thâm cảo, bám rễ sâu và ăn rễ chắc vào đất đai cùng dân chúng nên không một chốc mà xong được. Đã thế, công cuộc đương tiến hành được nửa vời thời Thánh-Đức Thái-Tử qua đời — (612 d.l., thọ 50 tuổi) — tiếp đến Suy-Cổ Thiên-Hoàng cũng băng-hà — (618 d.l.) nên dở dang mọi chuyện, khiến suốt đời tận tụy tranh đấu của Thái-Tử mà chưa đạt tới kết quả như ý muốn. Tuy nhiên, chưa triệt-hạ được bản họa Hào-Tộc, nhưng còn sinh thời của Thái-Tử thời bọn ngang ngược nhất là họ Tô-Ngã vẫn phải e ngại, không dám giở hết trò ròng rở.

☞ Đến đây hãy xin lược qua về giòng hào-tộc Tô-Ngã. Kẻ phải kiêng nể Thánh-Đức Thái-Tử là SOGA UMAKO — (Tô-Ngã Mả-

Tử) —, người đã cả thắng và tiêu diệt được họ Vật-Bộ vì nghịch nhau về lý-tưởng tôn-giáo, như trên kia đã trình bày. Khi Thái-Tử qua đời rồi, Mã-Tử liền nhân cơ hội, phất cờ chuyên hoành, bắt chấp sự ưng thuận hay không ưng thuận của Hoàng-gia, thiến tiện kẻ ngồi nhiếp-chính, cho chuyển hết công việc bên Dinh của Thánh-Đức Thái-Tử về Phủ mình.

Không bao lâu, Mã-Tử cũng tịch đi — (626 d. l.) —, con trai là SOGA EMISHI — (Tô-Ngã Hà-Di) — cũng tự chuyên tập-tước nhiếp-chính. Y bèn xuất công-khố xây đền thờ cho Tổ-Phụ ở đất KATSU-RAGI — (Cát-Thành) — to lớn như đại cung miếu các Tiên Đế; trưng dụng và điều động dân phu của hơn 180 khu vực trong toàn quốc đến đông như kiến cỏ để xây đắp hai ngôi sinh-phần, một là Đại-Lăng cho hậu-sự của mình, một là Tiểu-Lăng cho mai ngày của con trai mình là SOGA IRUKA — (Tô-Ngã Nhập-Lộc). — Lại sợ sau này, khi mình khuất đi rồi, thiên-hạ không vì mình mà tắt tâm nên Hà-Di lại gọi một tầng phu nữa để đắp cả một khu làm nghĩa-địa cho riêng giống họ mình. Số dân phu thiếu, Hà-Di bắt đến cả viên-chức của nhà nước thế nào. Rồi dần dần, từ cư xử đến ra vào, y dùng nghi-vệ của Thiên-Hoàng và lấy tước Vương là tước của Hoàng-gia phong riêng cho các Thế-Tử ra phong cho con mình. Rõ ràng y có những hành động bộc lộ sự thoán nghịch, ý định lên ngôi Đế để trị vì thiên-hạ. Nhưng đột nhiên, Hà-Di lâm bệnh, y bèn nhường ngôi nhiếp-chính cho Nhập-Lộc. Vì bất đồng ý kiến giữa Nhập-Lộc với con thứ hai của Thánh-Đức Thái-Tử là YAMASHIRO NO ÔOE NO Ô — (Sơn-Bối Đại-Huynh Vương) — về việc tuyển trạch Thái-Tử kế vị cho Hoàng-Cực Thiên-Hoàng mà Nhập-Lộc sai người ám-sát Đại-Huynh Vương.

Họ Tô-Ngã chỉ ý vào cái thế của mình đương lên mà trưng dụng dân phu toàn quốc và dùng đến nghi-vệ Thiên-Tử, nhưng họ có ngờ đâu, đây là « quả chín đã đến thời rụng ». Kể đến việc giết hại Sơn-Bối Đại-Huynh Vương thì có khác nào như họ đánh lên tiếng chuông báo-động trước Hoàng-gia để bên này nhận thấy rằng, giữa Hoàng-gia và họ Tô-Ngã ở vào cái thế một mất một còn. Thấy như nước sắp tràn bờ, con gái của Thánh-Đức Thái-Tử là công-chúa UEMIYA ÔIRATSUME NO MIKO — (Thượng-Cung Đại-Nương Cơ Vương) — bèn triệu tập Hoàng gia và thủ-túc thân tín lại mà

phán rằng : — « Họ Tô-Ngã chỉ là bề tôi mà mỗi ngày mỗi rộng rãi, cướp cả quyền-chính lại sát hại cả Hoàng-thích. Trời đất đã không có hai mặt trời thì trong nước cũng không thể có hai chúa. Vậy phải tính trừ cái họa lớn này đi chứ không thể để kéo dài ».

Thế là Hoàng-gia nhất quyết diệt trừ họ Tô-Ngã. Được nhân lúc thiên-bại vẫn cảm ân đức của Thánh-Đức Thái-Tử và oán ghét Hào-Tộc, vị hoàng-tử là NAKA NO ÔÔE. — (Trung Đại-Huynh) — con đức Thụ-Minh Thiên-Hoàng bèn thân đứng ra lo tính tiêu trừ kẻ loạn thần. Trung Đại-Huynh Hoàng-Tử được một người là NAKATOMI KAMATARI — (Trung-Thần Liêm-Túc) hết sức phù tá để đánh đổ họ Tô-Ngã.

Liêm-Túc là giòng dõi họ Trung-Thần, một trong 5 nhà Hào-Tộc có công giúp triều Đại-Hòa nên đế-nghiệp và được Hoàng-gia trao cho quản nhiệm việc tế-tự trong đại-cung, nhưng rồi vì sự chen cạnh của họ Tô-Ngã nên mất quyền hành, vị thứ trở thành thù nghịch. Hai người bí mật ngày đêm thiết lập mưu kế, Trung-Đại Huynh Hoàng-tử thì kết nạp người trong đất Phi-Điểu, Liêm-Túc thì đi vận-dộng với các đồng-chí (1) ở bốn cõi bên ngoài, tạo được lực lượng hùng mạnh. Đến năm 644, nhân Hoàng-Cực Thiên-Hoàng thiết tiệc khoản đãi các đoàn sứ-giả các nước tại Nam Đại-Hàn đến triều bái. Trung-Đại Huynh cùng Liêm-Túc bèn nhân lúc Nhập-Lộc bắt ngờ đến dự tiệc mà thiết đao-phủ giết chết ngay tại bàn rượu. Rồi thừa cơ Hà-Di chưa biết tin, nhân đêm tối phái quân lực đến vây kín Phủ họ Tô-Ngã, tru lục được Hà-Di cùng toàn quyến tộc rồi phóng hỏa đốt sạch phủ-đường. Việc này thực khôn khéo và nhanh lẹ, tránh cho dân khỏi cảnh binh đao nếu họ Tô-Ngã biết trước mà sắp được binh lực để phòng.

Họ Tô-Ngã bị đổ và diệt trừ rồi, dư-đảng cũng không dám phản ứng vì thấy lòng dân đều oán ghét và cái thế của Hoàng-gia đương lên mạnh. Thế là dứt được nạn Hào-Tộc chuyên quyền. Từ đây, chính-quyền mới thực sự về tay Thiên-Hoàng, khả dĩ nối được chí hướng

● (1) Đã hàng mấy thế-kỷ rồi, những tiếng như DOSHI — (đồng-ty) — để chỉ người trí-thức cùng nhiệm-vụ và DOSHI — (đồng-chí) — để chỉ người cùng chí hướng rất thông dụng trong ngôn-ngữ và văn-tự Nhật-Bản. — Không như ở V.N., tiếng « đồng-chí » chỉ mới du-nhập từ sau biến cố 1945 do Việt-Cộng chuyển dụng.

của Thánh-Đức Thái-Tử để tự nơi Hoàng-gia khai nguyên nên một thế-hệ cải-cách chính-trị gọi là :

« **Thaika no kaishin** »

(Đại-Hóa Chi Cải-Tân)

Họ Tò-Ngã bị diệt-trừ rồi, để thực hiện được chủ-trương của Hoàng-gia, Hoàng-Cực Thiên-Hoàng liền thoái vị nhường ngôi lại cho Hiếu-Đức Thiên-Hoàng — (645 d.l.) — Ở đây, xin trình bày rằng, từ khởi lập triều Đại-Hòa đến hết thời-đại của Hoàng-Cực Thiên-Hoàng không có lệ đặt niên hiệu cho các đời vua. Chỉ từ thời Hiếu-Đức Thiên-Hoàng trở về sau mới bắt chước Trung-Quốc mà đặt niên-hiệu, cho nên năm 645 là niên-hiệu Đại-Hóa nguyên-niên của đời vua này vậy. Sở dĩ đặt là ĐẠI-HÓA là để đánh dấu thời-đại mà Thiên-Hoàng có toàn quyền và đích thân ban Chiếu cải-cách chính-trị mà không còn một chương ngại nào tại nơi triều miếu hoặc tại dân gian có thể gây khó dễ, cản trở được.

Dưới đây xin lược dịch bản trích trong CHIẾU CẢI-TÂN của Hiếu-Đức Thiên-Hoàng có 4 đại-mục, bao gồm tất cả chủ-trương hoán cải chính-trị của thời Đại-Hóa. Bản này có ghi trong Chương 25 của bộ NHẬT-BẢN THƯ-KY, như sau :

— « Niên-hiệu Đại-Hóa thứ Hai, ngày Mồng Một Nguyên-Đán, tháng Giêng Giáp-Tý, Thiên-Hoàng sắc chiếu :

1. — Kể từ khởi nguyên, Thiên-Hoàng Chư Liệt Thánh kiến tạo nên đất nước và sinh dưỡng thần-dân (1) nên quốc-thổ cùng thần-dân đều thuộc sở hữu của Hoàng-gia. Vì lẽ đó, nay thấu hồi về Hoàng-gia tất cả những đất đai trong toàn quốc do các hào-tộc lạm chiếm, ngoại trừ các Phật-Điền, Tự-Điền (2) mới được hưởng toàn quyền xử dụng.

2. — Từ nay, khởi tự kinh-sư — (Huyện Nại-Lương) — ra

(1) — « Sinh dưỡng thần-dân » để tỏ rằng Hoàng-gia sinh ra và nuôi dưỡng nhân-dân Nhật-Bản cho phù hợp với thần-thoại.

(2) — Tự-điền, những chân ruộng thuộc về các Đình Thần-Xã.

khắp địa-khu Cận-Kỳ, tại các trụ-sở hay dinh-thự của các chức **QUỐC-TY, QUẬN-TY** (1) sẽ thiết-lập các trạm kiểm-soát giao-thông có quân trú-phòng (2) thường-trực đảm nhiệm cùng trạm-mã chuyển văn-thư điệp-báo. Hàng năm, các viên-chức địa-phương phải canh-phòng đốc thúc việc đắp hoặc sửa chữa đê điều để phòng nạn lụt ngô bầu bảo vệ nông-nghiệp của dân. Phàm từ kinh-sư trở đi, các thị-trấn đều chia thành Phường, mỗi Phường có Phường-Trưởng, 4 Phường có Phường-Linh đốc-xuất việc kiểm-tra hộ-khẩu cùng giám-nghị kê gian-phi. — Phàm các địa-phương, từ 40 làng trở xuống là đại-quận, từ 4 đến 30 làng là trung-quận, từ 4 làng trở xuống là tiểu-quận. Các chức Quận-Ty tức Quận-Trưởng sẽ do triều-đình tuyển-lựa những người thanh-liêm bổ nhiệm. Tại đại và trung-quận thời phong chức Đại-Linh, tại tiểu-quận thì phong chức Tiểu-Linh.

3 — Toàn quốc khởi ngay việc kiểm tra nhân-khẩu, lập sổ **HỘ-TỊCH, sổ THUẾ, sổ DUNG** (3) để triều-đình ban hành **BAN-ĐIỀN THU-THU PHÁP** (4). — Phàm từ 50 nóc nhà trở lên là phải lập thành **THÔN, XÃ**. Sẽ đặt chức **LÝ-TRƯỞNG** — (Ri-Chò) — đảm trách quản-trị. — Phàm đặc ruộng cứ 30 « bộ » (5) dài và 12 bộ ngang là 1 sào (6). — 10 sào là 1 mẫu. — Nhà cấy hàng sào thu 3%, nhà cấy bàng mẫu thu 25% thuế **TÔ** vào số lượng lúa gặt được. (7).

4 — Phàm cổ lệ, cho người không cấy cấy được đi phu-dịch thay cho thuế **Tô** — (tức thuế ruộng) — nay bãi bỏ. Người không cấy

(1) — *Quốc-Ty*, người do Hoàng-gia đặc ủy cai-trị một địa-phương. *Quận-Ty* tức *Quận-Trưởng*.

(2) Về thể-lệ gọi quân trú-phòng, xin xem mục *Bình-Dịch* ở dưới.

(3) Xin xem mục *Thuế Dung* ở dưới.

(4) Xin xem thể-lệ chia ruộng theo *Ban-Điền Thu-Thu Pháp* ở dưới.

(5) Một « bộ » tức một « ngũ » của ta, có 5 thước. Mỗi thước Nhật là 0m33. Vậy mỗi sào Nhật là : 980m² ; một mẫu có 9.800m².

(6) Chúng tôi dùng tiếng « sào » và « mẫu » để phù hợp với sự thông dụng của ta, còn tên Nhật thì 1 sào là **IT TAN** — (nhất Đoạn hay là nhất Phàn) — và một mẫu là **IT CHỒ** — (nhất Đĩnh).

(7) Thuế lấy ngay ở góc ruộng, cứ 100 con lúa thì thu 3 con — (hay là hơm) — hoặc 25 con. Suy như vậy, thuế lũy-tiến đã được áp dụng ở Nhật từ đệ Thất thế-kỷ.

cấy phải nộp vãi, lúa hay đặc sản của địa-phương để thay thế. Nhà nào có lợi tức bằng một mẫu lúa thì nộp hoặc 10 thước — (3m30) lúa non hay 20 thước sồi gốc hoặc 40 thước vãi. — Không có lợi tức bằng một mẫu lúa thì mỗi nóc nhà nộp 12 thước vãi. — Phạm những nhà làm muối, chuyên mồi đi săn, mỗi nóc nhà nộp 12 thước vãi với 5 thăng (1) gạo.

Trên đây là đại-cương cải-cách của Hiếu-Đức Thiên-Hoàng, nhằm vào thâu hồi đất đai để chia cho toàn dân, sắp đặt lại guồng máy hành-chính thiết lập chế-độ tài-chính, địa-chính, sưu-dịch ...v...v..., nói chung là về mọi mặt của tổ-chức mới về cai-trị. Các sử-gia về hậu-thế bèn lấy niên-hiệu Đại-Hóa đặt tên cho cuộc cải-cách này, gọi là THAI-KA NO KAISHIN — (Đại-Hóa Chi Cải-Tân).

Dưới đây, xin trình bày các chi-tiết cải-cách cùng hậu quả của nó tạo nên đời sống của dân chúng Nhật-Bản khổ cực như thế nào ?

X

BIỆN-PHÁP CẢI-CÁCH QUAN TRỌNG NHẤT CỦA THỜI ĐẠI-HÓA

Ban-Điền Thu-Thụ Pháp

(Handen Shinju Hô)

Đại-mục 3 trong bản Chiếu Cải-Tân của Hiếu-Đức Thiên-Hoàng có ghi : — « Toàn quốc phải kiểm-tra nhân-khẩu, lập sổ Hộ-Tịch, sổ Thuế để triều-đình thi-hành BAN-ĐIỀN THU-THỤ PHÁP ».

¶ Vậy tại sao phải thi-hành biện-pháp này và BAN-ĐIỀN THU-THỤ PHÁP là gì ?

(1) Một thăng bằng 10. hay 1kg. — Tên Nhật gọi 1 thăng là IT SHŌ — (nhất thăng).

Vào khoảng từ đệ-nhi thế-kỷ sau kỷ-nguyên, khi nông-nghiệp trở nên căn-bản của nền kinh-tế dân-sinh, kẻ có nhiều thóc thì mạnh, người không thóc thì yếu, no vì bát cơm đầy, đói vì thiếu hạt gạo. Diễn nên cảnh thôn tính nhau để cướp lấy ruộng và chiếm nhân-công. Tới đệ Thất thế-kỷ sau kỷ-nguyên thì đất đai đều bị các Hào-Tộc xâu xé, chiếm giữ cả người lẫn ruộng làm của riêng, đóng vai chủ-nhân-ông mà thu Tô, hưởng Thuế. Khởi từ trong tay có sức mạnh về kinh-tế và quân-lực để lần lần lan sang cương-vực của chính-trị rồi len lỏi vào tận triều đường mà chen cạnh cả với Hoàng-gia, đẩy Thiên-Hoàng vào cảnh hư vị, có tiếng mà không có miếng.

Sự thế ấy thúc đẩy vị Hoàng-Tử có nghị-lực là Thánh-Đức Thái-Tử khởi xướng lên cuộc cách-mạng lớn lao bằng ban bố 17 Điều Hiến-Pháp. Cuộc đấu-tranh ngấm ngấm giữa Hoàng - Gia và Hào-Tộc phải chờ đến khi họ Tô-Ngã bị tru lục mới kết thúc để Hoàng-Gia làm chủ chính-trị trong nước và thực hiện những cải-cách theo con đường do Thánh-Đức Thái-Tử đã vạch sẵn. Cuộc cải-cách thứ nhất đánh dấu cho thời-đại Đại-Hóa Cải-Tân là thi-bành BAN-ĐIỀN THU-THỤ PHÁP vậy.



BAN-ĐIỀN THU-THỤ PHÁP tức như cải-cách điền-dịa ngày nay, là chủ trương chia ruộng cho dân nhằm vào quân binh kinh-tế nông-thôn, không để kẻ giữ hết ruộng mà người lại không thóc nào. Tuy nhiên, thể thức Ban-Điền của thời Đại-Hóa Cải-Tân có khác ngày nay đôi phần ở chỗ ngày nay thì Chính-Phủ đứng ra mua của người có nhiều ruộng để cấp cho người bần-nông vô-sản với giá hết sức rẻ, nhưng dưới thời Hiếu-Đức Thiên-Hoàng thì nhân-danh là đất đai của Hoàng-gia mà thu về rồi với tư cách là ruộng của Hoàng-gia mà « ban » ra cho dân cày cấy.

⊙ Nhận xét về cải-cách này, sử-gia Nhật-Bản viết : — « Ban-Điền Thu-Thụ Pháp là theo phép chia ruộng cho dân cày ở Trung-Quốc. Có điểm rằng, tránh được vết xe đổ ở nước láng giềng, Hiếu-Đức Thiên-Hoàng cấp cho dân có phần khéo léo hơn nên ít xảy ra đụng chạm. Chỉ duy ở phía Nam Cửu-Châu vì kém châu đất nên có lỗi

thời, còn đại để trên toàn quốc được an toàn, giữa người mất đất và người nhận ruộng đều không có gì đáng ghi chép ».

Theo phép Ban-Điền thời ở đâu chia đấy, người ở làng nào được cấp cho ruộng thuộc làng ấy. Con trai từ 6 tuổi trở lên, mỗi người được cấp cho 2 sào. Con gái được $\frac{2}{3}$ diện tích này. Trong nhà có nuôi thêm nô hay tì — (hạng tì tở gái ở suốt đời trong nhà, được coi như thân quyến) — hoặc đầy tớ trai hay gái — (hạng tì tở có thể đổi chủ tùy theo ý muốn) — thì được cấp cho mỗi người $\frac{1}{3}$ diện-tích cấp cho con trai. Ruộng cấp cứ 6 năm thì lấy ra để quân phân lại tùy theo số nhân-khẩu của gia-đình tăng hay giảm. Tuy nhiên, nguyên tắc lấy ruộng cấp ra là chỉ lấy phần của người mệnh một hoặc dịch-cư thời, còn thường thường phần ai nấy cấy cho đến mãn phần. Điều này cốt để tránh việc xáo trộn đất đai, hoặc thấy gần đến hạn đổi thì bỏ ruộng không chăm bón. Lệ cũng định rằng, những người cấy phải những chân ruộng xấu thời được cấp phát cho gấp đôi diện-tích đã ấn định. Những mảnh ruộng chia rồi, gọi là KOBUN DEN — (khẩu-phận-điền).

Việc chia bờ phân ruộng là chỉ chia những chân thủy-điền để cấy lúa. Còn những bãi cao hoặc đồi cây mà phá ra được thành ruộng trồng màu hay nương cấy lúa cạn thì mặc sức, ai khẩn được bao nhiêu là của riêng mình bấy nhiêu, Hoàng-gia chỉ đến đo đạc rồi thu thuế. Đến sơn-lâm thì cũng như bãi-sân, là của chung nhà-nước, ai khai thác cũng được.

Đây là tổng-quát những điều-kiện trong BAN-ĐIỀN THU-THỤ PHÁP mà các sử-gia gọi chung là THAI-KA NO DENSE — (Đại-Hóa Chi Điền Chế : quy-chế về ruộng đất của thời Đại-Hóa).

Kiểm-tra dân số, lập sổ hộ-tịch

Đã quân phần điền thổ thời việc lập sổ Hộ-Tịch là lý đương nhiên vì có rõ nhân số từng gia-đình đến thôn, xóm mới phân mước

định giới từng địa-phần và đánh dấu tứ-chí (1) cho từng thửa một được. Tuy nhiên, lập được sổ này cũng là thành-tích quan trọng của thời Hiếu-Đức Thiên-Hoàng vì tiền triều có muốn lập cũng không nổi do sự chống phá của Hào-Tộc tại bất cứ địa-phương nào.

Nước Nhật-Bản khởi có sổ hộ-tịch từ đây. Ngày nay, hễ nói đến THALKA NO KAISHIN là người Nhật nào cũng tự hiểu rằng, ở thời-đại cải-tân ấy khởi nguyên nên việc kiểm-tra dân số, lập sổ Hộ-Tịch.



Bản Hộ-Tịch của khoảng đầu đệ Bát thế-hỷ. (Rút trong bộ Nhật-Bản Chí Tịch).

BA NGUYÊN-TẮC ĐỀ THẦU THUẾ

Tô - Dung - Điều (Số-Yô-Chô)

Thần-dân là người của Thiên - Hoàng, sống trên đất của

(1) — *Tứ-chí* — (shì-shi) — Danh-từ trong sử-liệu, cũng như ở V. N., dùng để chỉ bốn phía tiếp giáp của bờ ruộng. Ví dụ : — « Danh Mít chỉ khẩu-phân điền, tọa lạc tại Đồng Thoại xứ. Hiện hữu tứ-chí : Nam giáp tiểu lô, Tây giáp tiểu trì, Bắc giáp danh Sơn, Đông giáp danh Thủy » —. Nghĩa là : — « Phần ruộng chia cho tên Mít ở cánh Đồng Thoại. Bốn phía tiếp giáp như sau : phía Nam gần đường nhỏ, phía Tây gần ao nhỏ, phía Bắc giáp ruộng của tên Sơn, phía Đông giáp ruộng của tên Thủy ».

Thiên-Hoàng, được Thiên-Hoàng cấp phát đất đai thì phải phục-vụ Thiên-Hoàng.

Đây là giáo-diệu mà cũng là nguyên-lý của Thánh-Đức Thái-Tử đưa ra để tước quyền Hào-Tộc, tập trung quyền hành về Hoàng-gia và đặt mức cho nhiệm-vụ của người dân đối với Thiên-Hoàng. Nay số Hộ đã có, ruộng đất đã chia thì bốn-phận người dân phải đóng thuế cho Hoàng-gia. Thuế chia thành 3 hạng :

— SÔ — (Tò) — thuế điền.

— YÔ — (Dung) — thuế bằng đi phu-dịch.

— CHÔ — (Điều) — thuế thân, nộp bằng hóa-vật.

TÔ.— Tô là thuế ruộng, thu theo lũy-tiến từ hàng sào xấp lên. Đại-mục 3 trong bản Chiếu Cải-Tân đã quy định thu từ 3% tính vào số lượng lúa gặt được của những người cấy hàng sào và 25% tính vào số lượng lúa gặt được của những nhà cấy từ hàng mẫu trở lên.

DUNG.— Dung là phu-dịch. Việc bắt phu chiếu theo số Hộ, nhà nào có bao nhiêu đàn ông từ 21 đến 60 tuổi để gọi lần lượt đi phu-dịch mỗi khi triều-dinh, quận hay làng cần đến. Đại để về phu-dịch là phục-vụ cho những ông lớn mỗi khi qua địa-phương, hoặc đi hộ đê, đắp thành, đào hào, tu sửa thị-trấn, làng mạc và vận-tải lương-thực, hóa-phẩm từ địa-phương này qua địa-phương khác hay từ nơi mình ở về kinh-đô.

Thời thường, người trong Quận nào thì phục-vụ phu-dịch ở Quận ấy. Lệ bắt buộc mỗi năm phải 10 ngày phu-dịch cho địa-phương mình ở. Nếu không đi được phải nộp 26 thước vải thay thế. Nếu thiếu ngày nào, thời cứ mỗi ngày là 2 thước 6 tấc vải, tính ra mà nộp bù. Những khi Hoàng-gia hay triều-dinh cần đến thời hạn phu-dịch có thể tăng tới mức tối đa là 2 tháng trong một năm và được miễn không phải nộp thuế Điều.

ĐIỀU.— Ngoài thuế ruộng — (nếu không cày cấy thời nộp hóa-vật thay cho thóc) — và phu-dịch, hàng năm, tráng đinh còn phải nộp thứ thuế khác bằng hóa-vật gọi là thuế Điều — (tức như thuế Thân ở V.N. dưới thời Pháp-thuộc). — Những người làm muối, đi săn, làm nghề chài lưới thời nộp muối, thịt thú và cá khô hoặc tươi. Nông,

công-nhân thời nộp vải hay lụa hoặc những đặc-sản của địa-phương mình. — (tức những thổ-sản hoặc sản-phẩm đặc-biệt chỉ riêng có địa-phương mình có).

Người gánh thuế Điều chia thành 3 hạng :

— chính-đinh

— thứ-đinh

— trung-nam

để quân bổ nặng nhẹ khác nhau.

CHÍNH-ĐINH.— Đàn ông từ 21 đến 60 tuổi là Chính-đinh. Mỗi năm nộp một lần bằng một trong các loại sau đây :

- lụa : 8 thước 5 tấc — (2m80).
- tơ tằm : 8 lạng (đại cương bằng 0kg300)
- sợi vải : 1 cân (— — — 0, 600)
- vải : 26 thước
- sắt : 10 cân
- muối : 3 đấu — (mỗi đấu là 10 thăng)
- cá khô : 18 cân
- cá tươi : 30 cân v.v...

THỨ-ĐINH.— Bực lão từ 61 đến 65 tuổi là Thứ-đinh, cứ 2 suất đấu nhau thành 1 suất Chính-đinh mà nộp.

TRUNG-NAM.— Thiếu-niên từ 17 đến 20 tuổi là Trung-nam, cứ 4 suất đấu nhau thành 1 suất Chính-đinh mà nộp.

Đại-phàm các thuế Tô, Điều cùng những thế vật cho thuế Dung, hàng năm, từ trung-tuần tháng Tám thời lý-trưởng khởi đầu để nộp lên Quận chiết-trừ số chi dụng cho địa-phương mà để lại, còn số phải nộp cho triều-đình thời hạn cuối cùng là 30 tháng Chạp cho những địa-phương xa xôi diệu vợi phải vận giao về kinh-đô do phu-tráng của địa-phương đảm nhiệm. — (Sử-liệu không ghi rõ việc đi phu áp-vận thuế cho triều-đình hàng 2 tháng giới thời được Hoàng-gia hoặc địa-phương nuôi ăn hay là phu-tráng phải tự túc ?).

Đối với ba ngạch thuế trên đây, đã là thần-dân sống trên đất của Thiên-Hoàng đều phải tròn nhiệm-vụ mà nộp cho đầy đủ hoặc đi phu-dịch cho mãn kỳ hạn mỗi khi gọi đến. Ngoài ra, các thanh-niên trai tráng còn phải gánh :

« Binh-dịch »

Về binh-dịch thời khi khởi ban Chiêu Cải-Tân, chỉ ở trung-ương, trong địa-khu Cận-Kỳ mới cần đến thanh-niên xung vào lực lượng canh phòng tại các dinh thự, trụ-sở cai-trị và hành-chính ; kiểm-soát các trạm giao-thông hoặc giao dịch công-văn tại các trạm-mã. Thanh-niên đến lượt xung vào lực lượng này gọi là HỒ-NIN — (Phòng-nhân) — với thời hạn là 3 năm.

Lần lần về sau, lệ gọi thanh-niên thi-hành binh-dịch 3 năm một, lan ra khắp các địa-phương. Tuy nhiên, vì nhu-cầu dị biệt mà nhiệm-vụ binh-dịch ở địa-phương khác với trung-ương. Như ở vùng Bắc Cực-Châu, việc phòng vệ miền duyên hải là hệ trọng nên phải tổ-chức thanh-niên binh-dịch thành quân-đội chiến-đấu. Cho nên, cũng là thanh-niên binh-dịch mà ở trung-ương miền Đông thì chỉ là trú-phòng cảnh-vệ nhưng ở địa-phương thì là quân-đội chính-thức.

XI

Tình trạng người dân dưới và sau thời Đại-Hóa cải-tân

Mỗi thời-đại có khuyết-điểm riêng của nó ở trong tổ-chức xã-hội.

Trong khi thế-lực Hào-tộc bành trướng, khắp nước, mỗi địa-điểm là một giòng mạnh thống-trị, nắm hết đất đai, làm mưa làm gió ; mỗi địa-phương là một chế-độ riêng biệt khiến chính-quyền quốc-gia bị rối nát và uy thế của Hoàng-gia đáng là tối cao thì lại bóa ra vô lực. Kẻ làm dân, sống dưới nanh vuốt của Hào-tộc, được sao nhờ thế, dù bị sát hại, dù bị oan ức không còn có chỗ kêu ca, thân

đã nghèo thì một cổ lại hai trùng thuế và phu-dịch, phần cung ứng cho Hào-tộc, phần đóng góp cho Hoàng-gia.

Tình trạng buộc phải cải-cách ấy thời ai cũng nghĩ rằng, biện-pháp diệt-trừ Hào-tộc để thống-nhất chính-quyền, thu lại ruộng đất trong tay một thiểu-số, đem chia đều cho toàn dân để cùng được no ấm là cải-cách phải nhất.

Cái việc « *phải* » ấy, từ Thánh-Đức Thái-Tử đến Hiếu-Đức Thiên-Hoàng, trải qua mấy chục năm tranh đấu mới đạt được để có bản Chiếu Cải-Tân.

Thế nhưng, Chiếu Cải-Tân ban ra rồi thì kết quả về phần đời sống của nhân-dân lại trái ngược với ước vọng của Hoàng-gia vì đa số đã nghèo thời lại nghèo hơn nữa và thiểu số đã thừa vinh thời lại giàu có và quyền thế hơn nữa. Không những vậy, trên danh từ tuy Hào-tộc bị tước hết đất ruộng nhưng thực tế thì Hào-tộc vẫn còn, dư áp của Hào-tộc vẫn đè nặng lên dân thì đồng thời dân lại phải nai lưng ra gánh thêm một tầng lớp thống-trị mới do thời thế tạo nên là giới Quý-Tộc — (KIZOKU) — (1).

Về cái họa do Quý-Tộc gây cho dân chúng Nhật-Bản từ thời Đại-Hóa Cải-Tân trở về sau sẽ trình bày ở dưới. Đây, hãy nhận xét những hậu quả của sắc Chiếu của Hiếu-Đức Thiên-Hoàng nó tạo nên đời sống khổ cực cho dân Nhật thời ấy đến như thế nào mà sử sách còn ghi truyền lại đến ngày nay ?

Nhận xét gần nhất là từ cải-hiệu Đại-Hóa thời Hoàng-gia mạnh thực, nhưng bên cái mạnh ấy, dân chưa được thấm nhuần ân đức thời lòng oán đã nổi lên nhiều nên mới sang Đại-Hóa tam niên — (647 d. l.) — mà dinh thự của Trung-Đại-Huynh Hoàng-Tử đã bị đám dân bất mãn nổi lên đốt sạch.

(1) — Trong cuốn I này thường nói đến Hào-Tộc và Quý-Tộc. Hào-Tộc thường là lãnh-tu các « nước » nhỏ hoặc từ giới binh-dân trở nên giàu có, chiếm hữu nhiều đất đai và có binh-quyền ở các địa-phương, thôn dã rồi nắm luôn quyền cai-trị địa-phương đó. Có một số ít, nhờ sức mạnh đó mà trở nên những cận thần phù tá Hoàng-gia như trên đã nói đến. Còn Quý-Tộc thường là văn-nhân được Hoàng-gia và triều-dinh phong tước cho làm quan ở địa-phương hoặc ngay tại thủ-đô. Cũng có những Hào-tộc được tước phong thành Quý-tộc.

Dân bắt măn vì cảnh dăm chua lại tội bằng ba lửa nong, cái việc tránh họa Hào-Tộc chỉ mới có trên danh-từ thời đã những ba tầng thuế, nào là Tô, Dung, Điều lại thêm binh-dịch phiền nhiễu và quá nặng nề quàng vào cổ. Thiếu ăn, thiếu mặc thời nhịn đi hãy phải đủ thóc cho thuế Tô và mua sắm cho đủ thuế Điều đã. Lại những trai tráng có thể cầm nổi cái cây để nuôi gia-dinh thời nào binh-dịch 3 năm, nào phu-dịch hàng tháng nên việc đồng áng không khai thác được khiến dân đã nghèo lại càng sa sút, thiếu thốn tích lũy nên trở thành nghèo khổ hơn trước. Cả một tầng lớp già nua xấp xỉ 60 tuổi đầu vẫn còn bị liệt vào hạng chính-dinh để quanh năm lê tấm thân yếu ớt đi chạy cho đủ thuế Điều, thuế Thân và gánh đất, chăn ngựa, vận tải hàng tháng trời cho cấp lệ phu-dịch.

Trên đây, mới là một khía cạnh của nguyên-nhân do chế-độ trực-tiếp tạo nên cùng đồ cho đại-chúng Nhật-Bản trong đệ-thất cùng mấy thế-kỷ tiếp theo, nhưng còn một khía cạnh nữa do chế-độ đẻ ra rồi phụ họa với chế-độ mà bóc lột dân, đè nén dân để sống trên vàng lụa, ấy là tầng-lớp Quý-Tộc. Do đấy mà trạng thái xã-bội phò bày ra cảnh Giàu và Nghèo rõ rệt. Tại kinh-đô hoặc các thị-trấn là giới Quý-Tộc được quyền thu thuế và bắt phu-dịch thời phú quý thừa thãi, dinh thự to lớn và bên cạnh những dinh thự đó là những thôn xóm với những túp lều diu hiu và tồi tàn của khối bình-dân bữa đói bữa no nhưng vẫn phải xoay cho đủ Tô, Dung, Điều, Dịch.

Sử-liệu Nhật-Bản như những bộ ZOKU NIHON KI — (Tục Nhật-Bản Ký) —, MAN YÔ SHU — (Vạn-Diệp Tập) — ghi chép nhiều nỗi cơ cực hơn nữa của dân tộc Nhật từ Đại-Hóa Cải-Tân trở về sau mà chúng tôi sẽ trích dịch lần lần trong những trang sau, ở đây, hãy xin nói đến việc tự đầu mà Hào-Tộc chưa lui, Quý-Tộc đã nảy ra như vậy.

Ấy là do một đạo-luật gọi là THAI-HÔ RITSU RYÔ — (Đại-Bảo Luật-Lịnh) vậy.

XII

Đại-Bảo Luật-lệnh*(Thai-Hồ Ritsu Ryô)*

Năm Đại-Hóa nhị-niên — (646 d.l.) — thời Hiếu-Đức Thiên-Hoàng sắc ban Chiếu Cải-Tân khiến lê dân bị khổ sở vì tồ, thuế, binh, phu-dịch như trên đã trình bày.

Năm Đại-Bảo nguyên-niên — (701 d.l.) — đời Văn-Vũ Thiên-Hoàng lại ban hành một đạo Luật bổ-túc cho đạo Chiếu Cải-Tân để tổ chức quốc-gia gọi là THAI-HỒ RITSU RYÔ — (Đại-Bảo Luật-Lệnh). — Đạo Luật này gồm hai phần, một phần Luật — (RITSU) — và một phần Lệnh — (RYÔ).

Phần Luật ấn định những thể thức về Hình-Phạt, phần Lệnh ấn định những chính-sách về quan-chế, quân-diễn, thuế-vụ, binh-dịch, tạp-dao — (phu-dịch) — v.v... Các sử-gia Nhật khi nói chung về cải-cách Hình và Chính của thời Đại-Bảo mới gọi là ĐẠI-BẢO LUẬT-LINH. Còn khi nói tách về phần Hình thời gọi là THAI-HỒ RITSU — (Đại-Bảo Luật) — và khi nói tách về phần Chính thời gọi là THAI-HỒ RYÔ — (Đại-Bảo Lệnh).

Đến niên-hiệu Dư-ong-Lão — (YÔ-RÔ) — nhị-niên — (718 d.l. thời Nguyên-Chính Thiên-Hoàng, Đại-Bảo Luật-Lệnh lại được sửa đổi thêm bằng DƯ-ONG-LÃO LUẬT-LINH — (YÔ-RÔ RITSU RYÔ). — Tuy nhiên, đây là phần chi-tiết bổ-túc nên sử-gia Nhật-Bản vẫn gọi chung cả hai đạo Luật này là Đại-Bảo Luật-Lệnh mà hàng mấy thế-kỷ về sau, triều-đình vẫn lấy làm nguyên-tắc để tổ-chức chính-quyền.

Vậy do ở phần Lệnh của đạo Luật Đại-Bảo làm nảy ra quan-chế chặt chẽ và từ quan-chế xây dựng nên giới Quý-Tộc vậy.

Quan-chế theo Đại-Bảo Lệnh như thế nào ? Đại cương thời theo quan-chế thời nhà Đường bên Trung-Quốc. Theo mục CHÚC-VIÊN LINH trong bản chính văn của Đại-Bảo Lệnh thời tại triều-đình, chức phẩm cao nhất được dùng làm Tả, Hữu cho Thiên-Hoàng là hai vị :

1 — JINKI KAN — (Thần-Kỳ Quan) — trưởng quân tế tự lễ-nghi từ nội Hoàng-cung đến triều-đình và ngoại Thần-Xã của các Xứ trong nước.

2 — DAJÔ KAN — (Thái-Chính Quan) — quản-nhiệm chính sự, Văn, Vũ tại triều-đình và toàn quốc — (chức này cũng như Thừa-Tướng bên Trung-Quốc).

Phụ-tá chức Thái-Chính Quan là chức DAJÔ DAIJIN — (Thái-Chính Đại-Thần) — tổng quản các KIOKKU — (Cục) — và BU — (Bộ) — trong triều. Đồng-Lý cho Thái-Chính Quan là hai chức U DAIJIN — (Hữu Đại-Thần) — và SA DAIJIN — (Tả Đại-Thần) —. Chức Hữu Đại-Thần đảm nhiệm việc can gián Thiên-Hoàng, giáo dục các Hoàng-thân, cùng Thiên-Hoàng luận bàn các việc âm-dương thời-tiết, duy trì kỷ cương từ Hoàng-gia đến triều-đình. Đảm nhiệm chức vụ này phải là người bác-học và đạo-đức đáng vào bậc mô phạm. Nếu không có người tương xứng thời tạm đình, không tuyển dụng. Tả Đại-Thần đảm nhiệm hành-chính đại cương.

Đồng-Lý cho Thái-Chính Đại-Thần là chức DAI NAGON — (Đại Nạp-Ngôn) — kiêm quản 3 Cục :

1 — SHÔNA KIOKKU : Thiếu-Nạp Cục.

2 — UBEN KIOKKU : Hữu-Biện Cục.

3 — SABEN KIOKKU : Tả-Biện Cục.

Mỗi Cục có một Trưởng-Quan chỉ-huy gọi là SHÔNA KAN — (Thiếu-Nạp Quan) — ; UBEN KAN — (Hữu-Biện Quan) — và SABEN KAN — (Tả-Biện Quan).

Thiếu-Nạp Cục lãnh việc quản-lý các Đền thờ trong Hoàng-cung, trưởng ấn của Thiên-Hoàng và của Thái-Chính Quan. Cục này chia thành hai văn-phòng : DAI GEKI — (Đại Ngoại-Ký), và SHÔ GEKI — (Tiểu Ngoại-Ký). — Hai văn-phòng này giữ toàn bộ sổ sách, thư-văn của Hoàng-cung và của Thái-Chính Quan. — (như Phòng bí-thư ngày nay).

Hữu-Biện Cục có 3 viên trưởng-quan phụ-tá là :

— DAI UBEN : Đại Hữu-Biện

— CHU UBEN : Trung Hữu-Biện.

— SHÔ UBEN : Tiểu Hữu-Biện.

Hữu-Biện Cục tổng-quản 4 Bộ là :

1 — BYÔ BU : Binh-Bộ : tuyển dụng các vũ-chức, thăng giáng trật các binh-ngạch, đảm-nhiệm quốc-phòng, điều khiển các vũ-ty địa-phương.

2 — GYÔ BU : Hình-Bộ : nghiên-cứu và quyết-định các binh phạt, tài phán các tranh chấp, điều khiển các Tòa Án địa-phương.

3 — OO-KURA : Đại-Tàng : quản-lý các kho tàng, cung ứng vật-thực cho Hoàng-gia cùng quan chức, điều hòa vật giá, đúc tiền.

4 — KUNAI : Cung-Nội : ứng dụng, phục dịch, thừa hành mọi phần việc của Hoàng-gia.

Mỗi Bộ có trưởng-quan phụ-trách. Dưới bộ là Ty, mỗi Ty có thứ-quan phụ-trách.

Tả-Biện Cục có 3 viên trưởng-quan phụ-tá là :

1 — DAI SABEN : Đại Tả-Biện.

2 — CHU SABEN : Trung Tả-Biện.

3 — SHÔ SABEN : Tiểu Tả-Biện.

Tả-Biện-Cục tổng-quản 4 Bộ là :

1 — NAKA TSUKASA : Trung-Vụ : trước tác Chiếu thư, văn án, đệ nạp biểu-văn của các Xứ dâng về.

2 — SHIKI BU : Thúc-Bộ : cất đặt, tuyển dụng, thăng giáng văn-quan, đảm-nhiệm giáo-dục.

- 3 — JI BU : Trị-Bộ : phụ-trách bộ-tịch các
giòng Quý-tộc, Tạng,
Sai — (giới được ưu
đãi nhất) — ; quản
nhiệm ngoại-giao.
- 4 — MIN BU : Dân-Bộ : quản-nhiệm tài-chính, đất
ruộng, dân số, tạp sự,
binh dịch, kế - toán,
thuế vụ.

Mỗi Bộ có trưởng-quan phụ-trách. Dưới Bộ là Ty, mỗi Ty có
thứ-quan phụ-trách.

Ngoài ra còn hai cơ-quan trực thuộc văn-phòng của Thái-Chính
Quan điều khiển là :

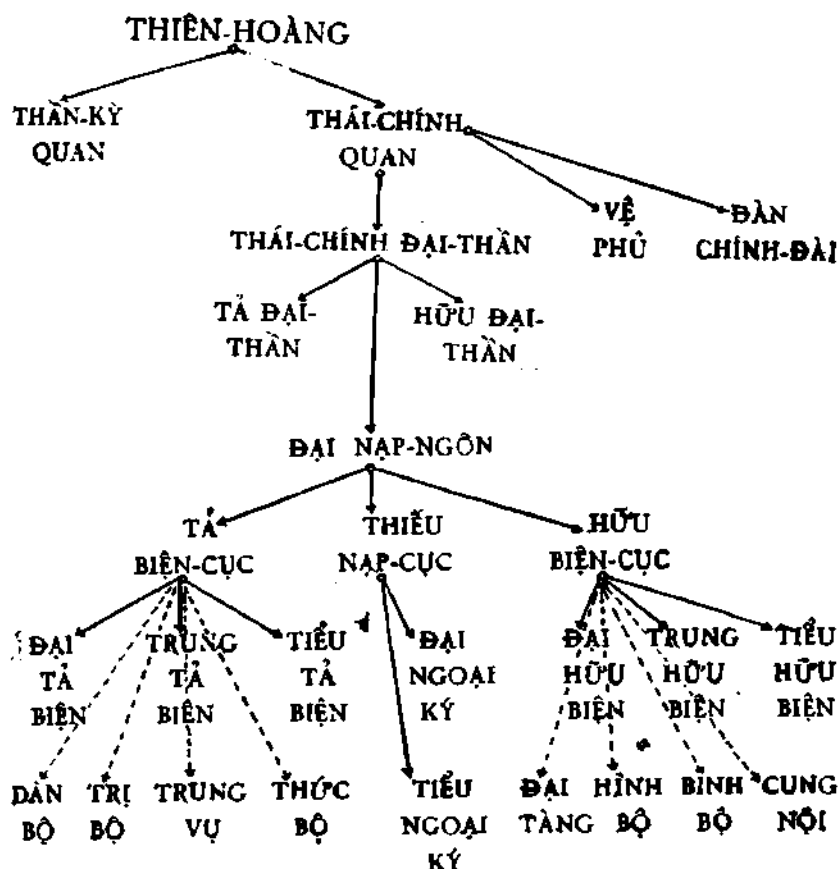
- 1 — DANJÔ DAI : Đàn-Chính Đài, chuyên việc đàn hoặc
tham quan ô lại.
- 2 — E-FU : Vệ-Phủ, lãnh phần túc-vệ cung cấm cùng
triều-đình.

Ra đến địa-phương ngoài cõi thời chia thành Đạo. Trong Đạo có
Xứ — (xin xem xuống dưới, mục : — « *Cách phân chia đất đai dưới
thời Nại-Lương*). — Xứ chia thành Quận. Quận chia thành Làng.
Trong Làng có Thôn.

Xứ do chức KOKKU SHI — (Quốc-Ty) — cai quản. Quận lớn có
chức DAIRYÔ — (Đại-Linh) —, Quận nhỏ có chức SHÔRYÔ — (Tiểu-
Linh) — cai-trị. Phụ-tá Quận-Linh có chức Chủ-Chính coi về Hình và
chức Chủ-Chưởng coi về Chính. Làng thời có RICHÔ — (Lý-Trưởng)
— đảm-nhiệm tạp vụ : thuế, dịch, binh, lương, bộ-tịch v.v... Chức
Lý-trưởng về sau cải tên là GÔCHÔ — (Hương-Trưởng).

Hệ thống tổ-chức quan-trưởng trên đây gọi là THAIKA NO
KANSE — (Đại-Hóa Chi Quan Chế). — Về các đời vua sau tuy
danh-từ về quan-vị có thay đổi, nhưng đại-cương về quan-chế thời vẫn
theo hệ-thống của thời Đại-Hóa Cải-Tân này.

Biểu-đồ quan-chế thời Đại-Hóa Cải-Tân



Dưới Bộ là các Ty. Số Ty không nhất-định, nhiều ít tùy nhu cầu.

Trên đây là những cấp chỉ-huy trung-ương tại kinh-đô hoặc quan lại cao cấp tại địa-phương. Những cấp này hợp lại thành giới Quý-Tộc. Tựa vào giới Quý-Tộc để hưởng lợi lộc là những viên-chức phủ-tá hoặc những hào lý tại các Thôn, Xã.

Vậy giới Quý-Tộc đã làm gì cho dân Nhật-Bản thêm nghèo túng, cho nước Nhật thêm nát ? Xin nghe tác-giả bộ Nhật-Bản Chi Tích giải-thích :

« Bản Chiếu Cải-Tân của thời Đại-Hóa nhằm cải-tổ quốc-gia,
 « nhưng nhân-dân đại-chúng không được hưởng chút quyền lợi nào
 « khả dĩ cải mở thêm đời sống cho phụ công cái gọi là nền chính-trị
 « mới. Thực-tế chỉ tạo ra ở quanh Thiên-Hoàng một tầng lớp mới
 « làm tay chân cho Hoàng-gia. Tầng lớp mới này đứng ra ngoài hàng
 « ngũ của đại-chúng, tạo cho mình một vị trí đặc-biệt, vị-trí Quý-Tộc.
 « Thế cho nên, cái tiếng Cải-tân thời là vị quốc-gia toàn thể đấy, nhưng
 « đến cái miếng quyền-lợi lại bị vớt chiu về phía Quý-Tộc hưởng mất
 « cả. Đó cũng vì đường lối chính-trị vạch ra nhưng khi thực hành lại
 « không nhằm đúng hướng ấy nên chính-trị mới hóa rối rắm.

« Không đúng hướng như thế nào ? Tỷ như, BAN-ĐIỀN
 « THU-THỤ PHÁP có mục-đích quân-diễn cho đại-chúng một cách
 « công bằng, mỗi người đều có phần ruộng để cùng cải mở đời sống.
 « Nhưng đến thực sự phân chia thời những người có địa-vị cao,
 « con cha cháu ông, thế thần vương tựa là chiếm mất cả những chân
 « ruộng đã tốt rồi lại diện-tích đo đạc loanh quanh lên quá mức ấn định.

« Ta có thể hỏi, Hào-tộc đã bị đánh đổ rồi kia mà, làm gì còn có
 « người có địa-vị cao ở Thôn, Xã ? Về điểm này, ta nên nhận xét rằng,
 « Hào-tộc là ở khắp các địa-phương mà kẻ bị đánh đổ thực sự lại chỉ
 « có một giòng họ Tô-Ngã. Vậy nói Hào-tộc đã bị đổ là chỉ ở chỗ triều-
 « đình thôi, chứ có đâu ở những nơi thôn ổ. Hào-tộc không bị đổ thời
 « thế-lực của Hào-tộc không mất. Trên danh-nghĩa thời đất đai của
 « Hào-tộc bị tước đi để chia cho dân, nhưng thử hỏi, khi Hào-tộc vẫn
 « còn đầy đủ ở làng thời người nông-dân nào dám cầm mũi cày vào
 « ruộng của Hào-tộc để rước lấy cái khó khăn vào mình ? Thế là
 « BAN-ĐIỀN THU-THỤ PHÁP hóa nên vô hiệu lực. Có chăng,
 « BAN-ĐIỀN THU-THỤ PHÁP còn mở rộng thêm đất đai cày cấy
 « cho Hào-tộc bởi lẽ dân nghèo thiếu vốn khai thác phải đem đến cầm
 « nợ hay bán màu phần ruộng của mình.

« Như vậy, Hào-tộc vẫn nguyên Hào-tộc bên cạnh giới thượng-
 « lưu mới là Quý-tộc. Giới này mới được nổi lên nên tìm mọi
 « cách để bảo tồn địa-vị. Tuy quy-tắc mở rộng cửa chính-quyền cho
 « mọi giới người có khả năng đã được đề ra từ THẬP-THẤT
 « ĐIỀU HIẾN-PHÁP của Thánh-Đức Thái-Tử, nhưng khi chính-

« quyền đã ở trong tay Quý-tộc thời họ tìm mọi cách bóp méo quy-tắc
 « này để dành một đường lối rộng cho con cháu họ vẫn ung dung lọt
 « vào thay thế địa vị của họ. Do đấy, người giòng dõi cao quý lại vẫn
 « đời đời tập tước cao quý, phân chia giữa « *giòng-dân* » và « *giòng-*
 « *quan* » một ranh giới Quý, Tiệt rõ rệt.

« Giòng dõi Quý-tộc cũng cố địa-vị cao, giữ vững được cảnh giàu
 « sang rồi mới lần lần tiến lên chiếm vai trò cũ của Hào-tộc tại triều-
 « đình mà áp bách Thiên-Hoàng. Thế nên, cái sự-nghiệp khởi từ
 « Thánh-Đức Thái-Tử cho đến bao nhiêu cố gắng của Thiên-Trí
 « Thiên-Hoàng — (tức Trung Đại-Huynh Hoàng-Tử, người cùng
 « Trung-Thần Liêm-Túc đánh đổ họ Tò-Ngã) — để thống-nhất chính-
 « quyền về Hoàng-gia tuy có thành công, nhưng chỉ phần nào ở buổi
 « đầu thôi chứ không được chu toàn.

« Nay luận chung về chính-trị cổ-thời Nhật-Bản, thời Hoàng-gia
 « tuy có cố gắng tập-trung quyền hành lãnh-đạo đất nước về cho Thiên-
 « Hoàng, nhưng bị Quý-tộc phá rối và cản trở để lần lần lộ ra vai trò
 « « *Quý-tộc chỉ huy chính-trị.* » Thế là đất nước bị Quý-tộc lũng đoạn
 « nên ta có thể nói nước Nhật-Bản hồi đó là KIZOKU KOKKA
 « — (Quý-tộc quốc-gia) — vậy.

« Cảnh đất nước là của riêng của giới Quý-tộc còn diễn ra mãi về
 « sau THỜI-ĐẠI NARA — (Nara jidai sẽ trình bày
 « dưới đây).

Trên đây là cảnh chưa tránh được vô dục thời đã xéo phải
 vô dục của khối dân-chúng bản hàn Nhật-Bản từ đệ-thất thế-kỷ
 do chính ngòi bút của sử-gia Nhật-Bản viết nên. Nhưng còn một
 điểm nữa đã đẩy thêm đại-chúng Nhật-Bản xuống bùn đen mà sử-liệu
 cũng phải ghi những lời oán trách của những thế hệ sau này về
 thái-độ của Hoàng-gia cùng giới Quý-Tộc của thời ấy rằng : —
 « Quả là một ác ý, dụng tâm khinh miệt khối đa số dân chúng cần-
 lao đã nỗ lực kiến tạo nên quốc-gia ».

Điểm ấy là đạo Chiếu ban hành vào niên-hiệu Bạch-Phượng thứ
 13 — (684 d. l.) — thời Thiên-Vũ Thiên-Hoàng chia định và chỉ
 công nhận 8 giới thượng-lưu được ưu-đãi ở trong xã-hội, gọi là
 YAKUSA NO SHŌ — (Bát Sắc Chi Tính) —. Tám giới là :

- 1 — MAHITO : *Chân-nhân* tức người trong Hoàng-phái Tôn-thất.
- 2 — ASOMI : *Triều-Thần* tức văn-chức, quan lại của triều-đình.
- 3 — SUKUNE : *Túc-Di* tức vũ-chức của triều-đình.
- 4 — IMIGI : *Kị-Di* tức tăng sãi, thầy tự, thầy chùa.
- 5 — MICHINOCHI : *Đạo-sư* tức thầy đồ giảng học.
- 6 — OMI NOKO : *Thần* tức hào cường nơi thị tứ hoặc Thôn, Xã.
- 7 — MURAJI : *Liên* tức thân-hào, thân-sỹ.
- 8 — YNAGI : *Đạo-tri* tức điền-chủ, phú-hộ.

Người được xếp vào hạng nào thời lấy danh-từ chỉ định hạng ấy làm HỌ của mình để khi ra xã-hội cho dễ phân biệt và dễ nhận. Người trong Hoàng-phái thời đời đời lấy họ là MAHITO, cũng như ở V. N. ta, kẻ ai mang họ Tôn-Thất là người trong Hoàng-tộc đương triều vậy. Còn 7 giới kia, ví dụ như một người là KANDA YNAGI — (Thần-Điền Đạo-Trí) — thời biết ngay người ấy thuộc giai-cấp phú-hộ. Trong bộ VẠN-DIỆT TẬP, soạn thảo vào đầu thế-kỷ thứ Tám d.l. có chép một bài ca của ông YAMANOBE SUKUNE — (Sơn-Bộ Túc-Di) — thời do họ Túc-Di mà thiên-hạ rõ ông Sơn-Bộ này thuộc giòng dõi vũ-quan vậy.

Đây là đặc cách cho mang tên HỌ theo đạo Chiếu phân đẳng BÁT-SẮC CHI TÍNH. Tám giới thượng-lưu này được miễn toàn bộ Tò, Điều, Dung, Binh-dịch.

Trong xã-hội, mấy người được làm quan, làm thầy hoặc hào-phú để được công nhận vào Bát-Sắc Chi Tính này. Thế còn đại chúng nông, công, thương, binh thời sao ? Dĩ nhiên là bị gạt bỏ ra ngoài, không đếm xỉa đến, hoặc giả có quan niệm tới thời đây là hạng « dân ngu, khổ đen » sống để đóng thuế, đi phu cho Tám Sắc thượng-lưu trên đây hưởng mà thôi. Thân phận người dân mà bị khinh miệt đến nỗi không được đếm xỉa đến, không được mang tên Họ do

nhà vua công nhận thời người dân sống cái kiếp lầm than, nghèo khổ và bị bạc đãi là cầm lăm rồi.

Cho nên, những tiếng oán than của đại-chúng lê dân mới còn lưu mãi trong sử sách Nhật-Bản.

CÁCH TRỪNG PHẠT THEO LUẬT ĐẠI-BẢO

(Thai-Hồ Ritsu No Go Kei, Hachi Gyaku)

(Đại-Bảo Luật Chi Ngũ-Hình Bát-Ngược)

Trên kia đã nói về ĐẠİ-BẢO LUẬT-LỊNH gồm hai phần : phần Lĩnh để tổ-chức hành-chính cùng quan-chế, phần Luật để trừng trị kẻ phạm tội. Phần Lĩnh đã trình bày, ở đây xin tiếp đến đại-cương của phần Luật.

Sử-liệu nói rằng, ĐẠİ-BẢO LUẬT chỉ khe khắt, xử nặng những kẻ phạm tội Hoàng-gia, các đại-thần đương triều, các trưởng-tộc, các giáo-sư. Còn ngoài ra, nếu so sánh với Luật đồng thời của nhà Đường bên Trung-Quốc thì nhẹ hơn nhiều. Luật ĐẠİ-BẢO còn cho phép tử khinh tội đến tử-bình đều được đem đồng đến chuộc.

Dưới đây là bảng ấn định Năm Hình Phạt và quy định Tám Tội Ngược Ngạo.

Năm hình phạt :

1 — PHẠT HÈO — (roi mây).

— 10 hèo	cho chuộc	1 cân đồng.
— 20 —	— —	2 — —
— 30 —	— —	3 — —
— 40 —	— —	4 — —
— 50 —	— —	5 — —

2 — PHẠT TRƯỢNG — (Tiếng gọi là phạt-trượng nhưng vẫn đánh bằng roi mây, duy số đòn tăng lên).

— 60 hào	cho chuộc	6 cân đồng.
— 70 —	— —	7 — —
— 80 —	— —	8 — —
— 90 —	— —	9 — —
— 100 —	— —	10 — —

3 — PHẠT TÙ KHỔ-SAI :

— 1 năm	chuộc	20 cân đồng.
— 1 năm rưỡi	—	30 — —
— 2 năm	—	40 — —
— 2 năm rưỡi	—	50 — —
— 3 năm	—	60 — —

4 — PHẠT ĐẦY : Hình phạt này chia thành 3 loại :

— đầy gần,		
— đầy hơi xa		
— đầy thật xa,		
để định mức chuộc.		
— đầy gần	chuộc bằng	100 cân đồng.
— đầy hơi xa	— —	120 — —
— đầy thật xa	— —	140 — —

5 — TỬ HÌNH : Bằng hai cách : xử giáo — (thất cổ) — và xử trảm, đều được chuộc bằng 200 cân đồng.

Tám tội ngược ngạo :

Dưới đây là 8 loại tội bị khép vào ngược ngạo. Những tội này sẽ tùy trường hợp nặng nhẹ mà chiếu 5 hình phạt trên đây ra kết án :

- 1 — Mưu phản — (chống lại địa-phương).
- 2 — Mưu đại-ngịch — (chống lại Hoàng-gia).
- 3 — Mưu bạo — (kết bè lập đảng để mưu phản nghịch).
- 4 — Ác nghịch — (giặc cướp tàn hại lương dân).

5 — Bất đạo — (xử sự vô-đạo với Thiên-Hoàng, với quốc-gia, với gia-dinh).

6 — Đại bất kính.

7 — Đại bất hiếu.

8 — Đại bất nghĩa.

XIII

Những tiếng khóc than muôn thủa từ thời Đại-Hóa Cái-Tân vọng lại

Ở những trang trên, chúng tôi đã giới thiệu những hậu quả của đạo Chiếu Cái-Tân thời Đại-Hóa tạo nên bần hàn cơ cực cho toàn khối đại-chúng nông-dân Nhật-Bản, bởi lẽ, từ trước thời Thánh-Đức Thái-Tử, dân chỉ phải đóng thuế cho một giới Hào-Tộc ở địa-phương nên còn manh áo mặc. Đến khi Cái-Tân, ban hành Ban-Điền Thu-Thụ Pháp thời Hào-Tộc đề nén bóc lột dân vẫn như cũ, nhưng dân còn phải gánh thêm Tà, Dung, Điều, Dịch cho Hoàng-gia cùng phục-vụ cho thêm một tầng lớp mới là giới Quý-Tộc. Vào cảnh một cổ ba trùng ấy, dân mới hóa nghèo nàn thậm tệ.

Ngày nay, lật những trang của bất cứ cuốn sử-liệu nào cũng đều thấy không bỏ qua cảnh cơ cực ấy. Vậy, dưới đây, chúng tôi tạm dịch một đoạn trong bài Trường-ca nhân đề — « BÀN-CÙNG VẤN-ĐÁP CA » — (Bim-Gu Mon-Do Uta) — của một tác-giả, ông YAMAUE O-KURA — (Sơn-Thượng Úc-Lương), — sống về đệ-bát thế-kỷ, tả những thiếu thốn về thể xác, đau khổ về tâm hồn của lớp nông-dân nói chung, trong và sau thời-đại được mệnh-danh là Cái-Tân ấy.

Bài Trường-Ca này có ghi trong Chương 5 của bộ VẠN-DIỆP TẬP :

Bàn-cùng văn-đáp ca

.....

Dài dằng đặc, nổi lòng đau khổ.

Sóng theo thời giông tố, gió mưa.

Đêm qua bão đập phen thưa,

Đêm nay tuyết dội, dột bờ nước gianh.

Rét cắt ruột, một manh áo chèn,

Chiết bao đây, cắt xén làm chân.

Muối là thường bữa món ăn,

Bã chua thay rượu, hăm lên ấm lòng. (1)

Thân bệnh nào không tiền thang thuốc.

Mũi ngạt hơi, ngực tức, ho gần.

Thân sao thiếu thốn quá !!! Thân ?

Tóc, râu, cảm cảnh loãn quần rồi mù.



— « *Bác tiếng vậy, kiếp tu còn khá*

Chứ phần tôi, cơm chả có ăn.

Thân gầy trơ bộ xương, gấm,

Áo không nổi mảnh che thân, rét này.

Phía hạ-thế, quán đày che dấu,

Lé thân tàn, vay dấu công non,

Ở nhà, con khóc đi đun,

Chờ cha, đợi mẹ đem cơm cháo về.

Bố già cũng nào nề tựa cửa.

Quần chiếu rơm chóng đỡ tiết Đông.

Trong lều, bếp ngát như đồng,

Bao ngày vắng ngọn lửa hồng reo vui.

(1) — Mùa Đông ở bên Nhật, nhiều khi xuống tới không độ. Về mùa này, dân gian thường hâm nóng rượu « sake », uống cho ấm lòng vào buổi sáng trước khi đi làm và buổi chiều, trước khi đi ngủ. Người này không có tiền nên đi xin bã rượu về hâm lên uống cho có sức đi làm.

Liền dựng cơm, bụi đầy dưới đáy,
 Trên miệng thời dện khuấy mạng, trăng.
 Bục nằm, ván nát ghép nhằng (1)
 Nhường phần bố, kéo mùa Đông, thân già.
 Còn vợ chồng, cùng là con đại,
 Rơm trải ra, nằm đại đất không.
 Bỏ còn phải đắp chiếu rơm,
 Vợ chồng ôm đứa con trần, thay chăn.
 Đêm khuya lạnh, đôi quần trong bụng,
 Con khóc lên, mẹ cũng khóc theo.
 Tang thương, ngập tiếng ỷ eo,
 Thân đã đến thế, thuê đèo... Tỉnh sao ?
 Ôi !!! Tô, Dịch, Dung, Điền các cơ ?
 Đến kỳ thu, hải sọ rụng rời,
 Thực là áo đã tả rồi,
 Nữ đem xé nửa làm đôi cho đành ? (2)



Kia trời cao, vẫn xanh lồng lộng ?
 Mở nơi đâu, mà đóng nơi đây ?
 Khốn cùng vất vưởng tháng ngày,
 Thuốc nào chữa nổi những cay đắng lòng ?
 Kia Nhật, Nguyệt vẫn trong sáng tỏ ?
 « Chiếu » nơi đâu mà bỏ nơi đây ? (3)
 Tội tằm, quần quai, đọa đầy,
 Làm sao cho ở kiếp này có cơm ?

(1) — Từ xưa đến nay, người Nhật vẫn đóng giường sàn để ngủ, ăn cơm và ngồi làm việc. Trong những nhà chật hẹp thời sàn đóng thành bục với ba công dụng : trên là giường ngủ, giữa là tủ quần áo và dưới để bát đĩa. Ở đây, tả người dân nghèo quá đến nỗi không có bục, chỉ nhất được mấy miếng ván nát kê cao cho bố nằm, còn vợ chồng và con cái thời nằm đất. Câu nói : « nhà không có sàn » dùng để tả cảnh nghèo nàn cực độ ở bên Nhật.

(2) — Nguyên văn là : — Mijikai ito wo iaso mijikaku kiri toru : « sợi chỉ đã ngắn còn nữ đứt đứt cho ngắn hơn nữa » cũng như ta thường nói — « chớ cần áo rách ».

(3) — Oán bản « Chiếu » Cải-Tân của nhà vua, vì thấy mà căm căm xã-hội dân lệch về thiếu số, nhẹ về đa số.

*Thân người phải đầu chim có cánh ?
Đôi nơi đây, bay lánh nơi kia ?
Bỏ tay trong cảnh nào nề,
Phép nào chữa nổi chuỗi tở tái này ?*

.



Bức phóng-họa của bộ N.B.C.T. về tình trạng khất thuế dưới thời Đại-Hóa Cải-Tân

Bao giờ cũng vậy, bút mực chỉ đánh dấu được một vài nét đại cương của hoàn cảnh và sự việc, khôn tả xiết hết lên trang giấy tất cả chi tiết các nguyên nhân và thực trạng của bất cứ thời đại nào. Bởi vì, những thống khổ kéo dài hàng đời người dù chỉ của một người thôi, cũng chỉ có một ai theo dõi liên tục để ghi được hết, huống hồ là của cả một dân-tộc ở khắp cõi. Ngay người Việt chúng ta, trong cuộc của nạn đói Ất-Dậu — (1945), — qua loạn ly đến cuộc di-cư 1954-1955, nào đã thấy có quyển sách nào chép được nổi một phần trong muôn vàn góc cạnh của sự việc. Vậy ngày nay, kiểm điểm sách vở để biết cảnh đói khát cơ cực của xã-hội bình-dân Nhật-Bản trong đệ-thất và đệ-bát thế-kỷ, ta cũng chỉ rõ đại cương rằng, Chiêu Cải-Tân của thời Đại-Hóa tạo cho dân nhiều tầng lớp bần hàn, loại nghèo tuy không tiền thuốc thang nhưng còn có lương cơm muối, loại đói khát không áo không

cơm, cùng đường đến nỗi chỉ còn biết kêu trời và không tha thiết mong gì hơn là mong hạt gạo.

Đói rách đến nông nỗi ấy mà vẫn phải đủ thuế, đủ sưu, đủ phu, đủ dịch thời tình dân khổ thật.

Sử-liệu chép rằng, tác-giả bài trường-ca Bần-Cùng Vãn-Đáp, ông Sơn-Thượng Ưc-Lương, không phải là văn-nhân hoặc thi-nhân để có thể ngờ, do giàu trí tưởng tượng mà thêm dệt thêm ngoài thực trạng. Ông là viên-chức cao cấp của triều-đình dưới thời Nại-Lương, thuộc vào giai-cấp được hưởng sưu-thuế do dân đóng góp, vậy mà cảm lòng không được phải thốt nên lời ai oán thời chắc trạng huống nông-dân phải khốn đốn lắm. Mục-dịch của ông, ở đương thời là gióng lên tiếng chuông để triều-đình nói tay, cởi mở cho đời sống của khối nông-dân vốn là nền tảng của quốc-gia. Còn hậu thế, nhìn vào tài-liệu đó để rõ tâm sinh hoạt giữa Quý-tộc với nông-dân trong đệ-thất và đệ-bát thế-kỷ cách biệt nhau đến như thế nào, cũng như thông cảm những gian lao của người Nhật cổ thời đã phải phấn đấu mãnh liệt ra sao trong cảnh cực kỳ nghèo khổ để bảo tồn lấy giống nòi, lấy dân-tộc.

Và lại, sử-liệu còn minh chứng nữa về tình trạng nghèo đói ấy. Chương thứ 8 trong bộ TỤC NHẬT-BẢN KỶ có chép :

— « Tháng Ba năm Kỷ-Tỵ, niên-hiệu Dương-Lão tứ niên — (720 d. l. thời Nguyên-Chính Thiên-Hoàng) —, quan Thái-Chính đại-Thần — (tức như Thừa-Tướng) — dâng sớ lên Thiên-Hoàng :

— « Hiện tại, bách-tính nông-dân đều lâm vào nghèo túng, nếu « không cứu giúp gấp thời họ khó lòng duy trì nổi gia-đạo. Thần cúi « xin khẩn sớ các địa-phương, ngay từ bây giờ và sang năm thời bắt « đầu tự mùa Xuân, đều xuất kho cho nông-dân vay lấy vốn ăn làm, « cày cấy. Đến cuối Thu, đoạn vụ gặt lại thu về với số lãi đồng niên « là 2 phân rưỡi — (vay đầu năm 10 thăng thời cuối năm trả thành « 13 thăng).

« Thần đã tính kỹ, chỉ có biện pháp này mới cứu vãn nổi sản-ngiệp của nông-dân trăm họ ».

Cũng tại Chương 20 bộ TỤC NHẬT-BẢN KỶ có ghi :

— « Lệnh của triều-đình định hạn phu dịch tới mức tối đa 60

ngày trong một năm là để phòng những trường hợp tối cần, hân hữu. Nhưng đến địa-phương thi-hành thời năm nào cũng bất toàn tráng đinh — (từ 21 đến 60 tuổi) — đi phu-dịch đủ số ngày đó.

Cho nên dân gian mới lâm nghèo nàn thiếu thốn ».

XIV

CUỘC NỘI-LOẠN NHÂM-THÂN

(672 sau kỷ-nguyên d. l.)

(*Jinshin No Ran*)

Trên đây là những nông nổi cùng đồ nói chung từ thời ĐẠL HÓA CẢI-TÂN trở lại của khối nông-dân cứ phải truyền thế nai lưng ra hứng chịu nhưng đến giới viên-chức văn, vũ thuộc những giòng họ thấp địa-vị cũng sinh bất mãn để phụ họa nên cuộc nội-loạn năm Nhâm-Thân khi Thiên-Trí T. H. vừa đặt mình nằm xuống.

Từ Hiếu-Đức T. H. ban Chiêu CẢI-TÂN, qua Tể-Minh thời truyền đến Thiên-Trí T. H. Ông này còn một Hoàng-đệ là OSHIAMA HITO — (Đại-Hải Nhân) — do cùng một mẹ là nữ T. H. Tể-Minh sinh ra. Hoàng-đệ đã được tuyển vào ngôi Thái-Tập để sau này kế vị Hoàng-buynh, mặc dầu Thiên-Trí T. H. đã dân sinh OTOMO Koshi — (Đại-Hữu Hoàng-tử) — được trên 10 tuổi.

Đối với Hoàng-tử, Đại-Hải Nhân Hoàng-thái-đệ không ờng là chú, kể về kinh-nghiệm dĩ nhiên là hơn cháu nhưng kịp khi Đại-Hữu Hoàng-tử lớn lên, chưa rõ vì lý do nào mà Thiên-Trí T. H. cũng lại cất lên ngôi Hoàng-Thái-Tử, như vậy là kế bên Thiên-Hoàng có những hai người, một em và một con, chờ ngày lên kế vị. Theo thông lệ của Hoàng-gia, đáng lẽ khi chọn thêm con trai vào địa-vị Thái-Tập thời nên cất Hoàng-Thái-đệ lên ngôi nhiếp-chính như Suy-Cổ T. H. đã làm mới phải nhưng Thiên-Trí T. H. đã quên điều đó. Đã thế, vừa phong cho Đại-Hữu Hoàng-tử lên ngôi Thái-Tập thời Thiên-Trí T. H.

lại cử luôn đi lĩnh chức Quốc-Lĩnh — (tức như Phó-Vương Toàn-Quyền) — cai-trị Xứ Cận-Giang mà vẫn để Đại-Hải Nhân ngồi không tại triều. Hoàng-Thái-Đệ lấy thế làm buồn phiền và tủi phận. Tủi phận, vì theo tập quán tôn ti về huyết thống thời bấy giờ thời Hoàng-Thái-Đệ mới hoàn toàn thuộc giòng lá ngọc cành vàng, còn Đại-Hữu Hoàng-Thái-Tử lại do bà mẹ thuộc giòng thứ dân được Thiên-Trí H.T. sách lập làm thứ-phi sinh ra. Vì tủi phận nên Hoàng-Thái-Đệ mới chẳng cả cần được Hoàng-Huynh chấp thuận hay không, cứ tiện thì phát xuất gia, vào tu tại một ngôi chùa ở đất YOSHINO — (Cát-Dã).

Cập đến tháng Mười năm Tân-Mùi — (671 sau k. ng.) — (1). Thiên-Trí T.H. lâm trọng bệnh, bèn vời Đại-Hải-Nhân từ đất Cát-Dã về triều để phó thác hậu sự phù-tá tự-quân nhưng Hoàng-Thái-Đệ nhất mực từ chối, tâu rằng đã trót nương nhờ cửa Phật thời xin cho được yên chí tu hành. Thế là ông lại trở về chùa.

Thiên-Trí T.H. băng hà vào tháng Chạp năm đó và Hoàng-Thái-Tử là Hoàng-Văn Thiệu-Hoàng lên kế vị chưa được mấy tháng thời quân lực đối lập do chủ là Đại-Hải-Nhân lãnh đạo đã đồng thời nổi cả lên ở hai Đạo Đông-Hải và Đông-Sơn, cô lập kinh-đô, chiếm cứ mất cả các cửa quan làm tắc nghẽn giao thông. Thì ra việc Đại-Hải-Nhân xuất gia chỉ là mượn danh áo cà sa để ngầm mưu việc đoạt ngôi bằng vũ lực. Còn sinh thời Thiên-Trí T.H., ông đã vận động được với những vị Hoàng-Thân và Hoàng-Tử cai-trị các Xứ Y-Hạ và Y-Thế cho mượn quân, vả lại nhân thời các viên-chức thuộc những giòng họ thấp địa-vị đương nặng bất mãn nên tả hữu theo ông nhiều lắm. Hồi tháng Mười năm Tân-Mùi, khi ở Hoàng-cung về chùa, biết Hoàng-Huynh không còn thọ được bao ngày nữa, ông đã chuẩn bị đầy đủ chõu ngày khởi sự. Khi tiếp được tin Hoàng-Huynh giá-băng, ông thừa thế Hoàng-Cung và triều-đình bận rộn về tang lễ và tự-quân còn ngờ ngàng trong những buổi mới đăng quang mà dấy binh cả hai Đạo cùng một lúc đánh về thủ-đô. Đến tháng Bảy năm Nhâm-Thân — (672 d.l.) — thấy cánh quân miền Đông của Đại-

(1) Hai đời vua Tế-Minh và Thiên-Trí T.H. bãi bỏ lệ đặt niên-biểu, đến thời Đại-Hải-Nhân lên ngôi tức Thiệu-Vũ T.H. mới lại bắt đầu đặt niên-hiệu. Tục này rồi được truyền theo đến bây giờ, như đương kim T.H. lấy niên-hiệu là Chiêu-Hòa.

Hải-Nhân đã vào đến khu phận Cận-Giang, nên trước sự thế cấp bách, Hoàng-Vân T.H. phải tự cầm quân triều-đình ra nghênh địch nhưng bị hãm vào thế gọng kìm của đối-phương, do ba mặt Tây-Bắc Cận-Giang kéo xuống, Nam từ Đại-Bản và Đông từ Y-Thế đánh lên nên quân triều-đình bị tan vỡ. Hoàng-Vân T.H. rút chạy về đến đất YAMAZAKI — (Sơn-Kỳ) — trong Xứ Cận-Giang, ngoảnh nhìn bốn phía thấy toàn là quân của chủ cả nên để tránh khỏi bị bắt, vị Thiên-Hoàng trẻ tuổi này đành phải tự sát. Tính từ đăng-quang trong tháng Chạp năm Tân-Mùi đến tháng Bẩy Nhâm-Thân, Hoàng-Vân Thiên-Hoàng làm vua được 8 tháng.

Hoàng-Vân T.H. không còn nữa, ngôi Thiên-Hoàng dĩ nhiên về Đại-Hải-Nhân. Ông không đóng đô tại Đại-Tân, có lẽ để tránh khỏi phải chứng kiến cảnh tang tóc của Hoàng-gia tại đây nên rút về đất Phi-Điều. Tháng Chín năm ấy, ông cho xây cất cung điện gọi là ASUKA KYÔMIGAHARA NO MIYA — (Phi-Điều Tĩnh-Ngự Nguyên Cung) — để coi việc triều chính nhưng đến tháng Hai năm sau mới làm lễ đăng-quang, tức Thiên-Vũ Thiên-Hoàng và lấy năm này làm Bạch-Phượng nguyên-niên.



Hậu thế bình luận nhiều về cả hai khía cạnh : xã-hội và Hoàng-Gia trong cuộc loạn năm Nhâm-Thân này. Về mặt xã-hội thời cho rằng đây là cuộc cách-mạng của phe cấp-tiến thắng phe bảo-thủ.

Cái không khí xã-hội thời ấy ngột ngạt bởi tập quán giai-cấp về huyết-thống. Giòng nào đã cao sang thời dù ươn hèn, chơi không nhưng cứ địa-vị cao sang mà kể tập, người lỡ sinh vào giòng họ thấp địa-vị thời dù công-nghiệp trùm đời, vào sinh ra tử nhưng thân phận cứ mãi ở dưới người. Tình trạng ấy, ai cũng rõ là bất công, nhất là số người chịu bất công thiệt thòi cả về vật-chất lẫn tinh-thần ấy lại là số đông nên cùng mong có sự cải cách. Tuy Thánh-Đức Thái-Tử đã cải-cách bằng Thập-Thất Điều Hiển-Pháp, nhưng ban Hiển-Pháp là một việc và thực hành đúng tinh-thần Hiển-Pháp lại là việc khác nên thất vọng vẫn hoàn thất vọng. Bảo rằng còn hào-gia Tô-Ngã hoạch quyền cản trở cải-cách thời dân gian đã chờ đến khi họ

Tò-Ngã bị lật đổ để có bản Chiếu CẢI-TÂN nhưng rồi đến chính bao nhiêu người tuy đẩy công lao theo Trung Đại-Huỳnh Hoàng-Tử diệt-trừ Hào-tộc để mong được thay đổi địa-vị từ thấp lên cao mà mỗi mòn chờ đợi đến khi đích thân Hoàng-Tử tức-vị thành Thiên-Trí T. H. mà công lao của họ vẫn bị phủ nhận và tình trạng huyết-thống giai-cấp vẫn y nguyên hoàn cữ. Chung quanh Thiên-Trí T. H. vẫn dặt những người tuy chẳng chút giá-trị nhưng thuộc giòng họ cao sang bu vào nắm bắt địa-vị từ trung-ương ra đến địa-phương. Bởi thất vọng triển miên ấy nên chợt thấy tin Đại-Hải Nhân mưu sự khởi nghĩa là những người lòng đầy chí khí phá đổ nền nếp cũ ủa nhau đi theo để mong cùng đấu nhau vào lấy gương đi xây dựng cuộc đời mới hợp với nguyện vọng.

Đây là hoàn cảnh xã-hội ở cuối đệ Thất thế-kỷ đã giúp cho mưu sự của Thiên-Vũ T. H. thành công chớp nhoáng vậy. Tuy nhiên, cái vòng đai phong-kiến về giòng họ vẫn quá kiên cố nên sự thắng lợi của những con người cấp-tiến rút cuộc chỉ mang lại thịnh quyền cho Hoàng-gia trong một thời gian để rồi bị chuyển về tay Quý-tộc.

Bình luận về nội bộ Hoàng-gia, chú giết cháu trong cuộc nội-loạn này, có tài liệu ngoại-sử ghi rằng vì Đại-Hải Nhân, trước thời ham mùi thiên-đạo nên từ chối địa-vị Thái-Tập để xuất gia nhưng sau rồi lại tiếc ngôi Trời mới quay về giết cháu để đoạt lấy. Nhưng qua những sự tình đã kể ở trên, nguyên-nhân đâu cả giản dị như vậy. Chính sử-liệu còn chép việc Đại-Hải-Nhân xuất gia là do cuộc tình duyên éo le và bất chính giữa ông này với bà thứ-phi của Hoàng-Huỳnh là NUKATA NO OOKIMI — (Ngạch-Điền Nữ-Vương). — Ngoài những cuộc thăm lên, người ta còn bắt được cả bút tích của hai người trao đổi cho nhau.

Để ghi vào Sử-Lược thiên tình-sử éo le này, chúng tôi xin làm dịch cả những bút tích minh chứng đó. Ngày mùng 5 tháng Năm, mùa Hạ, năm thứ Bẩy, Đinh-Mão — (667 d.l.). — Thiên-trí T. H. ngự-gia sân bắn tại đất GAMA UNU — (Bồ-Sinh Dã). — Theo giáo lễ của Hoàng-gia và triều-tể, tất cả Hoàng-thân đã phượng trưởng cùng bách quan đều phải tháp tùng Thiên-Hoàng trong cuộc thú-du, duy có Đại-Hải-Nhân có trọng trách là Hoàng-đệ Thái-Tập lại lui ở nhà. Thế là Ngạch-Điền Nữ-Vương đưa thư ra hẹn hò gặp gỡ. Thư theo thể Đoàn-Cả, rằng :

— « *A-ka-ne sa-su*
Mu-ra-sa-ki no iu-ki
Shi-me-nu iu-ki.
Nu-mo-ri wa mi-zu ya
Ki-mi ga so-de su-ru.

Nghĩa là : — « Về góc trồng tía-tô và thiện-thảo (1) hiện đương nở hoa ở trong cấm-viên, mình cứ đẩy mà đến. Hễ thấy vắng người canh vườn, mình làm hiệu phát tay áo ». — Chúng tôi tạm xếp lại cũng theo thể Đoản-Ca 5, 7, 5, 7, 7 âm-vận :

— « *Bên góc vườn Thượng-Uyển,*
Từ-tô, thiện-thảo thắm chen tươi.
Cảnh ấy vẫn chờ ai ?
Hễ vắng người canh, chàng phát áo,
Thì rời có lối đến Thiên-Thai ».

Dưới đây là thư của Đại-Hải Nhân gửi cho Ngạch-Điền Nữ-Vương với giọng ghen tị với cả anh ruột mình :

— « *Mu-ra-sa-ki no*
Ni-o-e-ru ki-mi no
Ni-ku a-ra-ba
Hi-to zu-ma yu-e mi
Wa-ga ko-i me ya mo.

Nghĩa là : — « Mình càng đẹp như màu thắm tía, thơm như hương hoa, tôi càng oán hận cho thân phận. Mình thuộc về chủ khác, lòng tôi lại càng thiết tha luyến tiếc ». — Chúng tôi tạm xếp lại thành thể lục bát :

— « *Hoa nhường, nguyệt thẹn làm chi ?*
Cho kẻ đến muộn lòng tề tái lòng.
Ngọc kia, tay khác bế bằng,
Yếu nhau, đứng ghé ngoài phòng mới đau ».

Vậy rất có thể do việc tư thông này bị vỡ lở mà Thiên-Trí T.H. mới lại cử Hoàng-nam vào ngôi Thái-Tập và Đại-Hải Nhân phải tìm

(1) Cây tía-tô sắc tía thắm, mùi thơm hắc, vỏ lá ra ruộm vải lụa thành màu tía thắm rất đẹp. — Cây thiện-thảo trồng lấy rễ ruộm vải thành màu đỏ tươi.

cách lánh triều-đình bằng róc tóc xuất-gia chứ không phải vì việc Đại-Hữu Hoàng-Tử được cử lên ngôi kế vị mà ông ta tủi phận kim chi ngọc diệp.

Còn việc những Hoàng-thân, Hoàng-tử cai-trị các Xứ phía Đông cũng thỏa thuận cho Đại-Hải Nhân mượn binh lực đánh đổ Hoàng-Vân Thiên-Hoàng vẫn vì quan niệm giai-cấp huyết-thống nên không muốn có một Hoàng-tử mang máu mọc thuộc hàng thứ-dân ở ngôi cửu-ngũ. Vậy do hoàn-cảnh xã-hội và tâm-lý Hoàng-phái trong thời ĐẠI-HÓA CẢI-TÂN đã giúp Đại-Hải Nhân Hoàng-tử thành công trong việc cốt nhục tương hoại ở năm Nhâm-Thân vậy.

CHƯƠNG NĂM

THỜI-ĐẠI NẠI-LƯƠNG (*NARA NO MIAKO NO JIDAI*) (*Nại-Lương Chi Đô Chi Thời-Đại*)

I

THỜI-ĐẠI BỎ LỐI DI-ĐÔ ĐỀ CHUYỂN SANG ĐỊNH-ĐÔ

Ý nghĩa sự Di-Đô và Định-Đô

LÊ dân nghèo xác xơ những vãn phải chạy cho đủ thuế và đi đủ phu cho giới quan-liêu quý-tộc độc-hưởng, đây là đặc thái : — « *phú bản di biệt, quý tiện cách trùng* » — từ khởi thời đại Đại-Hóa Cải-Tàn trở lại.

Nói riêng về giới cao sang thừa thãi thời bao giờ cũng vậy, phú quý tất sinh lễ nghĩa cái-cách, đồ sộ là lâu dài, quý giá là đồ chơi, đẹp đẽ là y phục, say mê là văn-ngệ để cùng gom góp nên cái màu sắc riêng của thời-đại. Bên cạnh thường tình này còn thêm ý chí ganh đua mãnh liệt với Trung-Quốc nên thủ-phủ NẠI-LƯƠNG được kiến tạo.

Hiện nay, hai thị-trấn NẠI-LƯƠNG — (Nara) — và KINH-ĐÔ — (Kyôto) — là những kho tàng lớn nhất về di-tích lịch-sử Nhật-Bản. Người Nhật thường tự hào rằng — : — « NẠI-LƯƠNG và KINH-ĐÔ không những là bảo-địa đối với dân-tộc chúng tôi mà đối với cả thế-giới ».

Cũng quả thực như vậy. Ngay người Mỹ, vì trọng đại hai địa-điểm lịch-sử này, nên trong đệ-nhi thế-chiến vừa qua đã bảo-vệ đến triệt-để bằng không oanh tạc, mặc dầu những đồ-hội khác trên đất Nhật, nhiều nơi bị bom đạn tơi bời. Do đấy, NẠI-LƯƠNG cùng KINH-ĐÔ mới an toàn với giá-trị lịch-sử của nó.

Riêng thành-phố NẠI-LƯƠNG, từ thế-kỷ thứ VI đã thành thị-trấn rồi, nhưng từ đầu thế-kỷ thứ VIII, khi triều-đình Đại-Hòa bỏ lối di-đo để định-đo hẳn tại đây thời NẠI-LƯƠNG trở thành nơi văn-vật phồn thịnh, một trung-tâm tiến bộ của nền văn-hóa mới, cách biệt hẳn với thời chấn-hưng của Thái-Đức Thái-Tử.

*Sơn tươi pha với thắm xanh,
NẠI-LƯƠNG thủ-phủ nuồn ngành nở hoa.*

*Ngát hương tỏa khắp gần xa.
Cái thời thịnh-hóa hẳn là ngày nay.*

Đây là ⁰chúng tôi tạm dịch bài thơ thể Hòa-Ca — (Waka hay là Đoàn-Ca Tanka) :

*Ao ni yoshi,
NARA no miako wa,
Saku hana no
Nou ga gotoku,
Ima sakuri nari.*

từ đầu thế-kỷ thứ VIII, ca tụng và cũng để đánh dấu thời-kỳ văn-hóa tiến-triển mà người Nhật thời ấy cho rằng : — « ánh sáng

chỉu ngời » — trong trên 70 năm, khi Hoàng-gia định đô tại NẠI-LUÔNG. Đã ngót 13 thế-kỷ rồi, bài thơ trên đây được truyền tụng trong khắp dân gian, tựa như người Việt ta thuộc phong-dao vậy.

Đến ý nghĩa của sự di-đô và tại sao lại định-dô tại NẠI-LUÔNG, sử-liệu có ghi khái quát như sau :

— « Trước kia, khi NẠI-LUÔNG chưa trở nên kinh-thành
 « phồn hoa, Hoàng-gia cũng đã lập cung điện để Thiên-Hoàng ngự
 « tại đây. Nhưng lúc ấy, gọi là « *cung điện* » cho nó có cái lễ phân
 « biệt giữa Hoàng-gia với nhân-dân mà thôi. Thực tế, cung điện cũng
 « chỉ khác nhà dân chút ít và xen lẫn với làng mạc. Đường đi vẫn
 « nhỏ hẹp quanh co, dân cư vẫn thưa thớt, nhà vua, nhà dân vẫn so le
 « lộn xộn, chẳng có hàng ngũ quy mô gì hết. Đây là do Hoàng-gia vẫn
 « duy trì tục lệ, mỗi khi có vị Thiên-Hoàng băng hà thời lại bỏ hết cung
 « điện cũ, rước vị tân-quân đi lập cung điện mới ở địa-điểm khác, vì
 « tin rằng, nhà nào đã có người chết tất người sống không thể ở đây
 « được nữa, sẽ xúi quẩy đủ đường. Cho nên, Thiên-Hoàng ngự tại đâu
 « cũng chỉ là vấn đề tạm bợ nhất thời, không thể tính đường kiến tạo
 « nên to lớn lâu bền vì chưa tìm chỗ ở đất NANIWA — (Nạn-Ba,
 « nay là Đại-Bản) — đã lại thiên về đất OOTSU — (Đại-Tân) —
 « ở OUMI — (Cận-Giang) —, hoặc đất FUJIWARA — (Đằng-
 « Nguyên) — ở Phi-Điếu. — (Đằng-Nguyên ở trong Huyện NẠI-
 « LUÔNG ngày nay). — Chỉ vì thủ tục di-đô này mà nhân-dân
 « không tưởng đến đường quy tụ lập nghiệp gần cửa khuyết nên thủ-
 « đô hóa bé mọn là lẽ đương nhiên vậy.

« Kịp khi giao-dịch với nhà Đường bên Trung-Quốc, thấy vì
 « không có chính-sách di-đô nên tổ-chức được thủ-phủ Trường-An đồ
 « sộ và tráng lệ quá. Một quốc-gia có thủ-phủ tráng lệ là tăng được
 « quốc-thể, hợp với uy nghi của ngôi chí tôn và cũng là trung-tâm
 « để phát-triển văn-hóa, kỹ-nghệ và thương-mại. Thế là Hoàng-gia
 « và triều-dinh Đại-Hòa nhất quyết theo tục lệ nhà Đường, bỏ lối
 « di-đô để định-dô hẳn ở NẠI-LUÔNG cho quốc-gia mình cũng có
 « một trung-tâm quy mô, xứng đáng là nơi cho bách-quan quy tụ.

« bốn bề hướng về (1). — Cách kiến-trúc cung điện của nhà Đường
 « cùng thiết lập phổ-xá ở Trường-An được rập theo để kiến tạo thủ-
 « đô mới lấy tên là HEI-JŌ-GYŌ — (Bình-Thành-Kinh).

« NAI-LƯƠNG có BÌNH-THÀNH-KINH trở nên danh-đô
 « từ đây — (niên-hiệu Hòa-Đồng thứ Ba 710 d. l. đời Nguyên-Minh
 « Thiên-Hoàng) — và ngày khởi công xây đắp BÌNH-THÀNH-
 « KINH cũng là ngày khởi nguyên của thời-đại NAI-LƯƠNG vậy ».



Trên đây là giải-thích của sử-liệu, còn kiến-trúc của BÌNH-THÀNH-KINH thời tọa bướng chính Bắc là cung điện khang trang của Hoàng-gia, án diện những cung điện này là ngự-cung của Thiên-Hoàng gọi là DAIRI — (Nội-Lý). — Chung quanh, vây tròn lấy Nội-Lý là trụ-sở các Bộ và dinh-thự các đại-thần triều quan gọi là DAIDAIRI — (Đại Nội-Lý). — Từ Đại Nội-Lý trở ra, phân bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc là phố xá ở theo ở vuông bàn cờ, có đường đi rộng rãi, trồng cây ở hai bên lề.

Thấy chính-sách định-đô ban ra, những phú-hộ thân-hào, thương-nhân, công-nhân quy tụ về NAI-LƯƠNG, tạo nên lớp « người đồ-thị » rất đông. Lại cùng xuất vốn liếng cất nhà « kawara buki » (2), cột sơn trắng, sơn đỏ, trước cửa giồng cây xanh um làm nổi bật cảnh mỹ lệ của thủ-đô, đều bây giờ mới có là một.

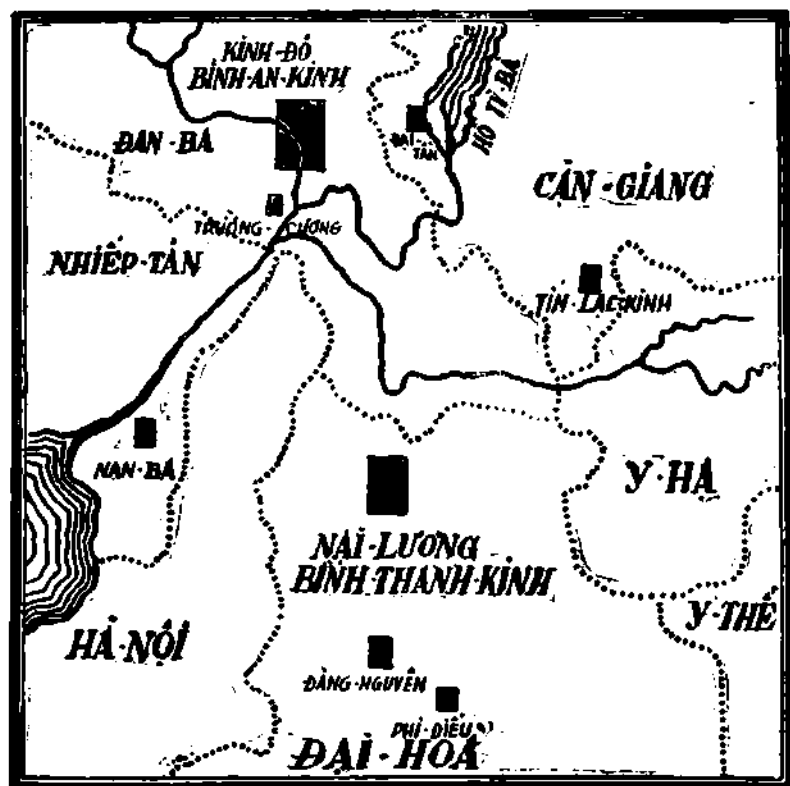
(1 — Nguyên-văn là : — « Gyô-shi wa, hakkan no fu, shikai no kaeri suru tokoro nari » : « kinh-sư, bách-quan chỉ phủ, tứ hải chỉ quy sở dã ».

bách-quan : các cấp quan lại toàn quốc.

tứ-hải : bốn bề, tức khắp các xứ trong nước. Văn Nhật cũng như văn Việt, thường hay dùng những chữ : tứ-hải và thiên-hạ để chỉ bốn phương trong nước.

(2) — Kawara buki : nhà ngói. Tiếng « kawara buki » có ý nghĩa đặc-biệt để chỉ sự giàu sang trong thời Nại-Lương. Dân gian nghèo túng, lều tranh túp cỏ cheo chúi, chỉ ở thủ-đô mới có nhà ngói kiến-trúc theo Trung-Quốc, lợp ngói ống tròn nhiều màu sắc, bắt đao cong, chiết góc lượn, cột sơn lóc lẹt, nên « kawara buki » ngoài ý nghĩa giàu sang còn chỉ sự mới mẻ, sự đặc biệt của cảnh sắc đầu tiên của một thế hệ định-đô.

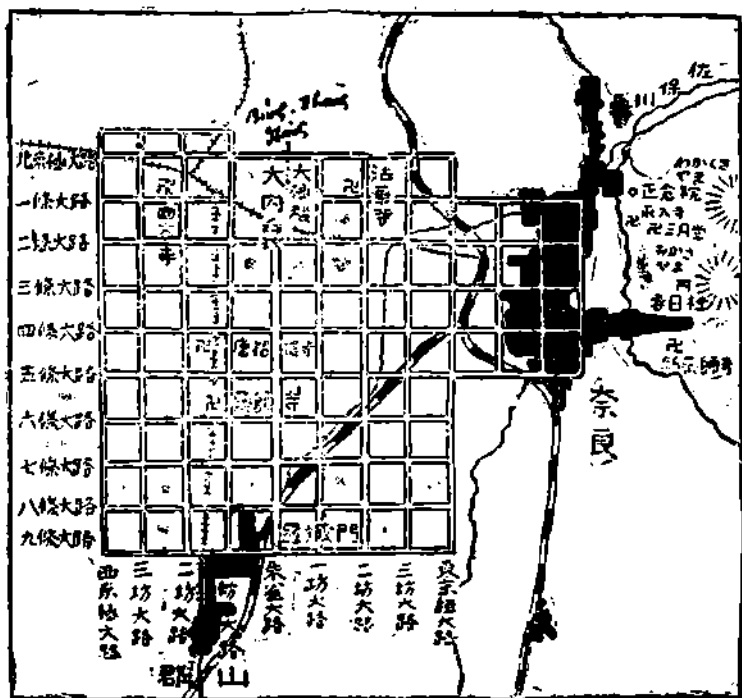
**Lược đồ các địa-điểm di-đô từ
Thần-Vũ Thiên-Hoàng đến hai thời định-đô
tại NẠI-LƯƠNG và KINH-ĐÔ**



Trên đây là trung-tâm của Khu QUAN-TÂY — (Kansai) do đây mà Kinh-Đô còn có tên là SEIKYŌ — (Tây-Đô).

Định-đô thời tại NẠI-LƯƠNG và KINH-ĐÔ, còn di-đô thời ở các địa-điểm : Phi-Điều, Đàng-Nguyên, Nạn-Ba — (nay là Đại-Bản), — Trường-Cương, Tín-Lạc-Kinh và Đại-Tân.

Khởi-tổ Thần-Vũ Thiên-Hoàng đóng đô tại Đàng-Nguyên — (FUJIWARA, cũng có sử-lệu gọi là KASHIWABARA),



Đình-Thành-Kinh trong vị-trí thị-trấn Nại-Lương hiện tại.



Quý-Tộc thời Nại-Lương, từ tư-dinh vào Đại-Nội-Lý làm ở đó.
(Kất trong bộ Nhạ-Bản Chi Tích)

II

NHỮNG TIẾN TRIỂN DƯỚI THỜI NẠI-LƯƠNG

a) — PHÂN TẠO TÁC

Song hành với Phật-giáo khoáng trương*Công cuộc xây dựng KOKU BUN-JI — (Quốc-Phận Tự)**và TỔ DAI-JI — (Đông-Đại Tự)*

Phật-giáo khởi du-nhập vào nước Nhật từ thế-kỷ thứ VI, đương thời nhiếp-chính của Thánh-Đức Thái-Tử, tuy có gặp một vài vấp vấp ở buổi đầu, nhưng rồi CHÂN-LÝ đã thắng nên mỗi ngày mỗi lan rộng, từ Thiên-Hoàng đến thần-dân đều dốc tâm tín ngưỡng, sùng niệm. Những ngôi chùa đồ sộ của thời ấy, như Pháp-Long Tự, Trung-Cung Tự còn lưu truyền đến ngày nay, chứng tỏ Hoàng-gia cùng Chính-quyền lấy việc gây cơ sở cho Phật-giáo làm nhiệm-vụ kiến quốc trên những phương-diện giáo-hóa nhân tâm, bồi dưỡng văn-hóa.

Trải qua hai thế-kỷ, vẫn do truyền thống từ Hoàng-gia nêu gương tín ngưỡng trước thần-dân, đến thời Thánh-Vũ Thiên-Hoàng, dưới thời Nại-Lương, Phật-giáo lại được Hoàng-gia đút ra xây dựng thêm một lần nữa, nhằm vào 3 điểm :

1 — gây thêm tài-sản và uy tín

2 — phổ-biến rộng Kinh-kệ

3 — tổ-chức thiền-môn thành hệ thống liên-lạc từ trung-ương đến các địa-phương toàn quốc.

Về việc khuếch-trương Phật-giáo này, Chương thứ Mười Bốn trong bộ TỤC NHẬT-BẢN-KỶ có ghi đại cương như sau :

— « Để Phật-giáo hưng thịnh kịp với đà tiến triển của triều nhà Đường bên Trung-Quốc- và cũng do chủ-trương kiến bồi văn-hóa, tháng Ba, niên-hiệu Thiên-Bình thứ Mười Ba — (741 d.l.) —, Thánh-

Vũ Thiên-Hoàng hạ Chiếu : — « Thần-dân cần tôn sùng PHẬT PHÁP. Mỗi Xứ (1) trong nước nên cất riêng một ngôi chùa chính cho chung của Xứ mình. Mỗi ngôi là 7 tầng Tháp — (2) —. Việc tụng niệm cần dốc chuyên vào hai bộ : KIM-QUANG TỐI THÁNG VƯƠNG-KINH và DIỆU-PHÁP LIÊN-HOA KINH. Ở Xứ, nào chưa có hai bộ KINH này thời triều-đình sẽ gửi tới... Phàm tại những ngôi chùa chính này, ngôi nào do Tăng-Thượng — (sư nam) — chịu-trì đều tặng phong cho mỗi chùa hưởng lộc của 50 nóc nhà và cấp cho 10 mẫu ruộng tốt — (3) —. Phàm những chùa có Ni-Sãi — (sư nữ) — chịu-trì được cấp cho 10 mẫu ruộng tốt. — Nếu là Tăng-Thượng cứ 20 vị chịu-trì một ngôi chùa, gọi là chùa KIM-QUANG-MINH TỨ-THIỆN VƯƠNG HỘ-QUỐC. Nếu là Ni-Sãi, cứ 10 vị chịu-trì một chùa gọi là chùa PHÁP-HOA DIỆT TỘI. — Phàm thần-dân trong nước đều phải nường đến lễ bái ở cả hai chùa chính của Xứ mình để thụ Giáo, tri Giới... ».

Tuân Chiếu của Thánh-Vũ Thiên-Hoàng, trên 60 Xứ, (4) đều mỗi Xứ cất một ngôi chùa cho địa-phương mình. Loại chùa ở địa-phương này, gọi là KOKU BUN-JI — (Quốc-Phận Tự) —. Để

(1) Nguyên-bản của sử-liệu dùng chữ « quốc », nhưng chúng tôi dùng chữ Xứ thay cho chữ « nước » vì thiên ý thấy chính hơn. — Ở chương trên, khi nước Nhật còn trong tình-trạng sứ-quân, ý thức quốc-gia chưa được rõ rệt, mỗi anh-hùng chiếm một khoảnh biệt-lập và tự-trị thời ở thời-gian ấy, dùng chữ « quốc » còn có lý do. Đến đây, nước Nhật đã thống-nhất, dân-tộc đã đồng hòa, nếu đem dùng chữ « nước » để chỉ địa-phương thời riêng đối với người Việt ta, nó không thuận với nghĩa chữ « quốc » thường dùng. Hơn nữa, trong tiếng Nhật khi dùng để chỉ một « nước » thời nói « kokka ; quốc-gia » ; còn chữ « quốc » đơn lại đọc là « kuni » có nghĩa là « quê hương » hay « xứ sở ». Tỷ dụ như, gặp một người mới quen lần đầu, muốn biết quê người ta ở đâu thời hỏi : — « Okuni wa, doko desuka ? : Quý Xứ về đâu ta ? ».

(2) Tục lệ làm Tháp chùa thường làm tầng lẻ. Trước kia thời 5 tầng bây giờ lên 7 cho được nghi thức hơn.

(3) Cổ thời ở Nhật, những đại-điền-chủ là : Chùa, Đình Thần-Xi và Quý-Tộc. Đình, Chùa đã chiếm nhiều ruộng thời lại được miễn thuế, đến phần Quý-Tộc thời đóng ít đóng nhiều không ai có quyền đòi hỏi nên bao nhiêu gánh chi phí của quốc-gia đều nhờ dân dân bần nông mà bổ bán kỳ đến cho bằng đủ.

(4) Ở đây nói trên 60 Xứ, nhưng chiếu bản-dò thời chỉ có 58 Xứ. Xưa xem bản-dò ở dưới, mục nói về Phong-Thổ-Ký.

có một trạm liên-lạc cho trên 60 ngôi Quốc-Phận Tự ở rải rác khắp nước, tại thành-phố Đông-Kinh bây giờ, hồi ấy có thiết lập một ngôi chùa gọi là KOKU BUN-JI EKI — (Quốc-Phận Tự Trạm) —. Ngày nay, tuy ngôi chùa này không còn, nhưng tại chỗ đó vẫn gọi là Phố Quốc-Phận Tự với nhiều chân tảng của cột chùa bằng đá làm ghi tích. Đào chỗ đất đó lên, người ta cũng tìm thấy nhiều hòn ngói lợp chùa hồi xưa. Cứ như những khoảng cách nhau của chân tảng, thấy rằng Quốc-Phận Tự Trạm này cũng to tát lắm. Ngoài ngôi chính-đường của chùa, còn có những chỗ có dấu vết của nhà kho, của nhà cất lò sưởi — (mùa Hạ xếp lò sưởi vào một căn, mùa Đông lấy ra phân phát đi các phòng); — nhà ký-túc cho những tăng, ni ở cạnh chùa khác văng lai cùng những căn phòng của bản-tăng chụ-trì v.v...

Để có một trụ-sở điều khiển về phần ĐẠO và PHÁP cho các Quốc-Phận Tự, Thánh-Vũ Thiên-Hoàng sắc-tứ xây cất tại thủ-phủ NẠI-LƯƠNG một ngôi chùa trung-ương gọi là TÔDAI-JI — (Đông-Đại-Tự) — và hạ lệnh tận thu dụng số đồng tại các mỏ ở xứ Vũ-Tàng để đúc quả chuông nặng 40 tấn và pho tượng RUSHANA-BUTSU — (Lư-Sá Na Phật), — gọi là DAI-BUTSU — (Đại Phật) — để thờ tại chùa này.

Đúc nổi pho tượng ĐẠI-PHẬT, quả là kỳ công vô nhị của thời-đại thủ-công-nghệ Nhật-Bản, nhất là trong thế-kỷ thứ VIII. Sử-liệu chép rằng : — « Ngày Vọng — (Rằm 11.) — Quý-Mùi, tháng Mười Tân-Tỵ, niên-hiệu Thiên-Bình thứ Mười Lăm — (743 d.l.) — đời Thánh-Vũ Thiên-Hoàng thời nhóm lò khởi công và qua tám đợt đổ đồng, sang đến niên-hiệu Thiên-Bình Thảng-Bảo thứ Tư — (752 d.l.) — đời Hiếu-Khiêm Thiên-Hoàng, tượng mới hoàn thành ».

Sở dĩ phải 10 năm giờ vì tượng quá cao, lớn. Tại những đợt đổ đồng trước tiên, tính đắp có một lần cốt nhưng không thể nào được, sau phải đúc rời từng mảnh rồi mới hàn liền. Tượng cao 16 mét — (thước tây), — ngồi trên tòa sen, mặt đầy vẻ từ-bi tươi tắn, tay dơ ra để như lúc nào cũng sẵn sàng đón chờ và vỗ về những tín-đồ của Phật. Phải dùng hàng trăm thợ mộc làm trong 2 năm nữa mới xong được chính-diện thờ ĐẠI-PHẬT. Bốn trăm năm sau, chính-diện bị cháy, phải chờ đến mấy chục năm nữa — (1195) — mới trùng-tu được. Đến

cách đây khoảng ngoài 270 năm lại cháy lần nữa. Lần hỏa hoạn này có phần dữ dội nên phải đúc lại bộ mặt ĐẠI-PHẬT và thếp thêm một lần vàng lá phủ toàn thân tượng. Tương truyền rằng, vì đúc sửa lại, nên ngày nay tuy vẫn khả quan nhưng mặt tượng có phần kém về mỹ-thuật của cổ-thời. Sử-liệu còn ghi rằng, ở năm Thái-Bảo thứ Tư, hàng mấy vạn tăng, ni ở khắp nước Nhật cùng chư cao-tăng từ Ấn-Độ, Trung-Quốc, Đại-Hàn đều đại hội tại NẠI-LƯƠNG để dự lễ Hô-Thần, Điểm-Nhơn cho tượng ĐẠI-PHẬT.

Nhờ ở hệ thống tổ-chức từ ĐÔNG-ĐẠI TỰ đến QUỐC-PHẬN TỰ mà Phật-giáo trong thời NẠI-LƯƠNG có sự đoàn-kết, gây được thế lực bền chắc và mạnh mẽ từ quốc - nội đến quốc-ngoại. Và cũng từ ngày hoàn thành được ngôi tượng ĐẠI-PHẬT LƯ-SÁ NA duy nhất ở thế-giới, lòng Thánh-Vũ Thiên-Hoàng được lắng lắng bỷ xả để tự nhận là SAMBÔ NO YATSUTO — (Tam-Bảo Chi Nô ; tức như ta nói : Con Cái nhà Phật) —. Xin nhắc lại, đã từ 748, Thánh-Vũ Thiên - Hoàng nhường ngôi cho công chúa lên trị vì để Người dành tất cả thời gian cho việc tụng niệm kinh kệ.



*Đại-Tượng Phật tại Đông-Đại Tự.
(Rất trong Nhật-Bản Chi Tích)*

Thiết lập Chính-Xương-Viện*(Shōzo-in wo Tsukuru)*

Huy động giòng dā trên 10 năm giới được hết nhân, vật, tài-lực của trên 60 Xứ để xây dựng bao nhiêu chùa chiền to lớn từ địa-phương đến trung-ương, đúc nổi pho tượng vĩ-đại mà cả thế-giới chưa từng có « *ngôi* » thứ hai. Vậy mà trong khắp bốn cõi, ngoại trừ cuộc biến vào năm Thiên-Bình thứ Mười Hai — (740 d. l.) tại đảo Cửu-Châu bị dẹp mau chóng, còn đều được an bình thời tất nhiên thế lực của Hoàng-gia và phe Quý-Tộc cầm quyền trong thế-kỷ thứ VIII mạnh lắm.

Ở đây xin nói lược về cuộc nội-biến Thiên-Bình thứ Mười Hai thời Thánh-Vũ Thiên-Hoàng. Nguyên vì kính Đạo nên trọng Tăng, các sư ni thừa thế ấy đột nhập chốn triều miếu như mắc cửi. Trong số này có những tục-tăng giở trò mê hoặc, đưa dắt các bà mệnh-phụ công-tằng vào đường dâm bôn bất chính. Hành động phá hoại kỷ-cương của những tục-tăng ấy làm ngửa mặt vị thiếu niên là FUJIWARA HIROTSUGU — (Đàng-Nguyên Quảng-Tự, thuộc giòng dõi Trung-Thần Liêm-Túc, quý-tộc mạnh nhất trong gần 4 thế-kỷ) — đương nhiệm chức Đốc-Trấn tại đất DAZAI-FU — (Thái-Tế Phủ) — trên đảo Cửu-Châu. Ông bèn sửa soạn cử binh về NẠI-LƯƠNG để tiêu trừ cái họa sư bỏ-mang ấy, nhưng chưa kịp vượt bể thì quân của triều-đình đã tới trước nên Quảng-Tự bị bắt và chịu tử hình ở năm sau — (741 d. l.). — Có lẽ vì thắng lợi này của triều-đình mà các Xứ khác trông gương Quảng-Tự nên không xảy thêm biến cố gì nữa chăng ?

Trong khi đương đúc tượng ĐẠI-PHẬT, Thánh-Vũ Pháp-Hoàng — (từ nhường ngôi cho công-chúa, Thánh-Vũ Thiên-Hoàng lên ngôi Pháp-Hoàng, cũng như Thượng-Hoàng vậy) — lại sắc tứ cất thêm ngôi SHŌZŌ-IN — (Chính-Xương Viện) — ngay bên cạnh Đòng-Đại Tự.

CHÍNH-XƯƠNG VIỆN, trải gần 13 thế-kỷ din giữ, đến nay vẫn còn nguyên-vẹn. Viện này là nơi thừa lương của riêng Pháp-Hoàng cùng KOMMYŌ KOGŌ — (Quang-Minh Hoàng-Hậu)

Đương thời, lúc nào cũng tôn nghiêm khóa kín, trừ khi có lệnh của Pháp-Hoàng mới được mở cửa để các Ngài ngự.

Ngày nay, đến viếng cảnh CHÍNH-XUÔNG VIỆN, khi mới chợt trông thấy bề ngoài, nhiều người nghĩ rằng, với ngôi nhà gỗ từ thời xưa cổ xa xăm lưu lại, nếu bên trong có còn đồ vật gì chắc chỉ toàn những loại thô sơ. Nhưng vào bên trong, lúc xem đến những đồ vật ngự dụng của thời ấy, như chao đèn bằng sứ, bình bạc hay đồng bạch, những cây đàn tỳ-bà, những chiếc bình-phong sơn đủ vẻ v.v... thời ai cũng ngạc nhiên và công nhận rằng, tuy ở thế-kỷ thứ VIII nhưng nghệ-thuật chế-tạo các loại đồ gỗ, đồ sứ, đồ kim khí, đồ sơn đã công phu và khéo léo lắm, quả là những mỹ-phẩm chứng tỏ cái giá-trị của sự tiến bộ mau lẹ của thời-đại. Dĩ nhiên, những quý vật ấy, không hoàn toàn là sản-phẩm của Nhật-Bản mà còn có cả của Trung-Quốc nữa. Nhưng chính nhờ có sản-phẩm của Trung-Quốc sen lẫn mới thấy cái giá-trị tương đương về phẩm và tính cách dị-biệt của mỹ-thuật Nhật-Bản. Điều lạ hơn nữa là có đến trên 3.000 thứ di-vật quý hóa ấy đều trải mười mấy thế-kỷ rồi mà thứ nào cũng nguyên vẹn, không hề bị long, vỡ, hư, nát.

Cách kiến-trúc nên CHÍNH-XUÔNG-VIỆN cũng do một kiểu khác với các lâu đài đương thời. Sàn làm nổi theo kiểu lồng cầu cho gió lùa được cả bốn mặt ; tứ vi là những tấm vách do những miếng gỗ cắt hình tam-giác lồng vào thành chắn song cửa sổ, vừa bền vững vừa thông hơi khiến nội tâm luôn luôn được khô ráo, mát và sáng sủa. Các di vật ở bên trong, sở dĩ không bị ẩm mốc để trường cửu với thời-gian, có thể do ở cách kiến-trúc này. Khung nhà của CHÍNH-XUÔNG-VIỆN, từ sàn đến nóc hoàn toàn do mộng lồng, không qua một mẫu đanh sắt cũng là có cho VIỆN được lâu bền không bị hao sứt ăn hư gỗ.

Ngày nay, khái luận về thời kỳ khởi định-dô tại NẠI-LƯƠNG với sự xây cất chùa chiền đồ sộ, đúc pho tượng khổng lồ trong 10 năm mới xong, lập nên CHÍNH-XUÔNG-VIỆN với mấy ngàn loại quý vật, sử-gia Nhật-Bản viết : — « Đây là di-vật mà ta ở sau gần 13 thế-kỷ còn thấy là chóiáng lộn xa hoa thời chắc lúc đương thời, việc « sử dụng nhân-vật tài-lực phải hết nhiều lắm. Hơn nữa, di-vật ấy mới « chỉ riêng của Hoàng-gia, nhưng còn các tầng lớp Quý-tộc bao quanh

« Thiên-Hoàng hẳn cũng noi gương ấy mà đãi các lãnh phí không kém.
 « Ta cứ xem như các khoản Tô, Dung, Điều mà đám lê dân phải
 « cung phụng cùng với những quý vật khác của khắp các địa-phương
 « chuyển-vận về thủ-phủ cho Hoàng-gia, Quý-Tộc cùng viên-chức của
 « triều-đình hưởng dụng, sống trên nhung lụa và sẵn đầy, đua nhau xây
 « cất điểm tô cho NẠI-LƯƠNG được muôn màu mỹ-lệ là lý đương
 « nhiên vậy ?

« Vậy thời :

Son tươi pha với thắm xanh,

NẠI-LƯƠNG thủ-phủ muôn ngành nở hoa,

« là « son tươi » là, « thắm xanh », là « nở hoa » của riêng giới người
 « thủ-đô mà điển hình là Quý-Tộc cùng viên-chức triều-đình vậy ».

b) — PHẦN TRƯỚC TÁC

Những bộ sách cổ nhất của Nhật-Bản

— KOJIKI	:	CỔ-SỰ KÝ
— NIHON-SHOKI	:	NHẬT-BẢN THƯ-KÝ.
— FUDOKI	:	PHÒNG-THỎ KÝ.
— MANYÓ-SHU	:	VẠN-DIỆP TẬP.
— UN-TEI	:	VÂN-ĐÌNH.

Trước khi trình bày những dẫn chứng minh xác về phần trước tác của cái « thời vàng » về văn-học của thời NẠI-LƯƠNG hãy xin lược qua tình hình văn-tự theo ngôn truyền từ đệ Tứ thế-kỷ trở lại.

Kể ra, văn-tự Trung-Quốc truyền sang Nhật-Bản từ thời Tam-Quốc nhà Hậu Hán, tính đến thời NẠI-LƯƠNG đã trên 4 thế-kỷ. Trong khoảng thời-gian khá dài ấy, văn-học đã truyền bá đến các tầng lớp dân gian. Tương truyền rằng, ở những thế-kỷ thứ Tư và thứ Năm thời chữ nghĩa, ngoài việc dùng vào sổ sách của chính-quyền còn là riêng sở dụng của phái thượng-lưu để thù tạc sương hoa. Tỷ như thời Hùng-Lược Thiên-Hoàng — (vào khoảng 470 sau kỷ-nguyên),

— sau khi nhờ lời khuyên nhủ của Hoàng-Hậu nên bối tâm mà ngừng sự chém giết, ông bèn quay ra thú ngâm vịnh và sáng tác được nhiều thi, ca lăm. Còn câu truyện thần-tiên về ngư-phủ URASHIMA TARÔ — (Phổ-Đào Thái-Lang) — (1) mà ngày nay không một người Nhật nào là không biết cũng xuất xứ từ thế-kỷ này. Đến thời nhiếp chính của Thánh-Đức Thái-Tử, Phật-giáo du-nhập tới, Kinh, Sách được phổ cập đến nhân-dân nên Hán-văn cũng theo đà ấy mà phát-triển đến bậc tầng cơ sở của xã-hội. Sử-Liệu cũng ghi rằng, Thánh-Đức Thái-Tử cùng với Tô-Ngã Mã-Tử hợp soạn nên bộ TENNÔ-KI — (Thiên-Hoàng Ký) — chép về các Thiên-Hoàng từ Thần-Vũ đến Suy-Cổ đương thời. Bộ này vẫn lưu trữ tại văn-khố nhà họ Tô-Ngã nên cùng với dinh-thự của họ này, đều bị thiêu hủy trong trận Trung-Đại Huyoh Hoàng-Tử dấy quân diệt-trì Hào-tộc. Việc này đã nói đến rồi.

Cứ cái đà tiệm tiến ấy, văn-học được như vườn hoa ấp ủ để đến thời NAI-LƯƠNG cùng khai nở tạo nên một thời-đại thịnh-hóa, một phần là những công-trình tạo tác đặc-biệt đã trình bày ở trên, phần nữa do sự trước tác nên những bộ sách khả dĩ thành những ngọn đuốc soi đường cho hậu thế muốn tìm thấy lối đi trong những khu rừng tối tăm của thế hệ cổ xưa tại Nhật-Bản.

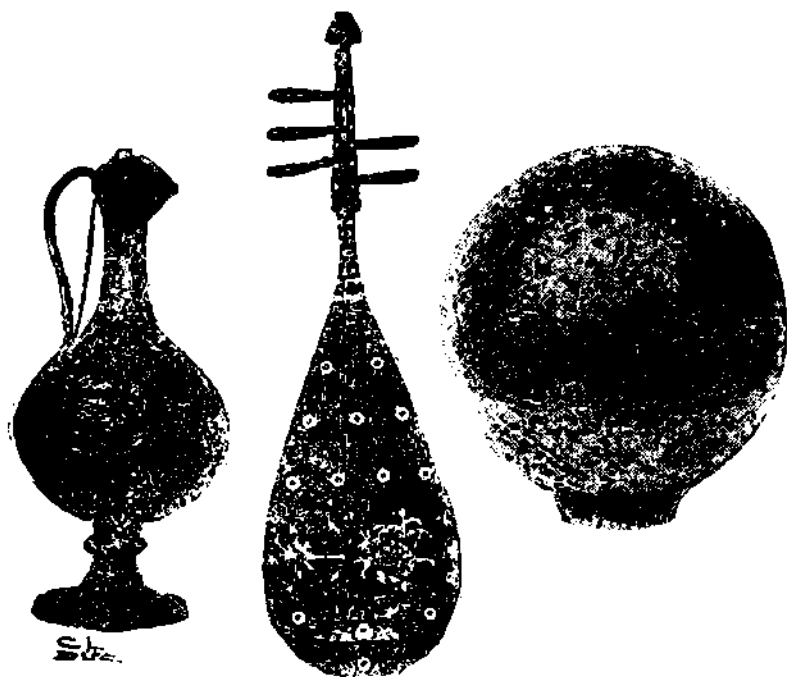
Đương thời NAI-LƯƠNG, chắc rằng sách vở trước tác được nhiều nên qua ngót 13 thế-kỷ đầy những nội-loạn mới còn truyền đến ngày nay được gần đủ loại : sử-ký, địa-dư, văn-học, thi-ca. Ngày nay, nhờ những bộ sách ấy, không những người ta có được cái thước đo trình-độ văn-minh của thời NAI-LƯƠNG còn đồng thời rõ được cái ý thức quốc-gia chủng-tộc đã mạnh mẽ nên mới khởi sự trước tác bằng chép quốc-sử và sưu tầm dân-ca để bảo tồn và phát-triển tinh-thần của đất nước.

(1) Phổ-Đào Thái-Lang, đầu đề một truyện thần-tiên cũng như Lưu-Nguyễn Nhập Thiên-Thai của Trung-Quốc và Từ-Thức lấy Tiên của V.N. — Phổ-Đào Thái-Lang đi câu, cứu con rùa nên được trả ơn bằng cách đưa về ở tại Thủy Long-Cung. Thời gian sau, nhớ nhà, xin về. Long-Cung công-chúa bèn đưa cho cái hộp, ân cần dặn không bao giờ được mở ra mới có cơ hội trở lại. Về đến làng cũ, họ hàng không còn ai, nhà cửa cũng mất, trơ vơ một bóng một mình. Phổ-Đào như người ngủ mê, quên lời dặn của Long-Cung công-chúa, nghĩ rằng mở hộp ra sẽ rõ sự tình. Hộp mở, một luồng khói bốc lên, tỏa quanh mình Phổ-Đào thế là đương từ một gã thanh-niên trẻ 20 tuổi biến thành ông già râu tóc bạc phơ, má hóp thân gầy đã mấy trăm năm có lẽ.

Về quốc-sử thời có hai bộ **CỔ-SỰ KÝ** và **NHẬT-BẢN THƯ KÝ**. Bộ **CỔ-SỰ KÝ** không phải là một sáng tác mà chỉ là công trình sưu tầm, thu góp những tư-tưởng về xã-hội dân-zinh đương thời, những truyền-thuyết, cổ-truyện, thần-thoại từ những thế-kỷ trước



Chanh-Xuong Vien



Bàn rượu.

Đàn tỳ-bà

Chao đèn

Một vài di-vật trong trên 3.000 loại đồ ngự-dụng hiện lưu tại Chanh-Xuong-Vien (Rút trong bộ Nhật-Bản Chí Tích).

liên quan đến việc tự khởi nên đất nước và dân-tộc Nhật-Bản cho đến thời Suy-Cổ Thiên-Hoàng. Thần-thuyết về nữ-thần lúc nào cũng tỏa ánh sáng chiếu khắp vũ-trụ và có một độ Thần giện, chui vào trong hang đá mà vũ-trụ đâm tối tăm mù mịt là Amaterasu Oomi KAMI — (Thiên-Chiếu Đại-Thần) — tự trên thiên-dinh sai con cháu xuống cai-trị dân-tộc Nhật-Bản để rồi tạo nên giòng dõi Thiên-Hoàng ngày nay, xuất xứ tự bộ sách này vậy. Truyện này đã lược kể ở trên rồi.

Đặc-điểm của bộ CỔ-SỰ KÝ là theo quốc-ngữ (1) của đương thời mà ghi ghép. Hậu-thế nhìn vào việc tôn trọng quốc-ngữ này để xác nhận tinh-thần tự-lập của người Nhật-Bản đã vững mạnh lắm ở thế-kỷ thứ VIII.

Đến bộ NHẬT-BẢN THƯ-KÝ thời thế-tài và nội-dụng có khác bộ CỔ-SỰ KÝ. Nguyên-cáo bằng Hán-văn, không chú trọng đến thần-thuyết mà chỉ đối chiếu sử-liệu của Trung-Quốc để viết nên quốc-sử Nhật-Bản, bắt đầu từ Thái-Tổ triều-dinh ĐẠI-HÒA là THẦN-VŨ THIÊN-HOÀNG đến thời TRÌ-THỐNG THIÊN-HOÀNG — (686 — 97) —. Bố cục thứ tự, nội dung phong-phú và đầy đủ từ nguyên-nhân đến năm, tháng, ngày của sự việc trong lịch-sử cổ-dại Nhật-Bản, Bộ NHẬT-BẢN THƯ-KÝ đã đặt những cuốn Sách này vào địa-vị tối yếu, làm cái gạch nối hai thời-đại vô-thư và hữu-thư của dân-tộc ĐẠI-HÒA.

PHONG-THỔ KÝ — tức như loại sách sưu tầm địa-phương-chí ở Việt-Nam vậy. Về nguyên do xuất-xứ bộ sách này, Chương thứ 6 bộ TỤC NHẬT-BẢN KÝ có chép : « — Để bổ-túc cho hai bộ « quốc-sử — (Cổ-Sự Ký và Nhật-Bản Thư Ký) —, năm thứ Sáu « niên-hiệu WA-DO — (Hòa-Đồng, 713 d.l.) — TRÌ-THỐNG

(1) Trong thời-đại này, quốc-ngữ của Nhật cũng như chữ Nôm của ta, nhưng dùng toàn chữ Hán, chỗ thời giữ cả chữ lẫn nghĩa, chỗ thời bỏ nghĩa, chỉ giữ lại âm đọc rồi ghép hai, ba âm lại thành một tiếng của mình. Tựa như chữ KEGA là « oét thương » thời ghép chữ « quát » (nghĩa là quỳ quái) với chữ « ngô » (nghĩa là ta) để hợp thành. Chữ « Quát » thời âm đọc là « Ke » và chữ « Ngô » thời âm đọc là « Ge ». Như vậy là bỏ nghĩa mà chỉ mượn âm thôi.

Xin xem xuống dưới, khi nói đến thứ chữ KATAGANA — (Phiến Giả Danh) — sẽ rõ hơn.

« Thiên-Hoàng hạ chiếu cho bảy ĐẠO phải khẩn sức cho trên 60 XỨ,
 « mỗi Xứ kê họa rõ địa-thể, dân số, phong-tục, lễ-nghi, sản-vật, cổ-
 « tích, truyền-thuyết của địa-phương mình rồi đệ về kinh-sur tổng hội,
 « soạn thành bộ PHONG-THỔ KÝ cho toàn quốc. Chiếu có sắc đến
 « chỉ-tiết rằng, phàm trong Xứ ưa thích loại sách nào, các cụ già
 « thường kể những truyện vì vui lạ, tên các thị-trấn, làng mạc, nơi nào
 « có mỏ vàng, đồng, sắt các loại thảo, mộc, ngư, điền, thú, còn-trùng,
 « dĩ chí các tên sông, núi, gò bãi, đều nhất nhất phải kê trình ».

Về sau, bộ PHONG-THỔ KÝ bị thất lạc đi nhiều, truyền đến ngày nay không còn nổi một phần mười, kê về địa-phương chí của 5 Xứ :

— HIDACHI	: Thường-Lục.
— IZUMO	: Xuất-Vân.
— HIZEN	: Phi-Tiền.
— HARIMA	: Bá-Ma.
— BUGÔ	: Phong-Hậu.

Cách phân chia đất đai dưới thời Nại-Lương

TRÌ-THỐNG Thiên-Hoàng hạ chiếu cho bảy ĐẠO khẩn sức cho trên 60 XỨ đều phải kê địa-phương-chí của địa-phương mình. Theo bộ NHẬT-BẢN CHI TÍCH ngày nay, có đoạn nói đến là 62 XỨ, cũng có đoạn nói đến là trên 60 XỨ, nhưng chiếu theo bản-dồ họa kèm chỉ thấy có 7 ĐẠO với 58 XỨ theo như sự phân chia đất đai dưới thời NẠI-LƯƠNG. Vậy dưới đây, chúng tôi y theo bản-dồ, vừa họa vừa kê dịch tên các ĐẠO cùng các XỨ trên toàn cõi Nhật-Bản trong đệ Bát thế-kỷ sau kỷ-nguyên.

Bảy ĐẠO là :

— SEIKAI-DÔ	: Tây-Hải Đao, tức đảo Cửu-Châu.
— SAN-IN DÔ	: Sơn-Âm Đao, tức địa-phương Sơn-Âm ngày nay.

- SAN-YÔ DÔ : Sơn-Dương Đạo, tức địa-phương Sơn-Dương ngày nay.
- NANKAI-DÔ : Nam-Hải Đạo, tức đảo Tứ-Quốc.
- TÔKAI-DÔ : Đông-Hải Đạo, tức mạn duyên hải trông ra Thái-Bình Dương, từ giáp Sơn-Dương Đạo qua thủ-đô Đông-Kinh ngày nay đến Xứ Thường-Lục.
- TÔSAN-DÔ : Đông-Sơn Đạo, tức khu trung-ương nước Nhật, chạy dài theo Đông-Hải Đạo.
- HOKKU-RIKU DÔ : Bắc-Lục Đạo, tức miền ven bể Nhật-Bản Hải, địa-giới từ Sơn-Âm Đạo đến gần giáp đảo Bắc-Hải Đạo.

Năm mươi tám XỨ của BẢY ĐẠO là :

1 — TÂY-HẢI ĐẠO :

- | | |
|------------|---------------|
| — HIZEN | : Phì-Tiền. |
| — HIGÔ | : Phì-Hậu |
| — CHIKUZEN | : Trúc-Tiền |
| — CHIKUGÔ | : Trúc-Hậu. |
| — BUZEN | : Phong-Tiền. |
| — BUGÔ | : Phong-Hậu. |
| — HI-UGA | : Nhật-Hướng. |
| — IKKI | : Nhật-Kỳ. |

2 — SƠN-ÂM ĐẠO :

- | | |
|----------|---------------|
| — YWAMI | : Thạch-Kiến. |
| — IZUMO* | : Xuất-Vân. |
| — HÔKI | : Bá-Kỳ. |
| — YNABA | : Nhân-Phiên. |

- TAZIMA : Đăn-Mã.
- TAMBA : Đăn-Ba.
- YAMA-SHIRO : Sơn-Thành.
- OUMI : Cận-Giang.
- OKI : Ân-Kỳ.

3 — SƠN-DƯƠNG ĐẠO :

- TSUSHIMA : Đới-Mã.
- NAGATHÔ : Trường-Môn.
- SUÔ : Chu-Phòng.
- AKI : An-Điểm.
- BITSU.GÔ : Bị-Hậu.
- BIT-CHU : Bị-Trung.
- BIZEN : Bị-Tiền.
- HARIMA : Bá-Mã.
- SETCHU : Nhiếp-Tân.

4 — NAM-HẢI ĐẠO :

- Y-YÔ : Y-Dự.
- THÔ.SA : Thổ-Tá.
- SAA-KI : Tân-Kỳ.
- AWA : A-BA.
- KI-Y : Kỳ-Y.
- YAMATO : Đại-Hòa.

5 — ĐÔNG-HẢI ĐẠO :

- AWARÔ : Đạn-Lộ.
- KAWACHI : Hà-Nội.
- YGA : Y-Hạ.

— YSE	: Y-Thế.
— SHIMA	: Chí-Ma.
— OWARI	: Vỹ-Trương.
— MIKAWA	: Tam-Hà.
— THÔ.UMI	: Viễn-Giang.
— SURUGA	: Tuấn-Hà.
— KA.Y	: Giáp-Phì.
— SAGAMI	: Tướng-Mô.
— Y.ZU	: Y-Đậu.
— KAZUSA	: Thượng-Tổng.
— SHIMÔSA	: Hạ-Tổng.
— HITACHI	: Thường-Lục.

6 — ĐÔNG-SƠN-ĐẠO

— MINÔ	: Mỹ-Nùng.
— SHINANÔ	: Trí-Nùng.
— HIDA	: Phi-Đạn.
— MUSASHI	: Vũ-Tàng.
— KÔZUKE	: Thượng-Dã.
— SHIMÔ.ZUKE	: Hạ-Dã.

7 — BẮC-LỤC ĐẠO :

— WAKASA	: Nhược-Hiệp.
— ECHI-ZEN	: Việt-Tiền.
— ETCHÛ	: Việt-Trung.
— ECHI.GÔ	: Việt-Hậu.
— SADÔ	: Tá-Độ.

Bản đồ 7 Đạo ; 58 Xứ (Rút trong N.B.C.T.)



Ghi chú : — Dưới thời Nại-Lương, KHU ÁO-VŨ còn thuộc người Hà-Di vẫn chưa chịu khuất phục hẳn.

VẠN-DIỆP TẬP — Tức là bộ Kinh Thi của Nhật-Bản, viết vừa bằng Hán-văn vừa bằng quốc-ngữ. Nội-dung gồm 5.000 bài thơ, ca, về do nhiều văn-gia hợp lực sưu-tầm hoặc sáng tác, trong có 5 nhà đặc sắc nhất gọi là MAN-YÔ SHU NO GO MEI HITSU — (Vạn-Diệp Tập Chi Ngũ Danh-Bút) — mà tác-giả bài trường-ca BẦN-CÙNG VẤN-ĐÁP CA, ông Sơn-Thượng Úc-Lương là một, rồi đến Kakinomoto No Hitomarô — (Thị-Bản Nhân Ma-Lã) — Yanobe No Akabito — (Sơn-Bộ Xích Nhân) — Ootomo No Tabito — (Đại-Bạn Lữ-Nhân) và Ootomo No Yakamochi — (Đại-Bạn Gia-Tri).

Bộ này chia thành mấy chục cuốn dày nên mới gọi là VẠN-DIỆP TẬP — (quyển sách một vạn tờ). — Tất cả những thơ, ca, về, ghi chép trong VẠN-DIỆP TẬP đều chọn lựa nên bài nào cũng phong-phú lắm, tả hết những góc cạnh về thể-thái nhân-tình của mọi tầng lớp xã-hội cổ-thời, từ Thiên-Hoàng đến Hoàng-gia, từ Hào-Tộc đến Quý-Tộc, từ chức-viên triều-đình đến người nông-dân đình cùng ; tả từ phong-tục đến lễ-nghi, chính-trị ...v...v... khiến hậu thế xem đến những bài ca đó mà rõ được trạng huống sinh hoạt của dân-tộc Nhật-Bản trong đệ Thất và đệ Bát thế-kỷ sau kỷ-nguyên. Có nhiều bài thơ, ca, mỗi bài làm ly mỗi vẻ tả kiếp dân nghèo nàn xơ xác, nhịn đói thân gầy cho có đủ sưu thuế hoặc tả nỗi lòng sầu khổ đêm chiêu của những người lìa nhà ra đi suốt ba năm giòng làm Phòng-nbân — (lính thú trong hạn binh-dịch) — tận nơi quan tái ra về mà vắng bất tin nhà, không rõ bố mẹ cùng vợ con làm cách nào cho có rau cháo qua ngày.

Ngoài những bộ sách trên đây, còn có những loại như bộ VÂN-ĐÌNH, sưu tầm những bài thơ làm theo luật và khổ thơ Đường do văn-nhân, thi-sỹ đương thời sáng tác. Xem như thế, văn-học thời NẠ-LƯƠNG khởi sắc là dường nào. Những phải công-nhận rằng, sự khởi sắc này, phần lớn nhờ nơi Phật-giáo đương độ cực thịnh và văn-học nhà Đường đương thời khai phát như sóng triều.

III

Việc Ngoại-Giao

Đương thời nhiếp-chính của Thánh-Đức Thái-Tử thời trọng tâm việc ngoại-giao là với nhà Tùy, đến nay, thời NẠI-LƯƠNG thời cũng với nhà ĐUỜNG bên Trung-Quốc. Tuy nhiên, việc ngoại-giao của thời này có phần sâu và rộng hơn thời Thánh-Đức Thái-Tử nhiều, bởi giới Quý-Tộc đương thời mạnh nên đưa nhau cầu sang chuộng đẹp nên cùng hướng cả sang Trường-An, kinh-dô của nhà ĐUỜNG cũng đương độ cực thịnh. Giới Quý-Tộc đưa nhau giao-thiệp với Trường-An nhưng phải ủy cho hàng đoàn thuộc-hạ vượt biển ra đi, do đây ảnh hưởng đến cả dân chúng, trở nên hầu như một phong-trào xuất ngoại. Ngoài ra, còn có nhiều người sang Trung-Quốc để cầu học, nhiều tăng-ni đi để cầu Đạo, người đi để buôn bán nên phạm-vi giao-tế với nhà ĐUỜNG mở rộng từ Hoàng-gia đến triều-đình, từ Quý-Tộc đến dân chúng.

Khi mới khởi sự giao-tiếp thời từ NẠI-LƯƠNG men bờ biển xuống thành-phố HAKATTHA — (Bắc-Đa) — ở Bắc Cửu-Châu để từ đây, vượt Nhật-Bản Hải sang Nam Đại-Hàn rồi vào hải-ngạn tỉnh Sơn-Đông mà lên Trường-An. Nhưng sau, nhà Đường chinh-phạt Đại-Hàn, bờ bể Sơn-Đông bị nghèo và cũng để tránh rủi ro nên các đoàn ngoại-giao Nhật-Bản phải xuống đến phía Nam Dương-Tử Giang, đổ bộ lên thị-trấn Minh-Châu rồi mới ngược lên kinh-dô của Trung-Quốc được. Đi như thế, trải nhiều nguy hiểm lắm, vì nghề vượt biển chưa được tinh thạo, thuyền lại nhỏ và Nhật-Bản Hải thường có gió bão bất kỳ nên số thuyền bị đắm mất nhiều. Cho nên, trong đoàn ngoại-giao, đều phải kén những người cảm-tử và quyết chí, dù thành công, dù táng mệnh ở giữa biển khơi cũng không sờn lòng mới giao cho sứ-mệnh xuất ngoại.

Tuy nhiên, không vì nguy hiểm gian nan mà việc giao thương với nhà ĐUỜNG kém hoạt động, ngược lại, số người tình nguyện tham gia mỗi ngày mỗi đông hơn. Tính trong khoảng trên 70 năm của thời NẠI-LƯƠNG và thời HEI-AN JIDAI — (Bình-An thời-đại) —

kế tiếp có 13 đoàn chính-thức đại-diện cho Hoàng-gia sang Trung-Quốc. Đoàn thứ Tám, vẫn trong thời NẠ-LƯƠNG có tới 557 người tham-dự, kéo đi thành một đoàn thuyền dài. Những người trong các phái-đoàn này, có người sang ở Trung-Quốc một thời-gian rồi đem sở đắc về học vấn, đạo-lý, kỹ-thuật về tài bồi cho xứ sở, có người ở lại làm quan với nhà ĐUỜNG.

Trong số những người ở lại làm quan với nhà ĐUỜNG, đến nay tên tuổi còn ghi ở sử sách của cả hai nước là ABE NO NAKA-MARÔ — (A-Bội Trọng Ma-Lã). — Người này có chí hiếu học, năm 16 tuổi, niên-hiệu Hòa-Đông thứ Sáu — (713 d.l.) — đời Trĩ-Thống Thiên-Hoàng đã vận-động xin cho tham-gia vào đoàn chính-thức cử sang Trung-Quốc. Đến nơi, dốc tâm học-tập, trở nên người có tiếng tăm ở Trường-An nên được nhà ĐUỜNG trọng đãi, cho làm quan ở triều-dình. Sau này, có một lần xin phép về thăm quê hương, nhưng thuyền gặp bão ở ngang bể, bị rạt mãi xuống nước An-Nam (1). Ông ta lần tìm đường bộ trở về Trường-An rồi ở lại đây đến già, không về Nhật-Bản nữa.

Lại có người đi sứ mà giữ được quốc-thể, lưu lại giai-thoại thích thú như OOTOMO NO KOMARÔ — (Đại-Bạn Cổ Ma-Lã). — Năm Thiên-Bình Thắng-Bảo thứ Tư — (752 d.l.) — đời Hiếu-Khiêm Thiên-Hoàng, Đại-Bạn Cổ Ma-Lã được cử làm Phó Sứ, Trong một buổi, cùng sứ-giã các nước vào triều bái ĐUỜNG Hoàng-Đế, người ta đã trải chiếu của Đại-Bạn về phía Tây sân rồng rồi thì chớ, lại ở hàng nhì, dưới sứ-giã nước khác. Ngó sang phía Đông thời sứ-giã nước Tân-La — (một nước nhỏ thuộc Nam Đại-Hàn) — lại được đứng ở chiếu nhất, trên một nước khác nữa. Nếu theo quan niệm tôn ti trong lễ nghi thời bấy giờ thời Đông là cao mà Tây là thấp, như vậy, Đại-Bạn bị xếp xuống hàng thứ tư, mà ngôi cao nhất trong các sứ-giã lại là một nước bé nhỏ nhất. Thấy vậy, Đại-Bạn bỏ chiếu đứng ra chỗ khác. Văn-vũ triều-dình bèn trách Đại-Bạn là thất lễ và mời vào đứng ở chiếu mình. Đại-Bạn nói lớn lên :

(1) Sử-liệu không chú thích về An-Nam đây có phải là V.N. không ? Nhưng về sau này, từ thế-kỷ thứ XVI, nói về thông thương của Nhật với các nước Á-Châu thời có nói nhiều lần đến An-Nam tức V.N.

— « Tự triều-đình vô lễ, sao lại trách tôi là thất lễ ? ».

— « Sao ngươi lại bảo là triều-đình vô lễ ? »

Đại-Bạn khảng khái đáp : — « Nhật-Bản chúng tôi là một cường quốc, vì tình giao hiếu mới ủy chúng tôi đại-mệnh sang triều bái. Thân chúng tôi là bầy tôi, vậy bầy tôi triều bái Hoàng-Đế là bốn phận. Nhưng tám chiều đứng là tượng trưng cho đất nước chúng tôi thời sao lại đặt ở hàng thứ tư mà đặt đất nước Tân-La lên hàng đầu ? Triều-đình há lại không biết Tân-La là nước nhỏ bé đã chịu thần phục nước Nhật-Bản trong mấy thế-kỷ rồi hay sao ?

Các quan lại triều nhà ĐUỜNG đều nhận thấy lời Đại-Bạn là phải mà đối chiếu cho ông ta đứng lên hàng đầu.



Trên đây là đại lược công cuộc phát-triển ngoại-giao với nhà ĐUỜNG của thời NẠI-LƯƠNG. Công cuộc phát-triển này đứng vào bậc nhất kể từ trước trở lại cũng như về mãi bốn, năm thế-kỷ sau này. Hậu thế Nhật-Bản thường vẫn thán phục tổ-tiên họ trong thời đại này, hoặc vì mục-đích kiến quốc, hoặc vì chỉ hướng dọc ngang mà vượt gian nan, lãnh đênh trên những chiếc thuyền mỏng manh, phấn đấu với gió bão nơi biển cả để gây thành tích cho đất nước, cho thân mình.

IV

Mở rộng đất đai

Thế lực của Hoàng-gia và Quý-Tộc trong thời NẠI-LƯƠNG kể là mạnh nhất từ khi lập quốc, nhưng phần đất đai kiểm-soát được mới có 7 ĐẠO gồm 58 XỨ, ranh giới chỉ từ Cửu-Châu qua Tứ-Quốc lên đến xứ Việt-Hậu. Còn về mạn Bắc thời một phần rộng lớn của phía Bắc đảo Bân-Châu, toàn đảo Bắc-Hải Đạo và ở phía Nam

thời toàn bộ đảo Lưu-Cầu, quần-đảo Sung-Thằng cùng rất nhiều các đảo lẻ tẻ từ ngang đảo Cửu-Châu trở xuống vẫn thuộc về các sứ-quân và bộ-lạc tự trị, không hề thần-phục Thiên-Hoàng.

Triều-đình Đại-Hòa thời NẠI-LƯƠNG bèn quyết tâm thụ phục những khu vực tự-trị này để thống nhất quần-đảo.

Về công cuộc thu phục đất đai để mở rộng bờ cõi mà dằng dai, vất vả và tốn phí nhất là việc đánh-dẹp người Hà-Di. Giống người này, cho đến thế-kỷ thứ VIII vẫn chiếm giữ cả miền Bắc đảo Bản-Châu lẫn đảo Bắc-Hải Đạo. Trước thời NẠI-LƯƠNG, tiền triều đã hưng binh tiêu trừ nhiều lần rồi nên việc Bắc-phạt của thời đại này chỉ là kế chi và tiếp tục sự nghiệp của những đời vua trước.

Ở Chương Hai cuốn này, trong mục truy cứu gốc tích người Nhật-Bản đã trình bày, người Hà-Di không rõ từ đâu đến, đã ở trước tiên trên quần-đảo Đại-Hòa. Sau rồi có những giống người khác từ miền Nam Thái-Bình-Dương vượt bể tiến lên và từ lục-địa Trung-Hoa tràn sang, hòa hợp cùng nhau và nảy nở rồi chiếm được khu trung-nguyên đảo Bản-Châu để lừa dẫn người Hà-Di lên miền Bắc. Có lẽ vì cái hận mất đất ấy mà từ khoảng-thế-kỷ thứ IV sau kỷ-nguyên trở lại, người Hà-Di không mấy khi chịu ở yên, cứ nay nghỉ mai lại nổi chống lại người Đại-Hòa, khiến triều-đình phải dày công đánh dẹp, án ngữ và đề phòng.

Theo sử-liệu thời từ thế-kỷ thứ VI trở về trước, việc ghi chép chưa có hoặc có mà bị thất lạc nên không lưu được niên-kỷ rõ rệt về các trận xung đột Đại-Hòa — Hà-Di, nhưng khởi từ năm thứ 9 đời Thư-Minh Thiên-Hoàng — (637 d.l.) — đã có những cuộc tiêu trừ người Hà-Di nổi loạn, xuống cướp phá đến mãi giáp địa phận địa-phương Quan-Đông ngày nay. Quân của triều-đình tiến tới, họ bèn rút về địa phận của họ. Đuổi theo vào đến trọng địa, bị họ phục binh đánh lại, quân triều-đình thua, phải trở về và lập phòng tuyến bên này ranh giới để phòng ngừa.

Sự tình lắng đi ít lâu, đến năm thứ Ba đời Tể-Minh Thiên-Hoàng, — (657 d.l.) — triều-đình tự xuất quân chinh phục trước nên phải tướng ABE NO HIRAFU — (A-Bội Tỷ La-Phu) — dẫn thủy-quân tiến lên miền Bắc. Trước hết tấn công các bộ-lạc ở Bắc đảo Bản-Châu rồi lấy trảng đỉnh ở Xứ AKITA —

(Thu-Điền) — ; NOSHIRO — (Năng-Đại) — ; TSUGARU — (Tân-Khinh) — (ba địa-diểm này cùng trên Bắc Bản-Châu) — dẫn đường sang tấn công miền WATARI SHIMA — (Độ-Đảo) — ở bên kia eo biển, địa đầu đảo Bắc-Hải Đạo.

Người Hà-Di vẫn sở trường về lối, khi quân triều-dinh đến thời họ rút lực lượng xin hàng phục, lúc quân triều-dinh về thời lại nổi lên, nên đến năm thứ Hai đời Thiên-Trí Thiên-Hoàng — (662 d. l.), — tướng A-BŌI lại phải vất vả kéo quân đi bình định toàn khu ÁO-VŨ — (ÔÔ.U) — (1). Sau khi tướng này mất đi rồi, việc chinh-phục bỏ bẵng nên những bộ-lạc Hà-Di tại Áo-Vũ lại không theo triều-dinh nữa. Đây là nguyên-nhân buộc triều-dinh thời NAI-LŨƠNG tiến quân lên bình trị.

Năm 724 d. l., niên-hiệu Thần-Quy nguyên-niên đời Thánh-Vũ Thiên-Hoàng, triều-dinh chưa kịp xuất quân thời người Hà-Di đã nổi lên dấy dõ ở khắp địa-khu vực Áo-Vũ nên nhà quý-tộc đương quyền là FUJIWARA UMAKAI — (Đương-Nguyên Mã-Tự), — phải tự thân cầm quân đi đánh dẹp trong 2 năm mới tạm bình định được mạn duyên hải SENDAI — (Tiền-Đài). — Để phòng hậu hoạn, Thánh-Vũ Thiên-Hoàng chủ-trương chiếm đầu giữ đấy nên từ Tiên-Đài trở lên hải ngoại phía Bắc đều thiết lập đồn ải và đặt quan cai-trị. Cứ chính sách tâm-thực này liên tiếp trong khoảng 50 năm, tính đến năm 774 d. l., niên-hiệu Bảo-Quy đệ ngũ đời Quang-Nhân Thiên-Hoàng, triều-dinh Đại-Hòa đã đặt được chức TỔNG-TRẦN đảm nhiệm trị-an toàn địa-phương Áo-Vũ và dồn hết nghịch đảng về bên đảo Bắc-Hải Đạo. Tuy nhiên, đến năm 780 d. l., các bộ-lạc Hà-Di tại Áo-Vũ lại bất thần bội phản, nổi lên giết chức TỔNG-TRẦN của triều-dinh nên Quang-Nhân Thiên-Hoàng phải thi hành biện-pháp cứng rắn, cho di hết những phần tử ngoan bướng tại đây xuống mãi dưới Cửu Châu mới bình định được một thời-gian nữa.

Đây là trận Bắc-phạt cuối cùng của thời-đại NAI-LŨƠNG. Kiểm điểm kết quả của một thế-kỷ chinh-phạt này, triều-dinh Đại-Hòa thấu trọn được miền Bắc đảo Bản-Châu, đặt thành quận

(1) — Áo-Vũ, địa-phương gồm toàn miền Bắc đảo Bản-Châu từ địa-giới xứ Việt-Hậu trở lên.

huyện để cai-trị cùng xây dựng được nhiều đồn ải ở bên này hải ngoại đối diện đảo Bắc-Hải Đạo, khiến những thế-hệ sau có căn cứ tiến sang thực hiện công cuộc thống nhất quần-đảo.

Trong khi tiến hành việc thống nhất miền Bản-Châu thì đồng thời cũng giải-quyết xong các đảo nhỏ ở phía Nam đảo Cửu-Châu, từ trước vẫn tự lập. Các đảo này nằm ngang đường hải-vận sang Trung-Quốc nên các đại-thần triều-đình vẫn chủ trương thôn tính từ lâu. Nay gặp thế mạnh chủ trương của thời NẠI-LƯƠNG, các đảo như YAKUSHIMA — (Ốc-Cửu Đảo), — ISHIGAKI-JIMA — (Thạch-Viên Đảo). — TANEGA SHIMA — (Chủng-Tử Đảo), — ANAMI OŌJIMA — (Yếm-Mỹ Đại Đảo), — KUNE SHIMA — (Cửu-Mỹ Đảo) — và quần-đảo OKINAWA — (Sung-Thăng) — cùng hết thấy các đảo lớn nhỏ khác đều, hoặc bị chinh-phục hoặc tự ý phái người về triều cống, xin sát nhập đảo của mình vào cương vực lãnh-thổ của triều-đình.

Như vậy, thời NẠI-LƯƠNG trong thế-kỷ thứ VIII đánh dấu kỷ-nguyên thống nhất nước Đại-Hòa từ quần-đảo Xung-Thăng ở cực Nam qua trọn đảo Bản-Châu, ngoại trừ đảo Bắc-Hải Đạo phải chờ đến thời-đại Bình-An kế tiếp mới khác phục được nốt.

V

Tình trạng xã-hội dưới thời Nại-Lương

Thời-đại NẠI-LƯƠNG vẫn hưởng cái di-sản xã-hội của thời Đại-Hóa Cải-Tân. Cho nên khi bình luận đến tình trạng xã-hội của thời-đại này, sử-gia Nhật-Bản viết : — « Xin xem lại những trang trên « đã trình bày về mấy tầng thuế cùng phu dịch mà quần chúng đã nghèo « nản vẫn cứ phải nai lưng ra gánh vác để cung cho giới Quý-tộc cùng « viên chức triều đình cùng sống đời « *son tsoi pha vói thâm xanh* » « thời rõ được đời sống của quần chúng hạ tầng ở nông-thôn dưới « thời NẠI-LƯƠNG này cũng chẳng hơn gì ».

Đây là tổng luận khái quát, nhưng nếu phân tách thời trạng thái sinh-hoạt của thời NẠ-LƯƠng cũng có phần đổi mới mà lịch-sử không thể lược qua đi được.

Lớp trung-lưu thành-thị

Trước kia, giữa Hào-tộc với nhân-dân, giữa Quý-Tộc với nhân-dân, cái ranh giới « *giàu, nghèo* » lộ ra rõ rệt, nghĩa là ngay áp vách những dinh thự của Quý-Tộc là thôn xóm thường khi bếp lạng khói trong những buổi nấu ăn. Nhưng từ phục-hưng của thời NẠ-LƯƠng bằng chính-sách định-đô, nhờ ở phát-triển thương-mại với Trung-Quốc và sức tiêu thụ nông-sản của Quý-tộc cùng viên chức mà ở các thị-trấn, nhất là tại thủ-phủ NẠ-LƯƠng sinh ra một giới người mới, « *người dân đô-thị chuyên-môn buôn bán* », làm cái gạch nối mật-dịch giữa đô-thị với nông-thôn. Giới dân đô-thị này, tuy chẳng được gác tía lầu hồng, sống trên nhung lụa như Quý-tộc nhưng tương đối được no đủ, có nóc nhà lợp ngói xanh ngói đỏ, có bộ quần áo tươm may phồng theo lối mặc của nhà ĐUỜng.

Đây là giới trung-lưu thành-thị, kể từ lập quốc đến thời NẠ-LƯƠng mới khởi phát sinh ra vậy.

Thị-trường mua bán bằng tiền-tệ

Từ khởi nên kinh-tế nông-nghiệp mà các ngành sinh-hoạt của dân gian trở nên chuyên-môn thời việc họp chợ đã thành rồi. Nhưng chợ ở hồi ấy cho đến khởi đầu thời đại NẠ-LƯƠng, chỉ là những nơi mà mấy nhóm người hẹn nhau trước, cùng mang sản-vật mình có dư đến đổi lấy thứ mình không có, tỷ như gạo đổi lấy thịt, muối đổi lấy vải... v.v... Loại chợ « *đánh đổi sản-vật* » này họp rất thất thường, chỉ khi nào hẹn nhau trước mới có người đến.

Đến thời NẠ-LƯƠng, vì nền nếp sinh-hoạt của xã-hội thay

đổi, có nhiều lớp người không sản xuất được hóa-vật nhưng lại tiêu thụ nhiều, tỷ như Quý-Tộc, viên-chức và thương-nhân đô-thị nên việc mua-dịch bằng trao đổi hàng hóa được biến chế đi bằng cách dùng đồng tiền để mua bán. Việc dùng đồng tiền này cũng do ảnh hưởng ở Trung-Quốc và cũng luôn thể là phải có tiền mới mua được hàng hóa của Trung-Quốc hoặc Đại-Hàn. Thứ tiền được khởi đúc trước nhất ở Nhật-Bản là loại tiền đồng, đường kính 0m025, có lỗ vuông để đóng thành quan một cho tiện mang xách, mặt ngửa có 4 chữ WADŌ KAIHŌ — (Hòa-Đồng Khai Bảo) — đời Nguyên-Minh Thiên-Hoàng. Ở trong nước thời dân gian dùng tiền để nộp thuế hoặc mua bán ruộng đất là những loại không thể lấy hàng hóa ra đổi chác được. Nhưng đến những thực-phẩm hoặc vải mặc thường xuyên thời tại nông-thôn vẫn dùng lối hóa vật đổi chác đến mãi mấy thế-kỷ về sau.

Tại thủ-đô NẠI LƯƠNG cũng như tại khắp các thị-trấn trong nước, dân đến ở mỗi ngày mỗi đông nên sức tiêu thụ tăng hơn mãi, thành thử thị-trấn nào cũng có chợ họp thường xuyên. Tại những chợ này, dầu muốn dầu không vẫn phải dùng tiền để mua bán nên nền thương-mại được khởi sắc. Riêng ở NẠI-LƯƠNG có hai chợ, một tại phía Đông, một tại phía Tây, buôn bán sầm uất ngay từ buổi đầu nền triều-đình phải cất đặt Trường-Thị để giữ gìn trật tự, phân phối chỗ ngồi cho người bán gánh, chia lộ đất cát cho các cửa hàng v.v...

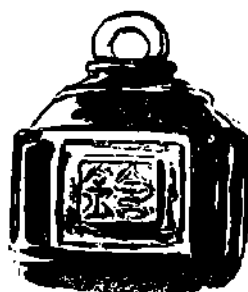
Mở mang đường xá giao-thông

Đã có sự buôn bán giữa nông-thôn với đô-thị, giữa Xứ này với Xứ khác là có sự chuyển vận. Mà muốn chuyển vận được thuận tiện thời ngoài phương tiện thiên nhiên là sông lạch ra, cần mở mang đường xá. Thời NẠI-LƯƠNG đã mở nhiều đường cái và trên những quãng đường dài còn lập những trạm nghỉ cho khách vắng lại, gọi là SHUKU-BA — (túc-trường).

Kể ra, những trạm nghỉ này đã có từ thời Đại-Hóa, nhưng

chỉ với tính cách thiết dụng cho công-dịch, làm chỗ trú đêm cho những đoàn chuyển-vận binh lương, thuê khóa hay cho người giao-dịch công-văn. Đến thời NẠI-LƯƠNG mới mở rộng phạm vi Túc-Trường cho nhu cầu thương mại nên loại trạm này được thiết lập nhiều hơn và to tát hơn. Mỗi trạm nghỉ dù nhỏ bé cũng là một phố có những người nuôi ngựa chuyên cho thuê chuyển, có những người làm tàu ngựa không để cho thuê dốt ngựa, làm nhà sẵn cho thuê chứa hàng v.v... Lại có những người buôn bán cũng kéo đến ở để đón mua hay đón bán các mặt hàng. Có những trạm nghỉ ở những khu hoa thị có nhiều ngã qua lại, dần dần trở nên những thị-trấn phồn thịnh, nơi trung tâm mậu-dịch của cả một Xứ.

Việc khai phá giao-thông này còn giúp cho nhân-dân chóng tiến bộ về văn-hóa. Sẵn có đường cái, người các nơi nãng về thủ-đô nên sớm biết được những văn-minh từ Trung-Quốc truyền sang hoặc những cải-cách mới mẻ ở đây để đem về phổ biến ở địa-phương mình. Sách vở, tin tức truyền đi được nhanh chóng nên việc giáo-dục cũng nhờ đấy mà tiến bộ hơn. Sự liên lạc giữa các Quốc-Phận Tự với Đông-Đại Tự trở nên thuận tiện nên nội-bộ Phật-giáo càng được chấn chỉnh.



*Chiếc chuông đồng do triều-đình phát cho tiền chức làm
tín bài đề được quyền ưu tiên tiếp đãi tại các Túc-Trường.
Nghe thấy tiếng chuông rung từ đầu phố là những người
có phận sự tại Túc-Trường đã tâu tít ra đón chào.*

(Rút trong N. B. C. T.)

VI

Kết-luận về thời-đại Nại-Lương*(Những sản-nghiệp (1) mới trong dân-gian)*

Thời NẠI-LƯƠNG kể sự-nghiệp của Thánh-Đức Thái-Tử và nhờ chính-sách định-dò đã tài-bồi nhiều cho văn-hóa và kinh-tế, khả dĩ cõ mở được phần nào đời sống cho đại-chúng. Ngoài những đại hưng-công về cơ sở Phật-giáo đã giúp công việc cho thợ thuyền đến phát-triển thương-mại với Trung-Quốc và quốc-nội để tạo nên lớp trung-lưu thành-thị, thời NẠI-LƯƠNG còn cải-thiện nông-nghiệp và thủ-công-nghiệp.

— **VỀ NÔNG-NGHIỆP** — Nhận thấy nông-dân bị lầm than đói rét, nhất là từ ngày bộ VẠN-DIỆP TẬP được ấn hành thời triều đình không thể nào làm lơ trước cảnh khổ cùng của khối đại chúng. Tuy rằng thuế, sưu, phu, dịch không giảm nhưng tổ-chức đào được nhiều ao chứa nước, đào nhiều ngòi dẫn nước nên mùa màng cũng đỡ bị thất bát. Lại bãi bỏ đạo Luật SAN SEI ITSHIN — (Tam-Thế Nhất Thân) — khiến nông-dân hơi lòng khai phá hoang-diền, tăng được diện-tích canh tác cho toàn quốc.

Nguyên tháng Tư niên-hiệu Dương-Lão Thất niên đời Nguyên-Minh Thiên-Hoàng — (723 d.l.), — triều-đình giáng chiếu quy định rằng, những chân ruộng cao ở ven đồi, nếu ai khẩn hoang được thời chỉ được hưởng 3 đời; những đầm ao tân lên thành ruộng thời cho hưởng một đời rồi phải trả về Hoàng-Gia. Đây là SAN SEI ITSHIN NO HÔ — (Tam-Thế Nhất Thân Chi Pháp). — Thấy vậy, nông-dân không ai muốn khẩn hoang nữa vì lẽ sưu thuế đã nặng mà ruộng mất công khai phá lại không phải của mình. Nhận thấy vậy, ít lâu sau, triều-đình phải hạ chiếu bãi bỏ luật này, lại cho theo tục cũ, ai khẩn hoang được bao nhiêu thời vĩnh viễn là tư hữu của người ấy.

— **VỀ THỦ-CÔNG-NGHIỆP** thời kỹ-nghệ rèn sắt cũng học

(1) — Người Nhật dùng chữ « sản-nghiệp » có khác nghĩa của ta. Theo tiếng Bắc-Phần thời « sản-nghiệp » là cơ nghiệp tư hữu, nhưng người Nhật thời dùng để chỉ « sự sản-xuất về công-nghệ và tài-sản cơ nghiệp ».

hồi thêm được kỹ-thuật của Trung-Quốc để phát-triển nghề chế tạo nông-cụ. Thứ đến ngành tầm tang thời Xứ TÍN-NÙNG trong Sơn-Đông Đạo sản xuất được tơ lụa nổi tiếng nên giới Quý-tộc rất ưa chuộng. Còn việc trồng dâu, gai dệt thành vải thô sơ cho quần chúng nông-dân thời Xứ nào cũng tự túc được và việc đưa thoi dệt cửu hầu thành như công-ngệ riêng của mỗi gia-đình thôn-dã.

— *VỀ KHOÁNG-CHẤT* thời khai được mỏ đồng ở Xứ Vũ-Tàng, mỏ vàng ở Cung-Thành, nhờ đấy mới hoàn thành được ngôi tượng ĐẠI-PHẬT. Đến các loại đá Vân-Mẫu, thủy-ngân, lưu-hoàng cũng tự sản xuất được ngay tại nội địa. Nhờ những tài nguyên này mới đủ cung ứng cho việc đúc tượng đồ chầu cho toàn quốc trong khi Phật-giáo đương hồi cực thịnh cũng như chế tạo những mỹ-phẩm cho Hoàng-gia và Quý-tộc mua dùng.

— *VIỆC TRỒNG CÂY CHÈ* để bái lá uống và *NUÔI BÒ SỮA* cũng khởi từ thời-dại này. Về cây chè thời do những phái-đoàn ngoại-giao với Trung-Quốc mang hạt giống về trồng và ở buổi đầu, ẩm nước chè còn là xa xỉ phẩm nên riêng giới dân thành-thị mới có uống mà thôi. Bò vắt sữa thời nhà chùa hay nuôi hơn cả để lấy sữa cho những vị tăng, ni cao tuổi uống.



Đây là tất cả đặc thái của thời-dại định đô khoảng trên 80 năm — (710 — 794 d. l.) tại NẠI-LƯƠNG vậy. Có thể tóm tắt rằng, thời-dại này đã thực hiện được chu toàn ý nguyện của Thánh-Đức Thái-Tử, nghĩa là việc tập trung quyền hành về tay Thiên-Hoàng được hữu hiệu khiến Hoàng-gia trở nên mạnh. Về chủ-trương thời chính-trị đi đôi với tôn-giáo nên việc khoáng trương chùa chiền song hành với tổ-chức hành-chính. Sử-gia Nhật-Bản còn cho rằng, chủ-trương của thời NẠI-LƯƠNG là kiến tạo một quốc-gia hòa-bình mới đúc ĐẠI-PHẬT LƯ-SÁ-NA để thờ, vì LƯ-SÁ-NA là vị Phật đệ-nhất từ bi, bằng chuyên cứu khổ giải nạn cho chúng-sinh nhân-loại.

Còn nói về hàng ngũ Quý-tộc thời nhân khi Hoàng-gia mạnh là họ cũng tựa vào thế mạnh ấy mà củng cố địa-vị, bành trướng

thể lực để lần lần tiến lên uy hiếp Thiên-Hoàng, lần ất Hoàng-gia ở thời-đại kế tiếp sau đây, khi Hoàng-gia bỏ NẠ-LƯƠNG để thiên-đô sang thị-trấn KINH-ĐÔ (1). Ta vẫn nhớ khi Trung Đại-Huynh Hoàng-Tử đứng lên diệt trừ Hào-tộc thời có người công-thần là Trung-Thần Liêm-Túc phù-tá đến thành công nên từ đời Hiếu-Đức Thiên-Hoàng được phong chức Thái-Chính Đại-Thần đứng đầu văn-quan và liên tiếp giữ cao vị này ở đời Tể-Minh Thiên-Hoàng cùng Thiên-Trí Thiên-Hoàng. Thiên-Trí Thiên-Hoàng tức Trung Đại-Huynh Hoàng-Tử nên càng trọng đãi Liêm-Túc hơn nữa. Năm thứ Chín thời vua này (669 d. l.) — sắc ân cho cải sang quý-tộc lấy họ là Đổng-Nguyên nên từ đây thành Đổng-Nguyên Liêm-Túc. Qua thời Đại-Hóa đến thời NẠ-LƯƠNG con cháu nhà Đổng-Nguyên này vẫn kế thế giữ chức Thái-Chính để rồi ra mặt lộng quyền, cũng như họ Tô-Ngã ngày trước, đề lướt cả Thiên-Hoàng từ đầu thế-kỷ thứ IX.

(1) — Kinh-Đô là tên một thị-trấn dùng làm thủ-đô cho nước Nhật trong khoảng trên 1.000 năm, chứ không có nghĩa như V. N. ta thường dùng, nói kinh-đô tức thủ-đô.

CHƯƠNG SÁU

HEI-AN JI-DAI (Bình - An Thời - Đại)

hay là

QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN THỜI-ĐẠI

I

NGUYÊN - NHÂN VIỆC THIÊN ĐỒ

TỪ NẠI-LƯƠNG VỀ KYÔTÔ (Kinh-Đô)

Công-cuộc xây cất Hei-An Gyô (Bình-An Thành)

TẬP theo phong-tục nhà ĐUỜNG bên Trung-Quốc, bỏ lối di-đô, thực hành định-đô, chọn NẠI-LƯƠNG làm thủ-phủ, ganh đua với nhà ĐUỜNG, xây cất Bình-Thành Kinh ở NẠI-

LƯƠNG cũng quy mô đồ sộ như Trường-An để khởi nên THỜI-ĐẠI NẠI-LƯƠNG từ 710 đến 794 d.l. thời lại bỏ NẠI-LƯƠNG để thiên-đô về thị-trấn KYÔTÔ — (Kinh-Đô) —. Kế về thời-gian thời việc định-đô tại KINH-ĐÔ được lâu bền nhất, từ niên-hiệu Duyên-Lịch thứ Mười Ba — (794 d.l.) đời Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng đến năm thứ Hai đời Minh-Trị Thiên-Hoàng — (1869 d.l.) —, nghĩa là trong khoảng ngoài 1070 năm.

Trong khoảng 1070 năm định-đô tại KINH-ĐÔ cũng có nhiều biến chuyển và mỗi biến chuyển là một thời-đại. Vậy thời đại đầu tiên tại KINH-ĐÔ là KIZOKU NO SEZI — (Quý-Tộc Chi Chính-Trị) — tức là *thời-đại Quý-Tộc nắm hết quyền-hành* mà chúng tôi mệnh đề là *THỜI-ĐẠI QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN* vậy. Thời-đại này còn gọi là HEI-AN JIDAI — (Bình-AN Thời-Đại) — kéo dài trong khoảng 400 năm.

Vậy tại sao, sau bao nhiêu công phu xây cất chùa chiền, mở mang thủ-phủ mà lại bỏ NẠI-LƯƠNG, thiên về KINH-ĐÔ? Là do những quan-niệm sai lầm về Phật-giáo vậy.

Nguyên từ Thánh-Đức Thái-Tử đã cố gắng gây cơ sở cho Phật-giáo được phổ cập trong dân chúng và sang đến thời NẠI-LƯƠNG thời Hoàng-gia lại tận tâm sùng kính, lấy việc phổ biến Phật-Pháp làm quốc-sách, hạ Chiếu các Xứ đều phải cất Quốc-Phận Tự, làm Đông-Đại Tự, đúc tượng Đại-Phật, Thiên-Hoàng coi việc tu hành nặng hơn quốc-sự, tự nhận mình là Con Cái Nhà Phật nên toàn bộ dân gian đều nức lòng theo gương Hoàng-gia mà kính kệ cúng vái. Trong khắp các chùa chiền đều đầy rẫy những người xuất gia đầu Phật, gót chân Tăng, Ni đi lại ngoài đường không ngớt và đến đâu cũng được người người hết lòng tôn trọng. Ở chốn thủ-phủ thời Hòa-Thượng, cao tăng ra vào nơi cửa khuyết hoặc viếng thăm các hàng quý-tộc cực phẩm triều-đình, dễ dàng như đi chợ.

Về phần dân-gian, tuy hết lòng theo đạo Phật nhưng ít người hiểu giao-lý của nhà Phật. Phật dạy chúng-sinh, ai cũng phải làm điều lành ở đời thực tại, luôn luôn phấn tỉnh nơi lòng mình để dứt bỏ tà căn, yêu quý hết thấy mọi người, cứu độ người bất hạnh, tha thứ người bất nhân để cùng tạo nên hạnh phúc chung thời ngược lại, phần lớn

Phật-tử chỉ một đường mê tín, tin rằng Phật ngự ngay trên đầu trên cổ, có phép vạn năng giải trừ tà ma bệnh tật, gọi được gió, bão được mưa. Cho nên, trong nhà có người yếu đau là mời sư về cúng mong cho khỏi bệnh ; làm ăn không gặp may, mùa màng xấu, úng thủy, dịch tễ hoành hành chỉ có một mầu nhờ sư cầu Phật để giải trừ vận xấu ra tốt, úng thủy ra cạn, hạn hán ra mưa, mùa màng phong đăng, dịch tễ chấm dứt v.v... Những điểm mê tín để bắt nguồn cũng do từ trước kia, người Nhật vẫn tôn thờ các Thần gió, Thần mưa, Thần sông, Thần núi nên quan niệm Phật cũng như Thần, lâu dần thành một tục lệ thờ Phật, thờ Thần lẫn lộn và sợ Phật tác oai giáng họa cũng như sợ Thần. Đã sợ Phật tác oai giáng họa tất năng cầu đến nhà sư cúng vái kêu cầu với Phật giúp cho, nên giới Tăng, Ni chiếm được ưu thế trong xa-hội.

Tại thủ-phủ NAL-LƯƠNG cũng vậy, được ưu đãi ở chốn thiền môn rồi có nhà sư nhẩy cả sang cương vực chính-trị (1) khuyến loét từ Hoàng-gia đến triều-đình. Ấy là hòa-thượng DOKYŌ — (Đạo-Kính) — vậy.

Ở đây xin trình bày qua về tục-tăng Đạo-Kính này. Vốn tu hành tại Đông-Đại Tự, sau khi du học ở Trung-Quốc về, nhờ nơi khải khiếu giỏi nên được liệt vào hạng cao-tăng, sớm hôm ra vào nơi cửa khuyết dưới thời nữ Hiếu-Khiêm Thiên-Hoàng. Công-chúa này lên nối ngôi cha năm 31 tuổi, chưa chồng.

Vì bất bình với quý-tộc Đằng-Nguyên, nữ Hiếu-Khiêm Thiên-Hoàng phải nhường ngôi, nhưng rồi dùng Đạo-Kính làm quân-sư, bàn mưu thiết kế đến 6 năm sau lại tranh thủ được ngôi cũ, lấy hiệu lần thứ hai này là Xương-Đức Thiên-Hoàng. Lập tức ngay năm Thiên-Bình Thần-Hộ nguyên-niên — (765 d.l.) — phong cho Đạo-Kính chức THAISHŌ DAIJIN THENSHI — (Thái-Chính Đại-Thần Thiên-Sư) — đứng đầu văn quan, điều khiển việc triều chính. Năm sau lại sắc phong thêm cho chức HŌ-Ō — (Pháp-Vương) — giữ ngôi giáo-chủ, toàn quyền lãnh-đạo phần Đạo-Giáo trong khắp nước. Thế là Đạo-Kính lên đến cực phẩm của mức thang danh vọng.

(1) Nguyên-văn là : — « thờ mô odo cá oietc chính-trị » — « seiji ni made kuchibashi wo ireru ».

Tương truyền rằng, rồi Xưng-Đức Thiên-Hoàng đâm ra đắm say Đạo-Kính, thường lưu tục-tăng này ở trong cung cấm. Ý nói gì, Thiên-Hoàng cũng nghe, toan nhường cả ngôi vua cho vì ý tuyên bố rằng — « Phật đã dạy, chỉ khi nào Pháp-Vương — (tức Đạo-Kính) — lên ngôi vua thời Đại-Bát-Đạo mới được thái-bình thịnh trị. » — Việc nhường ngôi này chỉ còn chờ có WAKE NO KIO. MARÔ — (Hòa-Khí Thanh Ma-Lã) — một bầy tôi được ủy đi xin lời Thần-ứng của Nữ Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần về, hễ Đại-Thần ứng cho thuận là thi hành. Nhưng khi Hòa-Khí Thanh về đến triều lại tâu lời Đại-Thần dậy rằng, ngôi Thiên-Hoàng không thể truyền sang người khác họ được. Thế là Đạo-Kính nổi giận, ý bèn cách chức Hòa-Khí Thanh, sai cắt gân chân rồi đưa đi đày — (769 d.l.).

Thấy vậy, người đứng đầu hàng quý-tộc ở triều-dinh là FUJIWARA MOMOKAWA — (Đằng-Nguyên Bách-Xuyên) — bèn mật hội với các đại-thần khác mà nói rằng : — « Để cho lão sư này ở chức Thái-Chính thật nguy hiểm cho cả Hoàng-gia lẫn triều-thần. Rồi đây, một mình hắn ta làm đến nát cả thiên-hạ ra mất. » — Thế là cả Hoàng-gia lẫn triều-dinh buộc Xưng-Đức Thiên-Hoàng phải thoát vị — (770 d.l.) —, trước hết chức tước của Đạo-Kính rồi đưa đi đày và triệu hồi Hòa-Khí Thanh về làm Thái-Chính Đại-Thần. Và cũng từ đây, người ta ngán cái lối để phụ-nữ cầm quyền nên đến hết thế-kỷ XV, cứ mỗi lần có ý định để công-chúa lên nối ngôi là Hoàng-gia cùng triều-dinh lại không chịu.

Giáo-chủ Đạo-Kính bị phát lưu đi rồi, mọi việc vẫn được êm thuận, giới đất cũng chẳng ra tai nếm họa gì, nhưng vì muốn tránh vết xe trước, và lại NAI-LƯƠNG đã biến thành trung-tâm-diểm của giới Tăng, Ni mất rồi nên mặc dầu Đạo-Kính có bị đuổi, trong triều đường đã có người muốn lánh xa sư vãi bằng cách thiên đô.

Với ý kiến thiên đô thời tự-quân là Quang-Nhân Thiên-Hoàng không tán thành vì luyện tế công phu của tiền triều vừa mới gây dựng nên NAI-LƯƠNG này, Tuy nhiên trong khoảng 10 năm tại vị, tự-quân cũng không được hài lòng về nỗi bách quan cùng viên chức triều đình cứ phải dành nhiều thời giờ ra phụng-sự chùa chiền và tiếp đãi sư sãi hơn là làm việc cho quốc-gia. Khi Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng lên ngôi, — (781 d.l.) — giòng quý-tộc Đằng-Nguyên cùng những đại-thần có ý thức lại tâu xin thiên-đô thời được tân quân chấp thuận.

Kể ra thiên đô là gánh nặng về tài-chính cho Hoàng-gia thời ấy. Tiền tiêu đã không thừa, có đồng nào bòn rút vào xây đắp cho Bình-Thành Kinh và chùa chiền mất cả. Các Xứ thiếu thuế cứ chần chừ mãi không nộp, qua năm này sang năm khác, lấy lẽ vì đường xá xa xôi, giặc cướp quấy nhiễu dọc đường. Nay thiên đến đất mới, phần xây cất cung điện, trụ sở, dinh-thự, doanh trại, kho tàng, đường xá, mua lại đất ruộng của các điền chủ, thấy đều là những kinh phí lớn cả. Còn vấn đề binh-trị miền Bắc, quân-đội cùng viên-chức phải đặt thường trực ở đây rất nhiều, hàng ngày phải tiếp vận cho đủ mọi loại quân-trang cùng lương thực. Tuy biết là gánh nặng nhưng Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng vẫn quyết-định thiên-đô vì vị thiếu-niên anh-quân này không muốn cho « *thủ-đô chính-trị NẠI-LƯƠNG* » bị lu mờ trước « *thủ-đô tôn-giáo NẠI-LƯƠNG* » đương trong thời-gian Phật-giáo mỗi ngày mỗi phát-triển như sóng cồn, chùa chiền ở NẠI-LƯƠNG lại đông hơn viên-chức triều-đình, dân gian chăm việc lễ bái hơn là chú ý đến mệnh lệnh cấp trên, buổi sớm ban chiều tiếng chuông mõ lại rộn ràng hơn lời bàn quốc-sự. Nhất là ông cần tránh cho mai hậu không còn tái diễn cái trò Đạo-Kính xen vào làm xáo trộn cả kỷ-luật Hoàng-gia. Tuy vậy, ông không phải người bài Đạo mà chỉ có nhận định phân minh về Đạo với Chính mà thôi.

Được Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng chấp thuận thiên-đô mà trong hàng triều thần, những người vui mừng nhất là giòng quý-tộc Đàng-Nguyên. Họ này đương thời mạnh nên ghen tị với bất cứ ai đi lại mật thiết với Hoàng-gia, lại đã trải qua một thời ấu nãi gần như vô quyền dưới hai triều Hiếu-Khiêm T. H. và Xưng-Đức T. H. — (nhưng vẫn là một công-chúa, con gái Thánh-Vũ T. H.) — bởi sự chèn cạnh của Đạo-Kính nên bây giờ sớm thiên-đô đi ngày nào cho xa nơi chùa chiền tăng sãi là hay ngày ấy. Và lại có đi đến chỗ đất mới mới có cơ hội tạo lập dinh-thự cho riêng giòng họ mình tại một khu biệt lập, không lẫn với Hoàng-gia, khả dĩ dễ dàng cho công việc mai sau.

Năm Duyệt-lich thứ Sáu — (787 d. l.) — Hoàn-Vũ T. H. ủy chức Hữu Thái-Chính Đại-Thần là FUJIWARA TANETSUGU — (Đàng-Nguyên Chung-Tự) — đứng đầu phái-đoàn chọn đất di-đô. Vốn đã có dụng ý, Chung-Tự chọn đất NAGAOKA — (Trường-

Cương) — trong Xứ Sơn-Thành rồi đốc vát tới 300.000 phu-dịch hồi hã ngày đêm, san gò, lấp ao, đắp thành, xây hoàng-cung, chỉ trong vòng 3 tháng giới đã hầu như có thể rước Thiên-Hoàng cùng Hoàng-gia về ngự tại tân đô. Bất ngờ, trong khi việc xây cất còn đương bề bộn thời xảy ra chia rẽ lớn lao giữa Hoàng-gia với nhà quý-tộc Đàng-Nguyên vì Chung-Tự bị Hoàng-đệ sai người giết chết, Hoàn-Vũ T. H. phải tạm hoãn việc di chuyển về Trường-Cương.

Nguyên từ lâu, vì việc chọn ngôi Thái-Tập cho Hoàn-Vũ T. H. mà sinh bất đồng ý kiến giữa Hoàng-gia với Quý-tộc. Hoàn-Vũ T. H. cùng Hoàng-gia thời chọn Hoàng-Đệ là người đã phượng trưởng nhưng Chung-Tự lại đề cử một vị đích tử của Thiên-Hoàng, lúc ấy mới 6 tuổi. Thiên-Hoàng bị kẹt giữa hai thế lực nên ngôi Thái-Tập vẫn dùng dằng chưa ngã ngũ. Về phần Chung-Tự thời nhất định bao thủ ý kiến, bất cứ trong cuộc đàm luận nào về ngôi chí-tôn sau này là ông ta cũng tận tình bênh vực cho Hoàng-Tử. Người ta cho rằng, việc tìm cách đưa người yếu thế hoặc người non tuổi lên làm vua là thủ đoạn của những quyền-thần thường áp dụng để sau này dễ bề thay vua mà lũng đoạn việc thiên-hạ. Tuy nhiên, những dự tính ấy là về sau, chứ thử thời thì Chung-Tự bị Hoàng-đệ oán hận đến cực độ nên mới sinh có sự.

Hoàng-đệ giết Chung-Tự đương lúc quốc-gia đa sự nên Thiên-Hoàng quá giận, bèn bắt đưa đi đày. Hoàng-đệ vì uất hận nên cũng chết ở ngang đường. Tuy em mình đã tịch đi rồi nhưng Hoàn-Vũ T. H. vẫn còn e ngại giòng quý-tộc Đàng-Nguyên còn có cơ mưu gây biến cố gì chăng nên hạ Sắc dụ tuyển Hoàng-Tử làm Thái-Tập và mặc dầu Hoàng-Tử còn ấu niên cũng cưới con gái giòng này cho con mình để yên lòng phe cánh cường thần. Công việc thiết tạo tân đô vẫn tiến hành đều đều đến mãi đầu năm Duyên-lịch thứ Mười Hai — (793 d.l.) — mà vẫn chưa thiên đô được vì nội tình bất an của Hoàng-gia.

Sau khi hai địch-thủ : Chung-Tự cùng Hoàng-đệ cùng kế nhau bị mạng vong thời Hoàng-Tử Thái-Tập bị ốm đau hoài. Thuốc thang vô hiệu trong hai năm giới. Thiên-Hoàng cho người đi lễ, xin lời Thần ứng thời Thần dạy là do oan hồn Chung-Tự báo oán. Thiên-Hoàng bèn phái người đi làm lễ giải oan cho Chung-Tự tại khắp các chùa to đền lớn. Hoàng-Tử chưa khỏi thời đã đến ngôi chính-cung của Hoàng-

Tử là con gái họ Đàng-Nguyên vừa mới sách lập xong cũng lâm bệnh rồi mất. Lại cho người đi lễ xin lời Thần ứng, được Thần cho biết tại nghiệt hồn Hoàng-đệ về trả thù. Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng bèn một mặt hạ Chiếu đại-xá và phục hoàn chức tước cho Hoàng-đệ, thiết lập đền thờ và cúng cúng giải oan cho tại hết thấy các nơi linh tự, uy miếu. Do đấy mới nảy ra thuyết, Trường-Cương không phải là nơi đắc địa cho đế-đô, mọi việc lỗi thời xảy ra cho Hoàng-gia và Quý-tộc chỉ từ ngày bắt đầu hạ mai san đất và đặt tăng hoàng-cung tại đấy mà thôi. Hoàn-Vũ T.H. cũng tin thuyết ấy nên ngay đầu năm Duyên-Lịch thứ Mười Hai, hạ lệnh đình chỉ việc kiến tạo ở Trường-Cương và ủy cho vị công-thần niên cao và điềm đạm là Hòa-Khí Thanh Ma-Lã đi chọn địa điểm khác để kiến đô.

Lần này bằng tất cả thận trọng và dè dặt, với sự tham gia ý kiến của nhiều vị triều quan cùng các nhà tinh thông địa-lý phong-thủy, thị-trấn KYÔTÔ — (Kinh-Đô) — ở cách Trường-Cương khoảng 3 dặm đường — (ngoài 10 cây số) — được chọn làm tân thủ phủ.

Xây cất thủ-phủ mới :

THÀNH - PHỐ KINH - ĐÔ

Hoàng-gia cùng triều-đình nhất chí lấy thị-trấn KINH-ĐÔ làm nơi để-khuyết rồi, việc trước hết là xây cất thành Bình-An — (Hei-An jô) — trường 5 cây-số, khoát 3 cây-số với 2 lần hào bên trong. Nội tâm cũng chia thành hai khu-chính : Hoàng-cung và Đại-Nội. Phố đặt thành ô hàn cò với đường đi rộng rãi hơn bên NẠI-LƯƠNG và chia thành hai khu : Hữu-kinh — (UKYÔ) — và Tả-kinh — (SAKYÔ). — Vì có thành Bình-An nên tên-đô còn có tên là HEI-AN GYÔ — (Bình-An Kinh) — và Thời-Đại Quý-Tộc Chuyên-Quyền này cũng gọi là HEI-AN JIDAI — (Bình-An Thời-Đại).

Chọn KINH-ĐÔ để thay thế NẠI-LƯƠNG vì địa-thế KINH-ĐÔ thuận tiện hơn. NẠI-LƯƠNG ở giữa đất Bình-Dã của Xứ Đại-Hòa, bị núi cao bao bọc tứ phía, có muốn đi sang hai Đạo gần nhất là Đông-Hải-Đạo và Sơn-Dương Đạo cũng đã khó khăn rồi. Vì sự giao thông khó khăn đó mà nhiều khi mệnh lệnh nhà vua cũng không được hai Đạo tiếp giáp này tuân hành. Phong cảnh KINH-ĐÔ

cũng đẹp hơn, địa thế rộng hơn, có thể trở nên một đô-thị lớn gấp mấy NẠI-LƯƠNG. Lại ở trung-tâm hoa-thị, giao thông với tứ xứ rất dễ dàng, Để triệt để tránh việc Tàng, Nì quấy nhiễu triệu-dinh, lần xây cất thành Bình-An này, không cho một ngôi chùa nào được dựng lên với phố xá nơi dân cư. Hiện tại thời trong thành-phố KINH-ĐÔ, cũng có chùa đấy, nhưng là những ngôi làm về sau 400 năm của thời-đại Bình-An.

Về việc thiên-đô này, Chương thứ 13 trong cuốn Tiền-Biên của bộ NHẬT-BẢN KỶ-LƯỢC chép rằng : — « Năm Giáp-Tuất, niên hiệu Duyên-Lịch thứ Mười-Ba, tháng Mười Đinh-Mão — (794 d.l.) — thời khởi sự thiên đô từ NẠI-LƯƠNG về KINH-ĐÔ. Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng có hạ Chiếu, dụ : — « Trăm xét, đất YOSHI-NO — (Cát-Dã tức Kinh-Đô) — trong Xứ Sơn-Thành quả có núi sông mỹ lệ, thần dân bốn phương có phải đi về cũng rất thuận tiện. Nơi này xứng đáng là đại-cung-địa — (nơi xây cất cung điện cho Thiên-Hoàng) ».

Tương truyền rằng, vì những lộn xộn vừa xảy qua cho Hoàng-gia nên lần chọn thủ-phủ mới này, Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng chú trọng đến phong-thủy hơn là địa-hình thực tại. Trước hết, ủy người đi lễ, xin ý kiến Nữ Thượng-Đế Thiên-Chiêu Đại-Thần được ưng thuận rồi xin sự che chở của Ngũ-Long Thần — (Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung-Uơng Thần-Kỳ) — tại chính địa-điểm thủ-phủ cũng được Ngũ-Thần ứng khẩu chấp thuận che chở. Tuy nhiên trong lòng vẫn còn e sợ những Ác-Thần cùng tà-ma đến quấy nhiễu hoặc trả thù, Thiên-Hoàng còn đặt hết tin tưởng vào sự phù độ của ngôi chùa linh thiêng là Duyên-Lịch Tự — (ENRYAKU-JI) — trên dãy núi HIEZAN — (Tỷ-Dục Sơn) — ở hướng Tây và Bắc KINH-ĐÔ do Đại-Đức SAICHÔ THAISHI — (Tối-Trường Đại-Sư) — trụ trì. Về phía Nam, ở sườn một trái đồi, Thiên-Hoàng nhờ các thầy cao tay bùa phép chôn yểm cho một pho tượng Thần-Tướng cực to lớn bằng đất nung, tay cầm đao cung để chắn giữ cho hai mặt Đông và Nam.

II

Công cuộc chấn chỉnh chính-trị của Hoàn-Vũ Thiên - Hoàng

Hậu đại của thời NAI-LƯƠNG có hai khuyết-điểm. Về sinh-hoạt thường xuyên thời bất chước nhà Đường bên Trung-Quốc một cách thái quá, về chính-trị nội bộ thời Quý-tộc cùng viên-chức địa-phương các Xứ hoành hành lộng ngược, bất chấp cả Hoàng-gia và triều-đình.

Vương phải hai khuyết-điểm ấy, không phải là Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng cùng triều-đình không rõ, nhưng phải trừ diệt ngổ-tăng Đạo-Kính cùng tìm cách nào cho tôn-giao xa rời chính-trị một cách êm đẹp trước đã. Nay hai việc này đã xong, tân-đô đã ổn định mới tính đến sửa đổi phong-tục để văn hời cá-tính của dân-tộc và chấn chỉnh chính-trị để tiêu trừ bọn ác chính địa-phương.

Về tục lệ bất chước nhà Đường thời càng ở thủ-đô, ở các thị-trấn, càng giới quý-tộc viên-chức đến trung-lưu thành thị càng nêu gương xấu trước đám bần dân cần mẫn. Từ chỗ miếu đường là sắp đặt quan chức đến tư phận như làm nhà cửa trang trí, y phục, thực-phẩm, dĩ chí đến đường lối cư xử, hễ cái gì của nhà Đường là hay là đẹp rồi, chẳng biết có hợp với nước mình hay không nhưng cứ nhất thiết bất chước cho bằng được. Để chỉnh lại lối bất chước ở ạt thành một ý thức dung hòa văn-hóa Trung-Nhật, triều-đình thiết lập nhiều SỞ chuyên nghiên-cứu đặt thành khuôn mẫu cho quan chức cùng nhân-dân cứ đấy noi theo.

Đến Quý-tộc cùng viên-chức các xứ ngoại Kinh thời thừa hư thời NAI-LƯƠNG quá chăm chú vào tôn-giao và xa xỉ ở thủ-đô mà lỏng việc kiểm-soát nên tác họa cho nhân-dân. Thuế thu vô hạn định, người trên thời tiêu xài vào công-quy không giới hạn, kẻ dưới thời đua nhau ăn cắp công nhu như tước, phu-dịch bất tha hồ để cung cấp cho riêng mình khiến lê dân không tài nào ngóc đầu lên được, tiếng oán than bay về đến kinh thành. Mệnh lệnh của Hoàng-gia và triều-đình không chịu tuân hành, thuế nạp về Kinh chỉ qua

loa lấy lệ, có nơi không nộp, lấy có đường xá nhiều khe, thảo khấu cướp bóc.

Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng bèn một mặt cảnh-giác nghiêm trọng bọn Quý-tộc tổng quản địa-phương, hạn chế việc tuyển dụng viên chức và nhất loại sa thải những kẻ có tội hà lạm công nhu hoặc bóc lột lê dân bằng thuế, sưu, phu-dịch quá nặng. Để giảm bớt nạn đánh cắp công nhu, Thiên-Hoàng tách rời phần thủ-khố ra khỏi thao túng của Quý-tộc chương quân hành-chính, cho lập những sương-khố tức mở cách xa nơi dân cư, chung quanh đắp tường đất dày để tránh hỏa hoạn. Mặt khác thời kiểm soát ngặt ngẽ việc thu chi, gọi phu-dịch làm đường, sửa đường, làm cầu để mở mang thêm giao thông cho thương-mại nội địa trở nên khả quan hơn và vận tải thuế vật, binh lương được dễ dàng. Nghiên-cứu để canh tân nông-pháp, mua giống lúa mì và khoai về phân phát cho dân cấy và trồng thêm. Thử guồng nước lên ruộng đập bằng chân, đóng bằng gỗ, hiện nay thịnh dùng khắp nước Nhật là khởi chế từ đầu thời-đại Bình-An này.

Để KINH-ĐÔ chóng trở nên phồn thịnh, Hoàn-Vũ T.H. chiêu dân về, mở phố, cấp đất cho họ ở. Lại mở hai bên đầu phía Đông và Tây của thủ-phủ hai ngôi chợ to lớn, đồng thời sức các địa-phương cũng phải lập thêm chợ và giúp đỡ thương-nhân khoáng trương thương nghiệp. Do đấy, từ KINH-ĐÔ đến khắp các Xứ, việc chuyển vận về mậu-dịch để điều hòa cung và cầu được hoạt-động hơn trước. Ở thủ-phủ và các thị-trấn thời cửa hàng buôn bán tăng thêm và về mặt thủy-vận thời các bến được sửa sang lại cho kịp với số thuyền bè có trội hơn nhiều.

Tuy nhiên, dầu có mở mang được giao thông, thương mại, kiểm-soát thu chi, nhưng Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng cũng không thể tránh được vấn-đề nan giải là quá thiếu thốn về tài-chính. Thừa kế công quỹ eo hẹp của thời NẠI-LƯƠNG, các địa-phương không chịu nộp đủ thuế, xây cất tân-đồ ở Trường-Cương giòng đã trong 6 năm giờ rồi lại bỏ, kiến-thiết KINH-ĐÔ, mở mang giao thông, duy-trì những đạo quân trú phòng đông đảo ở miền Bắc là những nguyên-nhân của sự thiếu thu thặng chi nó buộc ông phải tìm biện-pháp quân binh. Biện pháp ấy là, tăng thuế gát gạo để tăng thu và bớt phu-dịch cho đầy đủ để giảm chi.

Kết cục, là tựa vào chính-sách thu thuế gao và phu-dịch đầy đủ này mà Quý-tộc đã giàu lại giàu thêm và bên cạnh một tối thiểu số thương-nhân có đủ bát ăn là toàn bộ nông-dân bị khánh-khiet và phá sản, đưa đến những thảm trạng xã-hội mà chúng tôi sẽ trình bày ở những trang dưới đây.

III

Công cuộc bình-trị miền Bắc của thời Bình-An

Cuộc chinh-phục miền Bắc, kể là trận đánh cuối cùng của thời NÀLLU'ONG, nhằm vào năm 780 d. l. đời Quang-Nhân Thiên-Hoàng. Kể từ năm này, trên hình thức thời là thu trọn được cả miền Áo-Vũ vào cương thổ của Hoàng-Gia, dồn dịch quân về bên đảo Bắc-Hải Đạo cùng lập phòng tuyến, đắp đồn ải ở bên này bờ bể đối diện để đề phòng.

Nhưng người Hà-Di chỉ chịu im có mấy năm, đến niên-hiệu Duyên-Lịch thứ Bảy — (788 d.l.) — đời Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng, họ lại kết hợp người bên kia đảo Bắc-Hải Đạo với bên này Áo-Vũ để nổi lên chống lại. Tướng của triều-dinh đem 50.000 quân lên phối hợp với quân trú-phòng để tiêu trừ. Thoạt đầu, thắng được hai trận ở Xứ Cung-Thành và Thu-Điền nhưng rồi truy kích họ, vào đến trong địa thời bị họ phản công nên quân triều-dinh thua, phải rút về KINH-ĐÔ để tổ-chức lại.

Năm Duyên-Lịch thứ Mười — (791 d.l.), — quân triều-dinh lại tiến lên tiêu diệt. Chức phó-tướng tòng chinh chuyển này là SAKA NO UE TAMURAMARÔ — (Phân-Thượng Điền-Thôn M₂-Là) — là người dũng lược và cơ mưu lắm nên nội trong năm đó đã bình định được. Trước khi rút quân về Nam, tướng Điền-Thôn đắp thêm thành IZAWA — (Chí-Ba) — để dồn thêm quân trú phòng án ngữ người Hà-Di bên kia Bắc-Hải Đạo khỏi cất lên sang quấy rối. Năm Duyên-Lịch thứ Hai Mươi — (801 d.l.) — người Hà-Di lại dấy lên,

từ Bắc-Hải Đạo sang đánh phá bên địa-phận Áo-Vũ. Triều-Đình cất tướng Điền-Thôn lên chức Chính-Soái, lĩnh quân đi đánh dẹp. Thấy quân triều-đình kéo đến Áo-Vũ, quân Hà-Di lại rút về bên Bắc-Hải Đạo. Điền-Thôn cũng đổ bộ đuổi theo và đây là lần đầu tiên mà quân của Hoàng-gia đặt chân lên Bắc-Hải Đạo. Thấy tướng Điền-Thôn đổ bộ lên đảo, người Hà-Di tưởng thế nào cũng có trận đánh lớn nên phòng bị ráo riết lắm. Nhưng Điền-Thôn án quân không tiến, chỉ phái Sứ đưa thư đến trại giặc để phủ dụ đồng thời biếu những quý vật, thức ăn cùng thóc giống. Thư phủ dụ rằng :

— « Ta đến đây là thế theo đức lớn của Thiên-Hoàng, chỉ mong
 « bốn cõi được thái bình và mọi người đều thân mến nhau như anh em.
 « Các người nghe ta mà quy thuận thôi ai ở chức nào vẫn giữ nguyên
 « chức ấy, của cải không hề bị xâm phạm. Ngoài ra, các người thiếu
 « thốn thứ gì, ta sẽ tận tình giúp đỡ. Ta sẽ tâu lên Thiên-Hoàng đón
 « các người về KINH-ĐÔ du ngoạn để các người rõ được nền văn-
 « minh của quốc-gia và sức mạnh của triều-đình bao giờ cũng đủ bảo
 « đảm cho các người ».

Tiếp được thư và quà, đồng thời cảm hậu tình của Điền-Thôn, các bộ-lạc Hà-Di trên Bắc-Hải Đạo đều xin đầu hàng cả. Điền-Thôn bèn tâu về KINH-ĐÔ, xin phái tướng lên đóng đồn cùng thiết quan cai-trị với chính-sách nhân nhượng buổi đầu là giúp đỡ nhiều nhưng đánh thuế rất nhẹ. Khi ban sư về KINH-ĐÔ rồi, Điền-Thôn xin triều-đình phái người đem sách vở lên giáo hóa cùng giúp đỡ và chỉ dẫn họ về canh tác, tầm tang và kỹ-nghệ. Thế là không tốn một mũi tên mà tướng Điền-Thôn bình định được cả một dải Đông-Bắc — (tức Áo-Vũ và Bắc-Hải Đạo) — lại mở mang được cả văn-hóa cho những bộ-lạc Hà-Di là giống người hiếu chiến, ngoan-cổ và lạc hậu. Cho nên, Phần-Thượng Điền-Thôn Ma-Lã được kể là bậc danh-tướng đủ cả dũng lẫn mưu, có công vào bậc nhất trong việc mở mang bờ cõi trong thời-dại Bình-An.

Đến năm Hoàng-Nhân thứ Ba — (812 d.l.) — đời Tha-Nga Thiên-Hoàng, nghe thấy tin tướng Điền-Thôn đã tịch đi rồi, người Hà-Di bên đảo Bắc-Hải Đạo lại nổi lên, đem quân đến vây các phủ-đường hành-chính. Lần này, triều-đình thi hành chính-sách cứng rắn, đàn áp thẳng lực, đắp thêm đồn ải để chặn giữ, chia Bắc-Hải Đạo thành nhiều

quận, huyện nhỏ hơn để đặt thêm viên chức cho nền hành-chính được thêm vững mạnh. Lại đưa rất nhiều những phần tử Hà-Di bất hảo xuống, cho lập thành Thôn, Ấp tại Cửu-Châu và Tứ-Quốc để thanh khiết hàng ngũ dân chúng địa phương. Tha-Nga Thiên-Hoàng lại chiêu dụ những người Hà-Di có văn-tự, cho làm quan ngay ở xứ của họ và đặt quyền lợi người Hà-Di lên ngang quyền lợi người Đại-Hòa nên lòng người tuy có khiếp sợ nhưng vẫn kính phục. Cho mãi đến năm Nguyên-Khánh thứ Hai — (878 d.l.) — đời Dương-Thành Thiên-Hoàng, người Hà-Di lại nổi lên đánh phá đảo Bắc-Hải Đạo. Lần này thời người trong giòng quý-tộc là FUJIWARA YASUNORI — (Đềng-Nguyên Bảo-Tắc) — thân cầm quân đi tiêu diệt. Ông này không chú trọng đến giải-pháp quân-sự mà chỉ nhằm vào giải quyết những bất mãn của phía người Hà-Di nên Bình-trị nhanh chóng lắm. Trước khi rút quân về Nam, Bảo-Tắc cải hoán tổ-thức guồng máy hành-chính cho hợp với phong-tục tập-quán của người địa-phương, không bảo-thủ một chiều như bên tổ-chức của phía người Đại-Hòa.

Từ đây trở đi, người Hà-Di chịu khuất phục hẳn và đồng hóa với người Đại-Hòa, không còn nổi lên chống lại triều-đình lần nào nữa. Đến ngày nay, trải qua trên 12 thế-kỷ, người Hà-Di đi lần lần đến chỗ hao mòn, hiện chỉ còn khoảng một triệu rưỡi người không ham làm mà chỉ thích rượu chè, bê tha ở trên những dãy núi trần cỗi và rét lạnh nhất tại đảo Bắc-Hải Đạo của nước Nhật-Bản.

IV

Các Tông - Phái Phật - Giáo dưới thời Bình - An

Dưới thời NAI-LƯƠNG các chùa thường làm lẫn với phố xá nơi thị tứ nhưng sang thời Bình-An thời chùa lại làm cách biệt mãi vào trong núi trong rừng. Đây tại vừa có lệnh không cho làm chùa ở chỗ đô trấn, vừa tại chủ-trương tu hành của các tông-phái thời bấy giờ.

Các tông-phái trong nhà Phật có nhiều như : SHINGÔN SHU — (Chân-Ngôn Tông) —, THENDAI-SHU — (Thiền-Đài Tông) —, ZEN-SHU — (Thiền Tông) —, JÔDO-SHU — (Tịnh-Thố Tông), — NICHIREN-SHU — (Nhật-Liên Tông) — ...v...v... nhưng tựu trung có hai phái, là CHÂN-NGÔN TÔNG và THIÊN-ĐÀI TÔNG thì dù ở đương thời cũng như ngày nay, có nhiều tín đồ hơn cả. THIÊN-ĐÀI TÔNG do đại-đức DENGYÔ THAISHI — (Truyền-Giáo Đại-Sư) — lập nên và CHÂN-NGÔN TÔNG thời do cao-tăng KÔBÔ THAISHI — (Hoàng-Pháp Đại-Sư) — là sư-tổ. Cả hai phép tu, dù theo THIÊN-ĐÀI TÔNG hay CHÂN-NGÔN TÔNG cũng phải xa trần giới, lánh phồn hoa, vào mãi trong núi sâu tĩnh mịch, ẩn cư hàng chục năm giới mà luyện-thần, nhập-định mới thành công quả đạo, pháp.

Đại-đức TRUYỀN-GIÁO, pháp-danh là SAICHÔ THAISHI — (Tối-Trường Đại-Sư) — vốn có quả tu từ thuở nhỏ. Sau khi xuất-dương thụ giáo và đắc đạo bên Trung-Quốc, Đại-Đức trở về Nhật, dựng ngôi chùa ENRYAKU JI — (Duyên-Lịch Tự) — trên núi HIE-ZAN — (Tỉ-Duệ Sơn) — ở phía Tây-Bắc thủ-phủ KINH. ĐỒ vào năm Duyên-Lịch thứ 7 — (788 d. l.) — đời Hoàn-Vũ T. H. Sở dĩ Hoàn-Vũ T. H. an tâm thiết tâm-đô tại KINH-ĐỒ cũng do nơi tin tưởng vào Phật-uy của chùa này chấn cho khỏi tà ma quỷ-quái do ngả Tây-Bắc phạm vào thủ-phủ. Chính nơi Duyên-Lịch Tự, Đại-Đức thuyết-pháp THIÊN-ĐÀI và thu nạp môn-dồ. Thụ nghiệp ĐẠI-ĐỨC thời phải an thần tĩnh chí, dốc tâm tu hành suốt 12 năm ở trong núi mới thành đạo-quả. Nếu đạo-quả chưa thành mà xuống núi lấy một ngày cũng không được. Tuy phép tu khổ hạnh và lâu ngày như vậy, nhưng vì đức-hạnh cùng pháp-thuật ĐẠI-ĐỨC và giáo-lý của tông phái nên rất nhiều đệ-tử đến xin nhập môn và đều trở nên cao-tăng để đi truyền-giáo THIÊN-ĐÀI khắp nước, xây dựng cho Tông này trở nên một trong hai phái Phật-giáo mạnh nhất tại Nhật-Bản.

Đến vị sư-tổ của phái CHÂN-NGÔN TÔNG là HOÀNG-PHÁP Đại-Sư thời dù ở ngày nay, nghĩa là cách đây trên một ngàn năm rồi, nhưng từ thôn dã đến thành thị không ai là không biết đến uy

danh của SU-TỔ, do những sự-tích : — « KÔBÔ NO IZUMI — (Suối Hoàng-Pháp) — và KÔBÔ NO IDO — (Giếng Hoàng-Pháp).

Tương truyền, trong một buổi xuân-du, SU-TỔ giả làm người nghèo nàn đến một vùng ruộng gặp hạn hán nghiêm trọng đến nỗi đồng khô, ruộng nứt, ao hồ cạn hết, dân gian phải chặt vật lấm mới có bát nước uống. Để thử dân tình, SU-TỔ đến trước nhà một nông-phu, gõ cửa xin nước uống. Dù bát nước là tính mệnh, nông-phu vẫn vui vẻ đem bình nước của nhà ra mời... Cảm mến hậu tình ấy, SU-TỔ bèn lui ra xa, cầm thiền-trượng chọc xuống đất, tức thời thành cái giếng đầy nước đủ cho cả làng dùng. SU-TỔ lại lui vào quá trong núi, cầm thiền-trượng đập dọc xuống mặt đất, tức thời thành cái suối đủ cho cả vùng này tát nước lên ruộng (1).

Tin HOÀNG-PHÁP SU-TỔ trở phép lạ cứu cả một vùng truyền đi khắp các hang cùng ngõ hẻm, ai cũng kính phục đức từ-bi của SU-TỔ, còn các đồng-đạo đương thời đều tôn SU-TỔ là bậc cao cường nhất về pháp thuật.

HOÀNG-PHÁP SU-TỔ còn gọi là KŪKAI THAI-SHI — (Không-Hải Đại-Sư) — nguyên-quán ở SAMUKI — (Tán-Kỳ) — nay thuộc Huyện Hương-Xuyên. Hồi lớn lên, theo nhiều thầy học về KHỔNG, MẠNH và LÃO-GIÁO nên nhận thức rằng chỉ có PHẬT-GIÁO mới có mẫu nhiệm phả nhân độ thế. SU-TỔ bèn xuất gia đồng thời với Đại-Đức TỐI-TRỪNG và cùng xuất dương sang Trung-Quốc tìm thầy học đạo. Đến nơi, mỗi người đi theo chỉ hướng riêng. Đại-Đức TỐI-TRỪNG thời theo Tông THIÊN-ĐÀI còn KHÔNG-HẢI SU-TỔ thời nhập môn CHÂN-NGÔN.

Phép tu theo CHÂN-NGÔN Tông rất giản dị. Không cứ gì phải thí phất thành tăng, ni mới là tu, mà hễ là tín-đồ thời mỗi ngày một lần đến chùa tĩnh tọa trước Phật-dài, tay lần tràng hạt, dốc tâm tụng niệm theo sự-trưởng thế là đắc quả SOKUSHIN JÔ BUTSU — (Tức

(1) Rất tiếc sử-liệu không ghi giếng và suối này ở vùng nào.

Thân Thành Phật) — rồi. Càng dày công tu hành như vậy thời càng nặng chứng quả nên tín-đồ theo đông lắm, lan tràn khắp nước.

Các sư trong phái CHÂN-NGÔN Tông còn cao cường về ngoại thuật, hơn những phù-thủy hoặc ông đồng, bà cốt tiền thời. Tỷ-dụ, muốn đoán mệnh địch-thủ nào đó, người ta bện bù-nhim rơm, viết tên tuổi, năm sinh kẻ địch dán vào rồi thư phù niệm chú và hàng ngày lấy kim cắm vào mắt hoặc vào đầu gối bù-nhim là đủ cho kẻ ấy đau đớn, mù què, chết theo ngày giờ mà các sư muốn. Lại muốn cho lúa ruộng mình tốt, gặt được nhiều thóc thời khi cấy lúa đem cắm những lá thông đã thư phù trước vào các góc ruộng hay lẫn với gốc lúa rồi ngày đêm ở nhà sai chú là tự khắc lúa mọc chặt đất, đẻ chiu những thóc.

CHÂN-NGÔN Tông còn có ngoại thuật đảo-vũ, khoán bệnh, dâng sao cầu thọ, nhất nhất trở tài thuật pháp cao diệu trước mặt mọi người cho cùng chứng kiến. Kể từ thời NẠI-LƯƠNG trở về trước, thuật tu đạo là môn đại bí hiểm của tăng-già, dân gian chỉ biết đến chùa là để: *lễ Phật, trọng Tang*, chứ chẳng mấy người hiểu được việc tu hành ra đầu cuối thế nào. Đến khi THIÊN-ĐÀI Tông và CHÂN-NGÔN Tông ra đời mới phổ-biến trong dân gian phép tu « *tức thân thành Phật* », đồng thời thuyết-pháp cho vỡ nghĩa Kinh, Kệ khiến ai nghe cũng hiểu cùng thấu nạp rất nhiều môn-đồ để truyền bá cho pháp thuật nên thiên-hạ nô nức xin theo, gây cho đạo Phật một sức mạnh vô biên trong suốt 300 năm đầu của thời-đại Bình-An.

Riêng HOÀNG-PHÁP SƯ-TỔ thường vân-du khắp đó đây, dùng pháp thuật để đào ao, hồ giúp cho nông-nghiệp và cắt cầu giúp cho giao-thông của thiên-hạ. Tương truyền rằng, hồ MAN NO IKE — (Mãn-Nùng Trì), chu vi đến 11 cây số trong đảo Tứ-Quốc, cho đến đầu thời-đại Minh-Trị T.H. vẫn giữ được kỷ-lục rộng lớn về hồ nhân-tạo là do SƯ-TỔ dùng thuật pháp tạo nên vậy.

Kể ra công đức của SƯ-TỔ còn nhiều. Đến đâu có mạch dầu hỏa (?), mỏ than đá hoặc suối nước nóng, SƯ-TỔ cũng gọi dân đến chỉ dẫn cho biết. Thấy những đám dân nghèo, SƯ-TỔ dạy cho

nghe làm bút lông, mực Tàu, cách thức trồng cây mai ăn trái, cách dùng trái cây làm các thứ mứt kẹo... v.v... SƯ-TỔ dạy dân cả lối nhuộm vải, nhuộm tơ không phai màu, làm thuốc, cách kiến trúc nhà cửa sao cho bền và thuận tiện cùng mọi cách thức đo lường. Tóm lại, HOÀNG-PHÁP SƯ-TỔ không những là bậc thánh-thể về pháp thuật mà còn là nhà giàu kinh nghiệm về tế-thể độ dân. Còn một sự nghiệp nữa mà hậu thế truyền ngôn với không ngớt lời thần phục, là SƯ-TỔ xung-phong phá bỏ ranh giới Quý, Tiện bằng sáng lập ra tại KINH-ĐÔ ngôi trường SHUGESHU CHLIN — (Tổng Nghệ Chung-Trí Viện) — dành cho cả con quan lẫn con nhà thường dân nghèo nàn nhất cùng được vào học từ khai tâm I, RO, HA YONZU HACHI JI — (I, Rô, Hạ Tứ Thập Bát Tự) — (1) đến trung-học.



Môn-Nùng Trì ở đảo Tứ-Quốc
(Rút trong N.B.C.T)

(1) Khởi phát sinh từ thế-kỷ thứ IX, chữ quốc-ngữ KANA — (Giả Dạng) — chỉ có 48 chữ nên gọi YONZU HACHI JI NO KOKKU GÔ — (Tứ Thập Bát Tự Chi Quốc-Ngữ) —. Sau này, hậu thế không muốn lể loi mới thêm vào hai âm nữa cho đủ 50 tiếng, gọi là GÔZU ON NÔ KOKKU GÔ — (Ngũ Thập Âm Chi Quốc-Ngữ).

I, RO, HA là tên thứ hai của bảng Ngũ Thập Âm, dùng cho trẻ con nói cho dễ nhớ.

V

Thế - lực của Quý - Tộc dưới thời Bình-An

Kiểm-điểm tình hình chính-trị thời khoảng định-dô tại NAL-LUONG là thời-đại triết được Hào-tộc để Hoàng-gia nắm trọn quyền hành và ngược lại, thời-đại Bình-An là thời mà Hoàng-gia mất hết quyền hành về tay Quý-tộc. Trong khi triết được Hào-tộc để Hoàng-gia nắm trọn quyền thời nó đã ấp ủ cái mầm của Quý-tộc trở nên lộng quyền là vấu-đề đã trình bày ở hai Chương Bốn và Năm rồi. Đến thời-đại này, những « mầm » ấy mới thực sự nẩy lên, lớn và mạnh, vươn bóng ra rợp cả nước, che khuất cả Hoàng-gia. Vậy ở phần dưới sẽ trình bày đến lực lượng của Quý-tộc trên trường chính-trị, ở đây hãy nói về sức mạnh của họ trên phương-diện tài-sản. Thế có nghĩa là Quý-tộc mạnh cả về Thế lẫn về Tài.

Do đâu mà Quý-tộc trở nên mạnh về Tài trước để rồi nhân sự giàu có cự vạn mà lộng quyền sau ? Ta nên ngược lại giòng thời-gian ; kiểm-điểm tình hình xã-hội để rõ những nguyên-nhân ấy và cũng để có những nhận thức liên tục về đời sống của khối đại chúng nông-dân Nhật-Bản trong từng thế hệ một.

Từ 646 d. l. Hiếu-Đức Thiên-Hoàng ban hành BAN-ĐIỀN THU THU PHÁP, chia ruộng cho toàn dân, người nào cũng có « *khai phần điền* ». Luật cũng lại định rằng, phạm những quý-tộc, quan lại, viên-chức của triều-dinh hay những người có công với Hoàng-gia thời ngoài khẩu-phận còn được cấp thêm cho YOBUN DEN — (Dư-Phận Điền) — để thù lao chức vụ hoặc đền bù công trạng. Thế là luật BAN-ĐIỀN lại có chỗ không công bằng ở điểm này vì quý-tộc, quan lại cùng viên-chức đều là những người có quyền thế, khi chia ruộng khẩu-phận đã chiếm những phần ruộng tốt lại rộng, đến khi được cấp thêm dư-phận thời lại chiếm thêm một lần nữa những chân đất điền của dân. Như thế, phận may mắn vẫn về kẻ may mắn và người đã giàu thời lại có thêm. Ngoài ra, các tự-xã — (chùa chiền, các đình thờ Thần) mà điển hình là Đòng-

Đại-Tự và KOFUKU JI — (Hưng-Phúc Tự) — trong khu vực NAI-LƯƠNG cũng có quyền chiếm hữu rất nhiều ruộng nương đất cát. Đã có nhiều ruộng mà trong tay lại có nhiều tiền cùng thế lực sai khiến người khác nên bao nhiêu ruộng nương cũng cấy được hết, thâu hoạch nhiều để trở nên mỗi ngày mỗi thừa thãi, giàu có hơn mãi. Đã vậy, thừa của ruộng lại đắp nên ruộng, quý-tộc cùng tự-xã sẵn thóc bỏ ra mượn người khai phá thêm nhiều đất hoang, thành thửa sở ruộng tư hữu cứ tăng lên mãi.

Thoạt thủy ở thời Đại-Hóa, nghĩa là khi mới thi hành luật quân điền, Hoàng-gia có hạ lệnh cấm không cho các giới Hào, Phú, quan lại, viên-chức khẩn hoang chiếm làm tư hữu. Sau này, từ niên-hiệu Dương-Lão thứ Bảy — (723 d.l.) — đời Nguyên-Chính Thiên-Hoàng lại ban hành luật « Tam Thử Nhất Thấu » nghĩa là cho khẩn hoang nhưng Hoàng-gia lấy lại sau một thời gian. Nhưng rồi lại luận rằng, dù ai chẳng nữa, khẩn hoang là trực tiếp làm giàu cho tài-nguyên của quốc-gia và cũng nhờ đấy mà dân nghèo có việc làm nên luật này được bãi bỏ, cho trở lại tục cũ, ai khẩn được bao nhiêu là của riêng vĩnh-viễn từng ấy. Thế là những đại-diên chủ được tự-do phát triển tư hữu.

Sang đến thời-đại Bình-An, nghĩa là từ thế-kỷ thứ IX, thời luật BAN-ĐIỀN THU THỤ bị chính quý-tộc, viên-chức và hào-phú phá hoại hoàn toàn. Tuy luật có ấn định, cứ 6 năm thời xét lại dân số để quân phân lại ruộng một lần, nhưng từ niên-hiệu Thừa-Hòa thứ Tư — (837 d.l.) — đời Nhân-Minh Thiên-Hoàng thời bỏ bê trễ đến mười năm, hai mươi năm, ai có ruộng cấy cứ cấy, người không cấy không, chẳng chia lại gì hết. Từ niên-hiệu Nguyên-Khánh thứ Năm — (881 d.l.) — đời Dương-Thành Thiên-Hoàng trở đi thời tại hầu hết các Xứ, chẳng còn Xứ nào nói đến chuyện chia ruộng cho dân nữa, mặc nhiên biến tình trạng ruộng đất của Thiên-Hoàng thành ra tư-sản của quý-tộc, quan lại, viên-chức, phú hào cùng tự-xã.

Bây giờ ta xét đến đa số nông-dân nghèo có được chia ruộng. Được chia ruộng thực đấy, nhưng là phận dưới nên bao giờ cũng chỉ nhận được những chân ruộng xấu, nếu có tất tâm chăm bón cũng kém

sản lượng của người. Đã thế, nghề làm ruộng cũng buộc con người nông-dã phải có những điều-kiện mới có thể đứng vững. Ấy là :

- 1 — Vốn ăn.
- 2 — Vốn cày cấy.
- 3 — Nhân công.

Vốn ăn, là phải có đủ cho cả gia-đình ăn trong một năm. Mùa trước mất, vẫn còn vốn ăn để theo mùa sau. Ăn đã vậy, còn phải có đủ các thứ thuế : Tô, Dung, Điều, Dịch.

Vốn cày cấy thả ra đồng cũng phải đủ cho hai vụ. Vụ trước mất lại có theo đuổi vụ sau. Nay người nông-dân nghèo thường nhật đã chạy ăn từng bữa không xong, khi được chia ruộng thời đào đầu ra mấy thứ vốn đơn, vốn kép, vừa nuôi nhá, vừa thả ra đồng trong suốt năm để canh tác. Vốn đã không có rồi, nhưng hễ mang tiếng là được chia ruộng thời sưu, dịch, tô, điều lại dè vào lưng, nên đã thiếu ăn ở đẳng này lại không có đóng góp ở đẳng kia. Đây là nguyên-nhân chính khiến người nông-dân vô-sản hễ được chia ruộng thời lại càng túng thiếu chông chênh. Thế là tình thế buộc một số lớn nông-dân nghèo phải bỏ làng, bỏ ruộng, trốn thuế, trốn phu mà đi Xứ khác, tha phương cầu thực. Một số ít những kẻ may mắn, không phải tha phương thời xin được chân ở cày, làm mướn cho nhà chùa, nói chung là cho những người nhiều tiền của và nhiều ruộng. Với những người phải bỏ làng mà đi thời những chân ruộng chia cho họ ấy, đương nhiên lại do quý-tộc, tự-xã, hào-tộc sẵn vốn bỏ ra cày cấy để rồi biến thành tư-sản của họ.

Vậy, BAN-ĐIỀN THU THỤ PHÁP chỉ là cái vòng luẩn quẩn vô nghĩa-lý, ruộng lấy ở hào-tộc ra thời lại quy vào quý-tộc, còn vô hình chung đẩy bao nhiêu bần-nông vào cảnh trốn thuế, trốn phu, bỏ quê hương đào tẩu đi Xứ khác, hay thành gia-nhân tôi tớ cho những nơi quyền thế. Được nương tựa nơi quyền thế là may lắm đấy vì vừa có việc làm, vừa có cơm ăn lại tránh được thuế má, phu dịch là những nông nổi mà người bần nông dưới những thời ĐẠI-HÓA. NẠI-LƯỞNG và BÌNH-AN lấy làm lo ngại, sợ hãi nhất.

Ngược lại, ruộng tập trung vào quý-tộc, tự-xã hay hào phú là những cơ hội tốt cho các giới này tung vốn ra, mướn chính tay bần

nông cấy cấy cho họ thuê hoạch thêm để càng giàu có hơn mãi, nhất là giới quý-tộc, chiếm ưu thế quyền hành từ KINH-ĐÔ tới các nơi thôn dã. *Và các cái đà ấy mà tiến lần lần, giới quý-tộc mới là những đê nhất điền-chủ trong nước Nhật-Bản ở thời-đại Bình-An*, rồi thứ mới đến Đông-Đại Tự và Hưng-Phúc Tự. Khu vực đất đai của điền-chủ gọi là SHÔ EN — (Trang-Viên), — của nhà nào thời là Trang-Viên của nhà ấy.

Thế là từ ngày mà các Trang-Viên nổi lên, BAN-ĐIỀN THU-THỤ PHÁP đương nhiên bị thủ tiêu, từ thủ-phủ KINH-ĐÔ cho đến các địa-phương, nhưng quý-tộc sẵn tài-sản, điền-địa, thế-lực ở trong tay mới bắt đầu ngừng nghiêng, bắt tuân mệnh lệnh của Thiên-Hoàng, việc lớn việc nhỏ đều tự chuyên cả.

Còn số phận những bần-nông bỏ làng, trốn thuế, trốn phu đi các Xứ khác thời sao ? Vô kể khả thi cho có sinh kế qua ngày, họ kết thành bô đảng lục-lâm, thảo-khấu đi cướp phá các kho thóc của nhà giàu, đón đường triệt lộ thương nhân lấy ăn và sau này, họ kết thành lực lượng lớn để chống lại cả những tham quan, cường hào nào làm hại họ. Do ở tình trạng nhiều giặc cướp này mới nảy ra trong xã-hội Nhật-Bản một tầng lớp mới, tầng lớp BUSHI — (Vũ-Sỹ) — từ thế-kỷ thứ IX mà chúng tôi sẽ trình bày ở cuốn thứ Hai.

Giờ đây xin lần lần giới thiệu những trang-sử chuyên-quyền của giới Quý-Tộc.

Quý-Tộc chiếm độc quyền về học-vấn

KIZOKU NO GAKKŌ

(*Những nhà trường riêng của Quý-Tộc*)

Xây dựng xong thủ-phủ KINH-ĐÔ là hàng ngũ quý-tộc nghĩ ngay đến việc xây cất trường sở riêng cho con cháu của giòng họ mình. Những trường này ở ngay tại thủ-đô, phân ra hai loại đẳng chung cho các con quý-tộc, quan lại, viên-chức, đẳng riêng cho mỗi giòng quý-tộc. Tuy đặt tên cho trường thời nào là trường Đại-Học, trường Quốc-Học thực đấy, nhưng chỉ cốt đào tạo những

giòng dõi thế-gia lại trở nên thế-phiệt để bảo thủ lấy ngôi tước chỉ-huy chính-trị của nhà mình. Ngoài những trường học chung như trên đây, mỗi giòng quý-tộc lại cất riêng cho giòng mình một trường khác, xuất tiền riêng ra mướn thầy về dạy. Họ Đàng-Nguyên thời lập ra KANGAKU-IN — (Khuyến-Học Viện). — họ THACHI-BANA — (Quất thị) — lập ra GAKKAN-IN — (Học-Quán Viện), — họ ARIWARA — (Tạ-Nguyên thị) — lập ra SHÔGAKU-IN — (Trường-Học Viện) — họ WAKE — (Hòa-Kbí thị) — lập ra KÔBUN-IN — (Hoàng-Văn Viện) v...v...

Đối với những trường chung gọi là Quốc-Học hoặc những trường riêng gọi là Học-Viện này, nếu là con nhà thường dân thời dù thông minh đến mấy cũng không bao giờ được giới quý-tộc dành cho một chỗ ngồi. Thế nên học hành để mở trí-thức, tham khảo để mở kiến-vấn là độc-quyền của Quý-Tộc trong thời Bình-An, tạo nên cách biệt rõ ràng giữa giới người thừa phươg tiện để học với giới muỗu học cũng không được. Thiếu số được học thời trí tuệ mở mang, theo kịp tiến triển của văn-hóa, đa số không được học thời tầm hiểu biết bị bó hẹp trong vòng tập tục cổ-truyền.

Ưu thế và sức mạnh của giòng họ Đàng - Nguyễn

Khi cán cân quyền hành đã lệch nặng về bên Quý-tộc, tất nhiên, phần nhẹ tềch về triều-đình và Hoàng-gia. Vì thế lực bị giảm nhiều nên Thiên-Hoàng trong thời-đại Bình-An chỉ còn là những bức tượng sơn son để bài trí cho triều-đình thêm màu sắc. Phần quốc-sự đều do nơi Quý-Tộc tự chuyên tự quyết và trong hàng ngũ Quý-tộc thời mạnh và vũ-đoán nhất, đoạt hết quyền hành của Hoàng-gia là giòng họ Đàng-Nguyên vậy.

Ở trên đã trình bày, họ Đàng-Nguyên chiếm hữu nhiều ruộng nương nhất nước của chìm, của nổi, vàng ngọc vô vàn. Cách làm giàu của quý-tộc này cũng khéo léo, tuy nhiều ruộng đất nhưng không phát canh mà chỉ mướn bần nông cấy cấy để tận hưởng số thâu hoạch. Đất rộng tất nhiều dân ở nên họ Đàng-Nguyên còn thu được nhiều thứ thuế về dò, chợ, công-nghệ cùng Dung, Điều. Tiếng

ràng, lối thu của họ này có nhẹ được phần nào, nhưng bách gia gom vào một nện trở thành nhiều vô lượng.

Nhờ ở lối góp nhặt nhặt tiêm nguyệt tích ấy mà họ này trở nên phú tộc địch quốc, quyền thế mỗi ngày mỗi làm nghiêng lệch sơn hà. Trên danh nghĩa thời họ Đằng-Nguyên chỉ là bầy tôi, nhưng ở thực tế thời có địa-phương mà thế lực của họ này phong tỏa kín hết, quyền nhà vua chẳng còn chỗ nào mà xen vào được. Tỷ như Xứ Kỳ-Y ở Nam-Hải Đạo thời toàn bộ viên-chức từ cấp thừa bành đến chỉ huy lãnh-đạo đều là người của họ Đằng-Nguyên cả. Còn đất đai thời chiếm hết chín phần mười, bất đắc dĩ mới phải nhường lại chút ít cho các tộc-xã. Như vậy, đất của Hoàng-gia không còn một thước nào trong Xứ này, nên họ Đằng-Nguyên, khi ở trong triều thời là đệ nhất quý-tộc mà ra đến ngoài là vua của địa-phương.

Đối với Hoàng-gia, họ này còn là cái « lò » kể thế cung cấp những ngôi cao quý nhất về hàng mẫu-nghi thiên-hạ, như hoàng-hậu, vương-phi, thứ-phi. Hoàng-Hậu sinh Hoàng-nam thời họ Đằng-Nguyên tức thành ngoại-tổ của Thiên-Hoàng. Luôn luôn ở địa-vị ấy, thôi tha hồ mà dọc ngang khuấy nước, còn ai dám cưỡng lại. Tính từ Hoàng-Vũ Thiên-Hoàng đến Nhân-Minh Thiên-Hoàng, trải trên 70 năm của 5 đời vua đầu thời-đại Bình-An là được đích thân ngự phán việc triều-đình và họ Đằng-Nguyên mới còn đương trong thời kỳ tập trung tài sản, tiếm lấn quyền hành. Còn từ đời Văn-Đức Thiên-Hoàng — (850-58 d.l.) — đến đời Hậu Tam-Điều Thiên-Hoàng — (1068-72 d.l.) — nghĩa là trong khoảng hai thế-kỷ, họ này kế nhau đoạt hết quyền vua, trước còn ở ngôi SESSHÔ — (Nhiếp-Chính) —, sau rồi lên bậc nữa là SESSHÔ KAMPAKU — (Nhiếp-Chính Quan-Bách) —. Ở ngôi này thời đối với Hoàng-gia có toàn quyền cất đặt ngôi Thế-Tập, sách lập Chính-Cung, còn đối với triều-đình thời mặc ý định đoạt cả việc Văn lẫn việc Vũ, giải quyết trước rồi mới cho vua biết sau.

Từ Hào-Tộc chuyển sang Quý-Tộc, vốn tổ-tiên là họ Trung-Thần, một trong 5 giòng Hào-Tộc — (Trung-Thần, Kỳ-Bộ, Đại-Bạn, Vật-Bộ, Tô-Ngã) — từ thời hỗn sơ, cùng giúp Hoàng-gia mở mang bờ cõi, dựng nên đế-nghiệp để lần lần đến thời Bình-An ngày nay, riêng tạo nên một thời-đại trong lịch-sử Nhật-Bản, có sử-liệu thời gọi

là KIZOKU JIDAI — (Quý-Tộc Thời-Đại) — và cũng có sử-liệu thời gọi thẳng tên là FUJIWARA JIDAI — (Đằng-Nguyên Thời-Đại) —. Cái khéo của giòng họ này ở chỗ duy trì được giòng họ mình rất lâu đời, khi lên cứ từ từ mà lên đến tột bậc, uy quyền lướt cả Thiên-Hoàng, khi xuống cũng cứ từ từ mà xuống, không đến nỗi mất ngay địa-vị mà vương phải họa diệt vong như nhiều giòng họ khác.

Nay lược đến lịch-sử giòng họ này, chúng tôi ngắt ra làm bốn thời - kỳ :

1 — công-thần.

2 — quyền-thần.

3 — lộng-thần.

4 — đại-thần.

1. — Thời-kỳ công-thần

Khởi đầu thời-kỳ này, sử-liệu ghi vắn tắt như đã trình bày ở trên. Từ Hào-tộc, thủ-lĩnh một địa-phương, đem thực lực theo về triều-dinh, giúp nên đế-nghiệp và được Hoàng-gia cho thế-tập chức chưởng-quân tể-tự, lễ-nghi. Từ khoảng đời Khâm-Minh Thiên-Hoàng trở đi — (khoảng hậu bán thế-kỷ thứ VI sau kỷ-nguyên) — bị đồng-liêu là giòng Tô-Ngã chen cạnh nên mất thực quyền, chỉ còn hư vị, nên hai nhà Trung-Thần, Tô-Ngã trở nên thù địch từ đây. Đến năm 644 d.l. đời Hoàng-Cực Thiên-Hoàng, một người là Trung-Thần Liêm-Túc hết sức giúp Trung-Đại Huynh Hoàng-Tử diệt trừ xong giòng nghịch-thần Tô-Ngã nên được xếp vào hàng đầu các bậc công-thần dưới hai triều vua Hiếu-Đức Thiên-Hoàng và Tể-Minh Thiên-Hoàng.

Khi Trung-Đại Huynh Hoàng-Tử lên ngôi, hiệu là Thiên-Trí Thiên-Hoàng, thời Liêm-Túc lại được trọng đãi hơn nữa, một mặt được lên chức Thái-Chính đại-thần, đứng đầu văn-quan, một mặt được Sác Chiếu cho cải sang giòng Quý-Tộc, lấy họ là Đằng-Nguyên nên từ đây gọi là Đằng-Nguyên Liêm-Túc. — (669 d.l.).

2.— Thời-kỳ quyền-thần

Đằng-Nguyên Liêm-Túc mất rồi, con là FUJIWARA FUHITÔ — (Đằng-Nguyên Bất-Tĩ-Đẳng) — thế-tập chức Thái-Chính dưới 4 triều vua : Hoàng-Vân Thiên-Hoàng, Thiên-Vũ Thiên-Hoàng, Trị-Thống Thiên-Hoàng và Văn-Vũ Thiên-Hoàng.

Văn-Vũ Thiên-Hoàng lấy con gái đầu lòng của Bất-Tĩ-Đẳng, tức là gây cái mầm cho họ Đằng-Nguyên trở nên lộng-thần cùng mở đầu cho một thế hệ hàng mấy thế-kỷ sau, chỉ con gái trong giòng Đằng-Nguyên được kế-tiếp sách lập làm Hoàng-Hậu, truyền nối nhau ngai mẫu-nghi thiên-hạ.

Năm 707 d.l., Bất-Tĩ-Đẳng thu vén cho Nguyên-Minh Thiên-Hoàng lên nối ngai Văn-Vũ Thiên-Hoàng nên để trả ân ấy, Nguyên-Minh Thiên-Hoàng hạ Sắc Chiếu cho ông này được hưởng lộc của 5.000 nóc nhà, tức là lộc ban tứ hậu nhất từ trước đến bấy giờ.

Bốn con trai của Bất-Tĩ-Đẳng là :

- 1— FUJIWARA TAKECHI MARÔ : Đằng-Nguyên Vũ-Trí Ma-Lã.
- 2— — — FUSA MAE : — — Phòng-Tiền.
- 3— — — UGÔ : — — Vũ-Hợp.
- 4— — — ASA MARÔ : — — Ma-Lã.

đều là đại-thần tại triều, mỗi người đứng đầu một Bộ. Ở lúc này, quyền lực của họ Đằng-Nguyên đã lớn mạnh lắm rồi, từ quan chức triều-dình cũng không ai được gọi đến tên hoặc tước của bốn người trên đây mà chỉ được gọi đến biệt-hiệu phân ngành của mấy anh em họ, như :

- Đằng-Nguyên Vũ-Trí thời xưng là NANGE : Nam-Gia (1).
- — Phòng-Tiền — — — HOKUGE : Bắc-Gia.
- — Vũ-Hợp — — — SHIKIGE : Thúc-Gia.
- — Ma-Lã — — — KEGE : Kinh-Gia.

(1) Các nhân-vật thời NAI-LƯÔNG thịnh lối bắt chước nhà Đường lên Trung-Quốc nên cũng tự xưng là « Gia » để tỏ cái địa-vị cao sang của mình.

Vào năm Thiên-Bình thứ Chín — (737 d. l.) — đời Thánh-Vũ Thiên-Hoàng, một trận dịch đậu-mùà tàn hại khắp nước làm chết rất nhiều người — (tương truyền rằng, gần một nửa dân Đại-Hòa bị chết trong kỳ truyền-nhiễm này) — nên cả bốn anh em trên đây đều bị thiệt mệnh theo, khiến họ Đàng-Nguyên không còn ai đủ khả năng gánh trọng-trách của triều đình nên chức Thái-Chính Đại-Thần lọt về giòng quý-tộc Quất-tôi — (THACHIBANA). — May nhờ được Thánh-Vũ Thiên-Hoàng lấy em gái của mẫu-hậu — (Thánh-Vũ T. H. là con Văn-Vũ T. H.) — là con gái thứ hai của Đàng-Nguyên Bất Tỉ Đàng nên rồi lại vẫn hồi được địa-vị Thái-Chính cùng quyền hành.

Cũng từ thời Thánh-Vũ T. H. trở đi mới nảy ra tranh chấp quyền hành đưa đến cốt nhục tương tàn ở trong giòng họ Đàng-Nguyên. Sau trận dịch đậu mùa năm Thiên-Bình thứ Chín mà 4 con trai của Bất Tỉ Đàng đều bị mệnh chung thời hai ngành Thúc-Gia và Kinh-Gia đều không nảy được người tài ba để ghi tên sử sách. Duy ngành trưởng là Nam-Gia và ngành thứ là Bắc-Gia đều đông con cháu, nhưng tàn hại lẫn nhau, đưa đến kết cục chỉ ngành thứ tồn tại, sinh sôi nảy nở mãi về sau này. Khi Đàng-Nguyên Vũ-Trí mất đi thời hai con trai mới đương độ trưởng thành, nhưng đã đều làm quan cả. Con lớn là FUJIWARA HIROTSUGU — (Đàng-Nguyên Quảng-Tự) — được bổ nhậm cai-trị xứ Thái-Tể Phủ ngoài đảo Cửu-Châu, con thứ hai là FUJIWARA YOSHI TSUGU — (Đàng-Nguyên Lương-Tự) — làm quan tại kinh. Năm Thiên-Bình thứ Mười Ba — (741 d. l.) — Quảng-Tự mới 26 tuổi thời bị bắt và hành hình ngay tại Cửu-Châu.

Nguyên thời NẠI-LƯƠNG là thời-đại mà Hoàng-gia cũng như Quý-Tộc tôn sùng Phật-giáo đến mực trọng tăng, ai hơn thân mệnh, huy động hết tài sản quốc-gia để xây cất Quốc-Phật Tự, Đông-Đại Tự cùng đúc tượng Đại-Phật. Trong số những tăng-thượng dự vào hưng công Đông-Đại Tự có một vị là GEMBŌ — (Huyền-Phương) — vốn du học Trung-Quốc về nên rất được triều-đình trọng vọng. Ông này lợi dụng lòng trọng vọng ấy mà mê hoặc, quyến rũ những mệnh-phụ, đại phu-nhân tại thủ-đô vào đường trục táng bất chính. Kể về đường liêm-tiết thì đây là nhục cho hàng quý-tộc phu-nhân nên Đàng-Nguyên Quảng-Tự, nhân đương tuổi thanh-

niên băng hái, mấy lần dâng thư về triều-đình can-gián nhưng vô hiệu mới quyết-định khởi binh từ Cửu-Châu về NẠI-LƯƠNG để đánh đuổi những sự mô phá-giới ấy. Bất đồ việc tính không kín; triều-đình phái binh đến Cửu-Châu trước nên bắt được Quảng-Tự, khép vào tội đại-bất-kính và xử quyết tại chỗ, mặc dầu có cô ruột là Quang-Minh Hoàng-Hậu cũng không cứu nổi. Quảng-Tự bị giết rồi, Lương-Tự cũng bị đưa đi đày, đến 5 năm sau — (746) — mới được về. Nhưng khi về đến thủ-đô thời quyền nài nh đã lọt về tay hai người em ngành thứ Bắc-Gia nắm giữ cả. Lương-Tự bèn tìm cách lấy lại thế là mằm nổi da nấu thịt gây ra từ đấy.

Một trong hai người con ngành Bắc-Gia là FUJIWARA NAKA-MARÔ — (Đằng-Nguyên Trọng Ma-Lã), — nhân lúc thế đương mạnh, buộc Hiếu-Khiêm T.H. phải thoái vị để đưa Thuần-Nhân T.H. lên thay. Hiếu-Khiêm T.H. bị truất nhưng đâu có chịu, ngầm dùng nhà sư Đạo-Kính và Đằng-Nguyên Lương-Tự làm tả hữu, sớm tối cùng mưu sự khôi phục ngôi cũ. Thấy vậy, Trọng-Ma-Lã bèn đề binh đánh Đạo-Kính và Lương-Tự trước nhưng bị thua và bị Lương-Tự bắt được cùng với hai con còn nhỏ. Lương-Tự hạ lệnh giết cả ba cha con Trọng Ma-Lã, — (764 d.l.) — rồi cùng Đạo-Kính phủ lập Hiếu-Khiêm T.H. lên ngôi lần thứ hai, lấy hiệu là Xung-Đức T.H.

Địa-vị và số phận Đằng-Nguyên Lương-Tự rồi ra sao, sử-liệu không thấy ghi chép. Chỉ biết rằng, người giữ vai trò chính, như cho sư Đạo-Kính đi đày và công khai phản-đối việc để phụ-nữ ở ngôi Thiên-Hoàng trong việc cất đặt ngôi Thái-Tập dưới triều Quang-Nhân T. H. — (nổi ngôi Xung-Đức T. H.) — là FUJIWARA MOMOKAWA — (Đằng-Nguyên Bách-Xuyên) — thuộc ngành thứ. Còn Đằng-Nguyên Lương-Tự, có thể vì phạm tội giết cả nhà em nên bị truất hoặc bị ngành thứ trả thù chăng? Và cũng từ đây, chỉ có ngành thứ Bắc-Gia mới là những động-cơ chính cho THỜI-ĐẠI QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN này.

Kế-nghiệp Đằng-Nguyên Bách-Xuyên là FUJIWARA TANETSUGU — (Đằng-Nguyên Chung-Tự) —. Ông này bị một Hoàng-thân là em Hoàn-Vũ T. H. sai người giết chết trong năm 785 d.l.

Hoàng-Hậu và thứ-phi của Hoàn-Vũ T. H. là hai chị em trong dòng Đằng-Nguyên. Hai con trai của Hoàng-Hậu rồi là Bình-Thành

Thiên-Hoàng và Tha-Nga Thiên-Hoàng. Con trai bà thứ-phỉ rồi kế nghiệp Tha-Nga T. H. lấy hiệu là Thuần-Hòa Thiên-Hoàng.

Bình-Thành T. H. cũng sách lập con gái trong giòng Đàng-Nguyên là FUJIWARA KUSURI-KO — (Đàng-Nguyên Được-Tử) — làm chính-cung. Khi Bình-Thành T. H. nhường ngôi cho em là Tha-Nga T. H. để lui về vui cảnh chùa ở NẠI-LƯƠNG thời Được-Tử thiết tha tiếc ngôi Hoàng Hậu, bèn mưu với người anh ruột, định dùng vũ lực đánh đổ Tha-Nga T. H. để lại đưa chồng lên ngôi cứu-ngũ và tái thiết lập thủ-đò ở NẠI-LƯƠNG cho chồng được thoả chí kinh-kê. Nhưng việc không thành, anh ruột của Được-Tử bị hành quyết, bà này vì hối hận nên uống độc-được quyền-sinh còn Bình-Thành T. H. thời dóc tóc xuất gia hẳn. Việc này xảy ra ngay năm Hoàng-Nhân nguyên-niên — (810 d.l.) — đời Tha-Nga T. H., nghĩa là chỉ mấy tháng sau khi Bình-Thành T. H. nhường ngôi cho em. Vì do Đàng-Nguyên Được-Tử chủ trương nên hậu thế gọi là KUSURI KO NO RAN — (Được-Tử chi loạn) —. Hành-động thiếu suy xét của Được-Tử làm thiệt cho họ Đàng-Nguyên mất một đời Hoàng-hậu vì rồi Tha-Nga T. H. kén con gái trong giòng quý-tộc Quất-thị để sách lập làm chính-cung.

Nhưng rồi họ Đàng-Nguyên vẫn kéo lại được địa-vị nhờ nơi Tha-Nga T. H. gả con gái cho FUJIWARA YOSHIFUSA — (Đàng-Nguyên Lương-Phòng) —. Khi trưởng-nam của Tha-Nga T. H. là Nhân-Minh Thiên-Hoàng lên nối ngôi phụ-hoàng, lại kén con gái trong giòng Đàng-Nguyên làm chính-cung và thứ-phỉ. Hoàng-Hậu chính-cung là em gái Lương-Phòng, sinh hoàng-nam trước các bà thứ nên trưởng-nam này được chọn làm Thái-Tập, khi lên ngôi lấy hiệu là Văn-Đức Thiên-Hoàng. Khi sắp lên kế vị, Văn-Đức Thiên-Hoàng đã thành gia-thất và có 3 con rồi nhưng lại lấy thêm con gái Lương-Phòng làm thứ-phỉ. Bà thứ này sinh thêm hoàng-nam, nhờ vào uy thế bên nhà mẹ mà con bà thứ này tuy là út nhưng đứng lên đầu, nghĩa là được chọn làm Thái-Tập ngay từ còn thơ ấu. Ngược lại, địa vị của Lương-Phòng cũng nhờ đấy mà lên đến tột bậc cao quý : Quốc-trượng của Thiên-Hoàng và ngoại-tổ của tự-quân. Địa-vị này của ông ta đã khai nguyên nên THỜI-KỲ LÔNG-THẦN của họ Đàng-Nguyên dài đến 200 năm vậy.

3. — Thời-kỳ lộng-thần

Đặng-Nguyên Lương-Phòng là cháu bảy đời Đặng-Nguyên Liêm-Túc, thuộc về ngành thứ Bắc-Gia.

Sau khi cải-hiệu sang Bình-An nguyên-niên — (857 d.l.) — Văn-Đức T.H. thấy sức lực suy yếu, bèn giao trọng sự phù-tá Thái-Tập cho Lương-Phòng rồi băng hà vào năm sau. Tự-quân lên ngôi, lấy hiệu là Thanh-Hòa Thiên-Hoàng, mới có 9 tuổi nên đương nhiên việc triều-chính quốc-sự đều do ông ngoại là Lương-Phòng quyết-định cả. Thế là Lương-Phòng trở nên quyền nhiếp-chính từ đây — (niên-hiệu Bình-An thứ Hai, 858 d.l.) — để rồi được chính-thức-hóa bằng Sắc Chiếu trong năm 866 d.l.

Về việc này, Chương thứ Mười Ba trong bộ SANDAI SHI-TSUROKU — (Tam-Đại Thực-Lục) — chép rằng : — « Ngày « Tân-Mão Mười Chín tháng Tám, niên-hiệu Trinh-Quan thứ Tám » — (866 d.l.) triều-thần đồng dâng biểu xin Sắc phong cho chức « Thái-Chính Đại-Thần là Đặng-Nguyên Lương-Phòng lên Tòng « Nhất-Vị Chính-Sự Nhiếp-Hành.

« Đây là họ Đặng-Nguyên bày trò ra để chiếm ngôi cực « phẩm vậy » (1).

Đến đây, xin kể rằng, việc nhường ngôi cho dị tộc làm nhiếp-chính là xuất lộ, phạm đến quyền chí tôn của Hoàng-gia vì từ khởi tạo nên triều-đình Đại-Hòa, chức nhiếp-chính để thay Thiên-Hoàng cai-trị thần-dân chỉ được giao phó cho người Hoàng-phái. Trước kia, khi Hào-tộc Tò-Ngã lộng hành, y chỉ thoan đoạt công việc nhiếp-chính bên Phủ Thánh-Đức Thái-Tử chứ không có thực quyền và thực vị nên họ Tò-Ngã không thể sánh với địa-vị danh chính của họ Đặng-Nguyên. Và cũng từ đây, Thiên-Hoàng bị đẩy ra xa chính-trường, chỉ còn ở ngôi Thánh-vị trong thâm cung, giữ việc liên-lạc về phương diện tinh-thần và lễ nghi giữa Nữ Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần với thần-dân Đại-Hòa.

(1) Nhất-vị là ngôi chí-tôn của Thiên-Hoàng. Tòng Nhất-Vị là được ghé vào ngôi chí-tôn, cũng như tiền triều V.N. ta phong cho ai là « tòng nhất-phẩm » tức cho người « y dự vào hàng nhất-phẩm » quan-trường vậy.

Lương-Phòng rồi gả con gái út cho Thanh-Hòa T. H., tức là ép cháu lấy dì. Ở chức Nhiếp-Chính 15 năm và mất vào năm Trinh-Quan thứ Mười Bốn — (872 d. l.) — đời Thanh-Hòa T. H.

Lương-Phòng không con trai, tuyển cháu là FUJIWARA MO-TOTSUNE — (Đằng-Nguyên Cơ-Kinh) — làm tập-tử. Khi Lương-Phòng mất, Cơ-Kinh đương ở chức Hữu Đại-Thần nên chỉ quyền Nhiếp-Chính. Đến năm 876 d. l., Thanh-Hòa T. H. nhường ngôi cho hoàng-nam mới 10 tuổi lên ngôi, lấy hiệu là Dương-Thành T. H., thời Cơ-Kinh mới chính thức đảm nhiệm chức vụ cao quý ấy. Vì Dương-Thành T. H. bạo ngược và hiếu sát nên Cơ-Kinh truất phế và cho vào an-trí tại lãnh-cung để dựng Quang-Hiếu T. H. lên thay.

Quang-Hiếu T. H. trị vì được 3 năm thời băng hà để lại nhiều hoàng-nam. Cơ-Kinh bèn chọn người con thứ bảy lên ngôi lấy hiệu là Vũ-Đa T. H. Vừa mới làm lễ đăng-quang chưa kịp cải đổi niên-hiệu, Cơ-Kinh đã ép Vũ-Đa T. H. phải hạ Chiếu phong thêm cho mình nhiệm-vụ KAMPAKU — (Quan-Bạch) — Về việc này, sử-liệu ghi rằng : — « Ngày 21 tháng Một, niên-hiệu Nhân-Hòa thứ Ba — (887 d. l.) — Vũ-Đa T. H. Sắc Chiếu phong thêm cho Nhiếp-Chính Đằng-Nguyên Cơ-Kinh nhiệm-vụ Quan-Bạch, tức tổng-quản quốc-chính tả, hữu-sự, kiêm-nhiệm việc lãnh-đạo cả Văn, Vũ, Hình Chính, điều-khiển cả bách-quan. Đại cương tờ Sắc, chiếu rằng : — « Trẫm xét chức Nhiếp-Chính Thái-Chính đại-thần — (tức Cơ-Kinh) — đã trải Nhiếp-Chính ba đời Tiên-Đế (1), đem hết lòng trung ra luận bàn quốc-sự, lao tâm khổ tứ để nấy vạn cơ mưu ứng đối đến những việc nhỏ nhặt nhất, thực là công lao đầy dật. Nay Sắc phong thêm nhiệm-vụ Quan-Bạch, đại-phàm với bách-quan triều-đình có toàn quyền điều-vật ; đại-phàm tả, hữu sự đều có toàn quyền giải-quyết ».

Dựng một vị hoàng-nam ở hàng thứ bảy đã bị gạt xuống làm thứ dân — (xem tiểu-sử Tha-Nga T. H.) — lên ngôi vua để rồi hôm trước hôm sau ép tôn quân phải phong chức Quan-Bạch cho mình tỏ rõ Cơ-Kinh dụng tâm đặt người yếu thế lên ngôi cao để dễ bề bắt nạt mà chiếm cả quyền vua về phần mình.

Nhưng Vũ-Đa T. H. cũng không phải người vờ. Ông

(1) — Thanh-Hòa, Dương-Thành và Quang-Hiếu Thiên-Hoàng.

chỉ chịu nhần trong mấy năm đầu, chờ khi Cơ-Kinh mất rồi — (891), — ông không tuyển Nhiếp-Chính trong hàng Tả, Hữu Thái-Chính, tức là gạt giòng Đàng - Nguyên ra cho khỏi ngấp nghé vào địa-vị đó nữa. Ông dùng một nhân-vật thuộc giòng quý-tộc khác, đương tại chức Thái-Tể, vốn có tiếng là bác-học và liêm-chính nhất thời ấy là SUGAWARA MICHIZANE — (Gián-Nguyên Đạo-Chân) — (1) làm tham-mưu nghị sự. Vua tôi tương đắc nhau lắm, phàm những quốc-chính trọng sự chỉ hai người mật bàn, giòng Đàng-Nguyên không hay biết gì hết. Tỷ như, việc trọng đại nhất là chọn trong hàng hoàng-nam lấy ngôi Thái-tập ở năm Khoan-Bình thứ Năm — (893 d.l.) mà Vũ-Đa T.H. chỉ cất đặt theo ý kiến của Đạo-Chân, đến khi Sắc Chiếu ban ra cho thiên-hạ biết tên tự-quân thời giòng Đàng-Nguyên mới rõ.

Năm 897 d.l., Vũ-Đa T.H. nhường ngôi cho Thái-Tập là Thế-Hồ Thiên-Hoàng. Năm 899, niên-hiệu Xương-Thái thứ Hai, Thế-Hồ T.H. sắp đặt lại quan-triều, cất Đạo-Chân lên Hữu-Thái-Chính Đại-Thần mà con tướng của Cơ-Kinh là FUJIWARA TOKIHIRA — (Đàng-Nguyên Thời-Bình) — thời ở dưới một bậc, nghĩa là Tả Thái-Chính. Như vậy, việc thế-tập chức Nhiếp-Chính Quan-Bách, giòng Đàng-Nguyên bị mất một đời, trong khoảng 40 năm, từ niên-hiệu Khoan-Bình thứ Ba — (891 d.l.) — đời Vũ-Đa T.H. đến mãi năm Duyên-Trường thứ Tám — (930 d.l.) — cuối đời Thế-Hồ T.H. mới do em của Thời-Bình là FUJIWARA TADAHIRA — (Đàng-Nguyên Trung-Bình) — khôi phục lại được. Xin nói thêm rằng, tính đến năm 930 d.l. thời Đạo-Chân đã bị đánh đổ từ 29 năm trước kia rồi — (901 d.l.).

Thời-Bình mất vào năm Duyên-Kỷ thứ Mười Bốn — (914 d.l.) — đời Thế-Hồ T.H. thời liền đấy, Trung-Bình được cất lên Hữu Thái-Chính rồi Nhiếp-Chính trong năm 930, khi cháu ngoại là Chu-Tước Thiên-Hoàng lên kế-vị phụ-hoàng Thế-Hồ, mới có 7 tuổi. Năm Thiên-Khánh thứ Tư — (941 d.l.) — đời Chu-Tước T.H., Trung-Bình lại nối được chức Nhiếp-Chính Quan-Bách. Đến đời này sắp đi, thiên-hạ bị đói kém nghèo nàn quá đời nên giặc dã nảy sinh từ

(1) Xin xem quá sống dưới, mục: — « Những quan-niệm sai lầm về lòng me (lín) » — sẽ nói rõ về nhân-vật này.

tung, nhiều đến nỗi chính KINH-ĐÔ cũng thường bị cướp phá và đồng thời, lực lượng vũ-sỹ ở các địa-phương cũng mỗi ngày mỗi mạnh. Sử-liệu ghi rằng, mặc cho nhân-dân lầm than và giặc cướp quấy nhiễu, các nhà quý-tộc, nhất là giòng Đàng-Nguyên chỉ biết thu thuế, hưởng lạc và cầu Thần Phật độ cho bình an.

Đã từ năm Thừa-Bình thứ Tư — (934 d.l.) — đời Chu-Tước T.H., giặc bể phụ-họa với giặc cạn, chúng hoành hành suốt cả khu Lại-Bộ Nội-Hải khiến con đường thủy từ KINH-ĐÔ xuống Tứ-Quốc và Cửu-Châu bị nghẽn. Nhiếp-Chính là Trung-Bình bèn ủy cho người trong nội-tộc là FUJIWARA SUMITOMO — (Đàng-Nguyên Thuần-Hữu) — lĩnh thủy-quân đi hợp với địa-phương quân Tứ-Quốc để tiêu diệt. Hai năm sau, Thuần-Hữu bình định xong những đám giặc bể này, nhưng rồi chính Thuần-Hữu lại quay ra làm phản. Y không về triều nữa, giữ toàn bộ binh lực lại và chiêu dụ thêm những quân giặc bể đã bị tan vỡ trước rồi chiếm luôn mặt bể Đông-Nam, tự xưng chúa một vùng. Để giúp thêm thanh thế, y phái người lên mặt Bắc, kết liên với nghịch tướng TAIRA MASAKADO — (Bình Tướng-Môn (1) — hoành hành ở địa-phương Quan-Đông, ước hẹn nhau cùng đánh phá cả mặt Bắc lẫn mặt Nam của triều-đình, Thanh-thế của Đàng-Nguyên Thuần-Hữu rồi mạnh hơn những đám giặc bể trước, y chia thủy-quân đi án ngữ và cướp phá những cửa bể tại Nam Bản-Châu, Tứ-Quốc và Cửu-Châu.

Bấy giờ Trung-Bình mới quan-ngại đến việc nước, bèn huy động cả thủy, lục quân đi đánh dẹp. Lục-quân thời tiến thẳng vào Quan-Đông của Bình Tướng-Môn, đánh nhau đến năm 940 d.l. mới giết được tướng này để yên mặt bộ. Bình Tướng-Môn chết rồi, Thuần-Hữu bị cô thế phải bỏ đại-doanh ở các đảo thuộc Xứ Phong-Hậu ở đông-bắc Cửu-Châu, rút hết chiến-thuyền về mặt tây-nam đảo này. Tướng của Triều-đình là ONO YOSHIFURU — (Tiểu-Dã Hiếu-Cổ) — đuổi đến nơi, phá được thuyền đội của Thuần-Hữu ở cửa bể Bắc-Đa. Thuần-Hữu lên vào chiếc xuồng nhỏ trốn về đất Y-Dự ở Nam-Hải Đạo nên bị bắt tại đây và bị trảm quyết — (941 d.l.).

Đàng-Nguyên Trung-Bình mất vào năm Thiên-Lịch thứ Ba

(1) Sẽ nói rõ về nghịch-tướng này ở đầu Quyển II, trong mục TENKEI NO RAN — (Thiên-Khánh Cbi loạn).

— (949 d.l.) — tính ra ở chức Nhiếp-Chính 11 năm và Nhiếp-Chính Quan-Bạch 9 năm.

Trung-Bình mất đi rồi, Thôn-Thượng Thiên-Hoàng vốn ghét thói hoạn quyền của quý-tộc nên không tuyển phong chức Nhiếp-Chính và Quan-Bạch nữa, suốt trong 18 năm sau tại vị của ông. Phải chờ đến niên-hiệu An-Hòa nguyên-niên — (968 d.l.) — đời Linh-Tuyền Thiên-Hoàng, trưởng-nam của Trung-Bình là FUJIWARA SANEYORI — (Đằng-Nguyên Thực-Lại) — mới được tái phong Nhiếp-Chính Quan-Bạch. Ở chức này được 3 năm, Thực-Lại đã mất — (Thiên-Lộc nguyên-niên (970) đời Viên-Dung T. H.) — để cháu con nhà chú — (con thứ hai của Đằng-Nguyên Trung-Bình) — là FUJIWARA IJUN — (Đằng-Nguyên Y-Duẩn) — lên kế chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch.

Y-Duẩn cũng chỉ vắn vắn được 2 năm thời em ruột là FUJIWARA KANEMICHI — (Đằng-Nguyên Kiêm-Thông) — lên thay vào năm Thiên-Lộc thứ Ba — (972 d.l.).

Kiêm-Thông ở chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch được 5 năm thời lại truyền cho anh con nhà bác là FUJIWARA YORITADA — (Đằng-Nguyên Lại-Trung) — vốn là con-trai thứ hai của Đằng-Nguyên Thực-Lại, vào năm Trinh-Nguyên thứ hai đời Viên-Dung Thiên-Hoàng — (977 d.l.) —. Đến năm Khoan-Hòa thứ Hai — (986 d.l.) — đời Hoa-Sơn Thiên-Hoàng, em ruột Kiêm-Thông là FUJIWARA KANEYE — (Đằng-Nguyên Kiêm-Gia) — lên kế chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch của anh con nhà bác. Như vậy, cả ba anh em ruột Đằng-Nguyên Y-Duẩn, Kiêm-Thông và Kiêm-Gia đều được thay mặt vua mà cai-trị thiên-hạ.

Đằng-Nguyên Kiêm-Gia sinh ba con trai là :

— FUJIWARA MICHITAKA : Đằng-Nguyên Đạo-Long.

— FUJIWARA MICHIKANE : Đằng-Nguyên Đạo-Kiêm.

— FUJIWARA MICHINAGA : Đằng-Nguyên Đạo-Trường.

Thời cả ba người này cũng đều lần lượt theo thứ tự trên dưới lên tập tước Nhiếp-Chính Quan-Bạch, dưới thời Nhất-Điều Thiên-Hoàng.

Kiểm-Gia mất vào năm Chính-Lịch nguyên-niên — (990 d. l.) — đời Nhất-Điều T. H. thời con trưởng và con thứ sinh bất hòa vì tranh chấp quyền hành, nhưng rồi cũng thu xếp được ổn thỏa, trước hãy nhường cho con trưởng là Đạo-Long lên địa-vị cực phẩm, điều khiển bách quan. Đến năm Trường-Đức nguyên-niên — (995 d. l.) — đời Nhất-Điều T. H., bệnh dịch-tả tàn hại nhân dân Đại-Hoà nên Đạo-Long mất vì bệnh này, Đạo-Kiểm lên thay, vừa nhận được Sắc phong thời cũng bị truyền nhiễm mà chết theo anh ngay trong năm đó nên em thứ ba là Đạo-Trường được lên kế chức Nhiếp-Chính Quan-Bách.

Kể trong hơn hai thế-kỷ lộng quyền của giòng quý-tộc Đàng-Nguyên, chỉ có Đạo-Trường là nhân-vật danh tiếng nhất về quyền hành và đường xa xỉ cũng đến tột bậc trong 22 năm — (996-1017) — tại chức. Một tay gây dựng cho 4 ngôi vua là Nhất-Điều, Tam-Điều, Hậu Nhất-Điều và Hậu Chu-Tước Thiên-Hoàng. Có 5 con gái thời 4 người đều là chính-cung của 4 vị vua trên đây, còn người thứ năm cũng đã gả cho em trai Hậu Nhất-Điều T. H. Hoàng-đệ này đã được chọn vào ngôi Thái-Tập nhưng sau vì loạn trí nên không thể kế vị con rể thứ của Đạo-Trường là Hậu Chu-Tước T. H., nếu không cả 5 con gái đều là 5 ngôi hoàng-hậu của 5 đời vua. Về việc này, sử-liệu có ghi lời bình-luận rằng : — « Đối với quốc-gia thời cai-trị muôn dân, đối với triều-đình thời điều khiển bách quan, đối với Hoàng-gia thời chỉ định đến ngôi chí-tôn, trăm việc đều quy vào một cửa, một nhà mà có đến 4 ngôi hoàng-hậu trong một thời, thời còn biết lấy lẽ nào để tả cho hết cái cao, cái rộng của uy quyền của Đàng-Nguyên Đạo-Trường được. Đến như thế, liệu thế-gian này còn có ai bì nổi. Chỉ có thể nói rằng, đến đời Đạo-Trường là họ Đàng-Nguyên lên đến tuyệt đỉnh cao sang vậy ».

Lúc lui về văn niên, Đạo-Trường chán mùi công danh và địa-vị nên cất ngôi chùa HOSHŌ-JI — (Pháp-Thành Tự) — để tu ở đây. Chùa làm cực lớn, tốn phí rất nhiều. Lệnh làm chùa ban ra, để chóng xong, có địa-phương bắt rờ làng dân, sau phải cách đồng đương lúa để làm đường chuyển vận gỗ và đá tảng. Những thửa ruộng chung quanh chùa cũng đều bị san đi để lấy đất làm vườn trồng cây cho chùa được mát mẻ, u tịch. Muốn cho cây chóng tốt, Đạo-Trường cho đào những con ngòi, rút hết nước ruộng lúa

của những cánh đồng lân cận cho chảy vào vườn. Các Xứ ở gần KINH-ĐÔ đến là khổ vì cung ứng gỗ tốt, đá đẹp, thợ giỏi cùng dân phu, tiền nong các khoản để chùa hoàn thành y như kỳ hạn. Con trưởng Đạo-Trường là FUJIWARA YORIMICHI — (Đằng-Nguyên Lại-Thông) — đốc thúc đại-diện các Xứ rằng : — « Các người có thể chậm thuế của triều-đình chứ không được lờ kỳ hạn làm chùa của cha ta mà rồi bị quở trách ». Lời nói ấy chứng tỏ việc quốc-gia Đại-Hòa không quan trọng bằng việc riêng của nhà Đằng-Nguyên vậy.

Pháp-Thành Tự hoàn thành vào năm Khoan-Nhân nguyên-niên — (1017 d.l.) — đời Hậu Nhất-Điều T.H. Đạo-Trường liền nhường địa-vị cho trưởng-nam trong năm này để vào chùa tu hành và mất tại đây, năm 62 tuổi — (1027 d.l.).

Đằng-Nguyên Lại-Thông nối chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch của cha trong 50 năm giời, từ khởi tự-vị ở 1017 d.l. đến năm Trị-Lịch thứ Ba — (1067 d.l.) — đời Hậu Linh-Truyền Thiên-Hoàng, nghĩa là trải 3 đời vua và vẫn giữ được vai trò của bố : cai-trị nước, điều-khiển triều-đình và xếp đặt nội-tình Hoàng-gia. Hậu Chu-Tước và Hậu Linh-Truyền T.H. đều tuyển con gái của Lại-Thông vào ngôi chính-cung. Trở về già yếu, lại nhân Hậu Linh-Tuyển T.H. giá băng và đồng thời tự-quân lên thay — (Trị-Lịch thứ Tư, 1068 d.l.) — Lại-Thông cũng nhường chức lại cho em là FUJIWARA NORIMICHI — (Đằng-Nguyên Giáo-Thông).

Từ Giáo-Thông lên kế chức Quan-Bạch, họ Đằng-Nguyên kể là suy yếu, ở trong thời Hoàng-gia tìm mọi cách lấy lại quyền hành, đẩy họ này ra hư vị có chức mà không có quyền ; ở ngoài cõi thời các Vũ-Gia, tức những giòng vũ-tướng lãnh-tụ các đoàn vũ-sỹ, mỗi giòng mạnh nổi lên chiếm giữ một vùng, suốt từ Nam chí Bắc nước Đại-Hòa (1). Vậy từ cuối đời Đằng-Nguyên Giáo-Thông — (1068-1075) — là chấm dứt THỜI-KỲ LỘNG-THẦN của giòng quý-tộc này. Trở về sau đây, tiếng rằng vẫn còn nhiều đời được hiệu phong Quan-Bạch nhưng chỉ còn ở hàng ngũ đại-thần để cũng chịu những buổi thăng trầm như những giòng họ khác. Tính từ Đằng-Nguyên

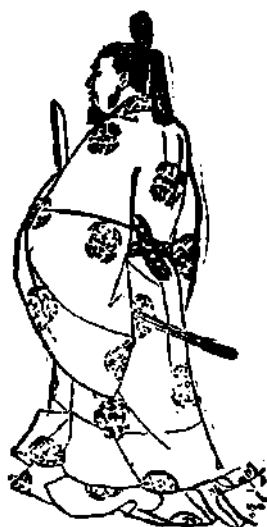
(1) Lịch-sử và chiến-tranh giữa các Vũ-gia sẽ tiếp ở đầu cuốn II.

Lương-Phòng đến Đàng-Nguyên Giáo-Thông, họ này ở chức Nhiếp-Chính quyết-định quốc-sự và chức Quan-Bạch điều khiển bách quan và cất đặt Hoàng-gia vào trên hai thế-kỷ.

Đàng-Nguyên Giáo-Thông phải gánh chịu sự suy yếu của giòng họ mình, nhưng theo bình luận của sử-gia Nhật-Bản thời ương cấy mầm suy yếu ấy là từ gần một thế-kỷ trước do tay Đàng-Nguyên Đạo-Trường kia rồi. Người dân kỳ vọng vào Chính-Phủ đem lại thanh bình no ấm mà tự thủ-phủ trung-ương thời Đàng-Nguyên Đạo-Trường xa hoa đến cực độ, bòn mại của dân để cung phụng cho sở thích của riêng mình ; ở địa-phương thời triều đình thu một nhưng quan thu mười nên ngay ở thời Đạo-Trường đương quyền nhiếp-chính, cảnh dân nghèo phải bỏ làng đi lang thang đây đó vì không đủ đóng cho Tô, Thuế, Dung, Điều, Dịch là tình trạng chung của các Xứ khiến xác người chết đường không biết bao nhiêu mà kể. Những người bạt xừ tha phương nào còn khỏe mạnh thời rồi cũng đến cùng đường nên thành phần chí, để từ người nông-dân chất phác ham sống tham lam, biến thành những bọn lục-lâm thảo-khấu tàn ác, chuyên đón đường bóc lột khách vãng lai hoặc đánh phá những nhà giàu có làm cách duy nhất bảo tồn lấy kiếp sống của mình. Những truyện kinh khủng về giặc cướp tàn phá, sát hại, bắt cóc lương dân còn truyền đến ngày nay, trong số đó điển hình là truyện OOEI YAMA NO SHÛTEN DÔSHI — (Con quỷ Tửu Thiện-Đông Tử trong núi Đại - Giang Sơn) — mà không một trẻ thơ Nhật-Bản nào là không biết thời đấy chỉ là những sơn-tặc của thời Bình-An này thôi vì chúng chiếm lấy hiểm thế của dãy núi này làm sào huyệt.

Dân tình thời như vậy, riêng có giòng Đàng-Nguyên là tuyệt đỉnh cao sang nên Đạo-Trường thường tự mãn mà nói rằng : — « Quyền lực ta mạnh, tài sản ta nhiều, chẳng khác nào trăng ở ngày rằm. Ta muốn gì là được, không ai cản nổi tự-do của ta. Đời ta chẳng còn thiếu thứ gì ».

Nhưng trăng đã đến rằm là trăng bắt đầu khuyết, vì địa-phương không thể trông cậy được ở trung-ương thời các Vũ-gia địa-phương đó phải tự đứng lên quân thủ lấy đất đai, tiêu trừ lấy giặc cướp, đảm nhiệm lấy việc duy trì trị-an nội bộ và thoát ly kiểm tỏa của quý-tộc ở trung-



Bằng-Nguyên Đạo-Trường



Đời sống nhà lầu cùng gái đẹp của giới Quý-Tộc nổi chung dưới thời

QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN

(Tài-liệu rút trong bộ Nhật-Bản Chí Tích)

trong đồng thời với Hoàng-gia đều có chịu mãi cảnh bị họ Đàng-Nguyên ức chế và tác loạn trên trường chính-trị của quốc-gia.

Sau khi Đạo-Trường mất rồi, những vị vua không thân thích với họ Đàng-Nguyên, ông nào cũng chủ trương tước quyền hành của họ này. Hậu Linh-Tuyên Thiên-Hoàng băng hà rồi, hoàng-đệ lên kế vị là Hậu Tam-Điều Thiên-Hoàng. Ông này không tuyển hoàng-hậu trong giòng Đàng-Nguyên nên không bị ràng buộc gì, bèn thực hiện những chủ-trương nung nấu từ lâu đó. Lại vốn tính tình cương-ngạnh, mặc dầu Đàng-Nguyên Giáo-Thông vẫn ở chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch, ngay năm sau tức-vị — (Duyên-Cửu nguyên-niên, 1069 d. l.) — ông tự tuyển dụng thêm nhiều nhà bác học để lập ra cơ-quan KIROKU-SHŌ — (Ký-Lục Sở) — do ông trực tiếp điều khiển chứ không chịu chi phối của Phủ Nhiếp-Chính. Ký-Lục Sở giải-quyết tất cả chính-trị và hành-chính toàn quốc, như vậy, Phủ Nhiếp-Chính bị giảm đi quá nửa quyền hành. Ký-Lục Sở giúp Hậu Tam-Điều T.H. thu lại những ruộng đất mà họ Đàng-Nguyên cấp bùra bãi từ năm 1045 cho các viên-chức địa-phương hoặc cho về cánh của mình, rút bớt số trang-viên được miễn thuế để thu hồi về đất của Hoàng-gia, bãi bỏ lệ con đờng nhiên tập tước quyền cai trị các Xứ của cha mà phải do triều-đình bổ dụng hoặc chuyển chuyển, đưa những khoản thuế trước kia do quý-tộc được hưởng sang quỹ của Hoàng-gia. Những cải-đổi này lại một lần nữa làm giảm uy thế của họ Đàng-Nguyên vì Hoàng-gia công khai xóa bỏ những chủ trương cùng chính sách của họ này.

Ở ngôi được 4 năm, Hậu Tam-Điều T.H. lâm trọng bệnh nên nhường ngôi cho hoàng-nam mới 20 tuổi là Bạch-Hà Thiên-Hoàng. Ông này đương độ thanh niên hăng hái bèn tiếp tục nối chí hướng tước quyền họ Đàng-Nguyên của phụ-hoàng. Vừa tức vị năm trước, đến năm sau, chưa cả cải đổi niên-hiệu, Bạch-Hà T. H. đã cho dựng lại cơ-quan KURŌDO DOKORO — (Tàng-Nhân Sở) — để tự T. H. nghiên-cứu và ban bố lấy Sắc, Chiếu cho bách quan và toàn quốc tuân hành. Tàng-Nhân Sở này, do Tha-Nga T. H. khởi dựng lên từ năm Hoàng-Nhân nguyên-niên — (810 d. l.) — cũng vì mục-đích bảo vệ thực quyền của Hoàng-gia trước thế lực của quý-tộc mỗi ngày mỗi bành trướng, nhưng rồi bị đóng cửa kể từ thời Đàng-Nguyên Lương-Phòng lên nhiếp-chính cho tới hơn một thế-kỷ sau này mới được thiết lập lại. Thế là tại triều-đình đã có hai cơ quan

năm những nhiệm-vụ trọng yếu nhưng biệt lập với Phủ Nhiếp-Chính Quan-Bạch và cũng từ thời Bạch-Hà T. H. trở đi, dù họ Đằng-Nguyên có còn người được phong lên đến Quan-Bạch chăng nữa cũng không có quyền thay vua hạ Sắc, Chiếu như từ đời Đằng-Nguyên Giáo-Thông trở về trước nữa.

Để kiểm chế họ Đằng-Nguyên về lâu dài một cách khéo léo, Bạch-Hà T. H. khôi dựng chế-độ JÔKÔ — (Thượng-Hoàng) — và HÔ Ô — (Pháp-Hoàng). — Trước kia, khi phụ-hoàng đã nhường ngôi cho tự quân rồi thời thời không dự việc triều-đình nữa là có ý để chính danh cái địa-vị tối cao của Thiên-Hoàng, nghĩa là không còn ngôi nào cao hơn Thiên-Hoàng được nữa. Nhưng kinh nghiệm chứng rằng, cứ mỗi lần tự quân bỏ ngỏ lên ngôi là mỗi lần giúp cho họ Đằng-Nguyên thừa hư sự bỏ ngỏ đó mà lấn thêm quyền hành, tức như việc họ Đằng-Nguyên đánh đổ Giác-Nguyên Đạo-Chân mà phụ-hoàng Vũ-Đa cứu không kịp vậy. Nay để quý-tộc không thể bắt chẹt được tân quân và giúp cho tân quân thêm kinh nghiệm trị-quốc và đãi thần, phụ-hoàng cần phải vẫn điều hành quốc-chính, mặc dầu đã nhường ngôi. Như thế là lên ngôi Thượng-Hoàng. Khi hoàng-tử nhường ngôi cho Hoàng-tôn mà Thượng-Hoàng vẫn còn sống thời Thượng-Hoàng lại lên ngôi Pháp-Hoàng để hoàng-tử ở ngôi Thượng-Hoàng. Để giúp Pháp-Hoàng và Thượng-Hoàng điều hành quốc-chính, dẫn dắt tân quân, kiểm-soát Phủ Nhiếp-Chính và triều-đình, Bạch-Hà Thượng-Hoàng — (Shirakawa Jôkô) — tổ chức trong năm Ứng-Đức thứ Ba — (1086 d. l.) — tức là năm mà ông nhường ngôi cho hoàng-nam là Quật-Hà Thiên-Hoàng, một cơ quan gọi là IN-SE — (Viện-Chính). — Do đấy, chế-độ Thượng-Hoàng cũng gọi là chế-độ Viện-Chính. Từ đây nào là Pháp-Hoàng, Thượng-Hoàng với Viện-Chính, nào là Thiên-Hoàng với Ký-Lục Sở và Tàng-Nhân Sở là những cơ quan không những đã biệt lập mà còn có quyền kiểm-soát cả Phủ Nhiếp-Chính Quan-Bạch đã giúp cho thế của Hoàng-gia mỗi ngày mỗi trở lên có thể lấn át được quyền của họ Đằng-Nguyên mà lái họ này vào kỷ-luật và bổn-phận của kẻ triều thần, không còn thế nào lộng hành như trước được.

Cũng từ năm 1086 này về sau là mạt-kỳ của Thời-Đại Bình-An và với tính chất đặc-biệt của một thế hệ Pháp-Hoàng, Thượng-Hoàng với Viện-Chính nên có sử-liệu thay vì gọi là HEIAN JIDAI

GO KI — (Bình-An Thời-Đại Hậu Kỳ), — lại gọi là IN-SÊ JIDAI — (Viện-Chính Thời-Đại).

4. — Thời-kỳ Đại-Thần

Chép việc họ Đàng-Nguyên lộng quyền chỉ đến đời Đàng-Nguyên Giáo-Thông thời sử-liệu ngắt đi, không đặt họ này vào những vai trò chính, chủ chốt của thời-dại nữa mặc dầu về sau này vẫn còn có nhiều người được phong đến chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch. Ngắt đi, vì họ Đàng-Nguyên, kể từ 1086 d.l. ở triều-đình thời chịu sự lãnh-đạo của Viện-Chính và Thiên-Hoàng, ở ngoài cõi thời phải nương tựa vào những giòng Vũ-gia, tùy từng lúc mà giòng nào mạnh. Vậy ở đây, xin trình bày nốt những đời Đàng-Nguyên còn ở chức vụ đại-thần trong những năm cuối cùng của Thời-Đại Bình-An này.

Đàng-Nguyên Giáo-Thông ở chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch đến năm Thừa-Bảo thứ Hai — (1075 d.l. , tức được 8 năm) — đời Bạch-Hà T. H. thời không rõ vì lý do nào mà Bạch-Hà T. H. lại phong chức này cho con trai của Đàng-Nguyên Lại-Thông là FUJIWARA MOROZANE — (Đàng-Nguyên Sư-Thực) — lên thay. Sư-Thực ở chức được 19 năm, đến niên hiệu Gia-Bảo nguyên-niên — (1094 d.l.) — đời Quật-Hà Thiên-Hoàng thời con là FUJIWARA MORO-MICHI — (Đàng-Nguyên Sư-Thông) — được lên kế chức. Sư-Thông ở chức Quan-Bạch được có 5 năm thời mất vào năm Thừa-Đức thứ Ba — (1099 d.l.) — đời Quật-Hà T. H. Sư-Thông mất rồi, Bạch-Hà Thượng-Hoàng xét trong giòng Đàng-Nguyên chưa có người xứng đáng nên tạm thời đình tuyển chức Nhiếp-Chính và để bên Viện-Chính kiêm cả.

Đầu năm Trường-Trị thứ Hai — (1105 d.l.) — đời Quật-Hà T. H. thời Bạch-Hà Pháp-Hoàng mới tái phong cho con Đàng-Nguyên Sư-Thông là FUJIWARA TADAZANE — (Đàng-Nguyên Trung-Thực) — lên chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch. Ở chức này được 6 năm, Trung-Thực không được vừa ý Pháp-Hoàng nên phải xin từ chức để Pháp-Hoàng phong cho con là FUJIWARA TADAMICHI — (Đàng-Nguyên Trung-Thông) — lên thay vào năm Bảo An thứ Hai — (1121 d.l.) — đời Điều-Vũ Thiên-Hoàng. Trung-Thông là người có

tài khu xử nên ở chức Quan-Bạch đến 37 năm trời — (1158 d.l. niên-hiệu Bảo-Nguyên thứ Ba đời Hậu Bạch-Hà Thiên-Hoàng).

Từ đây trở về sau, họ Đằng-Nguyên hoàn toàn ở vào thế thụ động, bị thời cuộc nội loạn Vũ-Gia trong những năm tàn của Thời-Đại Bình-An lôi cuốn nên chúng tôi sẽ thuật tiếp ở cuốn II, cùng với những giòng vũ-tướng MINAMOTO — (Nguyên-thị) — và TAIRA — (Bình-thị).

VI

MÀU SẮC VĂN-HÓA DƯỚI THỜI QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN

NIHON FUU NO BUNKA : **Nhật-Bản Phong Chi Văn-Hóa**

(Văn-Hóa với sắc-thái Nhật-Bản)

Văn-hóa dưới thời quý-tộc Đằng-Nguyên chuyên quyền, nói chung, là thứ văn-hóa cao xa, dài cắc và diêm dúa của riêng hạng quý-phái, cứ kể ở đương thời, rất ít phổ cập đến đại-chúng. Cái đó là lý đương nhiên, vì giới quý-tộc no ăn thừa tiêu, tự tạo thành xã-bội riêng biệt, làm lấy trường cho giòng họ mình học mà dân chúng không được vào thời với thái độ ấy, dù có tạo nên nghệ-thuật trong ngành nào của văn-hóa đi chăng nữa cũng chỉ là vị kỷ. Còn đại-chúng, trừ thiểu số trung-lưu thành thị được thừa huệ thứ văn-hóa ấy không kể, đến đại đa số ở nông-thôn chỉ những tối mắt quanh năm vì chạy ăn, chạy mặc, lo thuế, lo phu để phụng sự quý-tộc hoặc rút vào núi sâu làm giặc cướp thời còn biết gì đến tiến bộ, đến văn-minh. Nói thiệt thực thời với khối bần dân đói khát trường kỳ ấy, văn-hóa tức là cơm áo, nhưng nào có được no và được ấm bao giờ.

Tuy nhiên, đứng vào địa-vị kẻ hậu-thế được hưởng thụ mà phê bình thời phải kể văn-hóa của thời-đại Quý-Tộc Chuyên-Quyền là một công trình tự lập, hoàn toàn tránh vết xe trước của thời Nại-Lương. Văn-hóa thời Nại-Lương là thứ đi mượn áo người khoác vào mình, là thứ « *sao y nguyên bản* » của nhà Đường thời ngược lại, dưới thời Bình-An, khởi từ giai-đoạn quý-tộc chuyên-quyền là thứ văn-hóa ngả ra rõ rệt màu sắc riêng biệt của dân-tộc Đại-Hòa để bảo tồn mãi đến ngày nay.

Văn VẬT-THOẠI và chữ GIẢ-DANH

(*Monogatari to kana no moon-ji*)

Từ thời Nại-Lương trở về trước, chữ nghĩa văn-chương chỉ dùng vào giáo-dục hoặc thông tri án từ mệnh lệnh, ghi chép kinh sách sử, ca, còn sang đến thời quý-tộc Đẳng-Nguyên này mới mở rộng phạm vi thành một thể tài mới là loại văn MONOGATARI — (Vật-thoại) —. Vật-thoại là lối văn xuôi hoặc trường-ca, thơ trường-thiên để kể những truyện vật, truyện ngắn, truyện dài, tiểu-thuyết hoặc để ghi chép ký-sự, tự sự, tự thuật... v.v... Nhờ ở loại văn này ra đời mà kho tàng văn-chương Nhật-Bản trở nên phong phú và thêm một tầng giá-trị nữa từ thế-kỷ thứ IX, trong đó còn rất nhiều áng danh-văn lưu truyền đến tận bây giờ.

Truyện TAKETORI MONOGATARI — (Trúc Thủ Vật-Thoại) —, tả một ông già đi đồn bưng — (thứ tre lớn làm cột nhà) — bắt được một trẻ gái sơ sinh trong gióng cây bưng. Bền ăm về nuôi nấng tận tình. Đứa trẻ lớn lên, tư sắc cực kỳ diễm lệ, nhờ được tiên-thuật nên bỏ trần thế, cưỡi mây lên cung trăng ở. Truyện viết với những tình tiết thơ mộng, đọc nên thích thú, giúp con người những phút du dương, thả hồn xuất thế như truyện Hằng-Nga của Trung-Quốc nên rất được ưa chuộng qua bao nhiêu thế-kỷ nay.

Về thơ thời thịnh nhất là thể WAKA — (Hòa-Ca) — gồm 5 đoạn : 5, 7, 5, 7, 7, cộng 31 âm vận. Thể thơ này, không những được thi-nhân đương thời đưa nhau sáng tác mà còn trở nên phổ thông và thịnh hành đến biền tãi. Sinh thời Minh-Trị Thiên-Hoàng cũng hay

làm thơ điệu Hòa-Ca này, còn nhiều danh cú lưu tụng đến tận đại-chúng bình-dân Nhật-Bản ngày nay. Tỷ như bài :

Shi-ki shi-ma no
Ya-ma-to ko-ko-ro wo
Shi-to to-wa-ba
A-sa-hi ni ni-o-u
Ya-ma za-ku-ra ba-na.

mà chúng tôi xin tạm dịch là :

Bạn hỏi tôi : — « Chi-hương
Người Nhật như thế nào ? »
Thời xin xem nắng sớm,
Bừng tỏa hương anh-đào (1).

Phong-trào làm thơ, viết văn đã lên cao, tất phải tìm một giải-pháp giản-dị-hóa Hán-tự, biến chế sang một thể chữ mới, dễ viết, dễ đọc, tiện dụng riêng cho người Nhật.

Nguyên người Nhật-Bản cũng như Việt-Nam, không có văn-tự riêng nên phải mượn Hán-văn làm Quốc-tự. Với người Nhật sự mượn chữ này có phần khó khăn hơn, vì tiếng Nhật là liên âm mà chữ Hán thời độc-âm nên từ thời Nại-Lượng trở về nước, sự gán ghép và chấp chữ Hán để duy trì và phổ biến nền văn-học của người Nhật quả là công phu và phiền hà. Công-phu và phiền hà vì chỉ với Hán-văn thôi mà phải chia ra phần KOKUGO — (quốc-ngữ) — và phần KANJI — (Hán-tự).

Phần quốc-ngữ là chỉ mượn âm của chữ nhưng bỏ nghĩa rồi lấy hoặc hai, ba âm, hoặc ba, bốn âm ghép lại thành một tiếng của Nhật. Đối với chữ Hán thời mỗi âm là một chữ nên phải viết hai hay ba chữ Hán chẳng chịt nhưng nét để có được một tiếng. Như vậy, viết nên một câu văn thời phiền hà biết chừng nào. Tỷ như, muốn viết chữ « *Yamato* » thời chữ này mới chỉ là một tiếng gồm ba văn *Ya*, *Ma* và *To* tuy *Yamato* chưa đủ nghĩa là người Nhật hay đất

(1) Hoa anh-đào ngậm sương, phong nhụy bao đêm, chờ đến buổi sáng, khi có ánh mặt trời mới cả một rừng cùng bùng nở một lúc, tỏa hương theo gió xa hàng mấy trăm thước. Bài này tỏ ý chỉ toàn dân trong thời Minh-Trị duy tân, cùng gom sức nỗ lực quật cường như rừng hoa anh-đào khi gặp mặt trời buổi sáng.



Ông già và nàng Tiên-Nga trong
« TRÚC-THỦ VẬT-THOẠI »



Cảnh nông-dân bỏ
làng đi lang thang,
chịu cảnh chiếu đất
màn trời, chốn rơm,
áo rách, không nơi
nương tựa để rồi
thành thảo-khấu hoặc
chết đường dưới thời
Quý - Tộc Chuyên-
Quyền.

(Rất trong bộ Nhị-
Bản Chi-Tích).

Nhật nhưng đã phải mượn tới 3 chữ Hán là chữ *Da*, chữ *Ma* và chữ *Chi*. Chữ *Da* thời phiên âm sang tiếng Nhật Là *Ya*, chữ *Ma* là *Ma* và chữ *Chi* là *To*. Như vậy, người có trình-độ từ trung-học trở xuống, vì chỉ học thứ quốc-ngữ phiên hà này, tuy biết mặt một số chữ nhưng ít rõ chính nghĩa của chữ mà chỉ thuộc « âm » không thạo để đọc sang tiếng nước mình. Thế nêo, những lớp trình-độ này, tuy học chữ Hán nhưng khi cầm đến quyển sách viết thườn Hán-văn theo văn-phạm Trung-Quốc là không thể xem nổi. Nếu muốn đọc nổi, phải học lên trình độ cao hơn nữa, ly khai lẽ lối quốc-ngữ để chuyên sang thể chính văn của Trung-Quốc. Như thế gọi là học KANBUN — (Hán-văn) — và viết KANJI — (Hán-tự).

Suy như vậy, người Nhật học chữ Hán khó khăn hơn người Việt ta nhiều lắm vì ta nhờ tiếng độc-âm nên học thẳng vào chính-văn được. Người Việt học Hán-văn, chỉ sau 5 năm đã xem được truyện Tam-Quốc-Chí nhưng với người Nhật thời phải kỳ khu đến ngoài 10 năm mới vỡ nghĩa.

Giờ xin trở lại vấn-đề giản-dị-hóa Hán-tự của người Nhật dưới thời quý-tộc Bình-An. Những nhà văn-học thời ấy phân tiếng nước họ ra 48 âm là :

— a,	i,	ư,	ê,	ô,
— ka,	ki,	ku,	kê,	kô,
— sa,	shi,	su,	sê,	sô,
— ta,	chi,	tsu,	tê,	tô,
— na,	ni,	nu,	nê,	nô,
— ha,	hi,	fu,	hê,	hô,
— ma,	mi,	mu,	mê,	mô,
— ya,	yu,	yo,		
— ra,	ri,	ru,	rê,	rô,
— wa,	ii,	yô,	iê,	wo,

rồi lấy 48 chữ Hán đồng âm với những âm trên đây, tước bỏ những nét rườm rà đi, chỉ giữ lại phần giản dị để làm thứ chữ quốc-ngữ riêng của mình. Tỷ dụ như :

- Chữ A (阿) thời lấy quai-guốc để làm chữ 𠀤 : a.
- Chữ I (伊) thời lấy nhân-đứng để làm chữ 𠀤 : i.
- Chữ U thời lấy giằng-đầu của chữ Vư — (宇) — 𠀤 : u
- Chữ Ê thời lấy chữ « công » trong chữ Giang — (江) — 工 : ê
- Chữ Ô thời lấy tài-gậy của chữ U — (於) — 才 : ô

...v...v...

Bốn mươi tám âm mới này, dù đứa trẻ nhỏ, chỉ học trong một vài tháng là thuộc tất cả để miệng đọc tay viết, tráo đi tráo lại cho thành chữ. Chữ viết thành hai thể, thể CHÂN như trên đây gọi là KATAKANA — (Phiến-giả danh) — và một thể THẢO gọi là HIRAKANA — (Bình-giả danh).

Quốc-ngữ giả-danh ra đời, trút bỏ được gánh nặng học chữ Hán rậm rì những nét cho người khai tâm, nên thiếu-nhi và phụ-nữ — (nhất là phụ-nữ) — đua nhau học, mở ra kỷ-nguyên mới, đẩy sâu sự học-vấn vào khối đại chúng trước kia vẫn thường e ngại về lối học chữ quốc-ngữ theo thể Hán-tự mất nhiều ngày giờ.

Tuy nhiên, ở đương thời, nếu phụ-nữ ưa chuộng chữ giả-danh bao nhiêu thời nam-giới lại thờ ơ bấy nhiêu bởi lẽ vừa nôm na, vừa là thứ chữ « đợc » không có nghĩa. Tiếng Nhật vốn nghèo về âm-vận, tỷ dụ sơ sơ như chữ Hộ là nhà đọc là TO, chữ Thập là mười đọc là TO, chữ Điều là chim đọc là TO, chữ Dữ là cùng đọc là TO, chữ Đàng là cây mây đọc là TO, chữ Đẩu là cái đầu đọc là TO, chữ Đầu là cái đầu đọc là TO, chữ Đáp là đáp lời đọc là TO, v.v... và còn muôn vàn trường hợp tương tự, thời chỉ với một chữ TO — (ト) — của Phiến-giả danh không thôi, còn ai biết được nghĩa chữ TO nào? Nhưng rồi non cạo cũng có đường tròn, giả-danh tuy không nghĩa nhưng lấy giả-danh để khai tâm rồi nhờ giả-danh phiên âm và chưa nghĩa chữ Hán, giúp những người học KAN-BUN — (Hán-văn) — rất dễ lĩnh hội và rút ngắn thời gian^{tiền} bộ nên song hành với kỷ-nguyên giả-danh là kỷ-nguyên của những nữ văn-gia hữu danh ra đời, như bà MURASAKI SHIKIBU — (Tô-Thức Bộ), — bà YZUMI SHIKIBU — (Hòa-Nguyên Thức Bộ). —

cùng con gái là YZUMI SHO SHIKIBU — (Hòa-Nguyên Tiểu Thức Bộ) — cùng một số các bà các cô nữa.

Tác phẩm của bà Tô-Thức Bộ, quyển GENSHI MONOGA-TARI — (Nguyên-thị Vật-thoại) — là điểm hành diện cho nữ-lưu Nhật-Bản nói riêng và cho cả quốc-dân Nhật-Bản nói chung vì hiện tại được dịch ra mấy thứ ngoại-ngữ để lưu hành trên thế-giới do giá-trị của văn-chương và tài-liệu súc tích về cổ thời Đại-Hòa.

Với vấn-đề có nhiều nữ lưu nổi lên trên văn-dân dưới thời quý-tộc Đẳng-Nguyên lộng quyền, các sử-gia cho rằng vì họ này có nhiều con gái được sách lập ngôi mẫu-nghi thời ở ngôi cao quý tất phải thông thạo chữ nghĩa. Mà dạy bảo con gái giòng quý-phái tất phải nữ giáo-sư mới ổn tiện. Việc học hành lại cần có bạn nên những bà mệnh-phụ, những con gái các nhà quý-tộc cũng đều đua nhau học cả để khi vào chầu hoàng-hậu mới có những vấn đề đậm đà đem ra hầu chuyện. Do đấy, giới nữ-lưu mới nảy nhiều văn-gia xuất chúng. Về bên nam-giới, ông SEISHO NAGON — (Thanh-Thiếu Nạp-Ngôn) — viết cuốn MAKURA NO SOSHI — (Chăm-Thảo Tử) —, còn các ông SYE NO THAI-U — (Y-Thế Đại Phu) — : AKAZOME EMON — (Xích-Nhiễm Vệ-Môn) — v.v... đều là những cây bút lỗi lạc của đương thời.

Điểm đặc sắc nữa là giới quý-tộc thời Đẳng-Nguyên khởi thực hành câu châm-ngôn : « *trong lĩnh vực nghệ-thuật không phân giai-cấp* » nên về văn-chương, bất phân quý-tiện, hễ văn hay chữ tốt là đều được kết thân, trọng vọng nơi triều miếu. Như hai mẫu tử bà Hòa-Nguyên Thức-Bộ, do ở văn tài nên từ giới bình dân lên ngồi ngang với quý-tộc, thường được các hoàng-hậu vời vào dự yến tiệc tại các dạ hội văn-nghe. Trong thời ấy Hoàng-cung thường tổ chức những dạ-hội tương tự với điều kiện là mỗi văn-gia được mời phải đưa ra trước dạ-hội một bài thơ hoặc ca mới nhất để cùng bình-nghị, chọn lấy những bài hay giao cho ca-sỹ ngâm hát để chuốc chén vui chung. Những dạ-hội còn lưu lại đến bây giờ những giai-thoại vui vui như chuyện ngò oan cho hai mẹ con bà Hòa-Nguyên Thức Bộ là một.

Nguyên hai mẫu tử bà này vì văn tài nên được Hoàng-gia và quý-tộc trọng đãi nhưng ngược lại bị các văn-gia khác ghen nạnh, thường đặt điều này nọ bòn làm giảm giá-trị cả hai. Nhất là với con gái bà ta,

cô Tiểu Thước-Bộ, tuổi còn ít nhưng thường trình trước đại-hội những bài thơ xuất sắc ngang với mẹ nên vẫn có lời dèm trước Hoàng-gia rằng, chẳng qua là mẹ gả thơ cho cô đấy thôi. Có lần bà mẹ mắc việc, đi công cán mãi Xứ Đan-Hậu — (Xứ này không thấy ghi trong bản-dồ) — thời ở KINH-ĐÔ, Hoàng-gia triệu tập đại-hội nên chỉ có mình cô Tiểu Thước-Bộ đến dự. Những văn-gia thường vẫn đặt lời dèm pha cô này, được buổi mở cờ trong bụng, chắc mẩm phen này vắng mẹ tất cô ta bị lộ chân tướng. Đến lúc dự yến, sắp sửa trình thơ, ca để bình-nghị, mọi người dụng ý khăm, dèm cho cô ta đưa bài trước và còn nói kháy : — « Hôm nay lệnh mẫu khiêm diện, xin công-nương trở tài phun châu trước cho chúng tôi noi theo ».

Vốn đã thường nghe được lời dèm mình và nay mới có dịp mình chứng tài ba, trước Hoàng-gia, quý-tộc cùng mọi văn-hữu, cô Tiểu Thước-Bộ không ngần ngại, lấy giấy bút viết bài thơ điệu Hòa-Ca :

O-o ei ya.ma (1)
I-ku no, no mi-chi no
To-i ke-re-ba,
Ma-da fu-mi mo mi-zu
A-ma no ka-shi da-te (2).

mà chúng tôi xin tạm dịch :

« Vượt ố giặc nguy hiểm,
Qua nhiều cánh đồng hoang,
Ngàn trùng đâu có quân
Đế ngắm núi Đại-Giang.

(1) OO EI YAMA — (Đại-Giang Sơn) — Núi Đại-Giang, đã nói đến ở Thời Kỳ Long-Thần của họ Đảng-Nguyên.

(2) AMA NO HASHIDATE — (Thiên Chi Kiều Lập) — Tên một hòn đảo ở gần bờ bể Xứ Đan-Ba, là một danh-thắng trong Tam-Cảnh của nước Nhật.

Nguyên trong số trên 3.000 hòn đảo của nước Nhật có 3 hòn là phong cảnh kỳ tú bậc nhất, gọi là NIHON NO SANKEI — (Nhật-Bản Chi Tam Cảnh) —, là :

- 1 — MATSUZIMA — (Tùng-Đảo) — ở bờ bể Huyện Cung-Thành về phía Đông-Bắc.
- 2 — Đảo Thiên Chi Kiều-Lập.
- 3 — ITSUKU SHIMA — (Nghiêm-Đảo) — ở bờ bể Huyện Quảng-Đảo về phía Đông-Nam.

*Nhưng lòng vẫn khao khát
Được gót dạo mắt trông
Tiên đảo Thiên-Kiều-Lập
Hàng vang danh võ hàng. » (3)*

Rõ ràng mười mắt trông vào không còn nghi ngờ gì nữa, khi bình lên thời quả nhiên tuyệt cú, xứng địa-vị bậc đàn chị trong tao-đàn của dạ-hội, không một tác-phẩm nào của thi-gia khác sánh kịp. Không những vậy, bài thơ này còn là một trong 100 bài hay nhất của kho tàng thi-văn cổ kim Nhật-Bản nên hàng năm vẫn được xếp vào cuộc giải-trí thanh tao KARUTA TORI — (Cốt Bài Thủ) — trong dịp Tết nguyên-đán (4).

(3) Chúng tôi xin nhận khuyết-diểm chỉ đưa được phần nào nghĩa đen mà không thể lột được cái hay của bài này. Cái hay — (theo lời giải-thích của ông Cát-Dĩ Long-Tá) — ở chỗ khéo dùng những chữ :

- 1 — Iku và Fumi, tuy cùng nghĩa là "đi đến" nhưng chữ thứ hai ẩn tình trạng "dạo gót tha thướt của người con gái".
- 2 — No, No, No, trong đoạn thứ hai. No thứ nhất là cánh đồng hoang, nơi sào huyệt của thời-đại đầy giặc cướp, No thứ hai và No thứ ba là "của con đường chóng gát" và "của lòng tha thiết vớt thặng cánh mà mọo hiềm".
- 3 — Bốn âm Ma, Mi, Mo, Mi ở đoạn thứ tư, giống với 3 âm No ở đoạn thứ hai hợp thành tiết tấu du dương cũng như câu :

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,

Nhớ anh đó đó, khấn điều vãi vãi.

của Việt-Nam ta vậy.

Chúng tôi mong được bậc uôn súc hơn dịch lại cho bài cổ thi này.

(4) Lối chơi này gọi là "chơi Karuta tori" bằng cổ bài gọi là "cổ bài Karuta tori". Cổ bài gồm 1 quyển sách in 100 bài thơ hay nhất cổ kim với 100 mảnh giấy cứng để dờn nhau ở ngoài, mỗi tờ in một bài thơ trong sách. Trong ngày Nguyên-đán, nếu muốn chơi Karuta tori thời giải cả 100 tờ giấy lên bực, bè bạn thân nhân cùng ngồi xếp chung quanh. Một người ngồi ngoài vòng, cầm quyển sách, chọn bất cứ bài thơ nào cũng được, miệng đọc to lên để những người chơi đưa mắt tìm nhanh bài thơ đó xếp ở chỗ nào, bề thấy là đưa tay nhanh ra đặt lấy. Người nào đặt được trước là thắng. Rồi thu cả 100 tờ lại, chao đi để lại giải ra chơi lượt sau.

Lối chơi thời gọi là "chơi Karuta tori" nhưng lúc nhiều người cùng tranh nhau chọn một bài thơ theo người ngoài xướng thời gọi là HAKUNIN IT SHU — (Bách-Nhân Nhất Thủ : nhiều người đặt lấy một bài).

Nghệ-thuật hội-họa riêng của người Nhật

(*Yamato Ei : Đại-Hòa Hội*)

Hội-họa cũng như văn-tự, tự khởi, người Nhật-Bản đều học lại của Trung-Quốc. Riêng về hội-họa, cho đến thời Nại-Lương và nhất là trong thời-đại này, phải vẽ làm sao cho đúng với nét tranh của Trung-Quốc mới là tài tình.

Đến thời-đại Bình-An này, đồng thời với quốc - ngữ Giả-danh đã tách ra khỏi Hán-văn thời bên phía hội-họa cũng tìm được thể đứng riêng cho nghệ-thuật của dân-tộc Đại-Hòa, không chịu phụ họa theo sát nét vẽ của Trung-Quốc nữa. Người họa-sỹ trong thời này bỏ lối ngồi trong văn-phòng nhờ tưởng tượng phóng nên nét bút để chuyển sang tả chân, thân hành đến tận gốc cây, ngọn cỏ để tùy hình thể dị biệt của mỗi sự vật trong mỗi hoàn cảnh mà chụp lấy ý thức về thiên nhiên. Lại tùy mỗi hoàn cảnh mà đem tâm tư lộ ra nét vẽ chứ không cứng nhắc một chiều. Đến vẽ cảnh núi cũng vậy, trước kia theo kiểu Trung-Quốc thời núi nào cũng phải đưa ngọn bút thật đánh cho vẽ núi thật cao, ngọn núi phải nhọn vút vào những khoảng mây mờ với những thác dài dãi xuống thăm thẳm. Nhưng theo lối vẽ mới của họa-sỹ trong lúc này là tùy hình thể của núi mà uốn chuyển ngọn bút, có khi bao la, mờ mờ hoặc thâm thấp lượn quanh miễn sao cho sát với thực tế và tránh lập dị.

Nói chung, người họa-sỹ Đại-Hòa trong thời Bình-An đã thành công trong việc phá bỏ lề lối gò bó theo người để phóng túng ngòi bút của mình một cách có ý thức, đi sát với thiên nhiên cùng thành thực bộc lộ cảm tưởng tùy theo sở trường riêng của mỗi tài năng trước mỗi phong cảnh. Đây là đặc thái của thời-đại hội-họa thoát sác cũ mà sử-gia gọi là cái tinh-thần của YAMATO EI — (Đại-Hòa Hội) — vậy.



*Bức họa của thời BÌNH-AN minh chứng cho tinh-thần
của YAMATO EI — (Đạt-Hòa Hệt)
(Rút trong Nhật-Bản Chí Tích)*

Xu hướng thờ Phật của dân-gian và giới Quý-Tộc

Trên hai thế-kỷ dưới thời họ Đổng-Nguyên chuyên quyền không phải vì vấn-đề triều-đình xa lánh chùa chiền mà Phật-giáo ngưng sự bành trướng, trái lại, nhờ Chân-Ngôn Tông và Thiên-Đài Tông ra đời mà Phật-giáo có sức mạnh vô biên ở trong dân gian như trên đã trình bày. Tuy nhiên cái tín ngưỡng của dân-gian và giới quý-tộc vào công đức tế độ của từng vị Phật có thay đổi.

Từ khởi xây cất nên Đổng Đại-Tự và đức thờ Tỉ-Lô Sá-Na Đại Phật thời từ các Quốc-Phận Tự đến dân gian cũng đều noi gương chùa trung-ương mà thờ Đại-Phật và Phật FUDÔ SON — (Bất-Động Tôn) —. Tỉ-Lô Sá-Na Đại-Phật tức là Phật DAI NICHU NYORAI — (Đại-Nhật Như-Lai) —, Người ngự tọa trên tòa sen luôn có hào quang chiếu sáng, soi khắp vũ-trụ nên ở trong vạn vật của các thế-giới đều có Người trong đó. Còn Phật Bất-Động-Tôn, với diện mạo xấu xí dữ tợn nhưng vẫn là biến thân của Đại-Nhật Như-Lai Phật khi Người hóa trang sả thân đi tiêu trừ ác Quỷ thường gây nghiệp-chướng cho mọi kiếp chúng sinh. Hiện tại, vẫn lưu truyền lại ở trong chùa núi KÔ-YASAN — (Cao Dã Sơn) — thuộc Huyện Hòa-Ca Sơn, pho tượng Bất-Động Tôn, tác nên bằng tất cả sự khéo léo của một bộ mặt xấu xí và dữ tợn. Vậy, dù thờ tượng đức Đại-Nhật Như-Lai Phật hay tượng đức Bất-Động Tôn thời thủy chung vẫn là một, Sở dĩ cùng nức lòng tôn thờ Đại-Nhật Như-Lai Phật vì tín nơi đức độ đại-từ, đại bi, nhất thiết cứu khổ giải nạn cho tất cả mọi người hưởng hòa-bình và hạnh-phúc ở đời thực tại. Nhưng rồi lần lần vì chuyển hướng tư-tưởng mà từ dân gian đến quý-tộc lại cùng đức tượng Phật AMIDA — (A-DI-ĐÀ) — để tôn thờ tại khắp nơi chùa chiền cũng như tại gia.

Công đức tế độ chúng-sinh của Phật A-Di-Đà khác với Phật Như-Lai, vì Người không đề cập đến đời sống ngắn ngủi ở cõi phù thế này mà chỉ chuyên cứu vớt phả độ linh-hồn của chúng-sinh sau khi mãn phần để đưa lên hưởng phúc cực lạc đến muôn đời ngàn kiếp ở JÔDÔ NO KUNI — (Tĩnh-Thổ thế-giới).

Vậy tại sao con người cả quý lẫn tiện ở thời quý-tộc Đổng-

Nguyên lại có sự chuyển hướng tư-tưởng từ cầu phúc cho đời thực tại sang cầu lạc cho linh-hồn ở cõi vô hình ?

Là do ở hoàn cảnh xã-hội mà có vậy.

Với đại-chúng dân gian, vì nền chính-trị đổ nát và kỷ cương, trên thời Hoàng-gia vô quyền, dưới thời từ quý-tộc nơi triều-đường đến địa-phương, chỉ một mực áp chế, lột sưu bóc thuế nên hóa nghèo khó thậm tệ, kéo dài hết đời này đến đời khác. Cảnh cùng khổ liên miên ấy khiến không còn ai tin vào ngày mai nên cùng sinh thất vọng về hạnh-phúc của đời thực tại để chỉ còn một nỗi an ủi là mong cho linh-hồn được tiêu diêu vĩnh cửu ở cõi cực-lạc sau khi nhắm mắt. Thời chính công đức phá độ linh-hồn chúng sinh sang Tịnh-Thổ Cực-Lạc Thế-Giới của Phật A-Di-Đà phù hợp với lòng thiết tha ấy nên phát sinh chuyển hướng tư tưởng và tín ngưỡng của dân gian.

Đến quý-tộc, vì đời sống quá thừa thãi, quá xa hoa mà tâm hồn lần lần sinh ra ủy mị, bạc nhược, yếu hèn. Hàng ngày sống trong vòng kiểu cách, lời thối dài giọng, đầy những lễ nghi giả dối, tối đến thời yến tiệc rượu chè, ca múa thâu canh để sáng ngày ra chỉ thấy còn lại tấm thân mỗi mệt rã rời. Cảnh trác táng ấy, tích lũy ngày lại ngày làm mất hết sinh thú nên cái mục-dịch chân yếu của con người cũng lãng quên đi để rồi phạm vào không biết bao nhiêu tội ác. Cũng có đôi lúc hồi tâm, nhìn lại việc nước thời thấy thời cuộc biến đổi lúc nào mình cũng không hay, ở khắp các địa-phương, giai-cấp vũ-sỹ nổi lên mạnh như vũ bão, đương đầu kinh lại mình, tự chiếm lấy đất đai của giới mình để tranh tác, dồn thế lực của mọi giòng quý-tộc mỗi ngày mỗi bó hẹp lại. Trước tình thế khẩn trương ấy mà mình chỉ ngày đêm miệt mài hoan lạc ở KINH-ĐÒ này thời rồi tương lai sẽ đi đến đâu ? Đây là điểm lo ngại mỗi ngày mỗi tràn ngập trong lòng giới quý-tộc.

Trong khi những nỗi lo ngại về tương lai của số phận đây và tâm can để đưa đến cứu cánh là trông nhờ vào tế-độ của Tam-Bảo

thời mới chợt nhớ đến những điều dạy về Mật-Pháp của Thích-Ca Mâu-Ni Phật. Bấy giờ mới hoang nhiên tỉnh ngộ rằng, cái phúc của thời-đại tu theo Chính-Pháp và Tượng-Pháp đã xa vời rồi để thân lọt vào thời Mật-Pháp này, đã phải hứng chịu lấy bao nhiêu quả báo luân hồi của tiền-thân rồi thì chớ, đến cái đời thực tại cũng lại vương vào quá nhiều tội lỗi, như vậy, nghiệp chướng chồng chất đến đức Mâu-Ni cũng không thể giải cứu cho nổi — (1). — Thân mình thời lắm mê như vậy, nhìn đến xã-hội Tăng, Sai để nương nhờ giải thoát cho tâm hồn được thư thái nhưng chính Tăng chẳng thấy đâu, chỉ đặt những nghiệp Tăng — (2) — cũng đầy tội lỗi như mình lên lỗi khắp các cửa chùa.

Thế nên, giới quý-tộc chỉ còn hy-vọng nơi cửa đức Phật A-Di-Đà để mai hậu, sau khi nhắm mắt đi rồi, được Người độ cho linh-hồn khỏi sa địa-ngục và được dẫn dắt sang Tịnh-Thổ Cực-Lạc. Kết cuộc, song hành với khối bình-dân bị nghèo đói về vật chất thời giới quý-tộc bị đau khổ về tâm hồn cũng phát sinh phong-trào tôn thờ Phật A-Di-Đà, duy mỗi giới người có những nỗi lòng thầm kín riêng biệt. Khối bình-dân thời vì quá đau khổ bởi nghèo nàn đói rách nên sợ kiếp nhân-sinh mới hướng về đức A-Di-Đà để linh-hồn được Người độ cho hưởng phúc vĩnh-viễn nơi cực-lạc, khỏi bị trầm luân vào

(1) — *Chính-Pháp, Tượng-Pháp, Mật-Pháp* : ba giai-đoạn nhân-quả theo sự phân định thời-gian của đức Thích-Ca Mâu-Ni. Tính 1.000 năm đầu từ ngày Phật tịch duyệt là thời Chính-Pháp và 1.000 năm sau nữa là thời Tượng-Pháp. Trong hai thời-đại này chúng-sinh còn được hưởng phước lành của Phật thế-độ. Từ 2.001 năm trở đi đến 10.000 năm sau đây là thời Mật-Pháp, con người lúc sống phải chịu Thiên Biến, Địa Tai, Tật Bệnh, Chiến Loạn nghĩa là mọi khổ ải ; lúc chết bị đem đi xét đoán ở cửa Diêm-Vương để chịu muôn kiếp trầm luân. Nhưng lại có thuyết cho rằng, cả Chính lẫn Tượng-Pháp chỉ có 1.500 năm thôi, kỳ dư là Mật-Pháp. Nếu tính theo thuyết thứ hai này thời từ niên-hiệu Vĩnh-Thừa thứ Bảy — (1052 d.l.) — đời Hậu Linh-Tuyên T.H. là khởi thời Mật-Pháp, ăn khớp với thời-đại loạn ly, giặc cướp, đói khát, dịch tễ của nước Nhật-Bản trong thời ấy nên mọi tầng lớp nhân-dân cùng quý-tộc mới lo sợ cho phần sống của thế xác và cả phần đầy đoạ của linh-hồn ở mai hậu.

(2) — *Nghiệp-Tăng* : hạng tục tăng, đi tu nhưng chưa dứt lòng trần để vương đầy nghiệp chướng.

những kiếp khổ ải tương tự về sau này. Giới quý-tộc thời vì quá trác táng nên đời mất hướng và biết mình phạm nhiều tội lỗi nên lòng ăn năn, thêm quá sợ về thời Mạt-Pháp, mới nhất tề quy về Người để khi bước sang thế-giới bên kia khỏi bị sa đày vào địa-ngục.

Phong-trào tôn thờ Phật A-Di-Đà, niệm Phật A-Di-Đà trong giới quý-tộc mạnh đến nỗi, ngoài việc tô tượng để thờ ở chùa, ở nhà, còn đến cả những bức bình-phong nơi cửa ra vào, áo bọc gối nằm ngủ đêm hôm cũng vẽ và thêu tượng Người ngồi trên tòa sen, chung quanh có nhiều vị Thần bộ-bạ cùng nhìn qua mấy tầng mây xuống cõi trần gian để sẵn sàng cứu vớt những linh-hồn đọa lạc, tội lỗi. Có được luôn luôn tụng niệm đến Người, nhìn ảnh Người thời lòng mới đỡ bứt dứt băn khoăn để thư thái được phần nào vì tin rằng, như thế là Người phả độ cho. Suy như thế mới rõ tâm hồn của giới quý-tộc thời Đàng-Nguyên bạc nhược dường nào, mất hết đức tự tin để trở nên hoàn toàn ỷ lại.

Những quan-niệm sai lầm và lòng mê-tín

Vấn do ở sự mất đức tự tin nên dân gian cùng quý-tộc thời Đàng-Nguyên đều quan-niệm sai lầm về nhân-sinh mà sinh ra mê tín đến kỳ lạ.

Tỷ dụ như muốn ra khỏi nhà để làm việc gì thời không phải cứ thế mà đi ngay đâu, còn mở lịch ra xem ngày. Nếu lịch đây hôm nay ngày xấu, ngày không hợp tuổi, ngày không nên làm những việc này việc nọ thời nhất thiết với mấy cũng không làm. Hoặc giả, lịch bảo ngày hôm nay tốt với tuổi này hợp với việc kia thời dẫu chưa kịp chuẩn bị nhưng cũng cứ miễn cưỡng làm đi đã cho lấy ngày. Lại còn tục mở lịch ra xem hướng đại lợi khi xuất hành. Tỷ dụ, ngày hôm nay có việc cần phải đi đến hướng Bắc nhưng mở lịch ra xem lại thấy ghi đại lợi về hướng Nam, thế là tiên chừng hãy từ

nhà hướng Nam mà tiến đã. Được một quãng thật xa rồi mới tìm nhà quen hoặc thân thuộc ở hướng này mà la cà vào chơi rồi từ nhà này vòng lên hướng Bắc, ra cái điều đã gặp đại-lợi ở hướng Nam rồi. Bây giờ thời thấy là quan niệm kỳ quặc nhưng ở thời ấy lại rất thịnh hành.

Đến thời tục tránh những năm xung ách, tức như Việt-Nam ta gọi là *năm tuổi* vậy. Dân ông thời năm 42 tuổi, dân bà thời năm 33, đều cho là những *năm tuổi*, sẽ gặp không may hoặc vận hạn. Để tránh những năm xung ách này, dân ông đến 42, dân bà đến 33 tuổi, ăn Tết Nguyên-đán xong, hết tháng Giêng sang đầu tháng Hai lại riêng mở Tết, ăn lại, ra cái điều tuổi 42 và 33 đã qua đi rồi. Từ mồng Một tháng Hai đã tự nhận mình là 43 hoặc 34 tuổi. Như vậy, tuổi 43 và 34 kéo dài những 23 tháng mà hai tuổi xung ách kia chỉ có một tháng mà thôi. Tuy đã trên 10 thế-kỷ qua, nhưng đến bây giờ, tục ăn hai Tết trong một năm để tránh *năm tuổi* vẫn còn lưu hành trong đại-chúng bình-dân Nhật-Bản.

Về sắm sết, thời từ thời-đại Bình-An trở về trước, người Nhật cho rằng do một vị Thần gọi là THEN JIN SAMA — (Thiên-Thần) — tuân lệnh của Trời đi trừng phạt kẻ gian ác. Nhưng từ thời-đại Bình-An trở đi lại tin rằng đây là vong hồn ông SUGAWARA MICHIZANE — (Gián-Nguyên Đạo-Chân) — hiện về trả thù họ Đằng-Nguyên.

Mục Thời-Kỳ Lộng-Thần của họ Đằng-Nguyên đã ghi việc Vũ-Đa Thiên-Hoàng không dùng họ Đằng-Nguyên vào chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch kể từ ngày Đằng-Nguyên Cơ-Kinh mất đi và cất một nhà bác-học là Giám-Nguyên Đạo-Chân lên làm tham-mưu nghị-sự. Đạo-Chân thuộc một trong những giòng họ truyền kế làm quan lâu đời nhất tại triều-đình.

Ta vẫn nhớ, người khởi chế tạo nên các loại tượng đất để bài trí lăng tẩm các vị vua dưới thời Thủy-Nhân Thiên-Hoàng vào khoảng thế-kỷ thứ 1 d.l. là Dã-Kiến Túc-Di. Ông này rồi được trọng dụng tại triều-đình và được Thủy-Nhân T.H. cho cải sang giòng quý-tộc, lấy họ là Giám-Nguyên. Đạo-Chân là giòng dõi họ này vậy.

Từ Gián-Nguyên Túc-Di trở về sau, giòng này rồi nảy nhiều văn-gia lỗi lạc. Thân-phụ Đạo-Chân là quan-đốc hiệu-trưởng trường Đại-học tại KINH-ĐÔ, đồng thời là thầy dạy các hoàng-nam trong số có cả Vũ-Đa T.H. khi còn ở ngôi Thái-Tập. Đến Đạo-Chân thời văn-tài và trí-tuệ thông minh lại hơn cha một bậc. Học rộng KINH, SỬ, thơ văn đã hay thời chữ lại tốt đứng vào bậc nhất thời bấy giờ. Vũ-Đa T.H. thường khen rằng : — « Đạo-Chân là con phượng-hoàng trong hàng Nho-gia của nước Đại-Hòa ». — Cặp khi được bổ đi cai-trị Xứ Tân-Kỳ tại Nam-Hải Đạo lại tỏ ra thanh-liêm rất mực, tiếng ngợi khen về đến KINH-ĐÔ nên Thiên-Hoàng đã trọng về tài lại mến về đức. Liền ngay năm chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch là Đàng-Nguyễn Cơ-Kinh qua đời, ông được triệu về kinh và lên chức SANGI — (Tham-Nghị) — đứng đầu Tàng-Nhân Sở — (xin xem đoạn nói về Bạch-Hà T.H. ở mục trên), — tiếng rằng chức tước kém hơn nhưng thực tế là thay nhiệm-vụ của Cơ-Kinh. Hai năm sau, Vũ-Đa T.H. lại tuyển con gái của Đạo-Chân làm thứ-phụ nên quyền thế của ông cũng đứng vào hàng mạnh ngang với mấy giòng quý-tộc khác như Đàng-Nguyên, Nguyễn-thị và Quất-thị. Nội bao nhiêu quốc-chính trọng sự, Vũ-Đa T.H. chỉ một bàn riêng với Đạo-Chân, tỷ như việc chọn ngôi Thái-Tập, khi Hoàng-gia theo ý ông đã quyết về Thế-Hồ Thiên-Hoàng rồi mà các giòng quý-tộc đương triều vẫn chưa hay biết, chỉ đến ngày mừng Hai tháng Tư năm Khoan-Bình thứ Năm — (893 d.l.) — khi có Sắc chiếu tấn phong ngôi này rồi mới rõ. Xin thêm rằng, làm quan to tại triều mà hự việc tham dự chọn ngôi Thái-Tập thời ức giận biết chừng nào, vừa bẽ bàng vừa lo đến quyền lợi về sau khi tự-quân lên ngôi. Cho nên, cái thế của Gián-Nguyên Đạo-Chân lên chừng nào thời các giòng quý-tộc, nhất là họ Đàng-Nguyên lại càng ghen tức chừng ấy.

Năm Khoan-Bình thứ Chín — (897 d.l.) — Vũ-Đa T.H. nhường ngôi cho Thế-Hồ T.H. cũng đồng thời phong quyền tước cho Đạo-Chân đứng trên họ Đàng-Nguyên. Nhường ngôi rồi, Vũ-Đa T.H. mãi vui với kinh kệ, phần Thế-Hồ T.H. còn bé nhỏ quá nên mấy giòng quý-tộc Đàng-Nguyên, Nguyễn-thị, Quất-thị mới thừa hư toa rập nhau lại để đánh đổ Đạo-Chân, ngày đêm cùng ón thót với thiếu-quân rằng, Đạo-Chân chủ-trương hạ nhà vua để đưa hoàng-đệ lên thay. Trò trẻ con nghe thấy thế thời sợ, bèn hỏi họ mưu đối phó. Chúng tâu nên

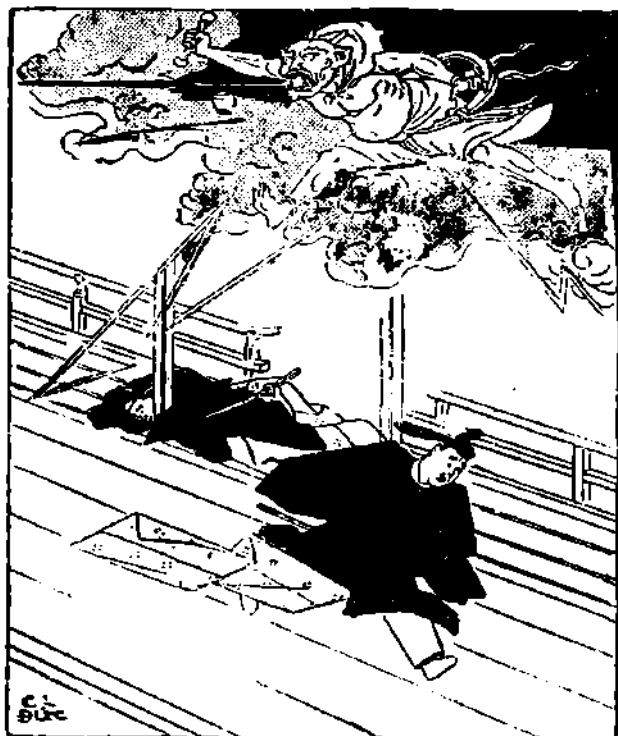
cho Đạo-Chân đi xa, khỏi KINH-ĐỒ là không lo ngại gì nữa. Thế là cấp tốc có đạo Chiếu ủy Đạo-Chân phải đi ngay nội nhật, làm Phó-Trấn đảo Cửu-Châu — (năm Duyên-Hỷ nguyên-niên, 901 d.l.). — Đạo-Chân không kịp sắp sửa hành trang cùng từ biệt đồng-liều đã phải ra đi, khi Vũ-Đa T.H. biết tin, từ chùa bổi hủ về cung nhưng bị bọn lộng thần đóng chặt cổng thành không cho ông vào.

Trên danh-nghĩa thời đi làm Phó-Trấn, nhưng thực tế là Đạo-Chân bị câu thúc ở giữa một địa-phương thuần những chân tay của họ Đàng-Nguyên trong một ngôi nhà gọi là DAZAI FU — (Thái-Tể Phủ) — được hai năm thời mang hận mà mất tại đây. Rồi hậu thế, để kỷ-niệm vị danh-thần bị oao thác vì lộng-thần nên tên Thái-Tể Phủ được mệnh danh cho khu đất đó đến tận bây giờ.

Không rõ vì sao, từ Đạo-Chân mất đi thời tiếp luôn một thời gian lao đao cho mấy giòng quý-tộc và đất nước Nhật-Bản. Thoạt thủy,



*Lòng sợ hãi bị xé đoán trước Diêm-Vương
sau khi nhấm mất của giết Quý-Tộc*



Quan niệm về sấm sét của giới Quý-Tộc
(Rút trong bộ Nhật-Bản Chí Tích)

liền hai năm 908 và 909 d.l., hai con gái của Đàng-Nguyên Cơ-Kinh bị sét đánh chết rồi mấy năm sau, giòng quý-tộc Nguyên-thị cũng lại có người bị lôi đá, thuần là những đương chức lớn tại triều. Tiếp đấy là KINH-ĐÔ bị mấy lần hỏa hoạn, trong nước dề điều bị xuy vỡ, lụt lội tứ tung, bệnh truyền-nhiễm hết giết hại phương này lại qua phương khác Tương truyền rằng, trong những kỳ sét đánh xuống dinh thự của hai giòng họ Đàng-Nguyên và Nguyên-thị đều có linh-hồn Đạo-Chân ở trong những đám mây lửa nên mới truyền đi khắp nước rằng : việc Đạo-Chân thành Thiên-Lôi hiện về trả thù là do chính sách bạc đãi công-thần của Thế-Hồ T. H. nên toàn dân mới phải gánh chịu những thiên-tại trên đây. Thấy lòng dân ta oán vì đất nước không được yên, và lại giòng nhà mình đã mấy người bị nạn về sấm sét, đến năm Thiên-Lịch nguyên-niên — (947 d.l.) chức Nhiếp-Chính là Đàng.

Nguyên Trung-Bình xin với Thượng-Thần Thiên-Hoàng hạ Chiếu truy phục chức tước cho Gián-Nguyên Đạo-Chân và rước bài-vị ông từ Thái-Tể Phủ về thờ tại đền Thiên-Thần ở đất KITANO — (Bắc-Dã) — ngay gần KINH-ĐỒ. Đền này vốn đã có từ xưa kia rồi, chỉ biết rằng thờ một vị mệnh danh là Thiên-Thần, chứ không có huy hiệu hoặc tước phong. Đến nay vì có thuyết về linh-hồn Đạo-Chân được thành Thiên-Thần chuyên coi về sắm sết, thời tiết nên triều-đình mới rước bài-vị của ông về để chính-vị thờ cúng và cứ mỗi thời lại xuất thêm công nho tu bổ đền cho nguy nga như hiện tại. Hàng năm, có mở khánh-hạ, tế lễ linh-đình, dân gian đi chẩy hội, lễ đền Bắc-Dã đông lắm và nay thì đã thành niềm tin đương nhiên rằng Gián-Nguyên Đạo-Chân là Thiên-Thần chủ tế việc sắm sết trong giới đất.

Tổng-luận về Văn-Hóa dưới thời

« Quý-Tộc chuyên-quyền »

Trước khi tổng-luận hãy xin thuật sơ lược về văn-đề nữa tương quan đến văn-hóa, là y phục của giới nữ-lưu quý-tộc. Nếp sống của giới này là nếp sống xa hoa, đài các, cách biệt đại chúng nên y phục cũng theo đà ấy mà diêm dúa, lò xoà như kiểu JŨ NI HITOE — (Thập-Nhị Đơn Y) — được giới này thì đua nhau may mặc. Tên là Thập-Nhị Đơn Y, nhưng không phải mặc vào người mười hai mảnh áo. Đây là kiểu áo có ống tay rộng thùng, càng xuống cửa tay lại càng buông xò ra và chếp nhiều lượt bằng nhiều màu khác nhau. Áo nhíp với ống tay là vạt áo cũng dài lê thê và rộng, mở đằng trước để lộ chiếc áo lót trong sặc sỡ may đến cạp xiêm. Ngay chỗ cạp xiêm là giải đai lưng chếp nếp và nhiều màu, còn chiếc Thập-Nhị Đơn Y thời khếp tà bởi nhiều giải, may thực là mềm mại và cầu kỳ. Thế rồi, ngày ngày thàng bộ áo này, đeo đồ trang sức, đánh phấn cài trâm, giới phụ-nữ quý-tộc ngồi trong những chiếc xe sơn xanh đỏ, có rèm buông kín do những con bò nuôi béo mồm kéo đi, xung quanh thời gia-nhân hộ vệ và dắt bò cho công-nương dạo đó, dạo đây. Ngày nay chỉ còn phụ-nữ trong Hoàng-tộc, đôi khi mặc kiểu Thập-Nhị Đơn Y này trong những buổi khánh-tiết hoặc lễ-nghi trang trọng.



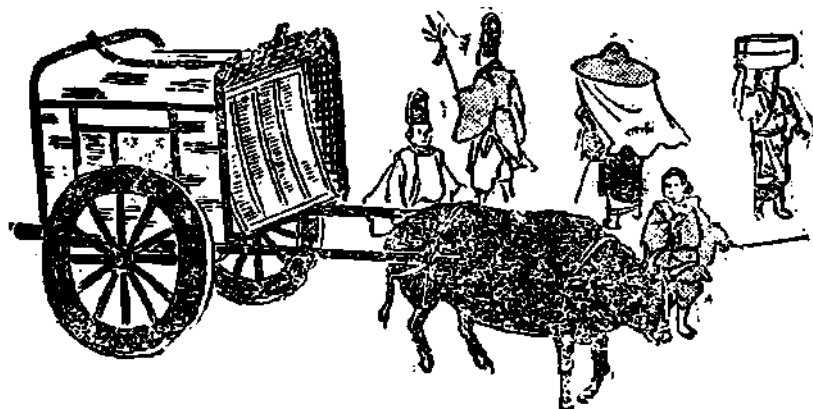
Kiểu áo Thập-Nhị Đơn Y

« tóng tùy theo sở trường cùng ý nghĩ của mỗi nghệ-sĩ. Điều
« đáng kể nhất vẫn là quốc-ngữ Giả-danh ra đời.

« Tuy nhiên, nói về kết quả của thứ văn-hóa quá thiên về xa

Bây giờ kiểm điểm
đến bình thức và kết
quả tiến bộ của văn-
hóa dưới thời QUÝ-
TỘC CHUYỀN.
QUYỀN, chúng tôi
xin dịch lời phê-bình
của sử-gia, tác-giả bộ
Nhật-Bảo Chi Tích :

— « Đặc-điểm của
« văn-hóa thời này là
« thoát ly được khuôn
« sáo của văn - hóa
« Trung-Quốc, tạo nên
« vị trí riêng cho màu
« sắc dân-tộc, phóng



Đuôi đạo chơi của công-nương Quý-tộc.

Rút trong bộ Nhật-Bản Chí Tích.

« hoa mỹ lệ ở bề mặt ấy không thể tạo nổi sức mạnh chung cho
 « dân-tộc. Mình có tách riêng ra đường lối mới, tự tin nơi sức của
 « mình, tự giải-quyết lấy những cái gì thuộc về phạm vi của mình
 « thực đấy nhưng là phạm vi của số ít người đô-thị, chẳng liên quan
 « gì đến đời sống của toàn thể đại-chúng. Thế nên, cái thứ văn-
 « hóa xa hoa mỹ lệ ấy nó vẫn là loi đơn độc, tách xa nhân dân để
 « trong khi đó thời chính khối đại chúng ở các địa-phương mới
 « tạo được lực lượng thực sự để tiến lên mà không một sức nào
 « ngăn lại được. — (tức lực-lượng vũ-sỹ sẽ nói đến ở quyển II).

VII

Tình trạng nhân-dân ở các địa-phương

Trước khi phân đoạn cuốn I này để sang cuốn II, chúng tôi còn
 đề cập đến tình trạng nhân-dân ở các địa-phương trong thời-đại QUÝ-
 TỘC CHUYỀN-QUYỀN này, tuy đã nói đến ở trên kia rồi, vì do
 lực-lượng của khối đại-chúng quá cùng khổ đã khai nguyên ra thời đại
 kế tiếp, một thời-đại làm chuyển biến cả đại cuộc của nước Nhật-Bản
 từ thế-kỷ thứ IX.

Nước Nhật-Bản trong cổ thời-đại, kể từ kinh-tế nông-nghiệp khởi
 sinh làm nảy ra chiến-tranh xâm chiếm đất đai trong nội bộ để giới Hào-
 Tộc nổi lên. Đến khi gọi là quyền thống nhất về Thiên-Hoàng để
 được có tiếng là Cải-Tân chia ruộng chia đất cho dân dĩ chí đến thời-
 đại QUÝ-TỘC CHUYỀN-QUYỀN này, trải qua 10 thế-kỷ ấy, khối
 đại-chúng nông-dân chỉ là những thân nghèo khổ thế xơ xác, còng lưng
 ra gánh vác hết mọi khoản thuế, sưu, lao-dịch, mỗi thời-đại đổi thay là
 mỗi nặng nề hơn trước. Khối nông-dân đã như giòng suối cạn rồi mà
 người ta còn cố nạo đến bùn lên để vớt lấy nước. Thế nên, rút đến
 thời họ Đường-Nguyên chuyển quyền trong hai thế-kỷ này, khối nông-
 dân bị « loạn đói », « loạn nghèo » nó xua đuổi cùng cực đến phải bỏ
 làng đi chết đường chết chợ hoặc tụ họp thành giặc cướp đi đánh phá
 lung tung tạo nên cái « loạn người » giết bại lẫn nhau tại khắp các Xứ.

Cảnh hưởng xã-hội ấy thực đúng vào câu : « *kệ khó phải giữ lấy đầu, người giàu lo giữ lấy của* ». Trong khi đó, Quý-tộc ở NẠI-LƯƠNG, ở KINH-ĐÔ, ở địa-phương đều sống trên vàng lụa, nhơn nhơn yến tiệc, ca xướng dập dìu, chẳng một ai đoái hoài đến đồng chung bị liên miên chết đường chết vạ hoặc phải tàn sát lẫn nhau để dặt miếng ăn, dành lấy phần sống về mình. Cái quan-niệm về chính-trị của giới quý-tộc là dân chúng phải làm ra cho đủ sưu, thuế, phu, dịch hoặc thiếu thời nhịn đi cho có kỳ đủ cung cho giới mình hưởng.

Ở trên đã nói, trong khối đại-chúng bần nông bị tán loạn tha phương, có một số may mắn được trở nên gia-nhân tòi tở cho những hào-phú, tự-xã sở hữu những trang-viên. Trước cảnh tượng chủ-nhân thường bị giặc cướp đánh phá, những gia-nhân này cũng phải xúm nhau lại thành lực lượng vũ-trang để bảo vệ đất đai sản nghiệp cho chủ. Có lực lượng vũ-trang trong tay, giới địa-chủ, hào-phú địa-phương trở nên mạnh. Khi đã có cơ sở mạnh rồi lại được những đoàn lục-lâm thảo khấu vốn xưa là nông-dân hoặc những kẻ đói khát xin về quy phụ. Bọn này lập nên đoàn thể chiêu-dầu có quy luật đặt dưới chỉ đạo của thủ-linh là hào-phú địa-chủ trang viên. Do đấy, mỗi trang-viên, dù to dù nhỏ đều có từng đoàn-thể gia-nhân cắt chia nhau phần sự, kẻ chuyên cày cấy để có lương ăn, người chuyên luyện vũ-ngệ để bảo vệ thủ-linh cùng cơ-nghiệp của cả đoàn thể mình. Những đoàn-thể nông-dân chiến đấu này tức là lực lượng VŨ-SỸ — (Bushii) — vậy, khởi phát sinh từ thể-hệ Đàng-Nguyên chuyên-quyền đến Minh-Trị duy-tân mới giải tán.

Trong khi lực lượng Vũ-Sỹ đua nhau mọc lên để xây dựng sức mạnh cho hào-tộc vũ-gia ở khắp các địa-phương thời giới quý-tộc toàn quốc nói chung vẫn đắm say trong cảnh truy lạc xa hoa rồi dầm ra bạc nhược đến nỗi có lần một nhóm giặc bể TO-I — (Đao-Y) — bên Trung-Quốc kéo độ 50 chiến thuyền sang đánh phá miền Cửu-Châu mà họ Đàng-Nguyên cùng quan lại triều-đình sợ hãi cuống cuống, chẳng thi thố nổi một mưu mẹo gì, không cả dám phái quân đi cứu, chỉ chúi ở KINH-ĐÔ, một mực kéo nhau đến chùa cầu Phật độ cho giặc tan chạy. Chờ mãi không thấy triều-đình đổi phó ra sao, mấy nhà phú hào tại Cửu-Châu bèn liên kết nhau lại, tự phái trang đình vũ-sỹ đi đánh dẹp, chỉ một trận giao phong

nhỏ là đám giặc cỏ ấy tan vỡ, còn sống sót người nào thấy đều xuống thuyền trốn chạy làng hết.

Thế nên giới hào-phú điền-chủ địa-phương mới nhân cái đà bạc nhược của quý-tộc mà ở đâu cũng vậy, tự quản trị lấy đất đai thành những khu biệt-lập, tách rời hẳn thao túng của triều-đình. Đến khi quý-tộc Đàng-Nguyên gần sụp đổ thời KINH-ĐÔ bị trơ trọi một mình, tựa như hòn đảo lẻ loi ở giữa làn sóng trang-viên tự-trị cườn cuộn nổi lên. Lâu dần quý-tộc chẳng cả bảo vệ nổi KINH-ĐÔ nên vừa giặc cướp, vừa vũ-sỹ đêm đêm từ vị trí của họ kéo về KINH-ĐÔ đánh phá một vài nhà giàu rồi lại rút đi và sau này, khi các đoàn vũ-sỹ đã cứng mạnh rồi, các vũ-gia lãnh-tự mới nổi lên đoạt hẳn quyền hành để thay thế Quý-Tộc là những việc sẽ trình bày tiếp ở cuốn sau.

BẢNG KÊ CÁC NGÔI THIÊN-HOÀNG

TỪ KHỞI THƯỢNG-CỒ HỮU SỬ THỜI-ĐẠI ĐẾN
CUỐI THẾ-KỶ THỨ XII SAU KỶ-NGUYÊN D. L.
MẠT KỶ THỜI-ĐẠI QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN

Chia thành 3 thời-kỳ :

- 1.— *Hỗn-mang tặc đoán*, từ khoảng 660 trước kỷ-
nguyên đến 399 sau kỷ-nguyên
d. l.
- 2.— *Hỗn-sơ vị tường niên-gian*, từ 400 sau kỷ-nguyên đến 592
sau kỷ-nguyên d. l.
- 3.— *Minh-sử*, từ 593 sau kỷ-nguyên d. l. đến
hiện kim.

1.— Thời-kỳ Hổn-Mang Ưc Đoán

Từ khoảng 660 trước kỷ-nguyên đến 399 sau kỷ-nguyên d. l.,
cộng 1.059 năm, trải 16 đời vua.

1 — ZIMMU	Tennô	: Thần-Vũ Thiên-Hoàng.
2 — SUISEI	—	: Tuy-Tĩnh —
3 — ANNEI	—	: An-Ninh —
4 — ITOKU	—	: Y-Đức —
5 — KOSHO	—	: Hiếu-Chiêu —
6 — KOAN	—	: Hiếu-An —
7 — KOREI	—	: Hiếu-Linh —
8 — KOGEN	—	: Hiếu-Nguyên —
9 — KAICA	—	: Khai-Hóa —
10 — SHUJIN	—	: Sùng-Thần —
11 — SUININ	—	: Thùỵ-Nhân —
12 — KEIKÔ	—	: Cảnh-Hạnh —
13 — SEIMU	—	: Thành-Vụ —
14 — CHUAI	—	: Trọng-Ai —
15 — ÔJIN	—	: Ưng-Thần —
16 — NINTOKU	—	: Nhân-Đức —

2.— Thời-kỳ hổn-sơ vị tướng niên-gian

Từ khoảng 400 sau kỷ-nguyên đến 592 kỷ-nguyên d.l., cộng
193 năm, trải 16 đời vua.

17 — RICHÛ	Tennô	: Lý-Trọng Thiên-Hoàng.
18 — HANSHÔ	—	: Phán-Chính —
19 — INKYÔ	—	: Duẩn-Cung —
20 — ANKÔ	—	: An-Khang —

21 —	YÛRAKU Tennô	:	Hùng-Lược Thiên-Hoàng	
22 —	SEINEI —	:	Thanh-Ninh —	
23 —	KENSÔ —	:	Hiển-Tông —	
24 —	NINKEN —	:	Nhân-Hiền —	
25 —	BÛRETSU —	:	Vũ-Liệt —	
26 —	KEITAI —	:	Kế-Thế —	
27 —	ANKAN —	:	An-Nhàn —	
28 —	SENKA —	:	Tuyên-Hóa —	
29 —	KIMMEI —	:	Khâm-Minh —	
30 —	BITATSU —	:	Mãn-Đạt —	
31 —	YÔMEI —	:	Dụng-Minh —	
32 —	SHÛSHUN —	:	Sùng-Tuấn —	

3.— Thời-kỳ Minh-Sử

Từ 593 sau kỷ-nguyên d.l. đến hiện kim.

33 —	SUIKÔ	Tennô :	Suy-Cổ Thiên-Hoàng (Nữ)	593-628
34 —	YÔMEI	— :	Thư-Minh —	629- 41
35 —	KÔGYÔKU	— :	Hoàng-Cực —	(Nữ) 641- 45
36 —	KÔTOKU	— :	Hiếu-Đức —	645- 54
37 —	SAIMEI	— :	Tế-Minh —	(Nữ) 655- 61
38 —	TENJI	— :	Thiên-Trí —	661- 71
39 —	KÔBUN	— :	Hoàng-Văn —	671- 72
40 —	TEMMÛ	— :	Thiên-Vũ —	672- 86
41 —	JITHÔ	— :	Trì-Thống —	(Nữ) 686- 97
42 —	MOMMÛ	— :	Văn-Vũ —	697-707
43 —	GEMMEI	— :	Nguyên-Minh—	(Nữ) 707- 15
44 —	GENSHÔ	— :	Nguyên-Chính—	(Nữ) 715- 24

45 — SHÔMMU	Tennô : Thánh-Vũ Thiên-Hoàng	724-	49
46 — KÔKEN	— : Hiếu-Kiểm	— (Nữ) 749-	58
47 — JÛNIN	— : Thuần-Nhân	— 758-	64
48 — SHÔTOKU	— : Xương-Đức	— (Nữ) 764-	70
49 — KÔNIN	— : Quang-Nhân	— 770-	81
50 — KAMMÛ	— : Hoàn-Vũ	— 781-	806
51 — HEIZEI	— : Bình-Thành	— 806-	09
52 — SAGA	— : Tha-Nga	— 809-	23
53 — JUNNA	— : Thuần-Hòa	— 823-	33
54 — NINMYÔ	— : Nhân-Minh	— 833-	50
55 — MONTOKU	— : Văn-Đức	— 850-	58
56 — SEIWA	— : Thanh-Hòa	— 858-	76
57 — YÔZEI	— : Dương-Thành	— 876-	84
58 — KÔGÔ	— : Quang-Hiếu	— 884-	87
59 — UDA	— : Vũ-Đa	— 887-	97
60 — DAIGÔ	— : Thái-Hà	— 897-	930
61 — SUZAKU	— : Chu-Tước	— 930-	46
62 — MURAKAMI	— : Thôn-Thượng	— 946-	67
63 — SHIZEI	— : Linh-Tuyền	— 967-	69
64 — ENYU	— : Viên-Dung	— 969-	84
65 — KAZAN	— : Hoa-Sơn	— 984-	86
66 — ICHI-JÔ	— : Nhất-Điều	— 986-	1011
67 — SAN-JÔ	— : Tam-Điều	— 1011-	016
68 — GÔ ICHI-JÔ	— : Hậu Nhất-Điều	— 1016-	036
69 — GÔ SUZAKU	— : Hậu Chu-Tước	— 1036-	045
70 — GÔ SHIZEI	— : Hậu Linh-Tuyền	— 1045-	068
71 — GÔ SANJÔ	— : Hậu Tam-Điều	— 1068-	072
72 — SHIRA KAWA	— : Bạch-Hà	— 1072-	086

73 — HORI KAWA	Tennô : Quật-Hà Thiên-Hoàng	1086-	107
74 — THÔBA	— : Điều-Vũ	—	1107- 123
75 — SHUTOKU	— : Sùng-Đức	—	1123- 141
76 — KONOE	— : Cận-Vệ	—	1141- 155
77 — GÔ SHIRAKAWA	— : Hậu Bạch-Hà	—	1155- 158
78 — NI-JÔ	— : Nhị-Điều	—	1158- 165
79 — ROKU-JÔ	— : Lục-Điều	—	1165- 168
80 — TAKAKURA	— : Cao-sương	—	1168- 180
81 — ANTOKU	— : An-Đức	—	1180- 185
82 — GÔ THÔBA	— : Hậu Điều-Vũ	—	1185- 198

Thời-Đại thiết lập Tòa Viện-Chính để Thượng-Hoàng — (Jôkô) — và Pháp-Hoàng — (HÔ-Ô) — cùng cầm quyền với Thiên-Hoàng làm thế giám ngự hoạnh-quyền của Quý-Tộc.

1 — SHIRA KAWA JÔKÔ	: Bạch-Hà Thượng-Hoàng	1086-096
2 — SHIRA KAWA HÔ-Ô	: Bạch-Hà Pháp-Hoàng	1096-129
3 — THOBA JÔKÔ	: Điều-Vũ Thượng-Hoàng	1129-141
4 — THÔBA HÔ-Ô	: Điều-Vũ Pháp-Hoàng	1141-156
5 — GÔ SHIRA-KAWA JÔKÔ	: Hậu Bạch-Hà Thượng-Hoàng	1158-169
6 — GÔ SHIRA-KAWA HÔ-Ô	: Hậu Bạch-Hà Pháp-Hoàng	1169-179
7 — TAKAKURA JÔKÔ	: Cao-Sương Thượng-Hoàng	1179-181
8 — GÔ SHIRA-KAWA HÔ-Ô	: Hậu Bạch-Hà Pháp-Hoàng	1181-198

CHƯƠNG BẢY

TIỂU-SỬ NHỮNG VỊ THIÊN-HOÀNG TỪ KHỞI LẬP-QUỐC ĐẾN MẠT-KỶ CỦA THỜI-ĐẠI BÌNH-AN

TỪ Quyển II trở đi chúng tôi mới sắp được tuần tự tiểu-sử các ngôi Thiên-Hoàng truyền kế nhau đi liền với sự việc của lịch-sử, riêng ở Quyển I này, tiểu-sử phải đến đây mới trình bày vì lý do những khoảng thời-gian hỗn mang ỨC ĐOÁN và hỗn sơ vị tường niên gian chiếm mất hầu hết nội dung.

Lịch-sử chỉ có giá trị ở chỗ chụp đúng các sự việc lồng trong khuôn khổ của từng thời-gian chính xác ở dĩ vãng, nay miễn cưỡng gò bó hoặc nhất nhạnh gán ghép để đưa ra những tài-liệu xộc xệch ngoài lẽ tự nhiên khiến độc-giả đọc hết trang truyện nhưng lòng ghi đầy thắc mắc thời chẳng phản lại lịch sử ru ? Hãy đặt ra ngoài vấn-đề những ỨC ĐOÁN về thượng-thời tiền-sử của dân-tộc Đại-Hòa mà chỉ kể từ

thừa khả dĩ gọi là hữu-sử, nghĩa là từ Thần-Vũ Thiên-Hoàng đến đời vua thứ 16 là Nhân-Đức Thiên-Hoàng cũng đã đầy những nghi vấn.

Những bộ sử cổ nhất của Nhật-Bản là Cổ Sự-Ký và Nhật-Bản Thư-Kỷ viết vào đầu thế-kỷ thứ VIII sau kỷ-nguyên. Thế có nghĩa, những sự việc từ cuối thế-kỷ thứ VII trở về trước đều phải sưu tầm mò mẫm hoặc qua Văn, Bia, Truyền-khẩu của những năm gần nhất rồi thứ mới đến sách vở của những triều Ngụy và Hán của Trung-quốc ở thế-kỷ thứ III sau kỷ-nguyên, rồi ngược giòng thời-gian lên nữa thời chỉ còn cách căn cứ theo cổ-tích mà gán ghép nêu Sử. Do đấy mới có truyện nữ Thượng-Đế Thiên-Chiếu Đại-Thần ngự trên Cao-Thiên Nguyên sai chư Thần xuống tạo lập nên Đại Bát-Đảo để rồi cho con cháu xuống cai-trị. Cho nên những tài-liệu ghi chép từ thời khởi thủy này thực là mờ mịt.

Nếu theo gia-phả của Hoàng-gia thời Thần-Vũ Thiên-Hoàng chinh-phục xong miền trung-nguyên đảo Bản-Châu để lên ngôi vào năm 660 trước kỷ-nguyên d.l., truyền đến đời vua thứ 16 là Nhân-Đức T.H. bằng hà vào năm 399 sau kỷ-nguyên, cộng được 1.059 năm. Tính trung bình, vị nào cũng làm vua được từ 66 năm trở lên và đều thọ từ 100 đến 143 tuổi cả. Ngay Nhân-Đức T.H., gia-phả cũng ghi ở ngôi đến 87 năm trời. Đương như vậy, chuyển đến đời vua thứ 17 là Lý-Trọng Thiên-Hoàng trở đi thời vua nào cũng chỉ thọ vào mức người thường và làm vua với tương độ một, vài chục năm trở lại đến dăm ba năm tùy theo biến cố của thời-đại.

Bởi tính chất hồ đồ, không xác thực của khoảng 1059 năm khởi thủy ấy nên hiện có 3 nhận-thuyết được nhiều sử-gia Nhật-Bản chú ý :

1 — Nếu Thần-Vũ Thiên-Hoàng khai quốc thực sự vào khoảng thế-kỷ VII trước kỷ-nguyên thời đến Nhân-Đức T. H. tất còn sót nhiều đời vua nữa mà cổ-sử không thể truy cứu nổi ?

2 — Nếu tính theo mực độ tuổi thọ của người thường và tương độ của mỗi ngôi vua từ một vài chục năm trở lại thời Thần-Vũ T. H. chỉ khởi nghiệp vào khoảng thế-kỷ thứ I sau kỷ-nguyên d.l. ?

3 — Chiếu theo sách vở của nhà Ngụy và Hậu-Hán được xác định bởi sự giao-thiệp Trung-Nhật ở thế-kỷ thứ III sau kỷ-nguyên thời bấy giờ nước Nhật vẫn còn chia thành trên 100 nước nhỏ, tức vẫn còn là

bộ-lạc tự-trị. Vậy cuộc chinh-phục các bộ-lạc để dựng nên chính-quyền trung-ương của Thần-Vũ T. H. chỉ khởi ở thế-kỷ này và Hoàng-gia tất thuộc về giống người Mă-Lai ở phía Nam Á-Châu lên đảo Cửu-Châu ?

Tuy người chính-quốc không tin vào sự không mấu chốt của khoảng trên một ngàn năm thượng-cổ sử ấy, nhưng họ không nói thẳng là không tin vì như vậy là công khai bác bỏ gia-phả của Hoàng-gia. Bây giờ mới có việc gián-tiếp đưa nhận-thuyết để ngầm chứng tỏ sự hồ đồ của những đời vua khởi tạo nên Hoàng-gia, chứ từ 1945 trở về trước, tuy lòng không tin nhưng miệng cứ phải giáng mà tin kéo lại mang tội phạm thượng. Nay đứng về phương-diện chính xác của sự việc và thể theo sự xếp đặt của những bản sử-liệu mới nhất thời tiểu-sử của 16 đời vua đầu tiên của Hoàng-gia Nhật-Bản chỉ là hỗn mang ức đoán.

Tiếp đến trong khoảng hai thế-kỷ thứ V và thứ VI, từ 400 đến 592 sau kỷ-nguyên d.l., cũng trải 16 đời vua nữa, từ Lý-Trọng Thiên-Hoàng đến Sùng-Tuấn Thiên-Hoàng thời các nhân-vật đều-xác thực nhưng niên khoảng tức-vị, thoái-vị hay giá băng của mỗi ngôi lại chưa kê cứu được minh bạch nên hai thế-kỷ này mới là thời-kỳ hỗn-sơ vị tương niên-gian. Còn minh-sử thời kể từ đời Suy-Cổ Thiên-Hoàng — (593-628 sau k. ng.) — trở lại vì đây là thời nhiếp-chính của Thánh-Đức Thái-Tử, tiếng rằng quốc-sử chưa có nhưng Hán-học đã thịnh, Phật-học đã mở mang, sách vở tài-liệu lưu lại được nhiều — (như bản Thập-Thất Điều Hiển-Pháp là một) — nên những sử-gia trong đệ Bát thế-kỷ sau k. ng. mới có căn cứ rành mạch để sao lục hoặc trước tác mà lưu lại hậu thế.

Vậy ở dưới đây, xin lần lượt dịch thuật sơ lược tiểu-sử các vị Thiên-Hoàng từ khởi-tổ Thần-Vũ trở xuống末-kỳ thời-đại Bình-An, tuy nhiên chúng tôi xin nhắc lại, đối với 16 đời vua trong khoảng 1.059 năm của thời-kỳ hỗn mang ức đoán thời rằng có rằng không, vấn-đề không thể quan-niệm bề có ghi vào Sách là thành Sử được.

1. — *THẦN-VŨ Thiên-Hoàng* : Ở ngôi 90 năm, thọ 139 tuổi.
— (xin xem tiếp mục Thần-Thoại về khởi nguyên nước Nhật-Bản nơi Chương Ba).

2.— *TUY-TĨNH Thiên-Hoàng* : Con Thần-Vũ T.H.

3.— *AN-NINH Thiên-Hoàng* : Con Tuy-Tĩnh T.H.

4.— *Y-ĐỨC Thiên-Hoàng* : Con An-Ninh T.H.

5.— *HIẾU-CHIÊU Thiên-Hoàng* : Con Y-Đức T.H.

6.— *HIẾU-AN Thiên-Hoàng* : Con Hiếu-Chiêu T.H.

7.— *HIẾU-LINH Thiên-Hoàng* : Con Hiếu-An T.H. Truyền rằng, mới lên ngôi được mấy năm, vào khoảng năm 286 trước kỷ-nguyên d.l., trận động đất dữ dội xảy ra trên khắp đảo Bản-Châu. Dứt động đất thời phần đất cao lên thành núi Phú-Sỹ trong Huyện Sơn-Lê, phần sụt xuống thành hồ BIWA — (Tỳ-Bà) — trong Huyện Tư-Hạ.

8.— *HIẾU-NGUYỄN Thiên-Hoàng* : Con Hiếu-Linh T.H.

9.— *KHAI-HÓA Thiên-Hoàng* : Con Hiếu-Nguyên T.H.

10.— *SÙNG-THẦN Thiên-Hoàng* : Con Khai-Hóa T.H. Truyền rằng, dưới thời này có dịch đậu-mù làm chết vọi dân số toàn quốc.

11.— *THÙY-NHÂN Thiên-Hoàng* : Con Sùng-Thần T.H. Ở ngôi 100 năm, thọ 140 tuổi.

12.— *CẢNH-HẠNH Thiên-Hoàng* : Con Thùy-Nhân T.H. Mãi 80 tuổi mới lên ngôi, trị vì 63 năm nữa. Sinh hạ được 80 người con.

13.— *THÀNH-VỤ Thiên-Hoàng* : Con Cảnh-Hạnh T.H.

14.— *TRỌNG-AI Thiên-Hoàng* : Cháu gọi Thành-Vụ T.H. bằng chú. Mi thanh mục tú, nổi tiếng đẹp trai nhất thời đại. Tính lãng mạn, thích âm nhạc, văn thơ hơn việc triều chính.

15.— *ƯNG-THẦN Thiên-Hoàng* : Con Trọng-Ai T.H. Việc phân chia đẳng cấp giữa các giòng họ trong dân gian thịnh hành, giòng nào làm quan cứ kể thế làm quan, giòng nào là dân cứ kể tiếp làm dân, đã một đời là nô tỳ thời truyền thống làm nô tỳ, không giòng họ nào được thay đổi địa vị xã-hội của mình. Văn-hóa Trung-Quốc bắt đầu

lan tới : Hán-văn, Nho-học, bốc-dịch, y lý, niên-nguyệt-nhật lịch, canh pháp, tầm tang, dặt tơ lụa, vải, may cắt, rèn chế các đồ dùng bằng kim-khí. Quan lại, Hào-tộc, Hoàng-gia đua nhau xây đắp lăng tẩm cho tổ-tiên.

Xuất quân vượt bể sang chinh-phục những nước nhỏ thuộc Nam Đại-Hàn — (Xin xem mục Tấn-Công Đại-Hàn nơi Chương Ba) — Theo chiếc bia đá gọi là Hiếu-Thái Vương Bi hiện nay vẫn còn ở bờ sông Áp-Lục thời cuộc chinh-phục này vào năm 391 sau kỷ-nguyên d.l. Như vậy là vào thời Nhân-Đức Thiên-Hoàng chứ không phải thời này. Theo gia-phả của Hoàng-gia thời Nhân-Đức T.H. băng hà vào năm 399 sau k. ng. và ở ngôi 86 năm. Như vậy, Ứng-Thần T.H. chỉ ở ngôi vua đến năm 313 sau k. ng. là cùng. Sự chênh lệch nhau đến gần 1 thế-kỷ này không thể căn cứ vào điều kiện xác thực nào để đính chính thuyết nào là phải hay không phải được.

Ứng-Thần T.H. băng hà rồi, trong Hoàng-cung xảy ra câu chuyện thương tâm về tình huynh đệ tương kính, tương ái. Khi sinh thời, Ứng-Thần T.H. đã dựng con cả làm Hoàng-Thái-Tử, nhưng khi vua cha băng rồi, Hoàng-Thái-Tử tự nhận thấy đức hạnh mình kém Hoàng-đệ nên nhường ngôi cho em. Hoàng-đệ không nhận, nói rằng, còn anh mà em lên ngôi là vô lễ. Cuộc cung nhường giữa hai anh em kéo dài khiến ngôi vua bị trống đến hai năm giới. Hoàng-Thái trưởng-tử rồi phải tự sát đi, bấy giờ Hoàng-đệ mới chịu tức vị, gọi là :

16.— *NHÂN-ĐỨC Thiên-Hoàng* : Xin xem truyền-thoại về vị vua này nơi Chương Ba. Còn về niên-gian tại vị của ông thời trái với gia-phả của Hoàng-gia, còn có thuyết cho rằng, Nhân-Đức T.H. tại vị trong mấy chục năm đầu của đệ Ngũ thế-kỷ sau k. ng., vì mãi đến năm 421, ngang với đời Tống Vũ-Đế bên Trung-Quốc mới thấy nói đến và băng hà vào năm 438.

Đến đây, chấm dứt thời kỳ hồ đồ ước đoán phỏng chừng trong 1.059 năm khởi thủy của Hoàng-gia Nhật-Bản.

17.— *LÝ-TRỌNG Thiên-Hoàng* : Con Nhân-Đức T.H. Tương truyền vị vua cha thọ những trên 100 tuổi nên mãi năm 64 tuổi ông mới lên kế vị phụ-hoàng. Đệ-nhi Hoàng-đệ dấy quân để tranh ngôi nhưng nhờ đệ-tam Hoàng-đệ tiểu dục yên được.

Bất đầu thích chữ hoặc đóng dấu sắt nóng vào mặt phạm nhân. Tục trở trảm vào người bành trướng khắp nam-giới trong nước. Những nét trở cũng tùy thứ vị của từng giòng họ trong xã-hội mà chia ra khác nhau.

Từ đây trở xuống đến Sùng-Tuân Thiên-Hoàng, cả thấy 16 đời vua nữa, tuy không hồ nghi về nhân-vật nhưng niên-khoảng thời bất định, rằng năm này rằng năm khác nên có những bản sử-liệu cứ dành để trống niên-gian, không thể ghi thế nào cho phải cả. Vấn-đề chính yếu là niên-gian đã không rõ rệt nên những sự việc trong đệ Ngũ và đệ Lục thế-kỷ sau k. ng. đều có chép trong hai bộ Cổ-Sự Ký và Nhật-Bản Thư-Kỷ cũng không lấy gì làm căn cứ, thành thử các sử-gia Nhật-Bản ngày nay lược cắt đi nhiều. Vậy dù chúng tôi có dịch thuật trình bày tiểu-sử của 16 vị Thiên-Hoàng cùng những ấn trạng của Hoàng-gia trong hai thế-kỷ này cũng chỉ là theo ngoại-sử truyền ngôn thôi.

18. — *PHÁN-CHÍNH Thiên-Hoàng* : Em thứ ba Lý-Trọng T. H.

19. — *DUẨN-CUNG Thiên-Hoàng* : Em thứ tư Lý-Trọng T.H. Cưỡng dâm cả chị của Hoàng-Hậu — (chị vợ) — khiến bà ta định tự sát mấy lần. Đã chỉ định trưởng-nam làm Hoàng-Thái-Tử nhưng ông này giống tính phụ-hoàng, tàn bạo và loạn luân từ hồi niên thiếu, thông gian với cả em gái nên khi Duẩn-Cung Thiên-Hoàng nằm xuống, Hoàng-gia với triều-đình mới bãi truất Hoàng-Thái-Tử để tôn người con thứ ba lên ngôi.

20. — *AN-KHANG Thiên-Hoàng* : Đệ tam hoàng-nam của Duẩn-Cung T. H. Tức vị rồi, để trừ hậu hoạn, ông tìm cách giết anh cả khiến ông này phải trốn vào nhà một đại-thần thuộc giòng cự-thần Vật-Bộ. Khi tìm thấy, An-Khang T. H. buộc cả anh lẫn người chứa đều phải mổ bụng tự sát. Khi chưa lên ngôi, ông có bị Hoàng-thúc — (em bố) — rầy la sao đó, nay trả thù bằng cách giết chú rồi lấy luôn thím. Đến hai năm sau, con trai của Hoàng-thúc mới có 8 tuổi, nhân lúc An-Khang T. H. say rượu nên hạ sát được để báo thù cha.

21. — *HÙNG-LƯỢC Thiên-Hoàng* : An-Khang T. H. bị hạ sát, Hoàng-gia cùng triều-đình chưa kịp cắt đặt ra sao thời người

con út của Duẩn-Cung T. H. nhân có binh quyền, bèn nổi lên giết cả 3 người anh, gồm 2 anh ruột và 1 con nhà bác là trưởng-nam của Lý-Trọng T. H., để lên ngôi tức Hùng-Lược T. H.

Mượn tiếng trừng phạt kẻ đã « phạm tội giết vua » nên buộc vị đại-thần thuộc giòng họ KATSURAGI — (Cát-Thành), phải giải nộp con Hoàng-thúc hiện đương ẩn náu tại đây. Họ Cát-Thành kháng khái không chịu nộp, Hùng-Lược T. H. bèn phái quân đến vây kín phủ của vị đại-thần này rồi phóng hỏa đốt phủ. Toàn gia họ Cát-Thành cùng với con Hoàng-thúc chịu chết thiêu trong khói lửa chứ không chịu khuất.

Hùng-Lược T. H. còn phạm vào nhiều tội hiếu sát và hoang dân vô đạo. Trông thấy vợ một võ quan có nhan sắc, thế là tìm cách phái chồng đi sứ Nam Đại-Hàn để ở nhà cho người đến bắt vợ đem về cung. Giết hại trong Hoàng-phái nhiều đến nỗi tại hoàng-cung chỉ có Hoàng-hậu với mấy thứ-phì cùng hai Hoàng-tử, một con Hoàng-hậu, một con bà thứ, còn hàng quốc-thích ai mà sống sót đều phải trá hình thành dân chúng, chạy thất tán mỗi người một ngã, xa khắp bốn phương.

22.— *THANH-NINH Thiên-Hoàng* : Trưởng-nam của Hùng-Lược T. H. đã được cất lên Hoàng-Thái-Tử từ khi còn tiền-đế. Tuy nhiên khi tức vị, Hoàng-đệ là con bà thứ lại dấy loạn để cướp ngôi nên buộc lòng phải giết bỏ. Ở ngôi được 5 năm thời băng hà đương độ hoa niên.

Sinh thời, tự biết phạm mình vô tự nên đã sớm chuẩn bị ngôi kế vị. Khốn nỗi, vì tiền-đế giết hại trong Hoàng-phái nhiều quá, không còn một ai giám ở gần chủ-dò nên phải ủy người đi lòng tìm khắp thiên hạ.

Khi trưởng-nam của Lý-Trọng T. H. bị Hùng-Lược T. H. sát hại thời ở nhà còn 3 con, một chị gái với 2 em giai thơ ấu, may được người gia-bộc đưa đi trốn thoát về đất Bá-Ma ở Sơn-Dương. Đạo. Về đến đây, mai danh ẩn tích trong cảnh nghèo nàn nên cả 3 chị em phải đi chăn bò mượn độ nhật. Trong những lúc vắng người ở ngoài bãi, ngoài đồng, người chị vẫn nhớ những vũ-diệu trong hoàng-cung nên thường luyện cho

hai em. Nhờ sự bất thần trông thấy vũ-diệu này mà ủy-viên của Thanh-Ninh T.H. nhận ra là người hoàng-phái mới truy cứu lý-lịch thời là cháu đích-tôn của Lý-Trọng T.H. Bèn rước cả ba chị em về cung. Cậu nhỏ dinh ngộ hơn cả nên được Thanh-Ninh T.H. chọn làm Thái-Tập.

Khi Thanh-Ninh tiên-đế nằm xuống — (tương truyền vào năm 482 sau kỷ-nguyên d.l.), — cậu nhỏ luôn nhớ đến tình khăng khít ruột thịt trong những năm ba đào nên cung nhường anh lên ngôi. Anh từ chối, cứ rằng không được trái mệnh tiên-đế. Không thể để triều-dinh không vua, bách-quan phải nài cô chị lên nhiếp-chính được 3 năm thời vì những lao lực và đói khát trong những năm vong mệnh nên mang cứu bệnh mà qua đời. Cậu em đành lên ngôi, là :

23.— *HIỂN-TỔNG Thiên-Hoàng* : Tức vị năm trước, năm sau hạ Sắc chiếu bá-cáo thần-dân đều biết việc đã chọn anh vào ngôi Thái-Tập. Làm như vậy cốt đặt anh vào một việc đã rồi và không thể có rằng mình không có mệnh vua được nữa. Ở ngôi được 3 năm thời nhường ngôi cho anh.

24.— *NHÂN-HIỀN Thiên-Hoàng* : Anh Hiển-Tổng T.H.

25.— *VŨ-LIỆT Thiên-Hoàng* : Con Nhân-Hiền T.H. Lên ngôi năm 14 tuổi. Đã khét tiếng về tàn bạo lại xa hoa cực độ. Mỗi đàn bà chữa để xem thai, từng xéo phạm-nhân sau khi đã dứt hết móng chân móng tay, lấy người sống làm bìa bắn cung. Kén những gấm vóc vào loại tân kỳ nhất để may quần áo. Đến năm 18 tuổi, nhân trong trận mưa bão bị kẻ lạ mặt lên vào hành thích chết trong cung.

26.— *KẾ-THẾ Thiên-Hoàng* : Vũ-Liệt vô tự. Triều-dinh cho đi đón người cháu 4 đời Lý-Trọng T.H. vẫn nương náu ở đất Đào-Ba tại Sơn-Âm Đạo về lên ngôi, nhưng khi quân lính rậm rịch đến nơi, ông này hãi quá, ngơ là triều-dinh đến bắt nên chạy tuốt ẩn mãi trong rừng sâu, tha hồ tìm cũng không thấy. Đành phải đi đón cháu 5 đời của Ưng-Thần T.H. đã 82 tuổi về kế-trị là Kế-Thế T.H.

27.— *AN-NHÂN Thiên-Hoàng* : Con Kế-Thế T.H. Lên ngôi năm 68 tuổi. Trị vì được 2 năm thời nhường ngôi cho em.

28.— *TUYÊN-HÓA Thiên-Hoàng* : Em thứ hai An-Nhân

T.H. Lên ngôi năm 69 tuổi. Trị vì được 4 năm thời nhường cho em thứ ba.

29.— *KHÂM-MINH Thiên-Hoàng* : Em thứ ba An-Nhàn T.H. Lên ngôi năm 32 tuổi.

30.— *MÃN-ĐẠT Thiên-Hoàng* : Con Khâm-Minh T.H.

31.— *DỤNG-MINH Thiên-Hoàng* : Em Mãn-Đạt T.H. Vì hai nhà Hào-tộc là Tô-Ngã và Vật-Bộ gây nội chiến rồi ren nên chưa kịp chọn ngôi Thái-Tập đã băng hà.

32.— *SÙNG-TUẤN Thiên-Hoàng* : Em Dụng-Minh T.H. do hào-gia Tô-Ngã Mã-Tử lập nên nhưng rồi lại bị bạo thần này sát hại vào năm 592 sau k.ng.

Nguyên Sùng-Tuấn T.H. tuy do Mã-Tử lập nên nhưng vẫn căm hận thói chuyên quyền của giòng họ này nên ngầm xếp đặt binh lực để tính việc diệt trừ bọn ngược thần. Nhưng việc làm không kín, bị Mã-Tử biết trước nên chợt khởi sự là bị hại.

Đến đây, chấm dứt thời hỗn-sơ để sang thời minh-sử kể từ Suy-Cổ Thiên-Hoàng.

33.— *SUY-CỔ* nữ *Thiên-Hoàng* — (593 - 628) — : Chị Sùng-Tuấn T.H., góa-hậu của Mãn-Đạt T.H. — (Mãn-Đạt, Dụng-Minh, Sùng-Tuấn và Suy-Cổ Thiên-Hoàng, 4 vị này là anh em ruột) — Tô-Ngã Mã-Tử hại Sùng-Tuấn T.H. rồi dựng bà này lên ngôi. Gần suốt thời kỳ tại vị, bà nhường cho cháu gọi bằng cô là Thánh-Đức Thái-Tử cầm quyền nhiếp-chính. — (Thánh-Đức Thái-Tử là con Dụng-Minh T.H.) —. Bà này đóng đô tại đất Phi-Điếu.

34.— *THƯ-MINH Thiên-Hoàng* — (628-41) — : Đích-tôn Mãn-Đạt T.H. do Tô-Ngã Hà-Di lập lên.

35.— *HOÀNG-CỰC* nữ *Thiên-Hoàng* — (641-45) — : Cháu gái Thánh-Đức Thái-Tử, góa-hậu của Thư-Minh T.H.

Trung Đại-Huynh Hoàng-Tử với sự trợ giúp của Trung-Thần Liêm-Túc diệt trừ được hào-tộc Tô-Ngã trong thời này — (644).

36.— *HIẾU-ĐỨC Thiên-Hoàng* — (645-54) — : Em trai

Hoàng-Cực nữ T.H. Ban Chiêu Cải-Tân để khởi nên thời Đại-Hóa. Bắt đầu dùng niên-hiệu theo các Hoàng-Đế Trung-Quốc.

37.— *TẾ-MINH* nữ *Thiên-Hoàng* — (655-61) — : Hiếu-Đức T.H. giá băng rồi, bà chị là Hoàng-Cực T.H. lại lên ngôi. Lần này thời hiệu là Tể-Minh T.H.

Năm 658 sau k.ng., con trai của Hiếu-Đức T.H. dấy quân định cướp ngôi nhưng dẹp yên được và Hoàng-tử này bị giết.

Thời này lại bỏ không dùng niên-hiệu.

38.— *THIÊN-TRÍ* *Thiên-Hoàng* — (661-71) — : tức Trung-Tại-Huynh Hoàng-Tử, con trai của Thư-Minh T.H. với nữ-hoàng Tể-Minh. Thiên đô về đất Đại-Tân trong Xứ Cận-Giang.

Để thưởng công cho Trung-Thần Liêm-Túc đã giúp mình diệt trừ họ Tô-Ngã, Thiên-Trí T.H. hạ Chiêu cho họ Trung-Thần được cải sang quý-tộc Đàng-Nguyên.

39.— *HOÀNG-VĂN* *Thiên-Hoàng* — (671-72) — : Con trai Thiên-Trí T.H. húy danh là O.TOMO — (Đại-Hữu) —. Ở ngôi được 8 tháng thời bị chết vì nội loạn năm Nhâm-Thân — (672, ZIN-SHIN NO RAN : Nhâm-Thân Chi Loạn) — do chú ruột là Đại-Hải Nhân Hoàng-Tử cầm đầu đánh lại.

40.— *THIÊN-VŨ* *Thiên-Hoàng* — (672-86) — : tức Đại-Hải Nhân Hoàng-Tử. Lên ngôi rồi lại sách lập con gái Hoàng-Huynh tức Thiên-Trí T. H. làm hoàng-hậu. Như vậy, chú ruột giết cháu trai để lại lấy cháu gái.

Suốt 14 năm tại vị, ông tận tình khoáng trương Phật-giáo và đặt ra lệ mỗi năm tế dâng cơm mới lên nữ Thượng-Đế Thiên-Chiêu Đại-Thần cùng chư vị tiên-liệt tại khắp các Thần-Cung trong nước. Tục này được duy trì mãi đến bây giờ.

Lại khởi tiếp dùng niên-hiệu và truyền đến ngày nay không hề bị gián đoạn như trước nữa.

41.— *TRÌ-THỐNG* nữ *Thiên-Hoàng* — (686-97) — : Goá-hậu của Thiên-Vũ T. H. và là con gái của Thiên-Trí T. H. Do phe quý-tộc Đàng-Nguyên lập lên. Đặt đích-tử là KUSAKABE —

(Thảo-Bích) — lên ngôi Thái-Tập nhưng bị con bà thứ-phi là OTSU — (Đại-Tân) — đứng ra dấy quân phản đối. Tuy-nhiên rồi cũng dẹp yên vì Đại-Tân Hoàng-tử bị tử trận.

Năm 694, thiên đô sang đất Đàng-Nguyên. Ở ngôi được 11 năm thời truyền cho cháu đích-tôn là con Thảo-Bích Hoàng-Thái Tử — (ông này đã mất từ mấy năm trước).

42.— *VĂN-VŨ Thiên-Hoàng* — (697-707) — Lên ngôi năm 14 tuổi, là con Hoàng-Thái-Tử Thảo-Bích và mẹ là em gái nữ-hoàng Tri-Thống. Như vậy, về giòng cha thời Văn-Vũ T. H. gọi Tri-Thống nữ-hoàng là bà nội và về giòng mẹ thời là cháu gọi bằng bà — (chị mẹ).

Sách lập con gái đầu lòng của Đàng-Nguyên Bất-Ti-Đặng làm chánh-cung, mở đầu cho mấy thế-kỷ về sau, chỉ con gái giòng quý-tộc này làm hoàng-hậu. — Ban hành Đại-Bảo Luật-Lệnh.

43.— *NGUYỄN-MINH nữ Thiên-Hoàng* — (707-15) — Mẹ Văn-Vũ và là em gái Tri-Thống T. H. do phe quý-tộc Đàng-Nguyên lập lên, tức mẹ nối ngôi con.

Bỏ chính-sách di-dò để định-dò ở Nại-Lương, mở đầu cho thời-đại Nại-Lương. Nhường ngôi cho con gái.

44.— *NGUYỄN-CHÍNH nữ Thiên-Hoàng* — (715-24) — Con gái Nguyễn-Minh nữ-hoàng. Ở ngôi 10 năm thời nhường ngôi cho cháu là con gái Văn-Vũ T. H.

45.— *THÁNH-VŨ Thiên-Hoàng* — (724-49) — : Con trai Văn-Vũ T. H. Lấy em mẹ tức con gái thứ hai của Đàng-Nguyên Bất-Ti-Đặng là Quang-Minh Hoàng-Hậu. Vì bà này danh đá nên Thánh-Vũ T. H. nhiều khi phải nhường cho ra ngượng phẩn việc triều-đình.

Xây cất Đông-Đại Tự, đúc tượng Đại-Phật. Dẹp yên được hai cuộc nội-loạn, một do cháu đích-tôn Thiên-Vũ T. H. cầm đầu — (729) — và một do Đàng-Nguyên Quảng-Tự gây nên — (740) — : Nhường ngôi cho con gái.

46.— *HIẾU-KHIÊM nữ Thiên-Hoàng* — (749-58) — : Con

gái Thánh-Vũ T. H. Tức vị năm 31 tuổi vẫn chưa định ngôi phò mã. Ở ngôi được 10 năm thời vì tranh chấp quyền hành giữa hai ngành trưởng và thứ trong giòng Đàng-Nguyên mà phải thoái vị.

47.— *THUẦN-NHÂN* Thiên-Hoàng — (758-64) — : Cháu đích-tôn Thiên-Vũ T. H. do ngành thứ giòng Đàng-Nguyên lập lên. Ở ngôi được 6 năm thời bị ngành trưởng giòng quý-tộc này truất đi và bị đưa đi đày, Đến năm sau thời bị giết ngay tại chỗ phát-lưu.

48.— *XUNG-ĐỨC* nữ Thiên-Hoàng — (764-70) — : Tức Hiếu-Khiêm nữ-hoàng đăng quang lần thứ hai nhờ sự thắng lợi của ngành trưởng trong giòng Đàng-Nguyên và sự hỗ trợ của nhà sư Đạo-Kính. Rồi bị Hoàng-gia và triều-đình buộc phải thoái vị vì đắm say nhà sư Đạo-Kính để ông ta làm lắm điều rơng rở tại triều, lộng hành nát cả quốc-sự.

49.— *QUANG-NHÂN* Thiên-Hoàng — (770-81) — : Cháu đích-tôn Thiên-Trí T. H. do ngành thứ giòng Đàng-Nguyên là Bách-Xuyên dựng lên ngôi năm 62 tuổi.

Định trao ngôi Thái-Tập cho con gái do một bà thứ-phí sinh ra, nhưng cả Hoàng-gia lẫn các giòng quý-tộc đều ngáo phụ-nữ làm triều nên cùng phản đối, buộc lòng ông phải chọn trưởng-nam để kế vị.

50.— *HOÀN-VŨ* Thiên-Hoàng — (781-806) — : Trưởng-nam của Quang-Nhân T. H.

Quyết-định bỏ Nại-Lương, thiên-dô về Kinh-Đô để tránh tăng, sãi khỏi dòm ngó, quấy chọc việc triều-đình. Hoàng-lậu và thứ-phí đều là con gái giòng Đàng-Nguyên. Khởi việc đặt hiệu-danh cho các đời vua từ khởi-tổ Thần-Vũ T. H. trở xuống.

51.— *BÌNH-THÀNH* Thiên-Hoàng — (806-09) — : Trưởng-nam của Hoàn-Vũ T. H. Ua giáo-lý nhà Phật, thích nhàn tản, tránh náo nhiệt. Ở ngôi được 3 năm thời nhường ngôi cho đệ-nhị Hoàng-đệ rồi đem vợ con từ Kinh-Đô về ở Nại-Lương.

Ở Nại-Lương đến năm sau, vì vợ là Đàng-Nguyên Dục-Tử

quá tha thiết với ngôi Hoàng-hậu nên mưu khởi loạn để lại đặt chồng lên ngôi. Bị thất bại, Dược-Tử phải uống thuốc độc chết và Bình-Thành T. H. thời róc tóc đi tu hẳn.

52. — *THA-NGA Thiên-Hoàng* — (809-23) — : Thứ-nam của Hoàn-Vũ T. H. Giỏi chính-trị, có tài văn thơ, chữ tốt có tiếng nên cùng với nhà sư Không-Hải và THACHIBANA HAYANARI — (Quất-Dật-Thế) — được tôn là bộ SAMPITSU — (Tam-Bút) — của thời-đại:

Tính khảng khái, không chịu sách lập con gái trong giòng Đàng-Nguyên làm chính-cung. Cương quyết lấy lại quyền hành ở trong tay giòng họ này nên tổ-chức nên một cơ-quan mới gọi là Tàng-Nhân Sở, không thuộc chi phối bên phủ Nhiếp-Chính mà tự nhà vua trông nom lấy để nghiên-cứu chính-trị cùng ban bố Sắc, Chiếu.

Dưới thời này, các ngành Hoàng-thân đã quá đông thời lại đua nhau xa xỉ nên phụ cấp không đủ chi tiêu, sinh túng bấn cả, buộc triều-đình phải trích thêm ruộng của quốc-gia ra phân cấp — (ruộng nương, nói chung mọi tài sản của Hoàng-thân đều được miễn hết mọi sắc thuế). — Cũng để đỡ gánh nặng cho tài-chính quốc-gia về phần trợ cấp cho các ngành Hoàng-thân đã đông đảo rồi lại còn sinh sôi đông hơn nữa, Tha-Nga T.H. đặt lệ cứ từ người con thứ bảy trở đi thời đặt họ cho và gặt xuống thứ dân để tự túc — (xin xem mục « *Lược Luận về Hoàng-gia* » ở Chương Một) —, chứ không được hưởng cấp dưỡng của Hoàng-gia. Người nào đã có họ riêng thời từ con cháu sắp đi, không được kể vào hàng quốc-thích nữa.

Tha-Nga T.H. ở ngôi 14 năm thời nhường cho đệ-tam Hoàng-đệ, con bà thứ-phi là dì ruột.

53. — *THUẦN HÒA Thiên-Hoàng* — (823-33) — : Con trai thứ ba của Hoàn-Vũ T.H. Vẫn theo chính sách của Hoàng-huynh, trích ruộng quốc-gia ra cấp thêm cho các ngành Hoàng-thân túng thiếu. Nhường ngôi lại cho cháu.

54. — *NHẤN-MINH Thiên-Hoàng* — (833-50) — : Con trai Tha-Nga T.H. Mẹ tuy khác giòng nhưng rồi lại sách lập hai con gái trong họ Đàng-Nguyên làm hoàng-hậu và thứ-phi.

Tiếp tục trích mãi ruộng tốt của quốc-gia ra phân cấp cho các ngành Hoàng-Thân khiến những chân ruộng thâu được thuế bị giảm đi nhiều, làm sụt hẳn phần thâu vào công-kho quốc-gia.

55.— *VĂN-ĐỨC Thiển-Hoàng* — (850-58) — : Trưởng-nam của Nhân-Minh T.H., do họ Đàng-Nguyên lập nên. Khi lên ngôi, tuy đã có chính-cung với 3 hoàng-tử rồi nhưng lại tuyển thêm con gái Đàng-Nguyên Lương-Phòng làm thứ-phi và tôn ông này lên làm Nhiếp-Chính, thay má vua giải-quyết chính-sự.

Đây là lần thứ nhất trong lịch-sử Hoàng-gia phải hạ Chiếu tuyển ngoại-tộc vào chức cao nhất này, từ trước vốn chỉ dành cho người Hoàng-tộc.

Bà thứ-phi, con gái Lương-Phòng, sinh hạ hoàng-nam. Khi chọn ngôi Thái-Tập, Văn-Đức T.H. định đặt trưởng-nam là con bà chính-cung nhưng bị Lương-Phòng nhân danh quốc-trượng và Nhiếp-Chính phản đối. Nhà vua vô quyền đành chịu lún, phải bỏ ý định cử trưởng-nam đi và từ đây trở về 200 năm sau, Hoàng-gia mất hết quyền hành về giòng quý-tộc Đàng-Nguyên.

56.— *THANH-HÒA Thiển-Hoàng* — (858-76) — : Đệ tứ hoàng-tử của Văn-Đức T.H. do bà thứ-phi là con gái Đàng-Nguyên Lương-Phòng sinh-ra. Lên ngôi năm 9 tuổi. Lương-Phòng nắm hết quyền bính, trong thời xếp đặt nội bộ Hoàng-gia, ngoài thời tự quyết hết việc triều-chính.

57.— *DƯƠNG-THÀNH Thiển-Hoàng* — (876-84) — : Con Thanh-Hòa T.H., lên ngôi năm 10 tuổi. Đến mấy năm sau thời sinh trắc táng và hiếu sát nên bị nhiếp-chính Đàng-Nguyên Cơ-Kinh tố cáo là bị loạn óc để đưa vào an-trí tại lãnh-cung từ năm 19 tuổi. Ông chịu sống âm thầm ở đấy đến năm 82 tuổi mới mất.

58.— *QUANG-HIỆU Thiển-Hoàng* — (884-87) — : Lên ngôi năm 52 tuổi. Con Nhân-Minh T. H., đứng vào hàng ông chú của Dương-Thành T. H., do Đàng-Nguyên Cơ-Kinh dựng lên ngôi, tuy nhiên Hoàng-hậu cùng thứ-phi đều không phải giòng quý-tộc này.

59.— *VŨ-ĐA Thiển-Hoàng* — (887-97) — : Con thứ 7 của Quang-Hiệu T. H., đã bị gạt xuống hàng thứ dân rồi lại do Cơ-Kinh lập lên.

Ông là người có khí phách, vẫn nuôi ý lấy lại quyền hành về cho Hoàng-gia nên sau khi Đàng-Nguyễn Cơ-Kinh mất rồi — (891) — ông không hạ Chiêu tuyền-dựơc chức Nhiếp-Chính nữa.

60.— *THẾ-HỒ Thiên-Hoàng* — (897-930) — : Con Vũ-Đa T. H. lên ngôi năm 13 tuổi. — (xin xem lại mục « *những quan niệm sai lầm* » ở Chương trên).

61.— *CHU-TƯ-ỚC Thiên-Hoàng* — (930-46) — : Con trai thứ hai của Thế-Hồ T. H. do Đàng-Nguyễn Trung-Binh đưa lên kế vị phụ-hoàng năm lên 7 tuổi.

Bao nhiêu đòi thuế nặng, sưu cao, phu dịch luôn mãi, dân phải bỏ lòng đi tha phương, phần chết đói ngang đường, phần quy tụ thành giặc cướp, quấy phá lung tung. Kinh-Đô là nơi ngự-khuyết cũng không mấy đêm thoát được cướp bóc.

Ở ngôi đến năm 24 tuổi thời nhường cho hoàng-đệ là.

62.— *THÔN-THƯỢNG Thiên-Hoàng* — (946-67) — : Ông vua có khí phách tự lập, phế bỏ cả chức Nhiếp-Chính lẫn Quan-Bạch của giòng Đàng-Nguyễn.

63.— *LINH-TUYỀN Thiên-Hoàng* — (967-69) — ; Trưởng-nam của Thôn-Thượng T. H. Vừa làm lễ đăng quang xong thời đệ-nhi hoàng-đệ dấy quân làm loạn toan thoán đoạt ngôi vua nhưng dẹp yên được và hoàng-đệ bị phát lưu. Lại phong chức Nhiếp-Chính Quan-Bạch cho Đàng-Nguyễn Thực-Lại. Ở ngôi được 3 năm thời lâm trọng bệnh nên nhường cho đệ-tam hoàng-đệ. Thọ 27 tuổi.

64.— *VIÊN-DUNG Thiên-Hoàng* — (969-84) — : Con trai thứ ba Thôn-Thượng T. H.

Dân gian càng kiệt quệ. Giặc cướp nổi lên như ong, khắp các địa-phương trong nước không đâu là không có.

65.— *HOA-SO'N Thiên-Hoàng* — (984-86) — : Đệ-tứ hoàng-nam của Thôn-Thượng T. H. Ở ngôi được 2 năm thời hoàng-hậu băng bà nên chán nản mà thoái vị, nhường lại cho cháu.

66.— *NHẤT-ĐIỀU Thiên-Hoàng* — (986-1011) — : Con

Viên-Dung T. H., lên ngôi năm 7 tuổi. Sách lập trưởng-nữ của Đàng-Nguyên Đạo-Trường làm chính-cung.

67.— *TAM-ĐIỀU Thiên-Hoàng* — (1.011-016) — ; Con Linh-Tuyền T. H. do Đàng-Nguyên Đạo-Trường lập lên. Sách lập thứ-nữ của Đàng-Nguyên Đạo-Trường làm hoàng-hậu. Ở ngôi được 5 năm thời bị mục tật nên thoái vị, đến năm sau sinh yếu mệt hơn và băng hà — (1.017).

68.— *HẬU NHẤT-ĐIỀU Thiên-Hoàng* — (1.016-036) — ; Con Nhất-Điều T.H., do Đàng-Nguyên Đạo-Trường đặt lên ngôi năm 9 tuổi. Lấy con gái thứ ba của Đạo-Trường.

69.— *HẬU CHU-TƯỚC Thiên-Hoàng* — (1.036-45) — ; Thứ-nam của Nhất-Điều T.H. do Đàng-Nguyên Đạo-Trường lập lên. Sách lập con gái thứ tư của Đạo-Trường làm hoàng-hậu. Như vậy, bốn vị Nhất-Điều, Tam-Điều, Hậu Nhất-Điều và Hậu Chu-Tước T.H. đều là cháu gọi Đạo-Trường bằng ông, vừa là con rể.

70.— *HẬU LINH-TUYỀN Thiên-Hoàng* — (1.045-068) — ; Trưởng-nam của Hậu Chu-Tước T.H. Sách lập thứ-nữ của Đàng-Nguyên Lại-Thông làm chính-cung.

71.— *HẬU TAM-ĐIỀU Thiên-Hoàng* — (1.068-072) — ; Thứ-nam của Hậu Chu-Tước T.H. Không lên chính-cung trong giòng Đàng-Nguyên.

Chủ trương tước quyền hành của giòng Đàng-Nguyên nên lập ra cơ-quan Ký-Lục-Sở đảm nhiệm chính-trị và hành-chính toàn quốc do ông tự điều khiển lấy. — Cải-cách và xóa bỏ nhiều thể lệ quan trọng do họ Đàng-Nguyên đặt ra.

Các giòng Vũ-gia địa-phương trở nên mạnh, gây chiến-tranh nội bộ không dứt. Triều-đình và quý-tộc trở nên bất lực trước những cuộc chiến-tranh này.

72.— *BẠCH-HÀ Thiên-Hoàng* — (1.072-086) — ; Con trai Hậu Tam-Điều T.H. lên ngôi năm 20 tuổi.

Thời này lại khổ về nạn Tãng-binh, tức là các sư vũ-trang, chùa này đánh chùa kia. Nhiều lần Tãng-binh phạm cả đến Kinh-Đô, uy hiếp các đại-thần.

Năm 33 tuổi, nhường ngôi cho Hoàng-nam để vừa đi tu vừa ở ngôi Pháp-Hoàng kiểm-soát triều-dinh và quốc-chính. Triệt-để tôn sùng và thực hành những giáo-điều của nhà Phật : riêng ăn chay suốt đời, cấm không cho săn bắn và chài cá, bắt dân gian phải bẻ cung, xé lưới. Dành phần lớn công khổ vào việc xây cất, tu bổ chùa chiền. Lâu dần thiếu tiền, ông đặt lệ nộp tiền để được thụ chức Đốc-Trấn cai-trị các Xứ. Lệ nộp có nhiều thứ bực :

— cai-trị 4 hay 6 năm,

— cai-trị suốt đời,

— cai-trị được quyền truyền chức cho con.

Di nhiên, càng dài thời-gian cai-trị thời số tiền nộp càng cao hơn.

Khởi dựng nên chế-độ Thượng-Hoàng và Pháp-Hoàng với cơ-quan Viện-Chính. Ở ngôi đến năm 1.086 thời nhường cho Hoàng-Tử để lên Thượng-Hoàng. Đến năm 1.096 lại lên Pháp-Hoàng, tổng quản triều-chính cho đến 1.129 thời băng hà. Thọ 76 tuổi, tính ra vừa ở ngôi Thiên-Hoàng, Thượng-Hoàng và Pháp-Hoàng được 56 năm.

73.— *QUẬT-HÀ Thiên-Hoàng* — (1.086-107) — : Con trai Bạch-Hà T. H. nối ngôi phụ-hoàng năm lên 9 tuổi. Băng hà năm 30 tuổi — (1.107) —, ở ngôi 21 năm.

74.— *ĐIỀU-VŨ Thiên-Hoàng* — (1.107-123) — : Con trai Quật-Hà T. H. Kế vị phụ-hoàng năm lên 5 tuổi, được sự che chở và giáo-huấn của tổ-phụ là Bạch-Hà Pháp-Hoàng Ở ngôi 16 năm, đến 21 tuổi thời nhường cho hoàng-nam — (1.123) —. Đến năm 1.129 Lên ngôi Thượng-Hoàng rồi Pháp-Hoàng từ 1.141 đến 1.156.

Trong 49 năm điều khiển chính-quyền, Điều-Vũ Pháp-Hoàng gây nhiều thiệt thòi cho công-quy. Ruộng đất quốc-gia ở các địa-phương cứ rút ra cấp bữa bãi cho Hoàng-thân, quý-tộc, quan lại thành những trang-viên miễn thuế đến nỗi có Xứ bị cấp gần hết đất, khiến chức Đốc-Trấn không còn nổi lấy một phần mười diện-tích để cai-trị. Mà số đất còn lại, thuần là những phần ruộng xấu do dân nghèo bỏ làng để lại thành hoang phế, nên có chức Đốc-Trấn không thu nổi một đồng thuế điền nào bằng mấy năm trời liền.

75. — *SÙNG-ĐỨC Thiên-Hoàng* — (1.123-141) — : Con *Điếu-Vũ Thiên-Hoàng*, tức vị năm lên 5 tuổi. Ở ngôi được 18 năm thời *Điếu-Vũ Pháp-Hoàng* bắt phải thoái vị, nhường ngôi cho người em khác mẹ.

76. — *CẬN-VỆ Thiên-Hoàng* — (1.141-155) — : Lên ngôi mới có 2 tuổi. Con *Điếu-Vũ Pháp-Hoàng* do một ái-phi sinh ra trong năm 1.139. Năm 11 tuổi, do sự sắp đặt của *Pháp-Hoàng* lấy dươg-nữ của *Đằng-Nguyên Lại-Trường* rồi lại lấy dươg-nữ của *Đằng-Nguyên Trung-Thông* là anh ruột của *Lại-Trường Mất* năm 16 tuổi.

Trong thời này, vì đắm say bà ái-phi, *Điếu-Vũ Pháp-Hoàng* làm những điều trái lẽ thường, như bắt anh dươg đầy kinh-nghiệm trị quốc phải nhường ngôi cho em mới 2 tuổi, rồi lại tưởng gây cho *Ấu-hoàng* được nhiều vây cánh mà lấy hai con gái của hai anh em *Trung-Thông* và *Lại-Trường* cho con nên gây thành cuộc nội-loạn *Bảo-Nguyên* — (*HÖGEN NO RAN*) — trong năm 1.156 khiến *Hoàng-gia* bị nhiều người phải thiệt mạng oan uổng — (Cuốn II sẽ trình bày cuộc nội-loạn này).

77. — *HẬU BẠCH-HÀ Thiên-Hoàng* — (1.155-158) — : Con thứ tư của *Điếu-Vũ Pháp-Hoàng*. Đến năm 1.158 nhường ngôi cho hoàng-nam để lên *Thượng-Hoàng* rồi *Pháp-Hoàng* từ 1169 đến 1.179.

Đời ông này thực đến lao đao vì cái nạn *Vũ-gia* tranh hùng, nội loạn xâu xé.

78. — *NHỊ-ĐIỀU Thiên-Hoàng* — (1.158-165) — : Con *Hậu Bạch-Hà T. H.* Lên ngôi năm 14 tuổi. Bấy giờ năm 21 tuổi.

79. — *LỤC-ĐIỀU Thiên-Hoàng* — (1.165-168) — : Thứ-nam của *Nhị-Điêu T. H.* Kế vị phụ-hoàng năm mới có 2 tuổi. Ở ngôi được 3 năm, bị tổ-phụ là *Bạch-Hà Thượng-Hoàng* truất bỏ để chú ruột lên thay.

80. — *CAO-XƯƠNG Thiên-Hoàng* — (1.168-180) — : Con *Bạch-Hà Thượng-Hoàng*, lên ngôi mới 8 tuổi. Lấy con gái dòng *Vũ-gia* mạnh nhất thời ấy là *TAIRA KIYÔMORI* — (*Bình-Thanh-Thịnh*) — Bị quốc-trượng truất phế vào năm 1.180.

81.— *AN-ĐỨC Thiên-Hoàng* — (1.180-185) — : Con Cao-Xương T.H. Do ngoại-tổ là Bình-Thanh-Thịnh đặt lên ngôi mới có 2 tuổi.

Đương thời nội-loạn Vũ-gia, An-Đức T.H. bị quyền-thần Bình-Thanh-Thịnh lôi chạy chỗ này chỗ khác như mèo tha chuột. Bị chết đuối ở ngoài bể năm lên 7 tuổi, khi giòng Bình-thị bị bại trận (1.185).

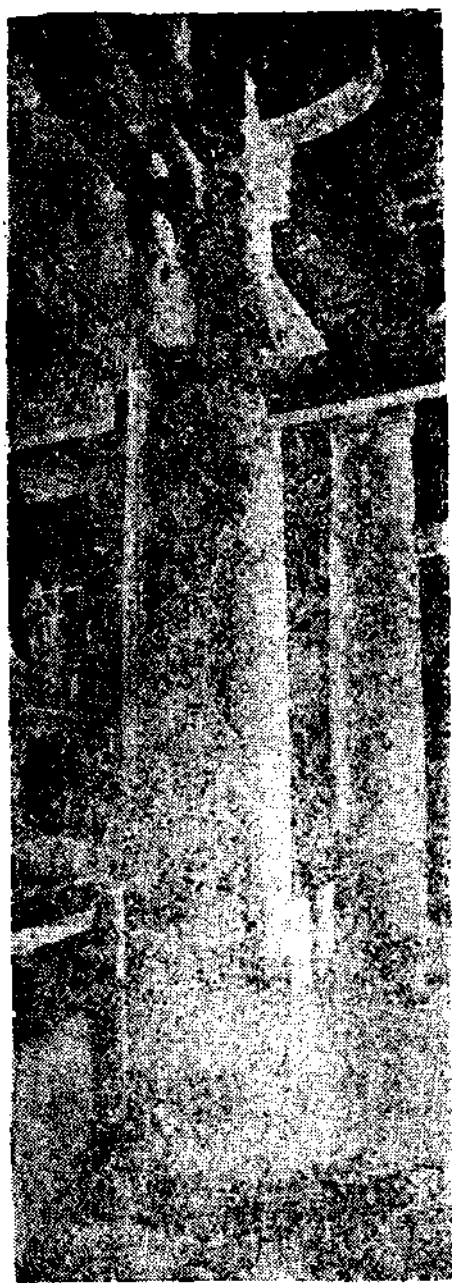
82.— *HẬU ĐIẾU-VŨ Thiên-Hoàng* — (1.185-197) — : Con thứ tư của Cao-Xương T.H. do Hậu Bạch-Hà Pháp-Hoàng đặt lên ngôi mới có 3 tuổi.

Đời ông này được kể như chấm dứt THỜI-ĐẠI QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN để chuyển sang : VŨ-SỸ THỜI-ĐẠI.

HẾT QUYỂN MỘT



Hiếu-Thất Vương Bi
(Rút trong N. B. S. S. L. Tập)



Khuong Chính-Điện và kiêu cột chùa Pháp-Long.
(Ảnh rút trong bộ Nhật-Bản Chí Tích)

TOÁT-YẾU

PHẦN PHỤ-ĐỀ

	Trang
Lời nhà Xuất-bản	9
Mấy lời tự sự	11
Phạm-Lệ	17
Mục-Lục đại-cương	25
Lược-đồ các Địa-Phương hiện tại.	27
Lược-đồ về Đạo-Chế và Huyện-chố hiện tại	29

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG MỘT

Lược-kiểm về Địa-trí và nhân-văn hiện tại

Địa-trí	31
Thời-tiết	35
Nhân-số	35

	Trang
Ngôn-ngữ	36
Phong-tục	37
Những ngày Lễ chính-thức	38
Tình tình người Nhật-Bản.	40
Tôn-giáo	46
Lược luận về Hoàng-gia và ngôi Thiên-Hoàng	48

PHẦN CHÍNH DUNG

CHƯƠNG HAI

Nhật-Bản về thời Thượng-Cổ

I.— Nguồn gốc người Nhật-Bản	53
II.— Sinh-hoạt của người Nhật-Bản trong thời-đại Thạch-Khi.	56
III.— Tập hợp thành xóm mạc	58
IV.— Thạch-khí và Thổ-khí	60
V.— Đặc-thại của đồ đất nung trong thời-đại Thạch-khí. .	61
VI.— Tổng-luận về hoạt-động sinh-nhai của người Nhật- Bản trong thời-đại Thạch-khí	63
VII.— Quần áo	65
VIII.— Lòng tin vào Thần-Quyền. và Ngoại-Pháp	67
IX.— Ghét uế khí, sợ tà ma	68
X.— Lòng sùng bái cảnh-vật thiên-nhiên	70

CHƯƠNG BA

Thời-kỳ kiến tạo Quốc-Gia

I.— Nền văn-hóa tiến chậm chạp khi mới phôi thai . .	71
— Kỹ-thuật canh-tác	72
II.— Bước tiến quan trọng về kỹ-thuật tạo đồ đất nung .	74

	Trang
III.—Thời-kỳ biết chế tạo đồ dùng bằng kim khí . . .	75
IV.—Nguyên-nhân sự phân biệt thành đẳng cấp trong xã-hội	76
— Hệ-thống xã-hội mới : người cai-trị và kẻ bị trị .	77
— Đẳng cấp trên lĩnh-vực kinh-tế	79
— Tập họp thành chợ	80
V.—Chiến-đấu để mở rộng đất đai canh-tác	81
VI.—Cơ sở mới của những « Quốc-Gia » riêng biệt . . .	83
VII.—YAMATO : bộ-lạc quốc-gia trung-tâm	85
VIII.—Nữ-vương TI-DI-HÔ với nước DA-MÃ-ĐÀI	86
— Nước Da-Mã-Đài	88
— Sự bành trướng thế-lực của nước Đại-Hòa . .	90
IX.—Xây đắp lăng tẩm	91
— Những tượng đất nung để bài trí cho lăng tẩm . .	92
X.—Văn-hóa trong « CỎ-PHẦN Thời-Đại »	95
— Truyện kể về NHÂN-ĐỨC Thiên-Hoàng	96
XI.—Tấn công Đại-Hàn	98
XII.—Thần-thoại về khởi-nguyên nước Nhật-Bản . . .	100
— Bản đồ Đại-Bát-Đảo theo thần-thuyết	102

CHƯƠNG BỐN

Thời-đại quyền Chính-Trị và Hành-Chính tối cao thuộc về Thiên-Hoàng

I.—Lược truyện các Hào-Tộc phả tá	109
II.—THÁNH-ĐỨC THÁI-TỬ	111
III.—Phật-giáo truyền vào nước Nhật	112
IV.—Định lại quan-vị	115
V.—Bản HIẾN-PHÁP gồm 17 ĐIỀU	117
VI.—Giao-thiệp với Trung-Quốc	122
VII.—Xây cất PHÁP-LONG TỰ	124

	Trang
VIII.— Phi-Điều Văn-Hóa	128
IX.— Công cuộc cải-tổ chính-trị của thời ĐẠI-HÓA . .	131
— Nguyên-nhân phát khởi nên thời ĐẠI-HÓA . .	131
— “ Đại-Hóa Chỉ Cải-Tân ”	134
X.— Biện-pháp cải-cách quan trọng nhất của thời ĐẠI-HÓA :	136
— BAN-ĐIỀN THU THU PHÁP	136
— Kiểm-tra dân số — Lập sổ Hộ-Tịch	138
— Ba nguyên-tắc đề thầu thuế : TÔ, DUNG, ĐIỀU .	139
— Binh - dịch	142
XI.— Tình trạng người dân dưới thời ĐẠI-HÓA CẢI-TÂN .	142
XII.— ĐẠI-BẢO LUẬT-LĨNH	145
— Biều-đồ quan-chế thời Đại-Hóa Cải-Tân	149
— Cách trừng phạt theo Luật ĐẠI-BẢO	153
XIII.— Những tiếng khóc than muôn thừa từ thời ĐẠI- HÓA CẢI-TÂN vọng lại	155
XIV.— Cuộc nội-loạn Nhâm-Thân	160

CHƯƠNG NĂM

Thời-đại NẠI-LƯƠNG

I.— Thời-đại bỏ lối di-đô để chuyển sang định-đô . .	167
— Lược-đồ các địa-diểm di-đô đến hai thời định-đô .	171
II.— Những tiến triển dưới thời NẠI-LƯƠNG	173
a) — Phần tạo tác :	
— Công cuộc xây dựng Quốc-Phận Tự và Đông- Đại Tự	173
— Thiết lập Chính-Xương Viện	177
b) — Phần trước tác : Những bộ sách cổ nhất của Nhật-Bản	
	179

— CỒ-SỰ KỶ	
— NHẬT-BẢN THU-KỶ	
— VẠN-DIỆP TẬP.	
— PHONG-THỒ KỶ	
— VẠN-ĐÌNH.	
— Cách phân chia đất đai dưới thời NẠI-LƯƠNG.	183
— Lược đồ 7 Đạo, 58 Xứ.	187
III.— Việc ngoại-giao.	190
IV.— Mở rộng đất đai.	192
V.— Tình trạng xã-hội dưới thời NẠI-LƯƠNG.	195
— Lớp trung-lưu thành-thị.	196
— Thị-trường mua bán bằng tiền tệ.	196
— Mở mang đường xá giao-thông.	197
VI.— Kết-luận về Thời-Đại NẠI-LƯƠNG.	199

CHƯƠNG SÁU

BÌNH-AN Thời-Đại hay là QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN Thời-Đại.

I.— Nguyên - nhân việc thiên - đổ từ Nại - Lương về KINH-ĐÔ.	203
— Công cuộc xây cất BÌNH-AN THÀNH.	203
II.— Công cuộc chấn chỉnh chính-trị của Hoàn-Vũ Thiên-Hoàng.	211
III.— Công cuộc Bình - trị miền Bắc của Thời - Đại BÌNH-AN.	213
IV.— Các tông-phái Phật-giáo dưới thời BÌNH-AN.	215
V.— Thế-lực của Quý-Tộc dưới thời BÌNH-AN.	220
— Quý-Tộc chiếm độc-quyền về học-vấn.	223
— Ưu-Thế và sức mạnh của giòng họ Đặng-Nguyên.	224
— Thời-kỳ công-thần.	226

	Trang
— Thời-kỳ quyền-thần	227
— Thời-kỳ lộng-thần	231
— Thời-kỳ đại-thần	242
VI.— Mâu sắc văn-hóa dưới thời QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN	243
— Văn vật-thoại và chữ Giả-Danh	244
— Nghệ-thuật hội-họa riêng của người Nhật	252
— Xu hướng thờ Phật của dân gian và giới Quý-Tộc	251
— Những quan-niệm sai lầm và lòng mê tín	257
— Tổng-luận về văn-hóa dưới thời QUÝ-TỘC CHUYÊN-QUYỀN : :	262
VII.— Tình-trạng nhân-dân ở các địa-phương	264
Bảng kê các ngôi Thiên-Hoàng từ Thượng-Cồ Hữu Sử Thời-Đại đến mạt-kỳ Thời-Đại Quý-Tộc Chuyên-Quyền	267

CHƯƠNG BẢY

Tiểu-sử các vị Thiên-Hoàng từ khởi lập quốc đến	273
-----------------------------------------------------------	-----

NHẬT-BẢN SỬ-LƯỢC

QUYỂN I

BẢNG ĐÍNH-CHÁNH

Trang	Đoạn thứ	Giòng thứ	CHỮ THỨ		XIN ĐỌC LÀ
13	3	12	4	có	có
14	5	3	4	là	mà
16	1	2	2	MOTOICHT	MOTOICHI
19	6	4	7	MAM	MAN
61	cuối	6	1	nhưng	những
63	2	2	1	dưới	bên
66	1	5	cuối	sống	ống
70	2	2	11	sống	sông
72	1	2	1	củ	cứ
76	cuối	2	1	đảng	đảng
90	2	7	8	nhưng	những
98	cuối	cuối	13	Bách-Tế	Bách-Tế — (Trở
					xuống những trang dưới,
					mọi chữ « Bách-Tế » xin
					cùng đọc là Bách-Tế.
112	1	6	11	thất	nhất
117	3	5	4	phần	phân
118	3	1	3	dốc	dốc
127	3	cuối	cuối	hai	hai
128	2	3	2	cách	cách
152	2	7	8	DIỆT	DIỆP
156	2	2	1	chiết	chiếc
176	1	5	11	Thắng	Thắng
189	2	3	5	DIỆT	DIỆP
211	3	3	11	miễn	miếu
220	2	4	14	đại	đại
249	3	10	cuối	SYE	Y.SE

BẢNG ĐÍNH CHÁNH THÊM

Trang 25, đoạn thứ nhất, giòng thứ 3, từ chữ thứ 4 : ... « *Nhà Tây Chu bên Trung-Quốc*, xin đọc là : « *qua nhà Tây Chu bên Trung-Quốc* ».

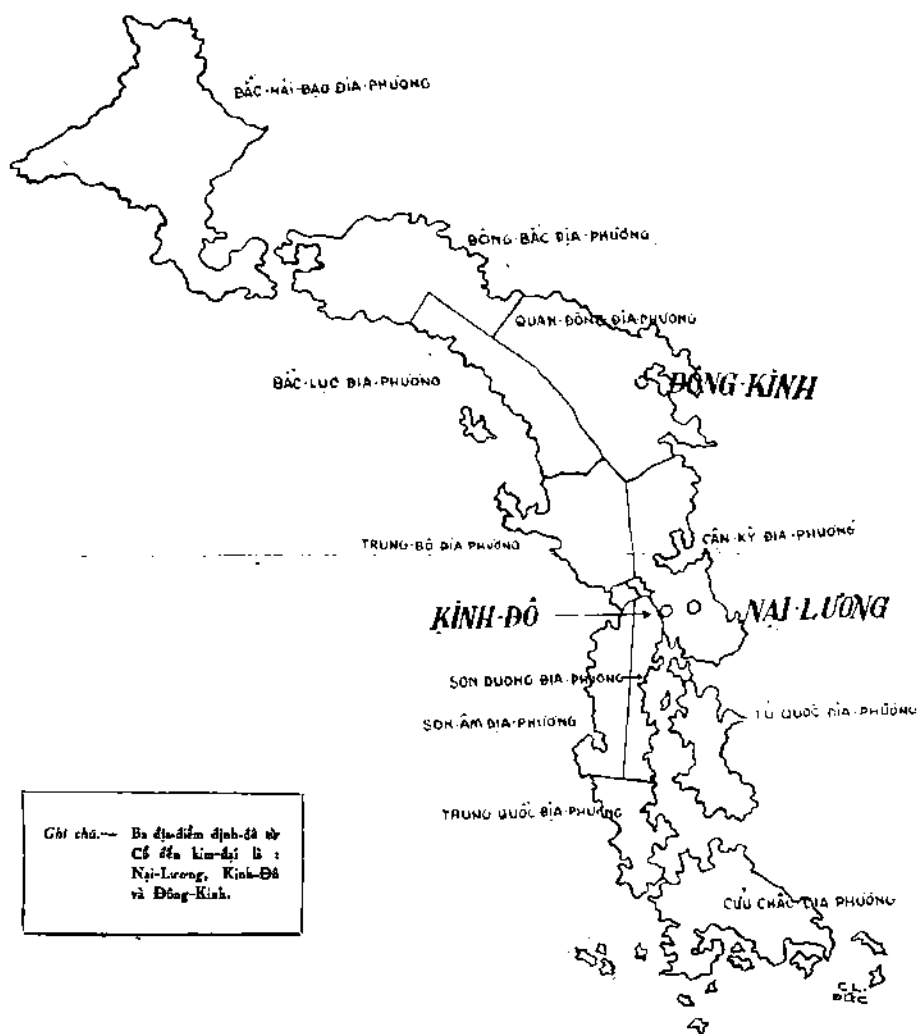
Trang 291, đoạn thứ hai, giòng nhất, từ chữ thứ 11 : ... « *bị quyền thần Bình-Thanh-Thịnh* », xin đọc là : « *bị người cháu nhà quyền thần Bình-Thanh-Thịnh* ».

NHẬT - BẢN SỬ LƯỢC

của Châm-Vũ
NGUYỄN-VĂN-TÀN

Cơ sở Báo chí và Xuất bản
Tự Do In lần thứ nhất. Sách
này đã kiểm duyệt tại Bộ Thông
Tin Chánh Phủ Việt-Nam Cộng-
Hòa, ghi số 802/XB do Hội
Đồng Kiểm Duyệt cấp ngày
9-5-1960 tại Sài Gòn.

LƯỢC ĐỒ VỀ ĐẠO-CHẾ VÀ HUYỆN-CHẾ HIỆN TẠI



LƯỢC ĐỒ CÁC ĐỊA-PHƯƠNG HIỆN TẠI
ĐỊNH-ĐỒ TỪ CỎ ĐẾN KIM-ĐẠI

